

LÂM HÁN ĐẠT
TẠO DỰ CHƯƠNG

LỊCH SỬ
TRUNG QUỐC
5000 NĂM

TẬP 3



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

isach.info

Mục lục

Nhan Chân Khanh Kiên Cường Bất Khuất

Hôn Châm Và Lý Thạnh

Người Đánh Cờ Giỏi Trong Đông Cung

Lưu Vũ Tích Thăm Huyền Đô Quán

Bạch Cư Dị Tới Trường An

Lý Sóc Hạ Thái Châu Trong Đêm Tuyết Xuống

Hàn Dũ Phản Đối Việc Rước Xương Phật

Sự Kiện Cam Lộ

Vụ Tranh Chấp Bè Phái

Xung Thiên Đại Tướng Quân Hoàng Sào

Ngày Tàn Của Triều Đường

"Hải Long Vương" Tiền Lưu

Con Hát Làm Quan

"Hoàng Đế Con" Thạch Kính Đường

Chu Thế Tông Gạt Bò Phùng Đạo

Người Được Khoác Hoàng Bào

Chén Rượu Tước Binh Quyền

Lý Hậu Chủ Mất Nước

Triệu Phổ Nhận Lễ Vật

Dương Vô Địch

Vương Tiếu Ba Khởi Nghĩa

Khẩu Chuẩn Chống Liêu

Nguyên Hạo Xây Dựng Tây Hạ

Địch Thanh Không Sợ Xuất Thân Hèn Kém

Phạm Trọng Yên Cải Cách Chính Trị

Âu Dương Tu Cải Cách Văn Phong

Bao Chứng Mặt Sắt Vô Tư

Vương An Thạch Biến Pháp

Thẩm Quát Nghiên Cứu Khoa Học

Tư Mã Quang Viết "Thông Giám"
Tô Đông Pha Chơi Xích Bích
Mạng Lưới Vận Chuyển Đá, Hoa
Phương Lạp Khởi Nghĩa
A Cốt Đả Trong Bữa Tiệc Cá Đầu Năm
Lý Cương Giữ Đông Kinh
Hoạt Động Thịnh Nguyên Của Thái Học Sinh
Hai Hoàng Đế Làm Tù Binh
Tông Trạch Ba Lần Hồ "Vượt Sông"
Nữ Từ Nhân Lý Thanh Chiêu
Hàn Thế Trung Đánh Chặn Quân Kim
Nhạc Gia Quân Đại Phá Ngột Truật
Tên Giặc Bán Nước Tần Cối
Nhạc Phi Bị Vu Cáo, Hãm Hại
Chung Tương, Dương Yêu Khởi Nghĩa
Thư Sinh Ngu Doãn Văn Đánh Lui Địch
Tân Khí Tật Bắt Sống Kẻ Phản Bội
Bài Thơ Lúc Lâm Chung Của Lục Du
Thành Cát Tư Hãn Thống Nhất Mông Cổ
Già Tự Đạo Làm Hại Nước
Văn Thiên Tường Khởi Binh

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Nhan Chân Khanh Kiên Cường Bất Khuất

Qua biến loạn An - Sử, triều Đường từ chỗ cường thịnh trượt dài xuống suy yếu. Tiết độ sứ các nơi thừa cơ chuyên quyền, mở rộng binh lực tạo nên tình hình phiên trấn cát cứ, ảnh hưởng của triều đình bị thu hẹp. Sau khi Đường Đại Tông chết, con là Lý Quát lên ngôi, đó là Đường Đức Tông. Đường Đức Tông muốn thay đổi chế độ phiên trấn, kết quả dẫn tới việc nổi loạn của các phiên trấn. Đường Đức Tông phái binh thảo phạt, không những không dẹp được, mà còn làm cho phản loạn lan rộng thêm. Năm 782, 5 phiên trấn cuối cùng nổi loạn, trong đó lực lượng của tiết độ sứ Hoài Tây là Lý Hy Liệt hùng mạnh nhất, hãnh tự xưng là thiên hạ đô nguyên soái, đem binh tấn công triều Đường. 5 trấn cuối cùng nổi loạn, khiến triều đình rung động, Đường Đức Tông tìm tể tướng Lư Kỷ tới bàn. Lư Kỷ nói: "Không sao! Chỉ cần cử một người có đạo đức cao, uy tín lớn đến khuyên bảo họ thì không cần dùng tới đao thương, cũng có thể dẹp yên phản loạn".

Đức Tông hỏi: "Khanh xem có thể cử ai đi?".

Lư Kỷ tiến cử Nhan Chân Khanh, 1 lão thần đang làm thái sư cho thái tử. Đức Tông đồng ý ngay. Nhan Chân Khanh là 1 lão thần rất có danh vọng lúc đó. Trước loạn An - Sử, ông làm thái thú Bình Nguyên. Sau khi An Lộc Sơn nổi loạn, đại đa số các quận Hà Bắc đều bị quân phản loạn chiếm, chỉ có thành Bình Nguyên được Nhan Chân Khanh kiên quyết chỉ huy chống giữ, nên không lọt vào tay giặc. Sau đó, người anh em họ của ông là Nhan Quả Khanh khởi binh ở Cao Thành, được 17 quận ở Hà Bắc hưởng ứng. Mọi người tiến cử Nhan Chân Khanh làm minh chủ. Ông đã

lập công lớn trong việc dẹp loạn An - Sử. Thời Đường Đại Tông, ông được phong là Lỗ Quận Công. Vì vậy, mọi người gọi ông là Nhan Lỗ Cung. Nhan Chân Khanh còn là nhà thư pháp nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Chữ viết của ông khỏe khoắn, mạnh mẽ, biểu hiện tính cách kiên cường của ông. Người đời gọi lối chữ của ông là "Nhan thể". Nhan Chân Khanh có nhân cách chính trực, thường bị bọn gian nịnh vu cáo, phỉ báng nhưng vì có uy tín cao, nên những kẻ đó vẫn phải tỏ ra tôn kính ngoài mặt. Tể tướng Lư kỷ là kẻ gian ngoan hiểm độc. Hắn vốn căm ghét Nhan Chân Khanh nhưng chưa tìm được cách hạ thủ. Lần này nhân có cuộc phản loạn của phiên trấn, hắn tiến cử Nhan Chân Khanh đi thuyết phục, chính là để hãm hại ông.

Lúc đó, Nhan Chân Khanh đã là 1 cụ già ngoài 70 tuổi. Rất nhiều quan văn võ trong triều thấy triều đình cử ông đi tới chỗ quân phiến loạn, đều lo lắng cho sự an toàn của ông. Nhưng Nhan Chân Khanh vẫn điềm nhiên, mang theo mấy người tùy tùng đến Hoài Tây. Lý Hy Liệt thấy Nhan Chân Khanh tới, muốn cho ông 1 đòn phủ đầu. Khi gặp mặt, hắn cho gọi các bộ tướng và con nuôi, tất cả tới hơn 1000 người tới tiền sảnh. Nhan Chân Khanh vừa cất lời khuyên Lý Hy Liệt đình chỉ phản loạn thì bọn bộ tướng và con nuôi xông tới, tên nào cũng cầm dao sáng loáng, vừa chửi rủa, vừa uy hiếp, làm ra vẻ muốn giết ông ngay. Nhan Chân Khanh không hề sợ hãi, mặt không biến sắc, chỉ cười nhạt nhìn chúng. Lý Hy Liệt vờ vịt xông tới che cho Nhan Chân Khanh, đuổi các bộ tướng và con nuôi ra, sau đó hắn đưa Nhan Chân Khanh tới dịch quán, hòng bắt ông khuất phục dần dần.

Mấy ngày sau, 4 tên cầm đầu các phiên trấn nổi loạn khác cùng lúc cử người tới, liên lạc với Lý Hy Liệt, khuyên Lý Hy Liệt lên ngôi hoàng đế. Lý Hy Liệt mở tiệc lớn chiêu đãi chúng, mời Nhan Chân Khanh tham gia. Các sứ giả thấy Nhan Chân Khanh tới, liền chúc mừng Lý Hy Liệt: "Từ lâu đã nghe danh Nhan thái sư đức cao trọng vọng. Nay nhân dịp nguyên soái sắp lên ngôi hoàng đế, Nhan thái sư đến đây, chẳng phải là có ngay một tể tướng hay sao?".

Nhan Chân Khanh trợn mắt, mắng 4 tên sứ giả: "Tể tướng cái gì! Ta năm nay đã sắp tám mươi tuổi, không sợ gì các người chặt đầu mổ bụng; lẽ nào lại để các người dụ dỗ, uy hiếp!".

Bốn tên sứ giả tiu nghỉu, không nói năng gì được nữa. Lý Hy Liệt không có biện pháp gì, đành đem giam ông lại, cử 1 số lính ở bên ngoài giám sát. Bọn lính đào 1 hố có kích thước 1 trượng (=3,33m) ở ngoài sân, và nói là sẽ chôn sống ông ở đó. Hôm sau, Lý Hy Liệt đến thăm ông. Ông nói: "Việc sống chết của ta đã định rồi. Còn giữ những trò dọa dẫm ra làm gì? Người cứ chém ta một đao, có phải là thỏa thích hơn không!".

Một năm sau, Lý Hy Liệt tự xưng là Sở Đế, lại sai bộ tướng đến buộc Nhan Chân Khanh đầu hàng. Bọn chúng đốt 1 đồng củi lớn, tưới dấm dầu, dọa Nhan Chân Khanh: "Nếu không đầu hàng, sẽ ném vào đồng lửa này!".

Nhan Chân Khanh không nói 1 lời, xông lên, nhảy thẳng vào đám lửa. Bọn tướng phản loạn vội vã ngăn ông lại, rồi báo cáo với Lý Hy Liệt. Mặc dù đã sử dụng mọi biện pháp, nhưng Lý Hy Liệt không sao buộc được Nhan Chân Khanh khuất phục. Cuối cùng, chúng đã buộc ông tự sát.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Hồn Châm Và Lý Thạnh

Sau khi Lý Hy Liệt phát động cuộc phản loạn, liền xử quân vây đánh Tương Thành (nay là Tương Thành, Hà Nam) Tương Thành lâm vào tình thế nguy cấp, Lạc Dương cũng bị đe dọa. Năm 783, Đường Đức Tông điều binh mã từ Kinh Nguyên (trị sở nay ở phía bắc huyện Kinh Xuyên, Cam Túc) về tăng viện cho Tương Thành. Tiết độ sứ Kinh Nguyên là Diêu Lệnh Nguyên nhận được lệnh, liền đem 5000 người ngựa về Trường An. Quân lính ở Kinh Nguyên nghe nói triều đình hạ lệnh điều động, tưởng rằng nhất định sẽ có khao thưởng. Tới Trường An, lại gặp trận mưa lớn, quân lính đều ướt đẫm, lạnh run người. Tới hôm sau, quan chức triều đình mới tiếp tế cơm nước. Binh lính nhìn thấy chỉ là cơm gạo thô và thức ăn nguội lạnh, nên đều thất vọng, nổi giận đá đổ giỏ thức ăn, hăm hăm nói: "Chúng ta không nề nguy hiểm tới tính mạng, mang thân ra chống địch, thế mà nay, đến cơm cũng không đủ no, hỏi còn đánh chác nổi gì?".

Một tên lính đứng lên nói: "Bọn làm quan không đem tới cho ta, thì tự chúng ta sẽ đi lấy. Trường An đầy rẫy tiền bạc lụa là. Nghe nói hai bên hoàng cung có nhiều kho lớn, tiền bạc lụa là chật ních. Chúng ta hãy đến đó mà lấy!".

Bị kích động, binh lính càng nổi giận, không đếm xỉa gì đến sự ngăn cản của các tướng, ào ào kéo nhau xông vào thành. Có người phi báo cho Đường Đức Tông, Đường Đức Tông hoảng hốt, vội sai hoạn quan chở 20 xe tiền, lụa ra úy lạo. Quân lính đang bừng bừng phần nộ, không thèm lấy, mà giết luôn hoạn quan rồi xông thẳng vào hoàng cung. Thấy loạn binh sắp

tới hoàng cung, Đức Tông liền gọi quân cấm vệ, nhưng quân cấm vệ quen sung sướng lâu ngày, trở nên bạc nhược và lười biếng, thấy quân Kinh Nguyên hung hãn, sợ hãi không dám thò mặt ra. Đức Tông không có cách gì, đành cuống cuống dẫn các phi tần, vương tử và công chúa chạy qua vườn hoa sau hoàng cung rồi theo cửa sau chạy lên Phụng Thiên (nay là huyện của Thiểm Tây) lánh nạn. Quân lính tiến vào cung, nghe nói hoàng đế đã bỏ chạy, liền phá tan cửa kho, kẻ thì lấy tiền, kẻ thì khuân vải lụa, ồn ào hỗn loạn suốt 1 đêm. Cuối cùng, chúng tìm tiết độ sứ Diêu Lệnh Nguyên, yêu cầu ông ta hướng dẫn hành động tiếp theo. Diêu Lệnh Nguyên nói chi bằng mời thái úy Chu Thử để ông ta cầm đầu.

Chu Thử vốn trước kia cũng là tiết độ sứ Kinh Nguyên, vì có em là Chu Thao chống lại triều Đường nên bị tước binh quyền, gọi về Trường An, giữ hư vị là thái sư. Chu Thử vốn có nhiều dã tâm, nay được tướng sĩ Kinh Nguyên tôn làm thủ lĩnh, sao lại chẳng đồng ý? Sau khi Chu Thử nắm binh quyền ở Trường An, 1 số quan lại bất mãn và tướng lĩnh các phiên trấn đều ủng hộ ông. Chu Thử có lực lượng, liền lập nên ở Trường An 1 triều đình mới, tự xưng là Đại Tần hoàng đế và thân dẫn quân đi đánh Phụng Thiên. Đường Đức Tông chạy đến Phụng Thiên vừa kịp thờ, thì quân của Chu Thử đã đánh tới, may nhờ lúc đó, Hồn Châm là tướng chỉ huy quân cấm vệ cũng tới. Hồn Châm nguyên là đại tướng dưới quyền Quách Tử Nghi, có uy tín rất cao. Ông ta đứng ra chỉ huy lực lượng chống giữ nên nhân tâm mới dần ổn định. Chu Thử đôn đốc quân lính tiến đánh Phụng Thiên rất dữ dội. Hồn Châm dẫn đầu tướng sĩ tiến hành quyết chiến suốt ngày đêm, nên suốt 1 tháng ròng, Chu Thử vẫn không hạ được thành. Chu Thử nôn nóng, cho người chế tạo thang mây rất dài để binh lính trèo lên đánh thành. Hồn Châm cho đào đường ngầm dưới chân thành, trong chứa đầy củi khô và chuẩn bị sẵn đuốc nhựa thông để trên mặt thành. Quân phiến loạn đua nhau trèo lên thang mây và bắn tên như mưa vào trong thành. Tình thế nguy ngập, tướng chừng chúng sắp xông được qua tường thành; bỗng các thang mây lần lượt bị sứt xuống do quá nặng, củi dưới đường hầm liền bốc cháy, quân Đường trên thành phối hợp ném đuốc tới

tấp vào thang mây. Lửa từ trên xuống, từ dưới lên bùng bùng đốt cháy thang mây, khiến quân phiến loạn co quắp, rụng xuống như sung.

Hồn Châm dẫn quân mở cửa thành xông ra chém giết, đánh cho quân Chu Thử đại bại. Lúc đó, lại có 2 cánh viện quân từ nơi khác kéo tới, 1 cánh do tiết độ sứ Sóc Phương là Lý Hoài Quang chỉ huy; 1 cánh do Lý Thạnh, đại tướng của đội quân Thần Sách chỉ huy. Chu Thử thấy tình thế bất lợi, vội rút vòng vây quanh Phụng Thiên, lui về giữ Trường An. Đường Đức Tông hạ lệnh cho Lý Hoài Quang và Lý Thạnh thừa thắng tiến công để chiếm lại Trường An. Nào ngờ mới tới Hàm Dương thì Lý Hoài Quang đã ngầm cầu kết với Chu Thử, cùng chống lại triều Đường. Lý Thạnh tới bên ngoài thành Trường An thì lâm vào cảnh: trong có quân Chu Thử, sau lưng có quân Lý Hoài Quang; lương thảo hết, cứu binh không có; tình thế cực kỳ nguy hiểm. Lý Thạnh là người trí dũng song toàn. Với dũng khí và quyết tâm của mình, ông đã khích lệ tướng sĩ, giữ cho quân đội không hề nao núng. Một số cánh quân lẻ tẻ gần Trường An đều tình nguyện chịu sự chỉ huy của Lý Thạnh. Lý Hoài Quang hạ lệnh cho 1 số tướng dưới quyền tập kích vào quân Lý Thạnh, nhưng họ không nghe. Lý Hoài Quang hoảng sợ, liền bỏ chạy đi Hà Trung. Lý Hoài Quang rút, Chu Thử trở nên cô lập trong thành Trường An.

Hồn Châm từ Phụng Thiên cũng phối hợp với Lý Thạnh, đem quân tiến sát Trường An. Thanh thế quân Đường lớn mạnh, khiến Chu Thử sợ hãi, chỉ co lại trong thành, không dám đem quân ra chống lại. Lý Thạnh họp bàn với các tướng về kế hoạch đánh thành. Các tướng nói: "Tất nhiên trước hết phải chiếm hết các phố phường khu dân cư, sau đó mới đánh vào hoàng cung".

Lý Thạnh nói: "Phố xá nhỏ hẹp. Nếu chúng ta chiến đấu với địch ở đó thì sẽ gây tổn hại tới nhân dân. Nghe nói quân chủ lực tập trung ở vườn ngự uyển phía sau hoàng cung, chi bằng chúng ta phá tường thành phía bắc, tập

trung binh lực tiến công địch trong vườn ngự uyển, như vậy cung thất không bị phá hoại, dân chúng cũng không bị sợ hãi".

Mọi người đều khâm phục sự tính toán chu đáo của Lý Thạnh. Lý Thạnh bắt đầu vạch kế hoạch: trước hết tiêu diệt hết quân địch ngoài thành, sau đó phá tường thành phía bắc cho kỵ binh, bộ binh ào ạt đánh vào ngự uyển Chu Thử không chống nổi, phải tháo chạy khỏi Trường An. Số quân lính không chạy kịp, đều nộp khí giới đầu hàng. Lý Thạnh tiến vào Trường An, hạ lệnh cho toàn thể tướng sĩ: "Nhân dân Trường An đã chịu khổ nhiều vì quân phiến loạn nên tuyệt đối không được quấy nhiễu họ". Quân Đường tiến vào, đều tuân lệnh, giữ nguyên kỷ luật, không xâm phạm máy may.

Năm 784, Chu Thử bị giết, Đường Đức Tông trở về Trường An. Một năm sau, Hồn Châm tiến công Hà Trung, tiêu diệt Lý Hoài Quang. Đến lượt kẻ tự xưng là Sở Đế Lý Hy Liệt qua 1 số trận thất bại, cũng bị bộ tướng giết chết. Lý Thạnh, Hồn Châm đã lập được công lớn trong việc bảo vệ sự thống nhất của triều Đường. Quý tộc Thổ Phồn sợ họ nắm binh quyền thì sẽ bất lợi cho họ, liền dùng kế ly gián. Đường Đức Tông vốn hay nghi kỵ công thần, lại trúng kế quý tộc của Thổ Phồn, nên đã tước binh quyền của Lý Thạnh và giao cho hoạn quan chỉ huy quân Thần Sách. Từ đó, nạn phiến trấn cát cứ còn chưa giải quyết được, thì quyền lực của hoạn quan lại tăng lên, tạo nên mối đe dọa mới đối với quyền lực của hoàng đế.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Người Đánh Cờ Giỏi Trong Đông Cung

Đường Đức Tông tin dùng bọn hoạn quan. Bọn này tham lam vô độ, nghĩ ra đủ mọi cách để bóp nặn nhân dân, vơ vét thật nhiều của cải. Chúng lập ra 1 "cung thị" (chợ trong cung vua), cho 1 số thái giám ra ngoài phố mua mọi đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt của thái giám và cung phi, về bán ở "cung thị". Chúng thấy có loại hàng hóa nào cần, đều giành lấy mua, chỉ trả giá bằng một phần mười giá chợ. Sau thấy thế còn phiền phức, chúng dựng lên các chòi quan sát gọi là "bạch vọng", thấy chỗ nào có hàng hóa ưng ý là đến cướp không. Một số hoạn quan khác còn lập ra "ngũ phòng" là 5 nơi chăn nuôi điều hâu, chim cu, chim ưng, hươu, chó dành cho hoàng đế giải trí. Bọn này dựa vào công việc đó, lòng sục hạch sách dân chúng bằng đủ thủ đoạn xấu xa. Muốn xoay tiền nhà ai, chúng mang lưới bắt chim tới chặn trước cửa nhà hoặc trên miệng giếng. Ai đi ra khỏi cửa hoặc tới giếng lấy nước, chạm phải lưới, liền bị chúng lu loa lên là đã đuổi mất chim của hoàng đế, túm đến đánh đập cho tới khi phải bỏ tiền ra mới thôi. Bọn làm việc ở "ngũ phòng" thường đến tửu quán ăn uống no say rồi vác bụng chuồn thẳng. Chủ quán nào đòi tiền là bị chửi mắng hoặc đánh đập. Một lần, bọn này đến uống rượu ở 1 tửu quán, nhưng không trả tiền mà gửi lại 1 túi vải đựng đầy răn, và nói với chủ quán: "Các quan không mang theo tiền, nên gửi cái này lại làm tin. Mấy hôm nữa sẽ mang tiền tới chuộc. Nhưng trong túi là những con răn trong cung chuyên dùng để bắt chim sẻ. Ông phải nuôi chúng cho cẩn thận, nếu để con nào bị chết đói thì mất đầu đấy!".

Chủ quán hoảng hồn, cố van xin chúng mang túi răn đi, còn tiền rượu, đương nhiên là không dám mở mồm ra đòi nữa. Bọn hoạn quan ở "cung

thị" và "ngũ phòng" hoành hành ngang ngược như vậy, khiến nhân dân Trường An căm giận thấu xương. Nhưng mọi quyền hành trong triều đang nằm trong tay hoạn quan, mọi nỗi oan uổng biết kêu với ai?

Lúc đó, ở Đông cung của thái tử Lý Tụng, có 2 viên quan giúp thái tử đọc sách. Một người là Vương Thúc Văn, 1 kỳ thủ cao cường; người kia là Vương Phi, người viết chữ rất đẹp. Ngoài việc đọc sách, thái tử Lý Tụng rất thích đánh cờ và viết chữ. Vương Thúc Văn và Vương Phi vì vậy thường ở trong Đông cung cùng thái tử. Vương Thúc Văn xuất thân từ 1 chức quan thấp, ít nhiều hiểu được nỗi khổ của nhân dân. Ông thường lợi dụng lúc cùng thái tử đánh cờ, nói cho thái tử biết tình hình bên ngoài. Thái tử nghe nó bợn hoạn quan mượn cớ mua hàng cho "cung thị" để ức hiếp nhân dân thì rất bức bối. Một lần, mấy viên quan thị đã cùng bàn luận việc đó trong cung thái tử. Thái tử phần nộ nói: "Khi gặp phụ hoàng, nhất định ta sẽ nói chuyện đó!".

Mọi người nghe nói, đều tán dương là thái tử hiền minh, chỉ có Vương Thúc Văn ngồi bên cạnh không nói 1 lời nào. Đợi khi các viên quan khác đã ra về, thái tử hỏi Vương Thúc Văn: "Hàng ngày tiên sinh vẫn nói tới cái tệ của cung thị, mà vừa rồi khi mọi người đàm luận, sao tiên sinh không nói gì cả?".

Wương Thúc Văn nói: "Tôi thấy trước mắt điện hạ không nên bận tâm về những việc đó. Nếu có kẻ xấu nào đó thêu dệt chuyện thị phi trước hoàng thượng, nói điện hạ đang thu phục lòng người. Hoàng thượng sẽ sinh nghi. Dù điện hạ có phân trần, cũng khó mà cải chính được!".

Thái tử chợt tỉnh ngộ nói: "Nếu không có tiên sinh nhắc nhở, thì tôi không nghĩ được tới điều đó".

Từ đó về sau, thái tử càng tin nhiệm Vương Thúc Văn hơn. Vương Thúc Văn thấy Đường Túc Tông đã già, sớm muộn thái tử sẽ lên nối ngôi nên đã ngầm chọn các quan chức có tài trong triều đình và kết giao với họ.

Ông nói riêng với thái tử: người này sau này có thể làm tể tướng, người kia có thể làm tướng quân...Không ngờ 1 năm sau, thái tử lại bị trúng phong, lưỡi cứng lại, không nói năng gì được. Đường Túc Tông đã già yếu, vì việc đó mà sinh bệnh rồi mất. Năm 805, thái tử Lý Tụng mang bệnh lên ngôi. Đó là Đường Thuận Tông.

Đường Thuận Tông không nói được, đành nhờ Vương Thúc Văn và Vương Phi giúp giải quyết việc triều chính. Vương Thúc Văn biết mình chưa đủ uy tín, không thể công khai nắm đại quyền, liền tìm 1 viên quan lâu năm là Vĩ Chấp Nghị đứng ra làm tể tướng, còn bản thân là hàn lâm học sĩ, giúp Thuận Tông viết chiếu thư. Vương Thúc Văn, Vương Phi phối hợp với Vĩ Chấp Nghị, đồng thời sử dụng 1 số người có tài như Lưu Vũ Tích, Liễu Tông Nguyên nên công việc triều chính vẫn trôi chảy. Sau khi Vương Thúc Văn nắm quyền, công việc đầu tiên là chỉnh đốn việc hoạn quan ức hiếp nhân dân. Ông thảo cho Thuận Tông 1 chiếu thư, bãi bỏ 1 số thuế má, quyên góp phiến hà, thủ tiêu "cung thị" và "ngũ phòng". Biện pháp này được thực hiện, trăm họ Trường An đều vỗ tay reo mừng. Riêng bọn hoạn quan thì căm gan tím ruột. Vương Thúc Văn còn nắm cả quyền tài chính vào tay mình. Ông tiến hành cải cách chế độ thuế má. Lịch sử gọi sự kiện này là "Vĩnh Trinh cách tân" (việc đổi mới thời Vĩnh Trinh - Vĩnh Trinh là niên hiệu của Thuận Tông: 805-806).

Việc Vương Thúc Văn mạnh dạn tiến hành cải cách đã động chạm tới quyền lực của bọn hoạn quan. Tên đầu sỏ hoạn quan là Câu Văn Trân thấy quyền lực của Vương Thúc Văn quá lớn, liền lấy danh nghĩa Thuận Tông, giải trừ chức vụ hàn lâm học sĩ của ông. Vương Thúc Văn biết rằng muốn đấu tranh được với hoạn quan thì phải giành lại binh quyền từ tay chúng, liền vận động cử lão tướng Phạm Hy Triều đi tiếp quản quyền chỉ huy Thần Sách quân đang có 1 hoạn quan nắm. Nhưng vì các tướng lĩnh trong Thần Sách quân đều là thân tín của bọn hoạn quan. Khi Phạm Hy Triều đến nhận chức, không tên nào chịu hợp tác với ông, nên ông phải tay không trở về. Không đầy 1 tháng sau, Câu Văn Trân câu kết với 1 số lão thần phụ họa với

hắn tuyên bố Thuận Tông có bệnh nặng không thể chấp chính, cử thái tử Lý Thuần lên làm Giám quốc. Một tháng sau, thái tử chính thức lên ngôi. Đó là Đường HIển Tông.

Thuận Tông vừa mất ngôi, bọn hoạn quan do Câu Văn Trân đứng đầu lại lập tức cách chức Vương Thúc Văn và Vương Phi, điều họ đi làm quan ở nơi xa. Năm sau, chúng lại giết Vương Thúc Văn. Cuộc cách tân thời Vĩnh Trinh tiến hành chưa được 1 năm đã hoàn toàn thất bại. Những người ủng hộ cuộc cải cách của Vương Thúc Văn đều bị liên lụy và bức hại.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Lưu Vũ Tích Thăm Huyền Đô Quán

Khi Vương Thúc Văn thực hiện cải cách, không chỉ 1 số hoạn quan phản đối, mà 1 số không nhỏ đại thần thấy Vương Thúc Văn từ địa vị thấp lại dựa vào thế Thuận Tông, làm việc quá độc đoán, cũng tỏ ra bất mãn. Khi Đường Hiến Tông lên ngôi, mọi người xúm vào công kích Vương Thế Văn. 8 quan chức từng ủng hộ việc cải cách của Vương Thúc Văn, đều bị gọi là đồng đảng của ông. Vì vậy, Đường Hiến Tông hạ chiếu thư, nhất loạt giáng chức 8 người đó, thuyên chuyển họ đi nơi xa làm Tư mã. Lịch sử gọi gộp Vương Thúc Văn, Vương Phi và 8 người đó là "Nhị vương, bát tư mã". Trong 9 vị đại thần bị giáng làm tư mã đó, có 2 nhà văn nổi tiếng là Liễu Tông Nguyên và Lưu Vũ Tích. Liễu Tông Nguyên sở trường về tản văn, còn Lưu Vũ Tích sở trường về thơ. Họ là đôi bạn rất thân với nhau. Lần này, Liễu Tông Nguyên bị điều đi Vĩnh Châu (nay là Linh Lăng, Hồ Nam), Lưu Vũ Tích bị điều đi Lang Châu (nay là Thường Đức, Hồ Nam). Vĩnh Châu là Lang Châu đều ở miền nam Trung Quốc, cách Trường An rất xa. Lúc đó 2 nơi này còn là vùng hoang vắng, lạc hậu; ở vào trường hợp này, những người khác hẳn sẽ buồn khổ, khó chịu đựng được. Nhưng 2 ông đều là những người có bản lĩnh. Họ tin rằng việc làm của mình là đứng đắn, dù có thất bại vẫn không nhụt chí. Đến nơi nhận chức mới, ngoài giờ làm việc công, họ đều đi du lãm núi sông, sáng tác thơ văn. Trong sáng tác của họ, thường thổ lộ hoài bão chính trị và phản ánh nỗi khổ của nhân dân. Bài đoản văn kiệt tác "Lời kể của người bắt rắn" của Liễu Tông Nguyên chính là được viết trong thời gian ông làm tư mã ở Vĩnh Châu.

Lần biếm trích này của 2 ông kéo dài tới 10 năm. Lâu dần, 1 số đại thần trong triều nhớ tới 2 ông, cảm thấy đấy những người có tài như thế đi xa thì quá đáng tiếc. Họ liền tâu xin Hiến Tông, điều 2 ông trở lại Trường An, làm quan lại triều đình. Lưu Vũ Tích trở lại Trường An, thấy Trường An đã biến đổi khác xưa nhiều. Một số quan chức hiện đang giữ trọng trách đều là những người mà ông không ưa và không thể hợp tác được, nên tâm tình rất bức dọc. Trong kinh thành có 1 đạo quán (nơi thờ phụng của Đạo giáo) nổi tiếng, có tên là Huyền Đô quán, do 1 đạo sĩ trụ trì. Trong đạo quán trồng rất nhiều cây đào. Lúc đó, đang vào mùa xuân, hoa đào trong Huyền Đô quán đang nở rộ, hấp dẫn nhiều du khách tới thăm. Một số bạn bè rủ Lưu Vũ Tích đến Huyền Đô quán ngắm hoa đào. Lưu Vũ Tích thấy đến đó giải trí cũng tốt, liền nhận lời đi cùng bè bạn.

Qua 10 năm sống trong cảnh bị biếm trích ở phương xa, nay trở lại kinh thành, thấy những cây đào non ngạo nghễ phô sắc trong Huyền Đô quán, ông liên tưởng, viết 1 bài thơ ẩn dụ:

"Tử mạch hồng trần phát diện lai

Vô nhân bất đạo khán hoa hồi

Huyền Đô quán lý đào thiên thụ

Tận thi Lưu lang khứ hậu tài".

Dịch:

"Đường đông, bụi tấp mặt người

Không ai không nói: đi chơi ngắm đào

Huyền Đô, đào mọc lắm sao!

Đều trồng sau lúc chàng Lưu xa rồi"

Thơ Lưu Vũ Tích vốn rất nổi tiếng. Bài thơ mới sáng tác được người ta truyền nhau chép rất nhanh. Một số đại thần, vốn là những kẻ hành tiến trong thời gian Lưu Vũ Tích bị biếm trích, đọc kỹ bài thơ, phát hiện thấy bài thơ tuy nói về hoa đào trong Huyền Đô quán, nhưng hàm ý châm biếm bọn quan chức mới thăng tiến. Thế là Lưu Vũ Tích gặp nhiều phiền phức. Đường Hiến Tông cũng bực bội về chuyện này. Những người vốn có cảm tình với ông và muốn giữ ông lại Trường An cũng khó nói. Lưu Vũ Tích lại bị điều đi làm thứ sử Phiên Châu (nay là Tuần Nghĩa, Quý Châu). Chức thứ sử cao hơn chức tư mã, việc điều động vội vàng này có vẻ như thăng chức, nhưng Phiên Châu càng xa xôi và hoang vắng hơn Lang Châu. Lúc bấy giờ, nơi đây dân cư rất thưa thớt. Khi đó Lưu Vũ Tích còn có mẹ già hơn 80 tuổi, cần có người chăm sóc. Vì đường xá xa xôi, hiểm trở nên cụ già như thế không thể theo Lưu Vũ Tích đến Phiên Châu. Điều này làm ông lâm vào cảnh rất khó xử. Đồng thời với Lưu Vũ Tích, Liễu Tông Nguyên cũng bị đánh bật khỏi Trường An, được điều đi làm thứ sử Liễu Châu. Được biết Lưu Vũ Tích đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, Liễu Tông Nguyên quyết tâm tìm cách giúp đỡ bạn. Ông thức suốt đêm viết 1 sớ tấu, xin triều đình đổi cho Lưu Vũ Tích đi Liễu Châu, và bản thân xin tình nguyện đi Phiên Châu.

Tình cảm hết lòng vì bạn của Liễu Tông Nguyên khiến rất nhiều người xúc động. Sau đó, đại thần Bùi Độ cũng trực tiếp cầu xin Đường Hiến Tông, nên Lưu Vũ Tích được đổi đi làm thứ sử Liễu Châu (nay là huyện Liên, Quảng Đông). Về sau, Lưu Vũ Tích còn bị chuyển đi nhiều địa phương khác nữa. 14 năm sau, Bùi Độ lên làm tể tướng, mới điều Lưu Vũ Tích trở lại Trường An. Khi Lưu Vũ Tích trở lại kinh thành, thời tiết đã là cuối xuân. Ông nhớ tới hoa đào ở Huyền Đô quán, liền muốn đến thăm lại. Đến nơi mới biết vị đạo sĩ trồng đào nay đã chết, đào trong đạo quán không có ai chăm sóc, cây thì bị chặt, cây thì chết khô, khắp nơi mọc đầy cỏ may và hướng dương dại, quang cảnh rất tiêu điều. Ông nhớ lại cảnh hoa đào rụng rã ngày nào, liền tấu tới lữ hoạn quan và quyền thần từng hãm hại ông, nay đã lần lượt thất thế trong cuộc tranh giành quyền lực. Còn

bản thân ông, vẫn trước sau ngoan cường giữ vững quan điểm chính trị tiến bộ, và trải bao long đong lận đận, lại trở lại triều đình. Lòng đầy xúc cảm tự hào, ông viết 1 bài thơ mới:

"Bách mẫu trung đình bán thị đài

Đào hoa tịnh tận, thái hoa khai

Chủng hoa đạo sĩ qui hà xứ?

Tiền độ Lưu lang kim hựu lai."

Dịch:

"Trăm mẫu vườn hoang rêu mọc đầy

Hoa đào chẳng thấy, thấy hoa may

Trồng hoa đạo sĩ đi đâu mất?

Chàng Lưu năm nọ lại về đây!"

Một số quan chức thấy trong bài thơ mới của ông vẫn đầy giọng châm chích thì rất bực mình, đều đua nhau công kích ông trước hoàng đế. Ba năm sau, ông lại bị điều đi làm thứ sử ở nơi xa.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Bạch Cư Dị Tới Trường An

Sau khi Đường Hiến Tông lên ngôi có tiến hành 1 vài cải cách chính trị, dùng mấy người chính trực như Lý Dịch làm tể tướng. Nhưng mặt khác, ông vẫn rất tin cậy bọn hoạn quan. Để thảo phạt phiên trấn, Hiến Tông cử 1 hoạn quan làm nguyên soái, việc này bị 1 số đại thần phản đối, trong đó người phản đối mạnh mẽ nhất là Tả thập di Bạch Cư Dị. Bạch Cư Dị là 1 nhà thơ nổi tiếng thời Đường, quê ở Hạ Khê (nay ở đông bắc huyện Vị Nam, Thiểm Tây). Tiếng tăm về tài thơ của ông được lan truyền từ rất sớm. Từ nhỏ, Bạch Cư Dị đã rất thông minh, mới 6-7 tháng tuổi đã phân biệt được chữ "chi", chữ "vô". Từ năm 6 tuổi đã tập làm thơ. Khi ông khoảng 15-16 tuổi, người cha là Bạch Lý Canh làm quan ở Từ Châu, cho Bạch Cư Dị tới kinh thành Trường An để kết giao với các danh nhân và hiểu biết việc đời. Lúc đó, cuộc nổi loạn của Chu Thử vừa kết thúc, Trường An còn rất tiêu điều xơ xác. Đặc biệt là do chiến tranh kéo dài 10 năm, nạn đói lan tràn, giá lương thực ở Trường An rất cao, đời sống nhân dân rất khó khăn.

Lúc đó, Trường An có 1 nhà văn tên là Cố Huống, có chút tài năng và danh tiếng, nhưng tính cách rất cao ngạo, gặp lớp hậu sinh thường lên mặt cha chú, rất khó gần. Bạch Cư Dị nghe tiếng Cố Huống liền đem bản thảo tập thơ của mình đến gặp Cố Huống để thỉnh giáo. Cố Huống nghe nói Bạch Cư Dị cũng là quan gia tử đệ, không thể không tiếp. Gặp Cố Huống, Bạch Cư Dị lễ phép đưa danh thiếp và bản thảo tập thơ cho ông. Cố Huống ngắm cậu thiếu niên, lại nhìn danh thiếp thấy cái tên "Cư Dị" (Cư Dị ở đây có nghĩa là dễ) thì chau mày nói đùa: "Gần đây ở Trường An, giá lương thực rất đắt, sợ rằng ở đây không dễ dàng đâu?".

Bạch Cư Dị bị ông ta trêu chọc, vẫn lặng im cung kính đứng khếp nép 1 bên, chờ nghe lời chỉ giáo. Cố Huống cầm bản thảo tập thơ, thuận tay giờ xem lướt từng trang. Bỗng ông dừng tay, mắt chăm chăm nhìn vào tập thơ, bất giác khẽ khàng ngâm lên:

"Ly ly nguyên thượng thảo

Nhất tuế nhất khô vinh

Dã hỏa thiêu bất tận

Xuân phong xuy hựu sinh..."

Dịch thơ:

"Cỏ mọc tràn thảo nguyên

Mỗi năm khô rồi tốt

Lửa đồng thiêu không hết

Xuân tới lại trời lên"

Ngâm tới đó, Cố Huống lộ vẻ hào hứng, đứng bật dậy, kéo tay Bạch Cư Dị, nắm chặt và nồng nhiệt nói: "Ôi chao! Viết được những câu thơ như thế này thì trú tại Trường An không khó khăn gì. Vừa rồi ta nói đùa, cậu chớ để tâm".

Sau lần gặp gỡ đó, Cố Huống hết sức tán dương thi tài của Bạch Cư Dị, gặp ai ông cũng khoe cậu con nhà họ Bạch giỏi giang. Một truyền mười, mười truyền trăm, khiến Bạch Cư Dị nổi tiếng khắp Trường An. Mấy năm sau, ông thi đậu tiến sĩ. Đường Hiến Tông biết tiếng ông, liền phong ông làm hàn lâm học sĩ và sau đó, thăng ông lên chức tả thập di (gián quan). Bạch Cư Dị đâu phải hạng người mưu danh cầu lợi, chịu xu nịnh quan trên. Ông không ngừng sáng tác thơ văn, bóc trần mọi hiện tượng xấu

xa trong xã hội, đồng thời nhiều lần can gián thẳng thắn Đường Hiến Tông, đặc biệt là việc trao cho hoạn quan nắm binh quyền. Lần này, ông can gián việc Đường Hiến Tông phong hoạn quan làm nguyên soái khiến Đường Hiến Tông rất tức giận. Nhà vua nói với tể tướng Lý Dịch: "Tên Bạch Cư Dị đó do chính trẫm đưa lên làm quan mà đối với trẫm rất vô lễ. Trẫm không chịu nổi nữa!".

Lý Dịch nói: "Bạch Cư Dị dám thẳng thắn can ngăn bệ hạ, không sợ mất đầu, điều đó chứng tỏ ông ta rất trung thành với quốc gia. Nếu bệ hạ trị tội ông ta, thì sợ rằng sau này sẽ không ai dám nói thẳng nữa".

Đường Hiến Tông miễn cưỡng nghe theo ý kiến của Lý Dịch, tạm thời chưa cách chức Bạch Cư Dị. Nhưng chẳng được bao lâu, ông ta không cho Bạch Cư Dị làm chức Tả thập di, mà điều sang làm chức quan khác. Bạch Cư Dị làm rất nhiều thơ, trong đó không ít bài phản ánh sâu sắc hiện thực xã hội, như bài "Tần trung ngâm" và bài "Tân Nhạc phủ". Trong thơ Bạch Cư Dị, bài thì vạch trần tội ác của bọn hoạn quan cậy thế hà hiếp nhân dân, bài thì châm biếm đời sống cực kỳ xa hoa lãng phí của giới quan liêu, quý tộc, có bài phản ánh số phận đau khổ của nhân dân lao động. Lời thơ của ông giản dị dễ hiểu, được quần chúng rộng rãi yêu thích. Khắp đầu đường cuối ngõ, đâu đâu cũng có người truyền nhau đọc thơ Bạch Cư Dị. Tương truyền, mỗi khi viết xong 1 bài thơ, bao giờ ông cũng đọc cho các cụ bà mù chữ nghe, chỗ nào các cụ không hiểu, ông liền sửa lại cho tới khi thật dễ hiểu mới thôi. Điều đó đương nhiên chỉ là truyền thuyết, nhưng cũng tỏ rằng thơ ông khá gần gũi quần chúng.

Chính vì thơ ông đã phản ánh hiện thực, xúc phạm tới bọn hoạn quan và quan liêu quý tộc lớn, nên 1 số kẻ căm giận và nguyền rủa ông. Những kẻ muốn vu hãm ông chỉ chờ thời cơ là hành động. Mấy năm sau, Bạch Cư Dị làm đại phu trong Đông cung của thái tử. Lúc đó, xảy ra sự kiện tể tướng Vũ Nguyên Hành bị đối thủ cử thích khách ám sát. Việc này có nguyên nhân chính trị phức tạp, các quan trong triều đều im lặng không

dám mở miệng, chỉ riêng Bạch Cư Dị là tỏ thái độ. Ông dâng sớ tấu lên Hiến Tông, xin ra lệnh truy nã hung thủ. Bọn hoạn quan và giới quan liêu quý tộc nắm ngay cơ hội đó, nói Bạch Cư Dị không phải là gián quan, sao được phép nói lung tung về đại sự triều đình, cần phải được nghiêm trị để giữ kỷ cương. Hòa theo đó, 1 số quan chức vốn không ưa Bạch Cư Dị, ồn ào đặt chuyện vu cáo bôi nhọ ông. Có kẻ nói bà mẹ Bạch Cư Dị nhân lúc đang ngắm hoa, sơ ý bị ngã xuống giếng mà chết, thế mà Bạch Cư Dị vẫn viết những bài thơ "Thưởng hoa" và "Giếng mới", như thế rõ ràng là đại bất hiếu. Qua mạng lưới tội danh được thêu dệt la liệt như thế, khó ai có thể biện hộ cho ông. Cuối cùng, ông bị giáng chức, đổi đi làm tư mã ở Giang Châu (nay là Cửu Giang, Giang Tây).

Bị biếm trích 1 cách vô lý, sau khi tới Giang Châu, tâm tình Bạch Cư Dị hết sức u uất. Một buổi tối, nhân đi tiễn khách ở Bồn Phố Khẩu ở Giang Châu, ông nghe thấy tiếng đàn tỳ bà ai oán vọng trên mặt sông, vội sai người tìm hỏi. Được biết tiếng đàn đó là của 1 kỹ nữ già từng nhiều năm phiêu bạt giang hồ. Ông ghé thuyền đến gặp, sau khi nghe ngón đàn tuyệt kỹ của nàng và nghe nàng thuật lại thân thế chìm nổi bi thương thì hết sức xúc động. Lại liên tưởng đến cảnh ngộ của mình, ông thấy trào dâng niềm đồng cảm sâu sắc, liền viết nên bài trường thi tự sự nổi tiếng "Tỳ bà hành" có những câu:

"Ngã vân tỳ bà dĩ thán tức

Hựu văn thử ngữ trung tức tức

Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân

Tương phùng hà tất tăng tương thức..."

Dịch thơ:

"Nghe đàn ta đã chạnh buồn

Lại rầu nghe nổi nỉ non mấy lời

Cùng một lúa bên trời lặn đặng

Gặp gỡ nhau họ sẵn quen nhau..."

Sau này, Bạch Cư Dị còn trở về kinh thành mấy lần và làm đại quan trong triều. Nhưng triều chính lúc bấy giờ vô cùng hỗn loạn, người chính trực như Bạch Cư Dị khó lòng thực hiện hoài bão. Ông chỉ còn biết dồn hết tinh lực vào sáng tác thơ ca. Suốt cuộc đời, ông đã viết tất cả hơn 2800 bài thơ. Đó là di sản hết sức quý báu trong kho tàng văn học của Trung Quốc nói riêng và thế giới nói chung.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Lý Sóc Hạ Thái Châu Trong Đêm Tuyết Xuống

Trong số các phiên trấn, Hoài Tây là 1 thế lực cát cứ ngoan cố nhất. Năm 814, tiết độ sứ Hoài Tây là Ngô Thiếu Dương chết, con là Ngô Nguyên Tế tự thay thế chức vị của cha. Đường Hiến Tông cử quân thảo phạt Hoài Tây. Nhưng các thống soái mà ông ta phong chức đều là quan chức thối nát hoặc có ý đồ riêng. Vì vậy, mất tới 3 năm trời, hao tổn nhiều tiền của và nhân mạng nhưng đều thất bại. Các quan trong triều đều cho rằng không nên tiếp tục đánh nữa, nhưng đại thần Bùi Độ lại cho rằng Hoài Tây giống như cái nhọt trong cơ thể, không thể không trừ bỏ đi. Đường Hiến Tông phong Bùi Độ làm tể tướng, quyết tâm tiếp tục thảo phạt Hoài Tây. Năm 817, triều đình cử Lý Sóc làm tiết độ sứ 3 châu, trong đó có Đường Châu (nay là Đường Hà, Hà Nam) và trao cho ông nhiệm vụ đánh vào sào huyệt của Ngô Nguyên Tế ở Thái Châu (nay là Nhữ Nam, Hà Nam). Các tướng sĩ Đường Châu đã tham gia chinh chiến mấy năm ròng, nay đều chán nản nên khi nghe Lý Sóc triệu đến, đều hết sức lo lắng. Lý Sóc tới Đường Châu, nói với các quan chức địa phương: "Tôi là một văn quan mềm yếu, không có tài năng gì. Triều đình cử tôi đến đây là để giữ an ninh trật tự địa phương. Còn việc đánh Ngô Nguyên Tế không phải là nhiệm vụ của tôi".

Tin đó đến tai Ngô Nguyên Tế. Vì đã đánh thắng quân triều đình mấy lần, nên Ngô Nguyên Tế tỏ ra kiêu ngạo. Nay lại nghe nói Lý Sóc không hiểu việc chiến trận, nên hãnh cang sao nhãng việc phòng bị. Từ đó, Lý Sóc không hề đề cập tới việc đánh Hoài Tây. Trong thành Đường Châu có rất nhiều quân lính ốm và bị thương, Lý Sóc đến từng nhà thăm hỏi, không có

1 chút quan dạng nào. Tướng sĩ đều rất cảm động trước thái độ đó của ông. Một lần, quân của Lý Sốc đi tuần tra biên giới, đụng độ với 1 toán lính nhỏ của Hoài Tây. Hai bên giao chiến, quân Đường đuổi được toán lính kia và bắt sống được 1 viên tướng nhỏ của Hoài Tây là Đinh Sĩ Lương. Đinh Sĩ Lương là 1 dũng tướng, thủ hạ của Ngô Nguyên Tế, nhiều lần dẫn quân xâm phạm Đường Châu. Trong quân Đường đã nhiều người lao đao vì Đinh Sĩ Lương nên rất căm giận Lương. Lần này bắt được, mọi người đều xin Lý Sốc cho giết đi để báo thù cho quân Đường. Quân lính giải Đinh Sĩ Lương đến trước Lý Sốc, Lý Sốc hạ lệnh nới lỏng dây trói rồi ôn tồn hỏi Lương tại sao theo lại theo Ngô Nguyên Tế chống lại triều đình. Đinh Sĩ Lương vốn không phải là quân của Ngô Nguyên Tế, mà chỉ là 1 tù binh bị Ngô Nguyên Tế bắt trước kia. Nay thấy Lý Sốc tỏ ra khoan dung nên xin đầu hàng để lập công chuộc tội.

Với sự giúp đỡ của Đinh Sĩ Lương, Lý Sốc đã chiếm được 2 cứ điểm Văn Thành và Hưng Kiều ở Hoài Tây, thu phục được 2 hàng tướng Lý Hựu và Lý Trung Nghĩa. Lý Sốc biết 2 người đó gồm đủ trí dũng nên hết sức tín nhiệm họ, cùng họ bí mật bàn bạc kế hoạch đánh chiếm Thái Châu; có đêm cùng nhau bàn luận tính toán suốt đêm. Các tướng sĩ dưới quyền Lý Sốc rất bất mãn về điều đó, xì xào với nhau rằng Lý Hựu là gián điệp do kẻ địch phái tới chui vào hàng ngũ quân ta để làm nội ứng. Có người còn dựng đứng lên câu chuyện bắt được thám tử địch và chính tên thám tử đó khai rằng Lý Hựu là gián điệp. Lý Sốc sợ những tin đồn đó đến tai Đường Hiến Tông, khiến nhà vua tin đó là sự thật, thì khó mà bảo vệ được Lý Hựu. Ông liền họp mọi người lại tuyên bố: "Mọi người đều cho rằng Lý Hựu không đáng tin cậy, vậy thì ta sẽ cho giải hắn về Trường An để hoàng thượng xử lý".

Ông sai quân lính xích tay chân và đeo gông cho Lý Hựu, giải về Trường An; đồng thời dâng sớ tấu lên triều đình, nói rõ Lý Hựu đã giúp vạch kế hoạch đánh chiếm Thái Châu, nếu giết Lý Hựu thì kế hoạch chiếm Thái Châu không thể thực hiện được. Đường Hiến Tông xem sớ tấu, liền hạ

lệnh tha Lý Hựu và phái trở lại Đường Châu để giúp Lý Sóc. Lý Hựu về tới Đường Châu, Lý Sóc mừng rỡ nắm tay ông nói: "Ông được an toàn trở lại, thật là phúc lớn cho nước nhà". Rồi lập tức phong làm tướng, được quyền mang vũ khí ra vào đại doanh. Lý Hựu được biết Lý Sóc dùng hết mọi cách để bảo vệ mình thì xúc động trào rơi nước mắt. Ít lâu sau, tể tướng Bùi Độ thân tới Hoài Tây đốc chiến. Từ trước tới nay, các cánh quân triều đình đều do hoạn quan làm giám quân, các tướng không có quyền chủ động trong việc chỉ huy. Nếu thắng trận thì công lao thuộc về hoạn quan, thua trận thì các tướng lĩnh bị trị tội. Bùi Độ đến Hoài Tây, thấy tình hình đó, lập tức tâu lên Đường Hiến Tông triệt bỏ quyền làm giám quân của các hoạn quan. Các tướng lĩnh biết được quyết định đó, đều hết sức phấn khởi. Lý Hựu hiến kế với Lý Sóc: "Tinh binh của Ngô Nguyên Tế đều đóng ở Hồi Khúc (nay ở tây nam Thương Thủy, Hà Nam) và các vùng ven, còn tại Thái Châu chỉ có số ít quân lính già yếu, tàn tật. Chúng ta cần nhắm sơ hở đó, đánh thẳng vào Thái Châu thì sẽ dễ dàng bắt sống được Ngô Nguyên Tế".

Lý Sóc báo cáo kế hoạch đó cho Bùi Độ. Bùi Độ tỏ ý ủng hộ, nói: "Đánh trận cần phải bất ngờ để giành thắng lợi. Cứ theo thế mà làm!".

Lý Sóc hạ lệnh cho Lý Hựu và Lý Trung Nghĩa dẫn 3000 tinh binh đi tiên phong, còn tự mình dẫn trung quân và hậu vệ lần lượt xuất phát. Ngoài mấy tướng tiên phong không ai được biết đích tiến quân. Có người đến hỏi Lý Sóc. Lý Sóc chỉ nói: "Hãy cứ biết tiến quân về phía đông".

Hành quân 60 dặm, tới thôn Trương Sài. Quân Hoài Tây đóng ở đây không hề phòng bị gì, bị quân tiên phong của Lý Hựu tiêu diệt toàn bộ. Lý Sóc chiếm được thôn Trương Sài, cho quân lính nghỉ 1 chút, lưu 1 ít quân lại giữ để cắt đứt đường tới Hồi Khúc. sau đó, lại tiếp tục cuộc hành quân ngay trong đêm. Các tướng lại hỏi Lý Sóc về mục tiêu sẽ tới. Lúc đó Lý Sóc mới nói: "Đến Thái Châu, bắt Ngô Nguyên Tế".

Một số tướng đã từng bị Ngô Nguyên Tế đánh bại, nghe thấy lệnh đó thì lo sợ tái mặt. Những hoạn quan đi theo vốn nhát gan, sợ phát khóc, lu

loa: "Chúng ta mắc phải gian kế của Lý Hựu rồi".

Đúng lúc đó, gió mỗi lúc càng thổi mạnh, tuyết rơi mỗi lúc dày đặc hơn. Đường từ thôn Trương Sài tới Thái Châu rất nhỏ hẹp, quân Đường lại chưa từng biết, nên binh lính vừa đi vừa kêu ca phàn nàn. Nhưng vì xưa nay Lý Sóc chỉ huy rất nghiêm, nên không ai dám vi phạm mệnh lệnh. Trong đêm đó, sau chặng hành quân suốt 70 dặm trên đường tuyết phủ dày, đoàn quân tới ngoài thành Thái Châu. May nhờ bên hồ ngoài thành nuôi nhiều vịt và ngỗng, tiếng kêu rộn rã của chúng che lấp được tiếng người ngựa. Quân Đường dưới sự chỉ huy của Lý Hựu và Lý Trung Nghĩa, khoét các lỗ nhỏ trên tường thành để trèo lên mặt thành Lĩnh Hoài Tây giữ thành không hề hay biết, vẫn ngủ yên trong các chòi gác, bị quân Đường ập vào giết hết, chỉ giữ lại 1 tên đánh trống cầm canh như thường lệ. Sau đó, cửa thành được mở toang, đại quân Lý Sóc ào ạt tiến vào. Tới vòng thành phía trong, quân Đường cũng tiến vào theo cách đó, quân Hoài Tây trong đó vẫn không hề hay biết. Tới lúc gà bắt đầu gáy, trời mờ mờ sáng, tuyết ngừng rơi, quân Đường vào tới phía ngoài dinh của Ngô Nguyên Tế mà Ngô Nguyên Tế vẫn say sưa trong giấc ngủ. Một tên binh lính hầu cận phát hiện thấy quân Đường đã ở bên ngoài dinh, vội chạy vào báo cáo gấp với Ngô Nguyên Tế.

Ngô Nguyên Tế vẫn nằm trong chăn, uể oải nói: "Dào! Chắc lại mấy tên phạm nhân gây rối. Đợi trời sáng, ta sẽ hạ lệnh hốt chúng đi".

Lại 1 tên khác thở hồng hộc chạy vào lập bập: "Chủ tướng! Chủ tướng! Hai vòng thành đều mở toang cả rồi!".

Ngô Nguyên Tế lấy làm lạ nói: "Chắc hẳn quân lính ở Hồi Khúc cử người về lĩnh quần áo ấm thôi".

Nói chưa dứt, đã nghe ngoài tường có tiếng truyền lệnh: "Lệnh của Thường thị đây...! (Thường thị là chức quan của Lý Sóc), tiếp đó là tiếng dạ ran của rất đông quân lính. Ngô Nguyên Tế hoảng sợ vùng dậy, nói:

"Thường thị nào thế nhỉ? Sao lại đến sát dinh ta để truyền lệnh?. Sau khi biết là quân Đường, Ngô Nguyên Tế vội sai lính cận vệ leo lên bờ tường chống cự.

Lý Sóc nói với tướng sĩ: "Ngô Nguyên Tế còn dám chống cự, vì hẳn còn hy vọng ở 1 vạn quân ở Hồi Khúc tới cứu viện".

Biết gia đình viên tướng Hoài Tây giữ Hồi Khúc là Đồng Trọng Chất trú tại Thái Châu, Lý Sóc liền tới thăm hỏi rồi phái con trai của Đồng Trọng Chất tới Hồi Khúc khuyên cha đầu hàng. Đồng Trọng Chất thấy cục diện đã ngã ngũ, liền tự tới Thái Châu đầu hàng Lý Sóc. Lý Sóc hạ lệnh cho quân lính đánh vỡ tường bao quanh dinh, phá cổng ngoài, phá kho vũ khí. Ngô Nguyên Tế rút vào tường trong cố thủ. Hôm sau, ông cho đốt cháy cổng phía nam. Nhân dân Thái Châu từng khổ sở vì Ngô Nguyên Tế, đều tập nập mang rơm củi đến góp. Đồng thời các hướng khác, quân Đường bắc thang bắn vào sân trong, tên cắm dày đặc như như lông nhím. Suốt 1 ngày ác chiến, cuối cùng vòng tường trong bị phá vỡ, Ngô Nguyên Tế đành lạy lạy xin hàng. Lý Sóc sai nhốt Ngô Nguyên Tế vào xe tù giải về Trường An, đồng thời báo tin thắng trận lên tể tướng Bùi Độ.

Tin Bùi Độ và Lý Sóc bình định Hoài Tây và bắt sống Ngô Nguyên Tế truyền tới Hà Bắc, khiến các phiên trấn vùng này hoảng sợ, đều tới tấp tỏ ý xin phục tùng triều đình. Cục diện phản loạn của các phiên trấn thời Đường tạm thời được dẹp yên.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Hàn Dũ Phản Đối Việc Rước Xương Phạt

Đường Hiến Tông dựa vào Bùi Độ, Lý Sóc dẹp được cuộc phản loạn Hoài Tây, cảm thấy vinh vang vì đã giành được công lớn, quyết định dựng 1 tấm bia ghi công để kỉ niệm chiến thắng to lớn ấy. Đang băn khoăn tìm chọn 1 người có văn tài xứng đáng làm công việc đó, thì biết được dưới quyền Bùi Độ có 1 viên quan Hành quân tư mã tên là Hàn Dũ, sở trường về viết văn, lại đã từng theo Bùi Độ tham gia cuộc chiến ở Hoài Tây. Đường Hiến Tông liền hạ chỉ Hàn Dũ khởi thảo "Bình Hoài Tây bi" (bài văn bia về việc đánh dẹp Hoài Tây). Hàn Dũ là 1 văn học gia kiệt xuất thời Đường, vốn quê ở vùng Hà Dương (nay là huyện Mãn, Hà Nam). Ông thấy từ thời Ngụy - Tấn - Nam Bắc triều về sau tập tục, thị hiếu xã hội ngày càng suy đồi, văn phong cũng nặng về hình thức hào nhoáng, các nhà văn chỉ chú trọng trau chuốt chữ nghĩa, gò bó vào biên ngẫu (thể văn có từng cặp đối nhau về nội dung và âm điệu) mà thiếu hẳn tình cảm chân thực. Ông quyết tâm đề xướng việc cải cách văn phong đó, đã viết rất nhiều bài văn có ảnh hưởng lớn trong văn giới. Chủ trương và thực tiễn sáng tác của ông trên thực tế là 1 hành động cải cách, nhưng vì ông cũng đồng thời chủ trương kế thừa 1 số truyền thống của tản văn thời cổ, nên cuộc vận động do ông đề xướng được gọi là "cổ văn vận động" (cuộc vận động cổ văn). Sau này, người ta coi ông và Liễu Tông nguyên là những người mở đầu "cuộc vận động cổ văn".

Không những giỏi văn chương, ông còn là 1 đại thần dám can thẳng thắn. Sau khi hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ viết "Bình Hoài Tây bi", ông liền làm 1 việc "đắc tội" Đường Hiến Tông, suýt chuốc lấy nguy hiểm đến

tính mạng. Nguyên do là vào những năm cuối đời, Đường Hiến Tông rất mê tín Phật giáo. Ông ta nghe nói trong chùa Pháp Môn ở Phượng Tường có 1 ngôi bảo tháp tên là Hộ quốc chân thân tháp. Trong tháp có thờ 1 đốt xương, tương truyền là đốt xương ngón tay của Thích Ca Mâu Ni, cứ 30 năm mới mở ra 1 lần cho mọi người vào chiêm ngưỡng, lễ bái. Làm việc đó thì có thể cầu được mưa thuận gió hòa, mọi người bình an. Đường Hiến Tông tin vào lời đồn đó, liền cử 1 đoàn gồm 30 người đến chùa Pháp Môn, tổ chức 1 cuộc đón rước long trọng, đưa đốt xương đó về Trường An. Trước hết, ông để đốt xương đó trong hoàng cung để thờ phụng. Sau đó, rước ra chùa cho mọi người chiêm ngưỡng. Tất cả vương công đại thần thấy hoàng đế cung kính thành tâm như thế thì dù bản thân tin hay không, cũng đều hòa theo. Rất nhiều người tìm mọi cách để tạo được cơ hội tới chiêm ngưỡng xương phật. Kẻ có tiền thì quyên góp tiền hương hỏa, người không có tiền thì xin những nén hương trong chùa để châm thành vết bỏng trên đầu và cánh tay, coi như biểu lộ lòng thành kính với Đức Phật.

Hàn Dũ xưa nay vốn không tin phật, nên càng không tin việc chiêm ngưỡng xương phật. Ông rất không hài lòng trước việc phô trương lãng phí để rước xương phật, nên liền dâng lên Đường Hiến Tông 1 sớ tấu, khuyên can Hiến Tông không nên tiến hành hoạt động mê tín. Trong sớ tấu, ông nói: ở Trung Quốc thời xưa không có Phật, chỉ từ sau thời Hán Minh Đế, đạo Phật mới từ Tây Vực truyền vào. Ông còn nói, trong lịch sử, phàm những vương triều nào tin vào Phật đều có thọ mệnh ngắn, đủ thấy Phật là không đáng tin.. Đường Hiến Tông xem sớ tấu đó, dùng dùng nổi giận, lập tức gọi tể tướng Bùi Độ tới, nói Hàn Dũ dám phi báng triều đình, không thể không xử tội chết. Bùi Độ vội vàng cầu xin cho Hàn Dũ, Đường Hiến Tông hơi dịu cơn giận, nói: "Hàn Dũ nói trăm tin Phật quá mức, trăm còn có thể khoan thứ cho hắn; nhưng hắn lại còn nói hoàng đế nào tin vào Phật thì thọ mệnh đều ngắn. Như thế chẳng phải là hắn rửa trăm hay sao? Chỉ riêng điều đó thôi, trăm đã không thể tha cho hắn".

Sau đó cũng có nhiều người kêu xin giúp Hàn Dũ, Đường Hiến Tông mới không giết ông, mà chỉ giáng chức, điều ông đi làm thứ sử Triều Châu. Từ Trường An đi Triều Châu, Hàn Dũ 1 mình lủi lủi trên đường xa dặm thẳng, xa rời kinh thành hoa lệ, tới nơi biên viễn xa xôi, nỗi lòng đắng cay uất ức, nói sao cho hết. Đến Triều Châu, ông gặt nỗi buồn về cảnh ngộ bản thân sang 1 bên để dốc lòng lo toan cho đời sống dân địa phương. Ông triệu tập các quan chức cấp dưới tới, hỏi xem dân chúng địa phương có nỗi khổ gì. Có người nói: "Nơi đây sản xuất được ít lúa gạo, đời sống nhân dân rất khổ. Ngoài ra, ở Ác Khê (nay là Hàn Giang, Quảng Đông) có một con cá sấu thường bò lên bờ giết hại người và súc vật, nhân dân khổ nhiều vì nó".

Hàn Dũ nói: "Nếu như vậy, ta phải tìm cách trừ khử nó".

Nói như vậy, nhưng Hàn Dũ rút cuộc là 1 văn nhân, không biết sử dụng đao cung, làm sao trừ được cá sấu hung dữ? Ông nảy ra 1 ý, viết 1 bài "Văn tế cá sấu", sai người đến bờ sông, đọc bài văn tế đó, lại giết 1 con lợn, 1 con dê, ném xuống sông cho cá sấu ăn. Trong bài văn tế đó, ông ra lệnh cho cá sấu trong thời hạn 7 ngày phải đi ra biển. Nếu không, sẽ dùng cung cùng tên độc giết chết. Hàn Dũ vốn không tin Phật, sao lại tin rằng cá sấu có trí khôn để hiểu bài văn tế của ông? Điều đó đương nhiên chỉ là 1 thủ thuật của ông để làm yên lòng người mà thôi. Nhưng sự việc diễn ra lại ngẫu nhiên may mắn làm sao, tương truyền sau khi đọc văn tế, con cá sấu không thấy xuất hiện nữa. Nhân dân địa phương cho rằng lệnh đuổi do đại thần được triều đình cử tới đúng là có uy lực mạnh mẽ, đều ca ngợi và yên tâm sản xuất.

Hàn Dũ làm quan ở đó 1 năm lại được gọi về Trường An, làm việc ở Quốc tử giám (trường học cao cấp nhất thời phong kiến). Cùng năm đó (năm 820), Đường Hiến Tông bị hoạn quan giết chết. Con ông ta là Lý Hằng lên ngôi. Đó là Đường Mục Tông.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Sự Kiện Cam Lộ

Từ đời Đường Mục Tông, các hoàng đế đều do hoạn quan lập nên. Vì vậy, quyền lực hoạn quan càng ngày càng lớn, ngay đến vận mạng của hoàng đế cũng nằm trong tay chúng thì ai còn dám đối địch với chúng nữa? Đường Văn Tông Lý Ngang (con Mục Tông, làm hoàng đế từ 827 tới 841) lên ngôi tới năm thứ 2 (828), có tổ chức điện thí tại triều đình. Các cử nhân từ khắp các địa phương trong nước đến dự thi. Có 1 cử nhân tên là Lưu Phần, đã công khai viết trong bài thi những lời phản đối việc hoạn quan nắm quyền, cho rằng muốn cho nước nhà an định thì phải tước bỏ quyền lực của hoạn quan, giao chính quyền cho tể tướng, giao binh quyền cho tướng soái. Quyển thi nộp lên cho quan chấm thi, người nọ truyền người kia xem, đều khen nức nở, thấy không những lời văn hay, mà lập luận lại chặt chẽ, thật là 1 áng văn hiếm có. Nhưng tới lúc quyết định lấy đỗ, thì không ai dám tỏ thái độ, vì nếu lấy cho Lưu Phần đỗ tiến sĩ, sẽ đắc tội với hoạn quan, địa vị của các quan chấm thi sẽ khó lòng mà giữ được.

Kết quả, toàn bộ 22 cử nhân cùng thi với Lưu Phần đều đỗ, chỉ riêng Lưu Phần bị rớt. Lưu Phần được mọi người công nhận là nhân tài kiệt xuất. Lần này bị rớt, ai ai cũng đều thấy thật quá oan uổng. Những cử nhân được lấy đỗ, đều nói: "Lưu Phần bị rớt mà chúng tôi lại đỗ, thật là quá xấu hổ".

Đường Văn Tông sống trong sự thao túng của hoạn quan, cũng rất căm tức. Ông nung nấu ý định tìm cách trừ khử bọn này. Một lần, Đường Văn Tông bị bệnh, cần tìm gấp thầy thuốc. Lúc đó, dưới quyền Vương Thủ Trường, tên đứng đầu hoạn quan, có 1 viên quan tên là Trịnh Chú, tinh thông

nghe y. Vương Thủ Trùng liền tiến cử Trịnh Chú trị bệnh cho Đường Văn Tông. Đường Văn Tông dùng thuốc của Trịnh Chú, chẳng bao lâu khỏi bệnh. Rất phấn khởi, ông gọi Trịnh Chú vào triều kiến, thấy Chú nói năng lanh lợi, tỏ ra có tài năng, liền phong làm Ngự sử đại phu. Trịnh Chú có người bạn là Lý Huấn, vốn là 1 quan chức nhỏ bất đắc chí, nghe tin Trịnh Chú được triều đình trọng dụng, liền đem lễ vật tới xin gặp. Đúng lúc Trịnh Chú đang cần 1 trợ thủ, thấy Lý Huấn tới, liền xin Vương Thủ Trùng tiến cử Lý Huấn lên Đường Văn Tông. Lý Huấn cũng được Đường Văn Tông trọng dụng, sau này còn được thăng tới chức tể tướng. Lý Huấn và Trịnh Chú ngày càng được tin cần. Do đó, Đường Văn Tông liền thổ lộ với họ ý định muốn trừ bỏ bọn hoạn quan. Hai người bí mật bàn bạc với Đường Văn Tông, tìm cách tước bớt quyền lực của Vương Thủ Trùng. Họ dò biết hoạn quan Cừu Sĩ Lương là thủ hạ của Vương Thủ Trùng, nhưng có mâu thuẫn với Vương Thủ Trùng, liền tâu xin Văn Tông phong Cừu Sĩ Lương làm Trung úy trong đội Tả Thần Sách. Tiếp đó, Lý Huấn với cương vị tể tướng, xin nhà vua tước bỏ binh quyền của Vương Thủ Trùng. Khi hẳn đã không còn binh quyền, Đường Văn Tông liền ban cho 1 chén rượu độc: Vương Thủ Trùng bị giết.

Trừ được Vương Thủ Trùng rồi, lại phải trừ tiếp Cừu Sĩ Lương, vì chung qui hẳn cũng là hoạn quan, lại đang có binh quyền. Sau 1 thời gian sắp đặt mưu kế, Lý Huấn bắt mối được với tướng Hàn Ước, chỉ huy quân cấm vệ, liền quyết định ra tay. Năm 835, một hôm khi Đường Văn Tông đang lâm triều, thì Hàn Ước lên điện tấu trình, rằng đêm qua, trong vườn phía sau đại sảnh của quân cấm vệ có 1 cây thạch lựu xuất hiện cam lộ (nước sương ngọt). Vương triều phong kiến vốn rất mê tín, cho rằng trời giáng cam lộ là điềm báo điều lành. Lý Huấn lập tức dẫn đầu bá quan văn võ tung hô "vạn tuế" để chúc mừng phúc lớn của hoàng đế, và mời hoàng đế ngự giá tới vườn sau để xem cam lộ. Đường Văn Tông lệnh cho tể tướng Lý Huấn đến xem trước, Lý Huấn làm ra vẻ như đã đi xem, sau khi lượn vòng sau vườn, trở lại tâu: "Hạ thần đã đi xem, nhưng sợ rằng đó không phải là cam lộ thật, xin bệ hạ cử người đi kiểm tra lại".

Đường Văn Tông lại hạ lệnh cho Cừu Sĩ Lương dẫn hoạn quan đi xem. Cừu Sĩ Lương gọi Hàn Ước cùng đi. Đến cửa vườn, Hàn Ước quá hồi hộp, mặt mũi xanh xám. Cừu Sĩ Lương phát hiện thấy, lấy làm lạ, hỏi: "Hàn tướng quân, ngài làm sao thế?".

Vừa hỏi xong, thì 1 cơn gió thổi, làm lật tung tấm rèm vải che dọc lối vào vườn. Cừu Sĩ Lương thấy bên trong mai phục rất nhiều quân lính cầm gươm giáo sáng quắc. Cừu Sĩ Lương giật mình, vội chạy trở về với Đường Văn Tông. Lý Huấn thấy hấn bỏ chạy, liền hô quân lính đuổi theo. Nhưng Cừu Sĩ Lương nhanh hơn, đã cùng lũ hoạn quan cướp lấy Đường Văn Tông, đưa lên kiệu chạy vào nội cung. Lý Huấn đuổi kịp kiệu, giữ chặt không chịu buông, 1 tên hoạn quan liền xông tới, đánh Lý Huấn ngã quay ra đất. Đường Văn Tông bị lũ hoạn quan nhốt chặt trong nội cung. Kế hoạch thất bại, Lý Huấn vội mượn áo 1 tên tiểu lại, hóa trang trốn chạy. Cừu Sĩ Lương lập tức phái quân, tiến hành cuộc truy bắt đại qui mô với những người tham dự mưu mô và giết hại toàn bộ. Lý Huấn tìm mọi cách trốn tránh nhưng không thoát, bị giết trên đường. Kế hoạch diệt trừ hoạn quan do hoàng đế, tể tướng và ngự sử đại phu Trịnh Chú khổ công vạch ra, do thực hiện sơ xuất nên đã thất bại thảm hại. Số người có liên quan bị hoạn quan giết hại lên tới 1000. Lịch sử gọi sự kiện này là "Cam lộ chi biến" (sự biến sương ngọt).

Sau sự biến này, Đường Văn Tông hoàn toàn đặt dưới sự giám sát của các hoạn quan. Ông vua tù nhân này còn sống lay lắt được 5 năm nữa rồi chết trong bệnh tật, đau buồn và uất ức. Cừu Sĩ Lương lập người anh em của Văn Tông là Lý Viên lên làm vua (năm 841). Đó là Đường Vũ Tông.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Vụ Tranh Chấp Bè Phái

Trong thời kì hoạn quan nắm quyền, trong triều đình hễ viên quan nào chống lại chúng, đều bị đả kích và loại trừ. Số còn lại đều phải dựa vào hoạn quan, nhưng lại chia làm 2 phe cánh, cãi vã tranh chấp nhau liên miên. Tình hình đó kéo dài suốt 40 năm. Lịch sử gọi tình hình này là "Bằng đảng chi tranh" (sự tranh chấp bè phái). Sự tranh chấp này bắt đầu ngay từ thời Đường Hiến Tông tại vị (806-821). Một năm, triều đình mở cuộc thi để tuyển chọn nhân tài dám can gián thẳng thắn. Trong số người tham gia dự thi, có 2 quan chức cấp thấp, là Lý Tông Mẫn và Ngưu Tăng Nhu. Trong quyển thi, 2 người đều nêu ý kiến phê bình triều chính, các quan chấm thi xem thấy nội dung bài thi phù hợp với yêu cầu tuyển chọn, liền tiến cử họ lên Đường Hiến Tông. Tế tướng Lý Cát Phủ biết được việc đó, hết sức bực bội. Ông ta vốn là dòng dõi sĩ tộc nhiều đời, xưa nay vốn coi thường những người thuộc giới bình dân, nhờ học hành thi cử mà được làm quan. Nay thấy 2 kẻ xuất thân hèn kém là Lý Tông Mẫn và Ngưu Tăng Nhu dám phê bình triều chính, vạch những điểm yếu kém của mình, thì cho là quá xúc phạm. Ông nói với Đường Hiến Tông, là 2 kẻ được tiến cử hoàn toàn là do có quan hệ tư túi với quan chấm thi. Đường Hiến Tông tin lời, giáng chức ngay các quan chấm thi và không bổ dụng Lý Tông Mẫn và Ngưu Tăng Nhu.

Sau khi Lý Cát Phủ chết, con là Lý Đức Dụ nhờ địa vị cũ của cha, được phong làm Hàn lâm học sĩ. Lúc đó, Lý Tông Mẫn cũng được thăng làm quan trong triều. Lý Đức Dụ vẫn ghi nhớ mối hiềm thù cũ với Lý Tông Mẫn là người đã từng phê phán cha mình. Khi Đường Mục Tông lên ngôi,

lại mở khoa thi tiến sĩ. Có 2 vị đại thần có người nhà dự thi, liền đến nói lót trước với quan chấm thi. Quan chấm thi là Tiều Huy không chịu. Trong khóa đó, 1 người thân thích của Lý Tông Mẫn được lấy đỗ tiến sĩ. Hai đại thần trên tâu với Đường Mục Tông là Tiều Huy đã thông đồng, tư túi trong chấm thi. Đường Mục Tông hỏi Hàn lâm học sĩ, Lý Đức Dự trả lời quả là có việc đó. Do đó, Tiều Huy bị giáng chức. Lý Tông Mẫn cũng bị liên quan, phải biếm trích đi xa. Lý Tông Mẫn thấy Lý Đức Dự cố tình dựng chuyện hại mình nên đem lòng căm hận từ đó. Ngưu Tăng Nhu cũng cùng chung tình cảnh với Lý Tông Mẫn. Sau đó, Lý Tông Mẫn, Ngưu Tăng Nhu và các quan chức xuất thân khoa cử kết lại với nhau thành 1 phe phái. Lý Đức Dự cũng cùng các quan chức xuất thân danh gia sĩ tộc kết thành 1 phe phái khác. Hai bên dùng mọi thủ đoạn khi ngầm ngầm, lúc công khai bài xích đấu đá với nhau rất kịch liệt.

Đến đời Đường Văn Tông, Lý Tông Mẫn nhờ chạy chọt theo đường hoạn quan mà làm tới chức tể tướng. Ông liền tiến cử Ngưu Tăng Nhu lên Văn Tông và cũng được phong làm tể tướng. Hai người nắm được quyền lực cao trong triều, liền hợp lực lại đả kích Lý Đức Dự, điều Lý Đức Dự đi khỏi kinh thành, đi làm tiết độ sứ Tây Xuyên (trị sở ở Thành Đô, Tứ Xuyên ngày nay). Lúc đó, vùng giáp Tây Xuyên có nước Thổ Phồn, 1 tướng Thổ Phồn sang hàng Lý Đức Dự. Nhân cơ hội đó, Lý Đức Dự thu phục được 1 thị trấn quan trọng là Duy Châu (trị sở tại huyện Lý, Tứ Xuyên ngày nay). Điều đó, đáng phải kể là 1 chiến công của Lý Đức Dự. Nhưng tể tướng Ngưu Tăng Nhu lại nói với Đường Văn Tông: "Thu phục được Duy Châu, không đáng kể gì; nhưng làm xấu quan hệ với Thổ Phồn, là 1 việc sai lầm". Ông xin Đường Văn Tông ra lệnh cho Lý Đức Dự trả lại Duy Châu cho Thổ Phồn. Việc đó khiến Lý Đức Dự tức uất người.

Sau đó có người tâu với Đường Văn Tông rằng trả lại Duy Châu là thất sách, đồng thời nói thêm rằng sự việc đó là thủ đoạn đả kích Lý Đức Dự của Ngưu Tăng Nhu. Đường Văn Tông rất hối tiếc, từ đó lạnh nhạt với Ngưu Tăng Nhu. Bản thân Đường Văn Tông cũng nằm trong vòng khống

chế của bọn hoạn quan, không có chủ kiến trong bất kì việc gì, khi thì ngả theo phe Lý Đức Dụ, khi lại ngả theo phe Ngưu Tăng Nhu. Phái này nắm được quyền thì phái kia khốn khổ. Thế lực 2 phái cứ đổi thay như đèn kéo quân, khiến triều chính rất hỗn loạn. Bản thân Đường Văn Tông không phân biệt được đúng sai, phải trái nên thấy tình hình đó thì than thở: "Dẹp loạn vùng Hà Bắc còn dễ, chứ dẹp bỏ được bè phái trong triều đình thật là khó khăn quá!".

Cả 2 phái tranh quyền đoạt lợi với nhau đều phải dựa vào hoạn quan, ra sức lấy lòng bọn chúng. Khi Lý Đức Dụ làm tiết độ sứ Hoài Nam, hoạn quan giám quân là Dương Khâm Nghĩa được triệu về kinh thành, mọi người đều nói là lần này Dương Khâm Nghĩa về nhất định sẽ nắm đại quyền. Vì vậy, khi Dương Khâm Nghĩa sắp lên đường, Lý Đức Dụ bày tiệc tiễn đưa long trọng, còn tặng nhiều lễ vật hậu hĩnh. Về tới triều đình, Dương Khâm Nghĩa hết lời tán dương, tiến cử Lý Đức Dụ với Đường Vũ Tông (tên là Lý Viên, làm vua từ 841-847). Quả nhiên, ít lâu sau, Đường Vũ Tông triệu Lý Đức Dụ về triều, phong làm tể tướng. Khi đã nắm được lực. Lý Đức Dụ liền trị lại Ngưu Tăng Nhu và Lý Tông Mẫn, biếm trích họ xuống miền nam. Được Vũ Tông tín nhiệm, Lý Đức Dụ làm tể tướng được mấy năm. Nhưng do chuyên quyền độc đoán, ông ta bị nhiều đại thần oán hận. Năm 846, Đường Vũ Tông bị bệnh mất, các hoạn quan lập chú Vũ Tông là Lý Thấm lên là vua. Đó là Đường Tuyên Tông. Đường Tuyên Tông loại hết những đại thần dưới thời Vũ Tông. Ngay ngày lên ngôi, ông đã hạ chiếu triệu chức tể tướng của Lý Đức Dụ. Một năm sau, lại biếm trích Lý Đức Dụ tới Nhai Châu (nay là đảo Hải Nam).

Cuộc tranh chấp bè phái kéo dài tới 40 năm tới đây kết thúc. Nhưng vương triều Đường trải qua biết bao hỗn loạn không còn bao nhiêu sức sống nữa.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Xung Thiên Đại Tướng Quân Hoàng Sào

Cuối triều Đường, qua hỗn chiến phiên trấn, hoạn quan chuyên quyền và các quan trong triều chia bè phái, đấu tranh kèn cựa nhau, nên triều chính hết sức hỗn loạn. Đường Tuyên Tông có thể được coi là 1 hoàng đế tương đối sáng suốt, nhưng cũng không thể xoay chuyển được cục diện. Sau khi Đường Tuyên Tông mất, 2 hoàng đế lần lượt kế vị là Đường Ý Tông Lý Thôi (làm vua từ 860-874) đều say mê hoan lạc, chìm đắm trong cuộc sống xa hoa thối nát tới cùng cực. Hoàng thất, quan liêu, địa chủ tăng cường bóc lột nông dân, thuế má ngày càng nặng, lại thêm thiên tai liên tiếp; nông dân phá sản, lưu tán khắp nơi. Nhiều người không chịu nổi cảnh bị bóc lột tàn tệ, liền tổ chức nhau lại vùng lên phản kháng.

Năm Đường Ý Tông lên ngôi (860), ở vùng Triết Đông nổ ra cuộc khởi nghĩa, từ 100 người phát triển tới 3 vạn, duy trì cuộc chiến đấu suốt 8 tháng, làm rung động cả Việt Châu (trị sở ở Thiệu Hưng, Triết Giang ngày nay). 8 năm sau, 800 binh sĩ đồn trú tại Quế Lâm, vốn đại đa số có quê quán ở Từ Châu, vì đã hết hạn mà quan trên không cho về, liền giết luôn kẻ chỉ huy, cử Bàn Huân làm thủ lĩnh, phát động khởi nghĩa. Họ từ Quế Lâm tiến quân lên phía bắc, tiến về quê hương. Dọc đường tiến quân và vùng quanh Từ Châu, nông dân rầm rộ hưởng ứng. Khi tới Từ Châu, đội ngũ đã phát triển tới 20 vạn quân. Hai cuộc khởi nghĩa trên đều bị quân triều đình đè bẹp, nhưng tinh thần phản kháng của nông dân ngày càng cao, qui mô của những cuộc khởi nghĩa sau này cũng ngày càng lớn. Cuối triều Đường, muối bị đánh thuế rất nặng, thương nhân lại đầu cơ nâng cao giá, nên nông dân không có muối ăn, nhiều người phải ăn nhạt. Nhiều nông dân nghèo

phải bỏ việc canh tác vì thuế má nặng, đi làm nghề buôn bán muối để kiếm tiền. Nhưng làm nghề buôn bán muối cũng rất nguy hiểm, phải có nhiều người cùng làm để bênh vực nhau. Do đó, dần dần hình thành rất nhiều đoàn buôn bán muối. Trong số đó, có 1 số thủ lĩnh sau này sẽ trở thành thủ lĩnh khởi nghĩa nông dân.

Năm 874, cũng tức là năm Đường Hy Tông lên ngôi, ở Bộc Châu (trị sở ở huyện Phạm, Hà Nam ngày nay) có 1 thủ lĩnh dân buôn muối là Vương Tiên Chi tụ tập mấy ngàn nông dân nổi lên khởi nghĩa ở Trường Đản (thuộc Hà Nam ngày nay). Vương Tiên Chi tự xưng là Thiên bổ bình quân đại tướng quân, tuyên cáo vạch trần tội ác của quan lại triều đình tạo nên cảnh chênh lệch giàu nghèo quá đáng. Lời tuyên cáo nhanh chóng được nông dân nghèo khổ hưởng ứng. Không lâu sau, ở Oan Cư (nay ở phía bắc huyện Tào, Sơn Đông), 1 người buôn muối tại địa phương là Hoàng Sào cũng khởi binh hưởng ứng.

Hoàng Sào từ nhỏ được học hành, lại biết cưỡi ngựa bắn cung. Ông từng tới Trường An thi tiến sĩ mấy lần nhưng đều không đỗ. Ở Trường An, ông được tận mắt chứng kiến cảnh hủ bại và đen tối của triều đình, ông rất phẫn nộ. Tương truyền trong thời gian đó ông đã viết bài thơ "Vịnh hoa cúc", dùng hoa cúc để ẩn dụ, nói lên quyết tâm lật đổ và lên thay thế triều Đường. Thơ viết:

"Đãi đặc thu lai cửu nguyệt bát

Ngã hoa khai thời bách hoa sát

Xung thiên hương trận thẩu Trường An

Mãn thành tận đá "hoàng kim giáp".

Dịch thơ:

"Đợi đến mùa thu, tháng tám chín

Hoa ta nở ra, mọi hoa chết

Hương thơm ngút trời đẫm Trường An

Toàn thành đều khoác áo vàng rực".

Sau khi 2 đội quân khởi nghĩa của Vương Tiên Chi và Hoàng Sào hội họp với nhau, hoạt động suốt dải Sơn Đông, Hà Nam; liên tiếp đánh chiếm nhiều châu huyện, thanh thế mỗi ngày 1 lừng lẫy. Vương triều Đường vô cùng hoảng sợ, ra lệnh cho tướng lĩnh các địa phương trấn áp quân khởi nghĩa. Nhưng phiên trấn các nơi đều sợ giao chiến với quân khởi nghĩa, nơi này trông chờ nơi kia, triều đình cũng không biết làm thế nào. Không có sức đàn áp, triều Đường liền xoay sang biện pháp xoa dịu, mua chuộc. Trong lúc quân khởi nghĩa đánh chiếm Kỳ Châu (nay là Kỳ Xuân, Hồ Bắc), triều đình liền cử hoạn quan đến Kỳ Châu gặp Vương Tiên Chi, phong ông làm Tả Thần Sách quân Áp Nha kiêm giám sát ngự sử. Vương Tiên Chi thấy được làm quan thì mê muội đầu óc, tỏ ý sẵn sàng nhận chức. Hoàng Sào được tin, hết sức giận dữ, lập tức dẫn 1 số tướng sĩ đến gặp Vương Tiên Chi, mắng nhiếc thậm tệ, nói: "Khi bắt đầu khởi nghĩa, đã cùng nhau thề là sẽ đồng tâm hiệp lực để bình định thiên hạ. Nay người muốn ra làm quan, bỏ rơi anh em chúng ta sao?".

Vương Tiên Chi chưa kịp phân trần, Hoàng Sào đã vung năm đấm xông vào đánh, khiến Vương Tiên Chi máu me đầy mặt. Các tướng sĩ nghĩa quân đứng xung quanh đều nhao nhao trách mắng Vương Tiên Chi. Thấy sai lầm, Vương Tiên Chi phải nhận lỗi trước nghĩa quân và đuổi tên hoạn quan đi. Qua sự kiện đó, Hoàng Sào quyết định chia quân với Vương Tiên Chi, mỗi người tiến đánh 1 hướng, Vương Tiên Chi tiến về phía tây, Hoàng Sào tiến về phía đông. Không lâu sau, cánh quân của Vương Tiên Chi bị quân Đường đánh bại ở Hoàng Mai (thuộc địa phận Hồ Bắc ngày nay), bản thân Vương Tiên Chi bị giết. Sau thất bại đó, lực lượng nghĩa quân qui tụ xung quanh Hoàng Sào, mọi người tôn Hoàng Sào làm thủ lĩnh, xưng hiệu là Xung thiên đại tướng quân. Lúc đó, lực lượng quân triều đình ở Trung

nguyên tương đối mạnh. Khi quân khởi nghĩa tiến ông Hà Nam, quân triều đình tập trung binh lực lớn gần Lạc Dương, chuẩn bị bao vây tiêu diệt nghĩa quân. Hoàng Sào biết được ý định đó, liền chọn khu vực quân triều đình mỏng yếu nhất, dẫn quân xuống miền nam. Họ nhanh chóng vượt Trường Giang, đánh tới Triết Đông. Thế quân khởi nghĩa như chẻ tre, liên tiếp đánh chiếm Việt Châu, Cù Châu (nay ở huyện Cù, Triết Giang). Sau đó, lại đục xuyên 700 dặm đường núi, mở thông đường từ Cù Châu tới Kiến Khâu (nay là Kiến Âu, Phúc Kiến). Qua hơn 1 năm ròng rã, nghĩa quân đánh tới Quảng Châu. Sau khi nghỉ ngơi chỉnh đốn ở Quảng Châu, miền Lĩnh Nam xảy ra nạn dịch.

Hoàng Sào quyết định đem quân tiến lên phía bắc. Triều đình lệnh cho tiết độ sứ Kinh Nam là Vương Đạc cùng tiết độ sứ Hoài Nam là Cao Biền hợp quân lại chặn đường. Quân khởi nghĩa lần lượt đánh bại 2 đạo quân đó rồi vượt Trường Giang. Cao Biền sợ hãi, lấy cớ bị trúng phong, ở tịt trong thành Dương Châu không dám ra ứng chiến. Quân khởi nghĩa vượt qua Hoài Hà, truyền hịch cho các tướng triều đình: "Chúng ta tiến công kinh thành, chỉ hỏi tội hoàng đế, không đụng chạm đến người khác. Các người ai giữ địa giới người ấy, chớ có xúc phạm tới oai vũ quân ta".

Tướng lĩnh các nơi nhận được hịch truyền đều sợ hãi, chỉ muốn giữ gìn thực lực, không muốn dốc sức vì triều Đường. Tin tức truyền tới Trường An, Đường Hy Tông sợ hãi khóc sụt mướt trước các triều thần. Năm 880, Hoàng Sào dẫn 60 vạn đại quân, rầm rộ tới trước Đồng Quan. Khắp núi non đồng ruộng bên ngoài Đồng Quan đều phủ rợp cờ màu trắng của đoàn quân khởi nghĩa. Quan quân giữ thành lúc đầu toan cố giữ, Hoàng Sào thân tới trước trận đốc chiến, tướng sĩ quân khởi nghĩa thấy Hoàng Sào, đều hoan hô vang dậy, tiếng hò reo vang dội khắp núi, nghe như trời rung đất chuyển. Quân triều đình kinh hồn mất vía, sợ hãi đốt bỏ doanh trại rồi ôm đầu chạy trốn. Quân khởi nghĩa chiếm được Đồng Quan, khiến triều đình kinh hoàng hỗn loạn. Đường Hy Tông và đầu sỏ hoạn quan Điền Lệnh Tư dẫn các phi tần và hoàng thất chạy vào Thành Đô. Các quan triều đình

không kịp chạy trốn, đều ra ngoài thành đầu hàng. Chiều hôm đó, Hoàng Sào ngồi trên kiệu vàng, có các tướng hộ vệ, tiến vào thành Trường An. Trăm họ trong kinh thành, già trẻ lớn bé dấp dấp nhau đứng chật đường chào đón. Đại tướng nghĩa quân Thượng Nhượng tuyên bố trước dân chúng: "Hoàng Vương khởi binh là vì trăm họ, chứ không ngược đãi dân chúng như họ Lý (họ của hoàng đế triều Đường). Trăm họ hãy an cư lạc nghiệp". Binh sĩ của nghĩa quân thấy dân chúng nghèo khổ quá, đều đem chia cho họ những tài sản lấy được.

Mấy hôm sau, Hoàng Sào lên ngôi hoàng đế ở cung Đại Minh trong thành Trường An, đổi quốc hiệu là Đại Tề. Trải qua 7 năm chiến đấu, cuối cùng quân khởi nghĩa đã giành được thắng lợi. Nhưng quân khởi nghĩa Hoàng Sào do tác chiến lưu động dài ngày, không để quân lại đóng giữ tại những vùng đã đóng chiếm được. Sau khi mấy chục vạn quân khởi nghĩa tiến vào Trường An, khắp vùng xung quanh vẫn còn thế lực quân Đường. Chẳng bao lâu sau, triều Đường điều binh mã các nơi về bao vây Trường An. Việc cung cấp lương thực cho Trường An gặp khó khăn nghiêm trọng. Hoàng Sào phái đại tướng Chu Ôn giữ Đồng Châu (nay là Đại Lệ, Thiểm Tây). Nhưng, trong lúc quân khởi nghĩa gặp khó khăn nhất, thì Chu Ôn đầu hàng triều Đường, trở thành tên phản bội nhục nhã. Triều Đường lại mời lực lượng dân tộc thiểu số là Sa Đà (1 dân tộc ở tây bắc Trung Quốc thời cổ) hợp sức với tiết độ sứ Nhạn Môn Lý Khắc Dụng dẫn 4 vạn kỵ binh tiến công Trường An. 15 vạn nghĩa quân nghênh chiến, nhưng bị đại bại, đành phải rút khỏi Trường An.

Hoàng Sào dẫn quân khởi nghĩa lui tới Hà Nam, lại bị Chu Ôn và Lý Khắc Dụng vây đánh. Năm 884, sau khi thất bại trong trận tiến đánh Trần Châu (nay là Hoài Dương, Hà Nam), Hoàng Sào bị quan quân đuổi riết và cuối cùng đã hy sinh anh dũng ở Lang Hồ Cốc thuộc dãy Thái Sơn.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Ngày Tàn Của Triều Đường

Sau khi khởi nghĩa Hoàng Sào thất bại, Đường Hy Tông trở về Trường An. Lúc này, chính quyền trung ương của triều Đường chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa. Phiên trấn các vùng đều mở rộng thế lực trong qua trình trấn áp quân khởi nghĩa, giành giật địa bàn với nhau, hình thành rất nhiều thế lực cát cứ to nhỏ khác nhau. Trong số đó, có 2 lực lượng lớn mạnh nhất là tiết độ sứ Hà Đông Lý Khắc Dụng và tiết độ sứ Tuyên Vũ (trị sở nay ở Khai Phong, Hà Nam) Chu Ôn. Chu Ôn xuất thân trong 1 gia đình nghèo, từ nhỏ là kẻ du thủ du thực. Trong số 3 anh em, hẳn là kẻ hung ác và gian trá nhất. Sau khởi nghĩa Hoàng Sào, hẳn tham gia nghĩa quân, được Hoàng Sào trọng dụng và được trao chỉ huy 1 đội quân lớn. Đến giờ phút nguy cấp nhất, hẳn trở cờ, dẫn đơn vị đầu hàng quân Đường và đóng vai trò đặc lực trong việc giúp triều Đường đàn áp nghĩa quân. Đường Hy Tông thưởng cho Chu Ôn quan cao lộc hậu và còn ban cho hẳn 1 cái tên đẹp "Toàn Trung" (hết lòng trung. Từ đó, Chu Ôn cũng được gọi là Chu Toàn Trung) rồi cử hẳn dẫn quân đàn áp quân khởi nghĩa.

Khi Hoàng Sào lui từ Trường An đến Hà Nam, binh lực còn rất mạnh. Quân khởi nghĩa tiến đánh Biện Châu (Khai Phong ngày nay), trị sở của Tuyên Vũ thuộc quyền tiết độ sứ Chu Ôn. Túng thế, Chu Ôn liền cầu cứu Lý Khắc Dụng. Lý Khắc Dụng đem quân tới, đánh bại quân khởi nghĩa, rồi vào thành Biện Châu. Chu Ôn nảy ra mưu độc, vờ bày tiệc chiêu đãi ân nhân, chuốc rượu cho Lý Khắc Dụng say túy lúy rồi đem quân vây chặt nhà khách, toan giết Lý Khắc Dụng. Dụng được mấy thân binh liều mình cứu thoát, phá vây chạy ra được. Từ đó, Lý Khắc Dụng thâm thù Chu Ôn, 2 lực

lượng cát cứ đó đánh nhau kịch liệt. Về sau, lực lượng Chu Ôn ngày càng mạnh, Lý Khắc Dụng phải lui về thế thủ, cố sao giữ vững được vùng Hà Đông. Sau khi Đường Hy Tông chết, em ông ta là Đường Chiêu Tông Lý Diệp muốn dựa vào triều thần để chống lại hoạn quan, nhưng nhiều lần không thành công. Sau đó, bọn hoạn quan giam lỏng Đường Chiêu Tông lại và lập hoàng đế khác. Sự kiện đó đã tạo cơ hội tốt cho kẻ luôn ấp ủ dã tâm như Chu Ôn. Hắn liền cử thân tín lên về Trường An, bí mật bàn kế hoạch với tể tướng Thôi Dật. Thôi Dật có chỗ dựa là lực lượng vũ trang của Chu Ôn, liền đem quân giết tên đứng đầu hoạn quan là Lôi Quý Thuật, đón Đường Chiêu Tông về lại ngôi hoàng đế.

Đường Chiêu Tông và Thôi Dật còn muốn giết hết hoạn quan. Bọn này liền dựa vào lực lượng của Lý Mậu Trinh, tiết độ sứ Phượng Tường, cướp lấy Đường Chiêu Tông đem đi Phượng Tường. Thôi Dật cầu cứu Chu Ôn, Chu Ôn liền đem quân tiến công Phượng Tường, yêu cầu Lý Mậu Trinh trao trả Đường Chiêu Tông. Binh lực của Lý Mậu Trinh yếu hơn Chu Ôn nên liên tiếp thua trận. Quân Chu Ôn vây chặt Phượng Tường. Trong thành hết lương thực, lại gặp mùa đông, tuyết xuống nhiều, quân lính và dân trong thành chết đói và chết rét nhiều không kể xiết. Lý Mậu Trinh kể cùng, lực kiệt, đành phải đầu hàng. Chu Ôn chiếm được Phượng Tường, cướp lại được Đường Chiêu Tông, đem về Trường An. Từ đó, quyền lực trong triều từ tay hoạn quan chuyển sang tay Chu Ôn. Số phận Đường Chiêu Tông càng thảm bại hơn trước. Sau khi nắm được đại quyền, Chu Ôn liền giết sạch hoạn quan rồi ép Đường Chiêu Tông dời đô đi Lạc Dương. Khi ra khỏi Trường An, hắn hạ lệnh dỡ hết cung điện, dinh quan và nhà dân, chuyên chở vật liệu đi Lạc Dương, đồng thời buộc toàn thể quan lại và dân chúng đều phải tới Lạc Dương. Nhân dân Trường An dất dứu người già, trẻ nhỏ buộc phải lên đường dưới sự đốc thúc của quân lính. Suốt đường dài vang dậy tiếng kêu khóc và nguyên rủa của dân chúng.

Đường Chiêu Tông đến Lạc Dương, muốn bí mật triệu phiên trấn các địa phương đến cứu, nhưng chưa chờ được tới lúc đó thì đã bị Chu Ôn giết

chết. Sau đó, Chu Ôn lập 1 thằng bé mới 13 tuổi lên làm hoàng đế bù nhìn. Đó là Đường Chiêu Tuyên Đế, sau cũng còn gọi là Ai Đế. Hoạn quan đã hết, hoàng đế thực sự cũng đã hết, nhưng còn lại quý tộc và đại thần cũ của triều Đường. Mưu sĩ của Chu Ôn nói với hã: "Bọn này rất khó đối phó. Muốn tính chuyện lớn, thì phải tổng cổ hết chúng đi!".

Một mưu sĩ khác tên là Lý Chấn, có biệt hiệu "chim ưng đầu mèo", vì không thi đỗ tiến sĩ nên thâm thù các đại thần. Hã nói với Chu Ôn: "Bọn này thường ngày tự cho là thanh cao, tự gọi mình là "thanh lưu" (dòng nước trong), nên ném tất cả chúng xuống "trọc lưu" (dòng nước đục - ý nói dòng Hoàng Hà) cho rảnh!".

Chu Ôn liền làm theo lời hã, trong 1 đêm tối trời, tập trung tất cả 39 đại thần lại, giết hết và vứt xác xuống Hoàng Hà. Năm 907, Chu Ôn phế Đường Chiêu Tuyên Đế, tự lập làm hoàng đế, đổi quốc hiệu là Lương, đóng đô ở Biện Kinh (tức Biện Châu, tức Khai Phong, Hà Nam ngày nay). Tên phản bội Chu Ôn trở thành Lương Thái Tổ. Triều Đường từng thống trị Trung Quốc 300 năm, tới đây chấm dứt.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

"Hải Long Vương" Tiền Lưu

Trong hơn 30 năm kể từ khi Chu Ôn lập nên triều Lương, miền Trung nguyên trước sau thay đổi 5 vương triều là Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu, lịch sử sau này gọi 5 vương triều thời kì này là Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu; gộp chung lại gọi là "Ngũ Đại" (5 đời). Trong thời Ngũ Đại, ở miền nam Ba Thục vẫn còn nhiều chính quyền cát cứ, người xưng đế, kẻ xưng vương, trước sau lập nên 9 nước là: Tiền Thục, Ngô, Mân, Ngô Việt, Sở, Nam Hán, Nam Bình, Hậu Thục, Nam Đường. Ở miền bắc còn có nước Bắc Hán. Cộng cả lại, ngoài 5 vương triều nối tiếp nhau kể trên, còn có 10 nước cát cứ khác. Do đó, thời Ngũ Đại cũng được gọi là thời Ngũ Đại Thập Quốc (đời 10 nước).

Không lâu sau khi Chu Ôn lên ngôi hoàng đế triều Lương, tiết độ sứ Trấn Hải (trị sở ở Hàng Châu, Triết Giang ngày nay) là Tiền Lưu phái người đến Biện Kinh chúc mừng sớm nhất, tỏ ý tình nguyện xưng thần. Chu Ôn hết sức phấn khởi, lập tức phong Tiền Lưu làm Ngô Việt vương. Tiền Lưu vốn xuất thân là dân nghèo, thời trẻ đã từng đi buôn muối, sau đó đến làm bộ tướng dưới quyền Đồng Xương, tướng giữ Triết Tây. Khi nghĩa quân Hoàng Sào đánh Triết Đông, Tiền Lưu với 1 binh lực nhỏ đã giữ được Lâm An (nay là Hàng Châu, Triết Giang). Vương triều Đường thấy Tiền Lưu có công, liền phong làm Đô chỉ huy sứ, sau lại phong lên chức tiết độ sứ. Sau khi lên chức tiết độ sứ, Tiền Lưu trở nên phô trương. Ông ta cho xây dựng dinh thự tráng lệ ở Lâm An, mỗi lần ra khỏi dinh đều có xe ngựa và binh lính hộ tống. Cha Tiền Lưu thấy thế rất không bằng lòng, mỗi lần Tiền Lưu sắp đi đâu, ông đều tránh mặt. Khi biết cha cố ý lánh mình, Tiền

Lưu rất áy náy. Một hôm, ông không dùng xe ngựa, không đem theo tùy tùng, đi bộ một mình tới nhà người cha, hỏi lý do. Người cha tuổi đã già nói: "Gia tộc nhà ta đời đời sinh sống bằng nghề đánh cá và làm ruộng, chưa có ai giàu sang và có quyền thế. Nay anh vươn được tới địa vị đó, ở vào hoàn cảnh xung quanh đều đầy rẫy kẻ chống đối mà còn muốn tranh thành đoạt đất với người ta, thì cha lo rằng nhà họ Tiền sau này sẽ gặp tai họa".

Tiền Lưu nghe cha nói như vậy, hứa sẽ ghi nhớ lời căn dặn đó. Sau đó, ông dẹp bỏ tham vọng, chỉ lo sao giữ được vùng đất nhỏ bé của mình thôi. So với nước Ngô lớn mạnh ở phía bắc, nước Ngô Việt của Tiền Lưu rất nhỏ, thường bị các nước khác uy hiếp. Sống lâu dần trong hoàn cảnh không ổn định, Tiền Lưu tạo nên và duy trì 1 thói quen cảnh giác. Ban đêm, để cho khỏi ngủ quá say, ông luôn gối đầu lên 1 khúc gỗ tròn, đặt tên là "chiếc gối cảnh giác". Nếu ngủ quá say, đầu trượt khỏi gối, gối sẽ lăn khỏi giường làm cho ông ta giật mình thức dậy. Trong phòng ngủ ông ta còn để sẵn 1 cái bàn, trên phủ 1 lớp bột trắng mỏng. Nếu chợt nghĩ ra ý nghĩ gì, liền lập tức trở dậy, dùng ngón tay viết lên bột để ghi ngay lại, phòng hôm sau có thể quên.

Không những bản thân rèn luyện tinh thần cảnh giác và tác phong cẩn mẫn, mà Tiền Lưu còn rất nghiêm khắc với tướng sĩ dưới quyền. Xung quanh dinh, đêm nào cũng có binh lính canh gác, tuần phòng. Một đêm, 1 tên lính gác ngồi ở xó tường ngủ gật; bỗng thấy bên kia tường bay sang mấy viên bi đồng, rơi xuống ngay cạnh, khiến anh ta giật mình tỉnh táo hẳn lại. Sau, anh lính đó biết rằng mấy viên bi đồng đó là do Tiền Lưu ném sang. Từ đó, không binh lính nào còn dám ngủ gật trong khi gác nữa. Lại 1 đêm khác, Tiền Lưu mặc thường phục, từ bên ngoài muốn vào thành theo lối cửa bắc. Cửa thành đã đóng, Tiền Lưu gọi to yêu cầu mở cửa, nhưng lính giữ cửa nhất định không mở. Tiền Lưu nói: "Ta được Đại vương cử ra ngoài làm việc, bây giờ phải về gấp để trình công việc".

Người giữ cửa trả lời: "Đêm khuya rồi. Đừng nói là người do Đại vương cử đi mà ngay cả đến bản thân Đại vương chẳng nữa, cũng không thể mở".

Tiền Lưu đành đi một nửa vòng thành, rồi vào theo lối cửa nam. Hôm sau, ông ta gọi người giữ cửa bắc vào, khen làm việc nghiêm túc và thưởng cho 1 số tiền. Nhờ sự tỉ mỉ thận trọng nên Tiền Lưu giữ vững được địa vị thống trị ở Ngô Việt. Nước Ngô Việt tuy nhỏ nhưng nhờ 1 thời gian dài không có chiến tranh nên kinh tế mỗi ngày một thịnh vượng. Chính vào thời điểm đạt tới thịnh vượng, thì Tiền Lưu lại trở lại cuộc sống xa hoa. Ông cho mở rộng thành Lâm An thêm 30 dặm, xây dựng rất nhiều đình đài lầu các, tôn tạo vương phủ của mình như 1 long cung. Để làm việc đó, nhân dân phải đóng góp rất nặng nề. Tiền Lưu còn điều dân phu đắp con đê đá dọc sông Tiền Đường và xây các cống dưới thân đê để điều tiết mức nước và ngăn nước biển xâm nhập. Ngoài ra, còn sai đục bỏ đá ngầm dọc sông, làm cho thuyền bè đi lại thuận tiện. Vì Tiền Lưu có công trong việc xây dựng thủy lợi, nên dân gian đặt cho ông 1 biệt danh là "Hải Long Vương".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Con Hát Làm Quan

Khi Chu Ôn xây dựng triều Lương, ở miền bắc còn có 2 thế lực cát cứ tương đối lớn, đó là Lưu Nhân Cung ở U Châu và Tấn vương Lý Khắc Dụng ở Hà Đông. Thời đó, tộc Khiết Đan ở miền bắc bắt đầu phát triển lớn mạnh. Thủ lĩnh Khiết Đan là Da Luật A Bảo Cơ đã thống nhất các bộ tộc Khiết Đan, lập nên 1 chính quyền thống nhất. Năm 907, A Bảo Cơ dẫn 30 vạn người ngựa đánh vào Vân Châu (trị sở Đại Đồng, Sơn Tây hiện nay). Lý Khắc Dụng muốn lợi dụng binh lực Khiết Đan để đối phó với Chu Ôn, nên bắt liên lạc A Bảo Cơ, 2 bên gặp nhau ở phía đông thành Vân Châu, kết làm anh em, hẹn ngày cùng đánh Lương. Nhưng A Bảo Cơ về tới Khiết Đan, suy nghĩ lại, thấy thế lực Chu Ôn lớn mạnh, không thực hiện giao ước với Lý Khắc Dụng, mà cử người tới kết thành đồng minh với Chu Ôn. Lý Khắc Dụng được tin đó, tức uất người, sinh bệnh. Vào mùa xuân năm sau, ông ta lại mọc nhọt sau lưng, nằm liệt giường. Tự biết mình khó còn trở dậy được, Lý Khắc Dụng gọi con là Lý Tồn Húc tới bên giường, dặn dò: "Chu Ôn là kẻ thù của gia đình ta, điều đó không cần nói con cũng đã biết; Lưu Nhân Cung là kẻ do cha tiến cử, thế mà lại phản phúc, dựa vào Chu Ôn; A Bảo Cơ đã từng kết nghĩa anh em với ta, sau lại xé bỏ minh ước, trở mặt quay sang với Chu Ôn. Ba mối hận đó nếu không giải được thì cha chết cũng khó lòng nhắm mắt".

Vừa nói ông ta vừa gọi người hầu đem đến 3 mũi tên, tự mình trao cho Lý Tồn Húc rồi nói tiếp: "Cha để lại cho con ba mũi tên này, con cần ghi nhớ ba kẻ thù đó để trả hận cho nhà ta".

Lý Tồn Húc quỳ bên giường, nước mắt lưng tròng, nhận 3 mũi tên, hứa xin đình ninh ghi nhớ lời căn dặn của cha. Lý Khắc Dụng nghe vậy mới nhắm mắt, trút hơi thở cuối cùng. Sau khi Lý Khắc Dụng chết, Lý Tồn Húc nối tước vị của cha, làm Tấn vương. Ông ta chuyên tâm huấn luyện quân đội, chấn chỉnh kỷ luật, biến binh sĩ tộc Sa Đà từ chỗ lỏng lẻo trở thành đội quân tinh nhuệ, thiện chiến. Lý Tồn Húc quyết tâm tiêu diệt kẻ thù, đặt 3 mũi tên do cha để lại vào trong miếu thờ của gia đình để thờ cúng long trọng. Mỗi lần xuất chinh, ông ta đều phái 1 viên quan vào miếu lấy 3 mũi tên đó, đựng trong 1 túi lụa thêu thùa rất đẹp, đem theo ra trận. Sau khi đánh thắng, lại đặt trả chúng vào miếu thờ. Lý Tồn Húc đem quân giao chiến với quân Lương mấy trận lớn, đánh cho 50 vạn quân Lương dưới quyền thống lĩnh của Chu Ôn thua tan tác, rút chạy nhục nhã. Chu Ôn vừa tức giận vừa xấu hổ, phát bệnh mà chết. Sau đó, Lý Tồn Húc lại đánh phá U Châu, bắt sống 2 cha con Lưu Nhân Cung và Lưu Thủ Quang, giải về Thái Nguyên.

Năm 916, Da Luật A Bảo Cơ lên ngôi hoàng đế. Năm năm sau liền đem quân tiến xuống phương nam, Lý Tồn Húc thân dẫn quân đội đánh tan quân Khiết Đan, đuổi A Bảo Cơ về phương bắc. Sau khi Chu Ôn chết, con là Lương Mạt Đế lại cũng Lý Tồn Húc giao tranh trong khoảng 10 năm trời. Đến năm 923, Lý Tồn Húc diệt triều Lương, thống nhất miền bắc Trung Quốc lên ngôi hoàng đế, đổi quốc hiệu Đường, đóng đô ở Lạc Dương. Đó là Hậu Đường Trang Tông. Đường Trang Tông báo thù được cho cha, cảm thấy thỏa lòng, mãn nguyện; cho rằng kẻ thù đã hết, miền Trung nguyên đã an định, liền mưu cầu hưởng lạc. Từ nhỏ, ông đã thích xem và tham gia biểu diễn ca kịch, chuyên phục vụ vương gia. Ngay từ nhỏ, Đường Trang Tông đã rất thân với các con hát. Sau khi cha mất, mãi lo việc trận mạc, ông ta phải gác ham thích đó lại. Đến khi;ên làm hoàng đế, ông ta trở lại say mê ca kịch, suốt ngày ở chỗ các con hát, mặc quần áo diễn viên lên sân khấu biểu diễn, bỏ hết mọi việc quốc gia đại sự. Ông còn tự đặt cho mình 1 nghệ danh (tên riêng dùng khi làm ca kịch) là "Lý Thiên Hạ".

Một hôm, trong khi đang sắm vai, ông tự xưng 2 lần: "Lý Thiên Hạ! Lý Thiên Hạ!". Một con hát nhảy ra tát luôn cho ông 2 cái, khiến bản thân ông cũng ngỡ người, không hiểu ra sao. Những con hát khác thất kinh, vội xông tới túm lấy con hát kia quở trách. Con hát đã tát ông liền cười hì hì nói: "Cai trị thiên hạ thì chỉ có một người là hoàng đế. Vai diễn này lại gọi tới hai lần, thì lấy đâu ra một người nữa?".

Đường Trang Tông nghe hăn nói, biết hăn cố ý đùa mình, nên tuy bị 2 cái tát vẫn không tỏ vẻ giận. Bọn con hát được Đường Trang Tông chiều chuộng, có quyền tự do ra vào cung cấm. Chúng có thể đùa giỡn với hoàng đế nên không coi các quan ra gì. Các quan chức triều đình bị chúng khinh nhờn, tuy rất bực tức nhưng không ai dám làm gì chúng. Một số quan chức muốn được chúng nói tốt cho mình trước Đường Trang Tông, phải đem lễ vật đút lót. Có 1 con hát là Cảnh Tiến, chuyên làm việc thăm dò tình hình bên ngoài để báo cáo cho Trang Tông. Ai không đối đãi tốt với hăn, hăn sẽ nói xấu với Đường Trang Tông và người đó sẽ khốn đốn. Vì vậy, các quan chức trong triều, ai cũng sợ Cảnh Tiến. Đường Trang Tông muốn phong 2 con hát làm thứ sử. Có người khuyên can: "Hiện nay triều Đường ta vừa được lập nên, nhiều tướng sĩ từng theo bệ hạ chinh chiến nhiều năm vẫn chưa được phong thưởng. Nếu bây giờ lại phong con hát làm thứ sử, sợ rằng lòng người không phục".

Đường Trang Tông bỏ ngoài tai, vẫn phong con hát làm quan. Một số tướng sĩ hết sức bất bình vì việc đó. Vài năm sau, nội bộ triều đình Hậu Đường sinh rối loạn, đại tướng Quách Sùng Thao bị hại; 1 đại tướng là Lý Tự Nguyên (con nuôi Lý Khắc Dụng) cũng bị nghi kỵ, suýt nữa thì mất mạng. Lý Đức Nguyên được các tướng sĩ ủng hộ, quyết định chống lại Đường Trang Tông. Ông ta dẫn quân đánh vào Biện Kinh, chuẩn bị tự lập làm hoàng đế. Từ Lạc Dương, Đường Trang Tông nhận được tin đó, muốn trở về Biện Kinh; nhưng tới nửa đường, được tin Lý Tự Nguyên đã chiếm được rồi và được nhiều tướng lĩnh ủng hộ. Biết mình đã hoàn toàn bị cô lập, Đường Trang Tông ủ rũ nói với tả hữu: "Lần này thì ta đi đời rồi!".

Về tới Lạc Dương, Đường Trang Tông còn muốn tổ chức chống lại Lý Đức Nguyên, nhưng Quách Tông Khiêm, viên chỉ huy sứ Thân quân của ông ta, vốn cũng là con hát, nhưng đã nhận đại tướng Quách Sùng Thao làm chú. Sau khi Quách Sùng Thao bị giết, Quách Tông Khiêm rất căm giận. Nhân dịp này, dẫn đầu Thân quân nổi loạn, đánh vào hoàng cung. Đường Trang Tông không kịp chống lại, bị 1 phát tên bắn chết. Lý Tự Nguyên lên ngôi hoàng đế Hậu Đường. Đó là Đường Minh Tông.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

"Hoàng Đế Con" Thạch Kính Đường

Khi Đường Minh Tông trị vì, dưới quyền ông ta có 2 viên đại tướng, 1 là Lý Tông Kha, con đẻ của ông ta; 1 là phò mã Thạch Kính Đường, tiết độ sứ Hà Đông. Cả 2 đều dũng cảm thiện chiến, nhưng lại không phục nhau, tới khi Đường Minh Tông chết, Lý Tông Kha lên ngôi hoàng đế, tức là Hậu Đường Mạt Đế, Thạch Kính Đường liền công khai chống lại. Đường Mạt Đế phái mấy vạn quân tiến đánh thành Tấn Dương, trị sở của Thạch Kính Đường. Đường không chống nổi, Tấn Dương lâm vào tình thế vô cùng nguy cấp. Mưu sĩ của Đường là Tang Duy Hàn nêu ý kiến là nên cầu cứu Khiết Đan. Khi đó, Da Luật A Bảo Cơ đã chết, con là Da Luật Đức Quang nối ngôi cha làm quốc vương. Tang Duy Hàn giúp Thạch Kính Đường thảo 1 bức thư cầu cứu gửi Da Luật Đức Quang, tỏ ý tình nguyện tôn Da Luật Đức Quang làm cha và hứa là sau khi giúp đánh bại quân Đường, sẽ cắt 16 châu Yên Vân (còn gọi là 16 châu của U Vân, chỉ U Châu, Vân Châu...thuộc miền bắc 2 tỉnh Hà Bắc, Sơn Tây ngày nay) ở phía bắc Nhạn Môn Quan, để hiến cho Khiết Đan.

Hành động đầu hàng của Thạch Kính Đường bị 1 số tướng lĩnh dưới quyền phản đối. Bộ tướng Lưu Tri Viễn nói: "Chúa công cầu cứu và xưng thần với Khiết Đan thì còn có thể biện hộ được, nhưng còn tôn Da Luật làm cha thì quá đáng; thêm nữa nếu hứa biếu hãn một số vàng bạc của cải thì còn được, chứ quyết không nên cắt nhượng đất đai".

Thạch Kính Đường chỉ lo sao giữ được địa vị và lợi ích nên không chịu nghe theo lời khuyên của Lưu Tri Viễn. Đường vội vã phái Tang Duy

Hàn mang theo bức thư bức thư nhục nhã trên đi gặp Da Luật Đức Quang. Da Luật Đức Quang vốn đã có ý định mở mang đất đai về hướng nam, nên khi nhận được những điều kiện hậu hĩ như vậy của Thạch Kính Đường thì vui mừng khôn xiết, lập tức phái 5 vạn kỵ binh tinh nhuệ đi cứu Tấn Dương. Thạch Kính Đường từ trong thành Tấn Dương đem quân đánh ra. Bị 2 đại quân đánh ép lại, quân Đường đại bại. Da Luật Đức Quang đưa quân vào Tấn Dương, Thạch Kính Đường thân ra ngoài thành tiếp đón, khom lưng quỳ gối, kính cẩn gọi Da Luật Đức Quang ít hơn mình 10 tuổi làm cha và còn thỉnh giáo xem quân Khiết Đan dùng cách nào mà đánh bại quân Đường nhanh đến như thế. Da Luật Đức Quang được thể khoác lác 1 hồi, Đường tỏ ra vô cùng khâm phục, khiến Da Luật Đức Quang rất hài lòng mãn ý. Da Luật Đức Quang thấy Thạch Kính Đường thực lòng muốn dựa vào mình, liền nói với Đường: "Ta rong ruổi ba ngàn dặm tới đây để cứu người thực không uổng công. Xem diện mạo và phong độ của người, xứng đáng làm người chủ Trung nguyên, vậy ta phong người làm hoàng đế".

Thạch Kính Đường mừng rỡ, nhưng còn vờ vịt từ chối, sau do bộ hạ thúc giục, mới xin nhận. Quốc vương Khiết Đan chính thức phong Thạch Kính Đường làm hoàng đế. Sau khi lên ngôi, Đường lập tức thực hiện lời hứa, cắt 16 châu thuộc Yên Vân nhường cho Khiết Đan. Dựa vào sự giúp đỡ của Khiết Đan, Thạch Kính Đường đem quân xuống phía nam đánh Lạc Dương. Đường Mạt Đế Lý Tòng Kha liên tiếp thua trận, bị thanh thế của quân Khiết Đan làm cho khiếp đảm mất hết ý chí, suốt ngày uống rượu rồi ôm mặt khóc chờ ngày bị tiêu diệt, không còn một chút dũng khí nào để chống cự nữa. Khi quân Thạch Kính Đường chưa vào được Lạc Dương, Đường Mạt Đế đã châm lửa đốt cung điện rồi cùng gia đình nhảy vào lửa. Thạch Kính Đường chiếm được Lạc Dương, diệt nhà Hậu Đường, chính thức lên làm hoàng đế Trung nguyên, đổi quốc hiệu là Tấn, đóng đô ở Biện Kinh (Khai Phong ngày nay). Đó là Cao Tổ của Hậu Tấn.

Thạch Kính Đường cảm tạ ân đức của Da Luật Đức Quang, dâng tấu chương lên quốc vương Khiết Đan, gọi Da Luật Đức Quang là "Phụ hoàng đế" (hoàng đế cha), tự xưng là "Nhi hoàng đế" (hoàng đế con). Ngoài việc hàng năm phải tiến cống cho Khiết Đan 30 vạn tấm vải lụa. Ngày lễ ngày tết, còn phải cử sứ giả mang đồ mừng sang dâng cho quốc vương, thái hậu và đại thần Khiết Đan. Những người trên nếu không vừa lòng, cử người đến quở trách, Thạch Kính Đường phải cung kính dâng lễ vật tạ tội. Sứ giả triều Tấn cử sang Khiết Đan, các quan chức Khiết Đan đều đối xử ngạo mạn, nói nhiều lời lăng nhục. Sứ giả trở về Biện Kinh, kể lại những điều nhục nhã đó, các quan trong triều đều cảm thấy mất mặt, chỉ có Đường là vẫn thản nhiên, coi như không có chuyện gì. Thạch Kính Đường dựa vào sự bảo hộ của Khiết Đan, làm hoàng đế con nhục nhã trong 7 năm rồi ốm chết. Cháu ông ta là Thạch Trọng Quý lên ngôi. Đó là Tấn Xuất Đế. Khi dâng tấu chương lên quốc vương Khiết Đan, Tấn Xuất Đế tự xưng là cháu mà không xưng là thần. Da Luật Đức Quang cho như vậy là bất kính, liền đem quân tiến đánh.

Cả 2 lần tiến đánh của quân Khiết Đan đều gặp phải sự chống trả kịch liệt của quân dân triều Tấn nên đều thất bại thảm hại. Nhưng lần cuối cùng, do sự thông đồng, phản bội của Hán gian, quân Khiết Đan chiếm được Biện Kinh, Tấn Xuất Đế bị bắt làm tù binh, bị giải về Khiết Đan. Triều Hậu Tấn diệt vong. Năm 947, Da Luật Đức Quang tiến vào Biện Kinh, tự xưng là Đại Liêu hoàng đế (năm đó, Khiết Đan đổi quốc hiệu là Liêu). Trăm họ trong kinh thành thấy quân Liêu tiến vào đều ùn ùn chạy loạn. Quốc vương Liêu Da Luật Đức Quang trèo lên lầu thành, sai người dùng tiếng Hán kêu gọi: "Dân chúng chớ có sợ, ta cũng là người, ta vốn không định tới đây, nhưng người Hán mời ta vào đây. Ta sẽ đảm bảo cho đời sống các người được sung sướng hơn".

Nói như vậy nhưng ông ta hành động hoàn toàn ngược lại. Mượn cơ phái binh lính đi chặn ngựa, Da Luật Đức Quang dung túng cho quân Liêu thả sức cướp bóc của cải của dân, làm cho suốt vùng Biện Kinh, Lạc

Dương, tới mấy trăm dặm không còn 1 bóng người. Mặt khác, Da Luật Đức Quang còn bắt các quan chức triều Tấn đi thu góp tiền bạc, vải vóc để "khao quân". Trăm họ vùng Trung nguyên không chịu nổi cảnh tàn sát, cướp bóc của quân Liêu, liền tự động tổ chức nghĩa quân, đánh bại quân Liêu khắp nơi. Từng đội nghĩa quân, nơi thì mấy ngàn, nơi thì mấy vạn người, liên tục đánh phá các châu huyện, giết các quan lại do quân Liêu cử ra. Nghĩa quân ở miền đông có thanh thế lớn nhất, đánh chiếm được 3 châu. Da Luật Đức Quang hoảng sợ, nói với tùy tùng: "Thật không ngờ dân Trung nguyên lại khó trị thế này!".

Một thời gian sau, ông ta triệu tập các quan lại người Hán tới, tuyên bố: "Thời tiết nóng nực, ta ở đây không quen, phải trở về thượng quốc (chỉ nước Liêu) để thăm thái hậu".

Quân Liêu bị buộc rút khỏi Trung nguyên, nhưng 16 châu Yên Vân bị Thạch Kính Đường cắt nhượng vẫn bị quý tộc Khiết Đan chiếm cứ, trở thành căn cứ sau này để chúng tiếp tục tiến công Trung nguyên.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Chu Thế Tông Gạt Bỏ Phùng Đạo

Khi quân Liêu rút lui khỏi Khai Phong, Lưu Tri Viễn, đại tướng của Hậu Tấn liền xưng đế ở Thái Nguyên rồi dẫn quân xuống phía nam. Dọc đường tiến quân, quân đội của Lưu Tri Viễn giữ kỷ luật nghiêm minh, được nhân dân Trung nguyên hoan nghênh và ủng hộ. Tướng Liêu ở các địa phương nghe tiếng đồn, đều hoang mang rút chạy. Trong 1 thời gian ngắn, Lưu Tri Viễn đã thu phục được Lạc Dương, Biện Kinh. Tháng 6 năm đó (947), Lưu Tri Viễn định đô ở Biện Kinh, đổi quốc hiệu là Hán. Đó là hoàng đế Cao Tổ của Hậu Hán. Lưu Tri Viễn làm hoàng đế được 10 tháng thì chết, con là Lưu Thừa Hựu nối ngôi. Đó là Hậu Hán Ẩn Đế. Lúc này, nội bộ triều Hậu Hán xảy ra động loạn. Ẩn Đế sợ các tướng có quyền lực quá lớn, nên bí mật sai người đến Nghiệp Thành ám sát đại tướng Quách Uy, bị Quách Uy phát hiện, đem quân nổi dậy chống lại. Năm 950, Quách Uy lật đổ triều Hậu Hán, được các tướng sĩ tôn lên làm hoàng đế. Năm 951, Quách Uy lên ngôi tại Biện Kinh, đổi quốc hiệu là Chu, đó là Hậu Chu Thái Tổ. Vì xuất thân nghèo khổ nên Hậu Chu Thái Tổ Quách Uy hiểu được nỗi khổ của dân. Ông cũng được học hành chút ít, nên chú ý trọng dụng nhân tài và quan tâm cải cách chính trị. Dưới sự cai trị của quách Uy, tình hình hỗn loạn của thời Ngũ Đại bắt đầu được an định lại.

Khi Hậu Chu mới thành lập, em của Lưu Tri Viễn là Lưu Sùng không phục tùng sự thống trị của Hậu Chu, liền chiếm cứ Thái Nguyên, trở thành 1 chính quyền cát cứ. Lịch sử gọi chính quyền này là Bắc Hàn (một trong 10 nước). Để đối kháng với Hậu Chu, Lưu Sùng liền nương tựa vào nước Liêu, tôn vua Liêu làm "hoàng đế chú", nhiều lần nhờ sự giúp đỡ của quân

Liêu, đem quân đánh Hậu Chu nhưng đều bị Chu Thái Tổ đánh bại. Năm 954, Chu Thái Tổ mất, ông không có con trai. Sai hoàng hậu có người cháu là Sài Vinh, từ nhỏ đã thông minh lanh lợi, lại giỏi giang võ nghệ, được Chu Thái Tổ nhận làm con. Khi Chu Thái Tổ mất, Sài Vinh kế thừa ngôi hoàng đế. Đó là Chu Thế Tông.

Chu Thế Tông vừa lên ngôi, Lưu Sùng ở Bắc Hán cho rằng tình hình triều Chu không ổn định, đây là thời cơ tiến chiếm Trung nguyên, liền tập trung 3 vạn quân và mượn thêm 1 vạn kỵ binh của Liêu, tiến công vào Lạc Châu (trị sở ở Trường Trị, Sơn Tây ngày nay). Tin tức truyền tới Biện Kinh, Chu Thế Tông lập tức triệu tập các đại thần lại bàn. Ông ta nêu ý kiến là sẽ dẫn quân thân chinh để chống lại liên quân Liêu và Bắc Hán. Các đại thần nói: "Bệ hạ vừa lên ngôi, lòng người dễ xao động, bệ hạ không nên thân chinh, mà cử một tướng khác đi thì hơn".

Chu Thế Tông nói: "Chu Sùng nhân lúc ta có việc tang, lại có ý coi ta còn trẻ và mới lên ngôi, toan nuốt chửng Trung nguyên. Lần này đích thân dẫn đem quân tới, ta không thể không đích thân đối phó với hắn".

Các đại thần thấy thái độ của Chu Thế Tông kiên quyết như thế, thì không ai nói gì nữa. Chỉ có 1 lão thần đứng lên phản đối, đó là thái sư Phùng Đạo. Phùng Đạo là viên tể tướng ngay từ thời Hậu Đường Minh Tông. Sau đó, trải qua 3 triều đại, vẫn giữ được ngôi vị đó. Trước mặt các hoàng đế, ông ta giỏi tùy cơ ứng biến khéo ăn nói, nên mọi hoàng đế đều ưa thích. Khi quân Liêu chiếm Biện Kinh, ông chủ động đến triều kiến vua Liêu. Các hoàng đế của vương triều mới cũng thích dùng ông. Vì vậy, dù ở vương triều nào, ông vẫn giữ được chức vị quan trọng, là tể tướng, thái sư, thái phó. Lần này, Phùng Đạo thấy Chu Thế Tông còn trẻ tuổi, liền thấy tư cách nguyên lão để khuyên ngăn việc xuất chinh. Chu Thế Tông nói với Phùng Đạo: "Xưa kia Đường Thái Tông bình định thiên hạ, đều tự mình cầm quân. Ta sao có thể chỉ chú ý an toàn cho mình?".

Phùng Đạo cười nhạt nói: "Bệ hạ có thể so được với Đường Thái Tông chăng?".

Chu Thế Tông thấy Phùng Đạo có vẻ coi thường mình, rất bực nói: "Chúng ta có binh lực lớn mạnh, muốn tiêu diệt Lưu Sùng, thật dễ dàng như lấy núi Thái Sơn đè nát trứng, có gì đáng lo?".

Phùng Đạo nói: "Chẳng biết bệ hạ có thể như một trái núi được không?".

Chu Thế Tông nổi giận, phất tay áo rời khỏi triều đình. Sau đó, 1 số đại thần khác ủng hộ chủ trương của ông. Chu Thế Tông liền quyết định thân chinh. Từ đó, Chu Thế Tông hết sức chán ghét Phùng Đạo. Ít lâu sau, ông cử Phùng Đạo đi trông coi việc tu tạo lăng mộ Chu Thái Tổ. Phùng Đạo bị gạt bỏ, buồn rầu lâm bệnh rồi chết. Chu Thế Tông dẫn đại quân đến Cao Bình (thuộc tỉnh Sơn Tây ngày nay) thì gặp quân Bắc Hán. Hai bên bày trận, chuẩn bị giao tranh. Lưu Sùng thấy quân Chu không nhiều, kiêu ngạo nói: "Nếu sớm biết thế này, ta cần gì phải mượn quân Khiết Đan nữa. Lần này, không những ta phải đánh bại quân Chu, mà còn cho Khiết Đan thấy ta lợi hạ thế nào!".

Lưu Sùng chỉ huy quân Bắc Hán tiến công mãnh liệt sang trận địa quân Chu, các tướng chỉ huy hữu quân bên Chu không giữ được, dẫn kỵ binh lui chạy, bộ binh vì vậy cũng đầu hàng rất nhiều. Thấy tình hình nguy cấp, Chu Thế Tông thân tự xông pha tên đạn đốc chiến. Hai viên tướng dưới quyền ông là Triệu Khuông Dận và Trương Vĩnh Đức, mỗi người dẫn 2000 thân binh xông sang trận địch. Binh sĩ Chu thấy Chu Thế Tông trầm tĩnh ứng chiến, cũng hăng hái xung sát, 1 người địch nổi 100 người, tranh nhau xông sang đất địch. Quân Bắc Hán bị đánh tan vỡ như núi lở. Quân Liêu ở phía sau, thấy quân Bắc Hán thất bại, không dám giao chiến với quân Chu, đều lảng lạng lui quân. Quân Bắc Hán của Lưu Sùng bị đánh thua, cứ lui dần, bị truy kích ráo riết, lại không có viện binh. Cuối cùng, chỉ còn lại hơn 100 kỵ binh, lếch thếch chạy về Tấn Dương.

Qua trận đại chiến Cao Bình, danh tiếng của Chu Thế Tông trở nên vang dội. Sau khi trở về Biện Kinh, ông bắt tay vào việc chinh đốn quân đội, giảm nhẹ đóng góp cho dân, chuẩn bị cuộc chiến tranh nhằm thống nhất đất nước. Hai năm sau, ông dẫn quân thảo phạt Nam Đường (một trong 10 nước), đánh chiếm được 14 châu phía bắc Trường Giang. Sau đó, lại hạ lệnh bắc phạt, dẫn quân tiến theo 2 đường thủy lục, thu phục được 1 vùng đất lớn phía bắc. Đáng tiếc là trong khi nguyện vọng thống nhất toàn quốc đang được thực hiện, thì ông lại bị bệnh mất.

Năm 959, Chu Thế Tông mất sau 8 năm trị vì, con nhỏ mới 7 tuổi là Sài Thế Huấn lên nối ngôi. Đó là Chu Cung Đế.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Người Được Khoác Hoàng Bào

Khi Chu Cung Đế lên ngôi, tuổi còn quá nhỏ, phải có 2 tế tướng là Phạm Chất và Vương Phổ phò tá. Cục diện chính trị của Hậu Chu vì vậy không được ổn định. Lòng dân kinh thành nghiêng ngả, mọi người xôn xao bàn tán là sớm muộn Triệu Khuông Dận sẽ đoạt ngôi hoàng đế. Triệu Khuông Dận vốn là 1 đại tướng đặc lực dưới quyền Chu Thế Tông, từng theo Chu Thế Tông nam chinh bắc chiến lập nhiều chiến công. Khi còn sống, Chu Thế Tông hết sức tín nhiệm Triệu Khuông Dận, cử làm thống soái cấm quân, với chức danh là Điện tiền đô điểm kiểm. Cấm quân là đội quân tinh nhuệ nhất của Hậu Chu Thế Tông mất, quân quyền nằm trong tay Triệu Khuông Dận. Thời Ngũ Đại, xảy ra nhiều trường hợp võ tướng đoạt ngôi hoàng đế, nên mọi người có sự nghi ngại đó là chuyện không có gì lạ.

Ngày tết âm lịch đầu năm 960, triều đình Hậu Chu cử hành đại lễ triều kiến. Đại lễ đang tiến hành, thì có tin báo khẩn cấp từ biên cảnh, nói quốc vương Bắc Hán liên hợp với Liêu, đem quân đánh vào Hậu Chu. Các đại thần xôn xao hoảng loạn. Sau, Phạm Chất và Vương Phổ đứng ra điều khiển, cử Triệu Khuông Dận đem quân chống lại. Triệu Khuông Dận nhận được lệnh, lập tức điều binh khiển tướng, chuẩn bị lên đường. Hai hôm sau, đại quân xuất phát từ Biện Kinh. Cùng đi với Triệu Khuông Dận, có em là Triệu Khuông Nghĩa và mưu sĩ thân tín là Triệu Phổ. Tối hôm đó, đại quân hành quân tới trạm Trần Kiều, cách kinh thành 20 dặm, Triệu Khuông Dận ra lệnh cho tướng sĩ hạ trại nghỉ tại chỗ. Trong khi binh lính ngủ say, 1 số tướng lĩnh tụ họp lại bàn luận. Có người nêu ý kiến: "Hiện nay hoàng thượng tuổi còn quá nhỏ, chúng ta liệu mình xông pha trận mạc, nhưng sau

này ai là người biết tới công lao của chúng ta! Chi bằng bây giờ ta tôn Triệu điểm kiểm lên ngôi hoàng đế đi thôi!".

Mọi người đều tán thành ý kiến đó, liền cử 1 viên quan nói chủ trương ấy với Triệu Khuông Nghĩa và Triệu Phổ. Viên quan đó tới chỗ Triệu Khuông Nghĩa, chưa nói xong câu chuyện thì các tướng đã tới, rút gươm đao sáng loáng, vung lên và hét to: "Chúng tôi đã bàn bạc xong với nhau, nhất định phải tôn Triệu điểm kiểm lên ngôi".

Triệu Khuông Nghĩa và Triệu Phổ nghe nói thế đều mừng thầm, 1 mặt dặn dò mọi người phải an định lòng quân, không được để xảy ra rối loạn; 1 mặt phái người phi báo ngay cho 2 đại tướng giữ kinh thành là Thạch Thủ Tín và Vương Thẩm Kỳ biết. Chẳng mấy chốc, tin trên đã truyền khắp trại quân. Toàn thể tướng sĩ đều trở dậy ùn ùn kéo tới nơi nghỉ của Triệu Khuông Dận, ào tới tận khi trời sáng. Tối hôm trước, Triệu Khuông Dận có uống chút rượu nên ngủ rất say. Vừa tỉnh dậy, thấy tiếng xôn xao bên ngoài, rồi có người mở cửa phòng, hô lớn: "Xin điểm kiểm lên ngôi hoàng đế!".

Triệu Khuông Dận vội trở dậy, chưa kịp nói gì, thì mấy người đã đem 1 tấm hoàng bào chuẩn bị sẵn, vội vàng khoác lên mình Triệu Khuông Dận. Mọi người quỳ dưới đất, đập đầu hô "vạn tuế". Sau đó, tất cả xúm vào, người kéo, người đẩy, đưa Triệu Khuông Dận lên ngựa, mời ông trở về kinh thành. Triệu Khuông Dận ngồi trên mình ngựa, mới nói: "Các người đã lập ta làm thiên tử thì có chịu nghe theo mệnh lệnh của ta không?".

Các tướng sĩ nhất tề đáp: "Xin nghe theo mệnh lệnh của bệ hạ".

Triệu Khuông Dận liền hạ lệnh: khi về tới kinh thành, phải bảo đảm an toàn cho thái hậu và ấu chúa của triều Chu, không được xâm phạm tới các đại thần trong triều, không được cướp bóc kho hàng. Nếu chấp hành nghiêm mệnh lệnh, sẽ được trọng thưởng; kẻ nào vi phạm sẽ bị nghiêm trị. Triệu Khuông Dận vốn là thống soái cấm quân, lại được tướng lĩnh ủng hộ, còn ai dám không nghe theo mệnh lệnh! Tướng sĩ xếp thành đội ngũ chỉnh

tề tiến về kinh thành. Suốt dọc đường, không hề gây phiền nhiễu gì tới dân chúng. Đến Biện Kinh lại được Thạch Thủ Tín và Vương Thẩm Kỳ làm nội ứng, nên rất dễ dàng chiếm được kinh thành. Các tướng triệu tập các tể tướng Phạm Chất, Vương Phổ tới. Thấy họ, Triệu Khuông Dận làm ra vẻ khó xử nói: "Thế Tông đối đãi với ta ơn sâu nghĩa nặng. Nay at bị các tướng buộc làm việc này, các ông thấy phải làm sao bây giờ?".

Bọn Phạm Chất không biết trả lời ra sao. Một viên tướng nghiêm trọng quát lớn: "Chúng ta không có người làm chúa. Nay mọi người nhất định mời Điểm kiểm lên làm thiên tử!".

Phạm Chất, Vương Phổ sợ hãi, vội sụp xuống lạy. Chu Cung Đế phải nhường ngôi. Triệu Khuông Dận lên ngôi hoàng đế, đổi quốc hiệu là Tống, định đô ở Đông Kinh (tức Biện Kinh cũ, Khai Phong ngày nay). Lịch sử gọi triều đại này là Bắc Tống, Triệu Khuông Dận tức Tống Thái Tổ. Thời Ngũ Đại kéo dài hơn 50 năm tới đây kết thúc.

Tống Thái Tổ lên ngôi hoàng đế, mẹ ông đương nhiên trở thành thái hậu. Khi các đại thần chúc mừng thái hậu, bà chau mày, tỏ vẻ rất đau buồn. Khi đã tan buổi triều kiến, các đại thần liền hỏi thái hậu: "Hoàng đế đã lên ngôi, sao thái hậu lại tỏ ra không vui?".

Thái hậu trả lời: "Ta nghe nói làm thiên tử rất khó. Có cai trị đất nước tốt thì ngôi vị đó mới tôn quý. Nếu cai trị không tốt, để phát sinh rối loạn, thì muốn trở lại làm người dân thường cũng không được nữa".

Nỗi lo lắng của thái hậu không phải là không có lý. Tuy Tống Thái Tổ đã lên ngôi, nhưng toàn quốc vẫn chưa thống nhất. Chưa nói tới các chính quyền cát cứ khắp nơi, mà ngay trong vùng Trung nguyên vốn do Bắc Tống thống trị, 1 số tiết độ sứ vẫn chưa chịu phục trước việc Tống Thái Tổ lên ngôi. Để giải quyết tình hình này, cần có biện pháp hết sức khôn khéo.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Chén Rượu Trước Binh Quyền

Tống Thái Tổ lên ngôi không tới nửa năm, đã có 2 tiết độ sứ khởi binh chống lại triều Tống. Tống Thái Tổ phải thân chinh trải bao vất vả mới bình định được họ. Vì chuyện đó, không lúc nào Tống Thái Tổ được yên lòng. Một hôm, ông đi 1 mình tới gặp Triệu Phổ, nêu câu hỏi: "Từ cuối triều Đường đến nay, đã thay đổi tới năm triều đại, đánh nhau liên miên, không biết đã chết mất bao nhiêu dân. Rút cuộc lại, thì đó là nguyên nhân gì?".

Triệu Phổ nói: "Nguyên nhân rất đơn giản. Đất nước hỗn loạn là do quyền lực của các phiên trấn quá lớn. Nếu tập trung quyền lực vào tay triều đình, thì thiên hạ tự nhiên sẽ thái bình vô sự!".

Tống Thái Tổ gật đầu, tán thưởng ý kiến của Triệu Phổ. Sau đó, Triệu Phổ lại nói với Tống Thái Tổ: "Hai đại tướng cầm quân là Thạch Thủ Tín và Vương Thẩm Kỳ nắm binh quyền quá lớn. Nên điều họ khỏi cầm quân thì tốt hơn".

Tống Thái Tổ nói: "Khanh yên tâm! Hai người đó là bạn cũ của ta, không bao giờ chống lại ta đâu!".

Triệu Phổ nói: "Thần không lo ngại họ làm phản. Nhưng theo nhận xét của thần, hai người đó không có tài năng của người thống soái, không điều hành được cấp dưới. Sẽ có ngày, những kẻ bên dưới sẽ gây sự, e rằng bản thân họ cũng không làm chủ được".

Tống Thái Tổ gõ gõ vào trán, nói: "May mà khanh đã nhắc nhở ta".

Mấy hôm sau, Tống Thái Tổ mở tiệc trong cung, mời Thạch Thủ Tín, Vương Thẩm Kỳ và mấy lão tướng đến dự. Qua mấy tuần rượu, Tống Thái Tổ hạ lệnh cho các thái giám hầu cận lui ra. Trước hết ông nâng cốc, mời mọi người uống cạn, rồi nói: "Nếu không có sự giúp đỡ của các chư khanh thì trăm không thể có địa vị như ngày hôm nay. Nhưng các khanh đâu có biết, làm hoàng đế cũng có nhiều nỗi lo, không được tự do như một tiết độ sứ. Không giấu gì các khanh, suốt một năm nay, trăm không có đêm nào được ngủ yên giấc".

Các tướng lão đều hết sức kinh ngạc, vội hỏi xem nguyên do làm sao. Tống Thái Tổ nói: "Điều đó chẳng rõ ràng sao?. Ngôi vị hoàng đế này, ai mà chẳng đỏ mắt thèm thường?".

Nghe nói thế, bọn Thạch Thủ Tín hoảng sợ, quỳ mọp dưới đất nói: "Sao bệ hạ lại nói những lời đó? Nay thiên hạ đã an định, kẻ nào còn dám nuôi lòng kia khác với bệ hạ?".

Tống Thái Tổ lắc đầu: "Sao ta lại chẳng tin các khanh? Nhưng chỉ lo những kẻ dưới quyền các khanh có kẻ mưu đồ phú quý, đem hoàng bào khoác lên cho các khanh. Các khanh dù không muốn cũng không được đâu?".

Bọn Thạch Thủ Tín thấy nói thế, cảm thấy vạ lớn đến nơi, liên tục đập đầu, chảy nước mắt nói: "Bọn hạ thần thô lỗ ngu muội, không nghĩ được tới điều đó. Xin bệ hạ chỉ cho một lối ra".

Tống Thái Tổ nói: "Ta đã nghĩ giúp cho các khanh. Không gì bằng các khanh trao lại binh quyền, về địa phương làm một chức quan nhàn rỗi, bỏ tiền ra mua nhà cửa ruộng đất, làm gia sản để lại cho con cháu, sống sung sướng cho đến cuối đời. Trăm sẽ kết thân gia cũng các khanh, hai bên không còn ngờ vực gì nhau, như thế chẳng tốt hơn hay sao?".

Tất cả đồng thanh đáp: "Bệ hạ thật đã vì chúng thần mà suy nghĩ quá chu đáo!".

Tan buổi tiệc, các tướng lĩnh trở về nhà. Hôm sau vào triều, mỗi người dâng lên 1 tấu chương xin từ chức vì tuổi già sức yếu. Tống Thái Tổ lập tức phê chuẩn, thu lại binh quyền của họ và thưởng cho rất nhiều của cải, cử họ đi làm tiết độ sứ tại các địa phương. Lịch sử gọi sự kiện đó là "chén rượu tước binh quyền". Một thời gian sau, có 1 số tiết độ sứ về kinh thành triều kiến, Tống Thái Tổ mở tiệc chiêu đãi ở ngự hoa viên. Thái Tổ nói: "Các khanh đều là lão thần của quốc gia. Công việc hiện nay ở phiên trấn rất bận rộn, bắt các khanh phải vất vả như thế, lòng trăm thực áy náy không yên!".

Một tiết độ sứ lanh lợi lập tức tiếp lời: "Bản thân hạ thần chẳng có công lao gì đáng kể, giữ địa vị này cũng không thích hợp lắm. Xin bệ hạ cho thần được cáo lão về quê hương".

Một tiết độ sứ khác không biết điều, luôn mồm kể lễ công lao thành tích. Tống Thái Tổ khó chịu, chau mày nói: "Đó đều là chuyện quá cũ, còn nêu ra làm gì!".

Hôm sau, Tống Thái Tổ hạ chiếu, giải trừ binh quyền của các tiết độ sứ đó. Sau khi thu hồi binh quyền của các tướng lĩnh địa phương, Tống Thái Tổ cho ban hành chế độ quân sự mới, chọn quân tinh nhuệ từ các địa phương, biên chế thành cấm quân, do hoàng đế trực tiếp chỉ huy. Quan chức hành chính đứng đầu các địa phương cũng do triều đình cử ra. Bằng các biện pháp đó, vương triều Bắc Tống bắt đầu được ổn định.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Lý Hậu Chủ Mất Nước

Sau khi ổn định được nội bộ, Tống Thái Tổ hăng hái thực hiện hoài bão dùng quân sự để thống nhất toàn quốc. Lúc đó, "mười nước" thời Ngũ Đại còn lại Bắc Hán ở miền bắc, Nam Đường, Ngô Việt, Hậu Thục, Nam Hán, Nam Bình ở miền nam. Muốn thống nhất toàn quốc, nên bắt đầu từ đâu trước? Tống Thái Tổ suy nghĩ nhiều ngày, vẫn không quyết định được. Một đêm, trời nổi gió tuyết, Triệu Phổ đang đốt lửa sưởi trong nhà, bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa. Triệu Phổ lấy làm lạ: đêm hôm giá rét thế này, còn có ai tới tìm có việc gì? Ông mở cửa ra xem, thì thấy 1 người đội mũ cao, đang đứng trong đám tuyết. Triệu Phổ định thần nhìn kỹ, bỗng giật mình: người đứng đó chính là Tống Thái Tổ. Triệu Phổ vội mời Tống Thái Tổ vào nhà, khơi to ngọn lửa, đem thịt ra nướng và gọi vợ mang rượu ra mời hoàng đế. Triệu Phổ hỏi: "Tuyết xuống lớn như thế, sao bệ hạ còn đi ra ngoài?"

Tống Thái Tổ nói: "Trẫm suy nghĩ một việc, không sao ngủ được, liền đến bàn với khanh đây!".

Triệu Phổ đoán ngay được Tống Thái Tổ muốn nói đến điều gì, suy nghĩ 1 lát rồi nói: "Nếu chúng ta đánh Bắc Hán trước, thì sẽ bị Liêu uy hiếp. Chi bằng bình định phương nam trước rồi sẽ quay lại đánh Bắc Hán. Nước Bắc Hán bé tẹo, chẳng qua chỉ như chỉ như một cái kẹo. Có thể chậm một chút cũng không chạy đi đâu được!".

Tống Thái Tổ phẫn khởi cười nói: "Suy nghĩ của chúng ta phù hợp với nhau rồi".

Sau khi Tống Thái Tổ và Triệu Phổ quyết định theo kế hoạch "trước nam sau bắc", thì trong khoảng 10 năm, lần lượt mang quân tiêu diệt Nam Bình, Hậu Thục, Nam Hán. Như vậy, các thế lực cát cứ ở miền nam chỉ còn 2 nước là Nam Đường và Ngô Việt. Nam Đường là 1 chính quyền cát cứ lớn mạnh nhất trong số "10 nước". Nơi đây đất đai phì nhiêu, lại không bị chiến tranh phá hoại như miền Trung nguyên nên kinh tế phồn vinh, đất nước giàu mạnh. Nhưng quốc vương Nam Đường đều là những kẻ tối tăm, bất lực, khiến đất nước mỗi ngày 1 suy nhược. Quốc vương cuối cùng của Nam Đường là Lý Dục, lịch sử gọi là Nam Đường Hậu Chủ, là 1 người sáng tác từ nổi tiếng. Ông rất tinh thông thơ từ, âm nhạc, thư họa, nhưng không hề am hiểu việc cai trị đất nước. Sau khi Bắc Tống được thành lập, hàng năm Lý Dục tiến cống cho Bắc Tống rất nhiều của cải vàng bạc để mong duy trì địa vị. Về sau, thấy Tống Thái Tổ liên tiếp tiêu diệt 3 nước nhỏ xung quanh thì hoảng sợ, vội phái sứ giả mang thư gửi Tống Thái Tổ, tỏ ý xin thủ tiêu quốc hiệu Nam Đường, bản thân xin đổi gọi là "Nam Giang quốc chủ". Nhưng 1 nhượng bộ nhỏ nhặt như vậy, sao có thể làm thay đổi quyết tâm thống nhất đất nước của Tống Thái Tổ.

Tháng 9 năm 974, Tống Thái Tổ phái 2 đại tướng là Tào Bân và Phan Mỹ dẫn 10 vạn quân, theo 2 đường thủy bộ tiến đánh Nam Đường. Tào Bân dẫn thủy quân xuất phát từ Kinh Nam xuôi dòng xuống phía đông, nhanh chóng chiếm được Trì Châu (nay là Quý Trì, An Huy) rồi tiến lên Thái Thạch Cơ (nay là thành phố Mã Yên Sơn, An Huy). Bộ binh do Phan Mỹ chỉ huy tiến tới Giang Bắc, bị sông lớn ngăn trở việc tiến quân. Có người hiến kế cho quân Tống: dùng bè tre và thuyền lớn ghép thành cầu phao để cho bộ binh qua sông. Phan Mỹ nghe theo kế, lập tức cho làm cầu phao. Tin đó truyền tới Kim Lăng (nay là Nam Kinh), quốc đô của Nam Đường; trong lúc vua tôi Nam Đường đang say sưa trong tiệc rượu, Lý Hậu Chủ hỏi quần thần nên làm thế nào? Các đại thần nói: "Từ thời cổ tới nay, chưa từng

nghe nói tới việc bắc cầu phao qua sông. Nhất định không thể làm được việc đó!".

Hậu Chủ nghe nói, cười ha hả: "Ta đã nói từ lâu rằng, chúng chỉ bày ra trò con nít mà thôi".

3 ngày sau, quân Tống bắc xong cầu phao, đội quân của Phan Mỹ rầm rập kéo qua sông như đi trên đường bộ. Quân phòng thủ của Nam Đường, tốp thì thua trận, tốp thì đầu hàng, 10 vạn quân Tống nhanh chóng áp sát thành Kim Lăng. Lúc đó, Lý Hậu Chủ đang cùng 1 số hòa thượng đạo sĩ đọc kinh giảng đạo trong cung, không hề hay biết quân Tống đã tới chân thành. Một hôm, ông lên thành quan sát, thấy khắp nơi san sát cờ Tống thì giật nảy mình, vội vàng trở về cung, phái đại thần là Từ Huyền tới Đông Kinh xin hòa. Từ Huyền gặp Tống Thái Tổ, nói: "Lý Dục đối với bệ hạ cung kính, hiếu thuận như con đối với cha, sao bệ hạ còn mang quân tới thảo phạt?".

Tống Thái Tổ vặn lại: "Người hãy nói thử xem, cha và con có thể chia thành hai nhà riêng biệt được không?".

Từ Huyền không trả lời được, trở về tâu lại với Lý Hậu Chủ. 1 tháng sau, quân Tống vây thành ngày càng chặt, Lý Hậu Chủ lại cử Từ Huyền tới Đông Kinh. Từ Huyền khẩn thiết van xin Tống Thái Tổ không nên tiến công Kim Lăng. Tống Thái Tổ không muốn nghe nữa, đứng dậy nắm chặt chuôi kiếm, nổi giận ùng ùng nói: "Người không phải nói nhiều! Lý Dục không có tội gì, nhưng nay thiên hạ là một nhà, ta không cho phép kẻ nào nằm ngáy o o bên cạnh giường ngủ của ta!".

Từ Huyền thấy có van nữa cũng vô ích, đành trở về Kim Lăng. Lý Hậu Chủ nghe tâu, biết rằng không còn hy vọng cầu hòa, liền điều động 15 vạn quân đang phòng thủ ở Thượng Giang về cứu. Viện binh tới Hoàn Khẩu bị quân Tống từ 2 bên đánh ập lại. Quân Nam Đường phóng hỏa định đốt quân Tống, ngờ đâu gió bắc nổi lên, lửa cháy tạt vào quân Nam Đường,

toàn thể đội viện binh bị tiêu diệt. Tào Bân cử người vào thành khuyên Lý hậu chủ mau đầu hàng, tránh cho tài sản và tính mạng dân trong thành khỏi bị hủy diệt. Hậu chủ muốn chần chừ kéo dài việc chống cự, Tào Bân liền hạ lệnh công thành. Hôm sau, thành bị vỡ, quân Tào Bân, đội ngũ nghiêm chỉnh tiến vào Kim Lăng, giữ yên trật tự. Lý hậu chủ sai người chất củi cỏ trong cung, chuẩn bị châm lửa tự sát, nhưng cuối cùng không đủ dũng khí làm việc đó. Không có cách nào khác, ông đành dẫn các đại thần ra khỏi cung, đầu hàng Tào Bân. Lý hậu chủ bị giải về Đông Kinh, Tống Thái Tổ đối xử với ông khá ưu đãi. Nhưng từ địa vị 1 quốc vương rơi xuống thân phận 1 tù binh mất nước, ông không tránh khỏi nỗi niềm cay đắng, sống những ngày buồn khổ đầy nước mắt. Vốn là 1 người giỏi viết từ, trong những ngày này, ông đã viết nên những câu tràn ngập bi thương. Có những câu nổi tiếng như:

"Hỡi người muôn vạn sầu thương

Sông xuân nước chảy xuôi dòng về đông".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Triệu Phổ Nhận Lễ Vật

Kể từ khi Tống Thái Tổ giành được chính quyền cho tới khi bình định phương nam, Triệu Phổ là 1 mưu sĩ chủ yếu, đóng góp nhiều công lao. Tống Thái Tổ phong Triệu Phổ làm tể tướng, bất kì việc lớn việc nhỏ, đều bàn bạc với ông. Triệu Phổ xuất thân từ 1 viên lại nhỏ, học vấn kém xa các văn thần khác. Sau khi được phong tể tướng, ông cố gắng đọc sách theo lời khuyên của Tống Thái Tổ. Mỗi ngày về nhà, ông đều đóng chặt cửa lại, cần cù đọc sách. Hôm sau ra triều, giải quyết việc triều chính bao giờ cũng rất nhạy bén. Sau này, người trong nhà phát hiện ra, cuốn sách mà thường ngày ông ta thường đọc, chẳng qua chỉ là cuốn Luận Ngữ. Thế là người ta đồn nhau rằng, Triệu Phổ "cai trị thiên hạ bằng nửa cuốn Luận Ngữ". Tống Thái Tổ tín nhiệm Triệu Phổ, Triệu Phổ cũng dám giữ vững ý kiến của mình trước Tống Thái Tổ. Một lần Triệu Phổ tiến cử với Tống Thái Tổ 1 người để phong quan. Liền trong 2 ngày, Tống Thái Tổ không chấp nhận. Đến ngày thứ 3, Triệu Phổ lại dâng sớ tấu, kiên trì yêu cầu Tống Thái Tổ chấp nhận người được ông tiến cử. Tống Thái Tổ nổi giận, xé toạc sớ tấu làm 2 mảnh, vứt xuống đất.

Triệu Phổ bò xuống đất, thông thả nhặt lại 2 mảnh sớ tấu, đút vào ống tay áo. Sau khi lui triều về nhà, Triệu Phổ lại dán 2 mảnh sớ tấu đã bị xé rách kia lại. Mấy hôm sau, ông ta lại dâng sớ tấu đó lên. Tống Thái Tổ thấy thái độ Triệu Phổ kiên trì như vậy, đành chấp nhận sự tiến cử của ông ta. Lại 1 lần khác, Triệu Phổ muốn đề bạt 1 viên quan, nhưng Tống Thái Tổ không phê chuẩn. Triệu Phổ vẫn khẳng khái giữ ý của mình như lần

trước. Tống Thái Tổ nói: "Ta nhất định không chuẩn. Khanh muốn làm gì thì làm".

Triệu Phổ nói: "Đề bạt nhân tài, là vì lợi ích của quốc gia, sao bệ hạ lại quyết đoán theo sự yêu ghét cá nhân như vậy?".

Tống Thái Tổ nghe nói, giận tím mặt, phất ống tay áo đi vào nội cung. Triệu Phổ đi theo sát phía sau. Khi thấy Tống Thái Tổ đã vào nội cung, Triệu Phổ cứ đứng ngay tại cửa, không chịu bỏ đi. Vệ sĩ ngoài cửa cung thất tể tướng đứng ở đó mãi, đành phải vào tâu với Tống Thái Tổ. Lúc đó, Tống Thái Tổ đã nguôi giận, liền bào thái giám ra thông báo là hoàng thượng đã đồng ý với đề nghị của ông, mời ông về nhà. Triệu Phổ làm tể tướng trong 10 năm, quyền lực rất lớn. Thời gian càng lâu càng có nhiều người muốn chạy chọt nương nhờ ông, luôn có người đưa lễ vật đến nhà ông. Tống Thái Tổ thường xuyên đến nhà Triệu Phổ mà không báo trước. Có 1 lần, Ngô Việt vương Tiên Thúc phái người mang thư cho Triệu Phổ và đưa biếu 10 vò "hải sản". Triệu Phổ đi đặt 10 vò "hải sản" trước thềm và chưa kịp bóc xem thư thì Tống Thái Tổ tới.

Tống Thái Tổ ngồi trong sảnh đường, nhìn thấy 10 chiếc vò đó, liền hỏi là cái gì. Triệu Phổ đáp: "Đó là hải sản do Ngô Việt đem biếu".

Tống Thái Tổ cười: "Hải sản của Ngô Việt nhất định là loại ngon, hãy mở ra xem thử!".

Triệu Phổ sai gia nhân mở nắp vò. Mọi người có mặt vừa nhìn thấy đã ngây người: trong vò, không phải là hải sản gì mà là từng thỏi vàng đỏ chói. Tống Thái Tổ xưa nay vẫn ngại các quan nhận hối lộ, lạm dụng quyền lực nên thấy tình hình đó thì nổi giận, sầm mặt lại. Triệu Phổ toát mồ hôi, sợ hãi quỳ phục xuống, xin chịu tội và kêu nài: "Thần chưa kịp xem thư, thực không biết trong vò có gì, xin bệ hạ thứ tội!".

Tống Thái Tổ lạnh lùng đáp: "Người cứ nhận lấy đi! Bọn chúng tưởng rằng việc quốc gia đại sự đều do mấy kẻ thư sinh các người quyết định lấy cả đấy!".

Từ đó, Tống Thái Tổ đem lòng nghi ngờ Triệu Phổ. Không lâu sau, lại có người cáo giác Triệu Phổ vận chuyển gỗ, vi phạm lệnh cấm. Nguyên do là lúc đó, triều đình có lệnh cấm việc vận chuyển gỗ lớn từ Tần, Lũng (nay là Thiểm Tây, Cam Túc) về. Triệu Phổ đã lấy gỗ từ vùng đó về để dựng dinh thự, nhà cửa. Tay chân của ông thừa cơ, lấy danh nghĩa Triệu Phổ, cho vận chuyển rất nhiều gỗ lớn về Đông Kinh bán. Triệu Phổ bị liên lụy về việc đó. Tống Thái Tổ giận dữ, liền trị tội Triệu Phổ. Mặc dù có nhiều đại thần kêu xin cho Triệu Phổ, nhưng Tống Thái Tổ vẫn kiên quyết cách chức tể tướng của ông.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Dương Vô Địch

Tống Thái Tổ mất 13 năm mới diệt được 5 nước phương nam. Sau đó, ông đem quân đánh Thái Nguyên, đô thành của Bắc Hán. Bắc Hán cầu cứu quân Liêu, quân Tống bị đánh bại. Không lâu sau, Tống Thái Tổ bị bệnh mất, em ông là Triệu Khuông Nghĩa kế thừa ngôi hoàng đế. Đó là Tống Thái Tông. Tống Thái Tông quyết tâm hoàn thành sự nghiệp thống nhất miền bắc. Năm 979, ông thân dẫn 4 đạo quân vây đánh đô thành Thái Nguyên của Bắc Hán. Quân Liêu lại đến cứu, Tống Thái Tông cử quân chặn đường quân tiếp viện. Thành Thái Nguyên nằm trong nhiều lớp bao vây, ngoài không có viện binh trong không còn lương thảo. Vua Bắc Hán là Lưu Kế Nguyên không còn cách gì, đành đầu hàng. Dưới quyền Lưu Kế Nguyên có 1 lão tướng là Dương Nghiệp, cũng quy phục triều Tống. Tống Thái Tông từ lâu đã nghe nói Dương Nghiệp võ nghệ cao cường, rất quý trọng, phong làm đại tướng. Đánh xong Bắc Hán, Tống Thái Tông muốn thừa cơ đánh Liêu để thu hồi những đất đai đã mất. Quân Tống tiến công dữ dội khiến mấy tướng Liêu giữ các châu giáp Tống phải đầu hàng. Quân Tống đánh tới U Châu (nay là Bắc Kinh), phía Liêu phái đại tướng Da Luật Hưu Ca đến cứu, 2 bên đánh 1 trận lớn ở sông Cao Lương (phía tây thành Bắc Kinh hiện nay). Quân Tống đại bại, Tống Thái Tông phải chạy về Đông Kinh bằng một chiếc xe nhẹ.

Từ đó về sau, quân Liêu không ngừng đánh vào biên giới Tống. Tống Thái Tông vô cùng lo lắng, liền cử Dương Nghiệp làm thứ sử Đại Châu, giữ chắc Nhạn Môn Quan. Năm 980, triều Liêu cử 10 vạn quân đánh Nhạn Môn Quan. Lúc đó trong tay Dương Nghiệp chỉ có mấy ngàn binh mã, ít

hơn quân địch rất nhiều. Dương Nghiệp là 1 lão tướng có nhiều kinh nghiệm, biết rằng không thể đọ sức với địch, liền giữ đại bộ phận binh lực ở Đại Châu, tự mình dẫn mấy trăm kỵ binh, lặng lẽ đi đường nhỏ, luồn vào sau lưng địch ở phía bắc Nhạn Môn Quan. Quân Liêu tiến xuống phía nam, dọc đường không gặp sức chống cự nào, đang dương dương đắc ý thì bỗng từ phía sau vang lên tiếng hô "giết" rồi bụi cuốn mù mịt, 1 dòng kỵ binh xuất hiện phía sau như mãnh hổ xông vào đàn dê, chém giết tơi bời. Quân Liêu không phòng bị trước, lại không rõ đối phương có bao nhiêu quân, nên hoang mang sợ hãi, hàng ngũ rối loạn, không sao chống đỡ nổi, bỏ chạy tan tác lên phía bắc. Dương Nghiệp dẫn quân truy kích, chém rất nhiều quân Liêu, giết chết 1 quý tộc Liêu và bắt sống 1 tướng Liêu khác.

Sau đại thắng Nhạn Môn Quan, danh tiếng Dương Nghiệp vang dội. Quân Liêu cứ nhìn thấy cờ hiệu có chữ "Dương" là sợ hãi bỏ chạy không dám giao phong. Mọi người đặt cho Dương Nghiệp 1 biệt hiệu là "Dương Vô Địch". Dương Nghiệp lập được công lớn cũng khiến cho 1 số người ghen ghét, dâng sớ tấu lên Tống Thái Tông, nói xấu Dương Nghiệp. Tống Thái Tông đang muốn dựa vào Dương Nghiệp nên không chú ý đến những lời vu cáo đó, mà bọc mọi sớ tấu đó lại, cử người mang tới cho Dương Nghiệp xem. Thấy Tống Thái Tông hết lòng tín nhiệm mình như vậy, Dương Nghiệp vô cùng cảm động. Mấy năm sau, hoàng đế Liêu là Cảnh Tông Da Luật Hiền mất, người nối ngôi là Liêu Thánh Tông Da Luật Long Tự mới 12 tuổi, mẹ là Tiêu thái hậu chấp chính. Một tướng giữ biên giới dâng sớ tấu lên Tống Thái Tông, nhận định rằng tình hình chính trị nước Liêu không ổn định, nên nhân cơ hội này thu phục lại vùng đất đã mất gồm 16 châu ở Yên Vân. Tống Thái Tông tán thành ý kiến đó. Năm 896 liền cử Tào Bân, Điền Trọng Tiến, Phan Mỹ dẫn 3 vạn quân bắc phạt, đồng thời cử Dương Nghiệp làm phó tướng cho Phan Mỹ.

Ba đạo quân xuất phát, đánh thẳng trận đầu. Đạo quân của Phan Mỹ, Dương Nghiệp ra khỏi Nhạn Môn Quan, nhanh chóng thu phục được 4 châu. Nhưng cánh quân của Tào Bân vì đơn độc quá sâu, bị quân Liêu đánh

cho đại bại. Tống Thái Tông vội hạ lệnh cho các đạo quân Tống rút về. Phan Mỹ, Dương Nghiệp được lệnh, liền dẫn quân hộ tống nhân dân thuộc 4 châu rút về thôn Lang Nha. Lúc đó, quân Liêu đã tiến chiếm Hoàng Châu (nay ở phía đông huyện Sóc, Sơn Tây), binh lực rất mạnh. Dương Nghiệp đề nghị phái quân hư trương thanh thế để thu hút chủ lực quân Liêu, rồi bố trí quân mai phục nơi hiểm yếu trên đường rút quân để yểm hộ cho quân dân Tống rút lui. Giám quân là Vương Thâm phản đối ý kiến của Dương Nghiệp, nói: "Chúng ta có mấy vạn tinh binh, còn sợ gì chúng? Theo tôi, chúng ta cứ việc hành quân đàng hoàng trên đường lớn ven Nhạn Môn Quan cũng đủ làm kẻ địch trông thấy mà sợ mất vía".

Dương Nghiệp nói: "Hiện nay địch mạnh ta yếu. Nếu làm như vậy thì nhất định thất bại".

Vương Thâm cười mỉa mai: "Dương tướng quân chẳng phải có biệt hiệu là Vô Địch sao? Mà nay trước kẻ địch lại co lại không dám đánh, hay là có toan tính gì khác?".

Câu nói đó làm Dương Nghiệp nổi giận. Ông nói: "Không phải là tôi sợ chết. Chỉ vì thấy hiện nay chưa có thời cơ, sợ binh lính phải chết uổng, nếu các ông muốn đánh, tôi xin đánh trận đầu".

Chủ tướng Phan Mỹ cũng ủng hộ chủ trương của Vương Thâm. Dương Nghiệp không làm thế nào được, đành dẫn binh mã dưới quyền xuất phát. Trước khi lên đường, ông chảy nước mắt nói với Phan Mỹ: "Trận này nhất định sẽ thắng bại. Tôi vốn định chờ đúng thời cơ, đánh địch một trận đau để báo đáp quốc gia. Nay mọi người trách tôi sợ địch, tôi không thể không tìm đến cái chết".

Tiếp đó, ông chỉ về hướng Trần Gia Cốc trước mặt (Trần Gia Cốc - nay ở phía nam Sóc, Sơn Tây) nói với Phan Mỹ: "Mong các ông bố trí phục binh và cung thủ, khi tôi thua trận, rút tới đó các ông sẽ đem quân tiếp ứng, từ hai bên đánh ép lại, thì có hy vọng chuyển bại thành thắng".

Dương Nghiệp tiến quân chưa xa, quả nhiên bị quân Liêu phục kích. Tuy Dương Nghiệp chiến đấu anh dũng, nhưng quân Liêu vẫn ủa lên như nước triều. Dương Nghiệp chống đỡ không nổi, đành vừa đánh vừa lùi, như quân Liêu tới Trần Gia Cốc. Lúc đó, mặt trời vừa khuất núi, Dương Nghiệp lui tới đó, thấy 2 bên vắng lặng, không hề thấy có tăm hơi 1 lính Tống nào, không hiểu Phan Mỹ đã dẫn chủ lực đi đâu? Nguyên do là sau khi Dương Nghiệp xuất phát, Phan Mỹ có đưa người ngựa đến Trần Gia Cốc. Sau khi ở đó 1 ngày, không thấy tin tức Dương Nghiệp. Vương Thẩm cho rằng nhất định quân Liêu đã rút lui rồi. Ông ta sợ Dương Nghiệp lập được công đầu, liền giục Phan Mỹ rút bỏ phục binh rời khỏi Trần Gia Cốc. Tới khi nghe tin Dương Nghiệp thua trận, liền dẫn quân rút chạy theo 1 đường khác. Dương Nghiệp thấy tại nơi hẹn không có phục binh, thì uất ức giậm chân, rồi đành chỉ huy bộ hạ quay lại giáp chiến với quân Liêu đang đuổi sát sau lưng. Tướng sĩ đem hết sức chiến đấu, nhưng quân Liêu xông lên mỗi lúc 1 nhiều. Về sau, bên mình Dương Nghiệp chỉ còn lại hơn 100 lính, ông cố cầm nước mắt, lớn tiếng bảo các binh lính: "Anh em đều còn cha còn mẹ, gia đình, không nên cùng ta bỏ xác ở đây. Mau Mau tìm cách thoát khỏi vòng vây trở về để triều đình hiểu rõ tình cảnh của chúng ta".

Binh lính nghe những lời đó, lại thấy Dương Nghiệp xông pha, tắm máu chiến đấu, đều xúc động rơi nước mắt, không ai chịu rời bỏ Dương Nghiệp. Cuối cùng, binh lính đều chết hết, con trai Dương Nghiệp là Dương Diên Ngọc và bộ tướng Vương Quý cũng hy sinh. Dương Nghiệp bị thương hơn 10 chỗ, khắp mình đều đầy máu vẫn hăng hái chém giết, sát thương mấy trăm địch. Bất ngờ, có 1 phát tên bắn trúng con ngựa đang cưỡi, khiến cả người và ngựa ngã lăn ra đất. Lính địch nhân dịp ủa lại, bắt sống Dương Nghiệp. Quân Liêu khuyên dụ Dương Nghiệp đầu hàng. Ông ngẩng đầu lên thở dài nói: "Ta đây vốn định tiêu diệt các người để báo đáp lại quốc gia, không ngờ bị gian thần hãm hại, đến nỗi toàn quân bị tiêu diệt, còn mặt mũi nào sống trên đời này nữa?. Ông tuyệt thực 3 ngày đêm rồi hy sinh.

Tin Dương Nghiệp hy sinh truyền về Đông Kinh, khắp triều đình đều than tiếc, Tống Thái Tông mất 1 viên dũng tướng, rất buồn rầu liền giáng chức Phan Mỹ và cách chức Vương Thâm để xét tội. Sau khi Dương Nghiệp mất, con cháu đều kế thừa sự nghiệp của ông. Con ông là Dương Diên Chiêu, cháu là Dương Văn Quảng đều lập công trong chiến tranh bảo vệ biên giới Tống. Sự tích anh hùng của gia đình này được người người ngợi khen và truyền tụng. Trong dân gian lưu truyền những câu chuyện về "Dương gia tướng" là dựa trên cơ sở sự tích có thực để phát triển lên.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Vương Tiểu Ba Khởi Nghĩa

Tống Thái Tông đánh Liêu, kết quả bị đại bại, lại mất dũng tướng Dương Nghiệp nên không dám đánh Liêu nữa. Ngoài ra, tình hình chính trị trong nước cũng không ổn định, đặc biệt là vùng Xuyên Thục liên tiếp nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân, làm cho triều Tống lúng túng, khó đối phó. Trong thời Ngũ Đại, vùng Xuyên Thục lần lượt có 2 chính quyền cát cứ là Tiên Thục và Hậu Thục, suốt trong thời gian dài không có chiến tranh. Vì vậy, thời Hậu Thục, kho tàng quốc gia đầy ắp. Sau khi Tống Thái Tổ diệt Hậu Thục, để cho tướng sĩ cướp bóc Thành Đô, vận chuyển tài sản về Đông Kinh, khiến cho dân chúng vô cùng phẫn nộ. Đến đời Tống Thái Tông, lại thiết lập nha môn, độc quyền việc mua bán ở đây. Trà và tơ lụa do đất Thục sản xuất đều bị triều đình độc quyền thu mua. Một số địa chủ và thương nhân thừa cơ đầu cơ tích trữ, mua rẻ bán đắt, khiến dân chúng đất Thục vô cùng khổ sở. Ở huyện Thạch Thành (nay ở tây nam huyện Quan, Tứ Xuyên) có 1 nông dân tên là Vương Tiểu Ba, cùng với em vợ là Lý Thuận đều sống bằng nghề buôn trà. Vương Tiểu Ba hết đường sinh sống, liền quyết tâm khởi nghĩa.

Năm 993, Vương Tiểu Ba tụ hợp hơn 100 nông dân trồng chè và dân nghèo, nói với họ: "Thời buổi bây giờ, người nghèo thì càng nghèo; kẻ giàu thì ngày càng giàu thêm, thật hết sức bất công. Nay chúng ta cùng nhau nổi dậy tiêu diệt cảnh bất công đó, các vị thấy thế nào?".

Những người đã nếm trải mọi nỗi khổ do quan lại, địa chủ, phú thương bóc lột; nghe Vương Tiểu Ba nói, đều nhiệt liệt hưởng ứng ngay.

Tin tức truyền đi, dân nghèo các nơi đều nô nức tham gia quân khởi nghĩa của Vương Tiếu Ba. Không quá 10 ngày, đã tập trung được mấy vạn người. Có được quân mã, trước hết Vương Tiếu Ba đánh chiếm Thạch Thành rồi thừa thắng tiến đánh Bành Sơn (nay thuộc Tứ Xuyên). Huyện lệnh Bành Sơn là Tề Nguyên Chấn, là 1 tham quan giỏi đực khoét. Tống Thái Tổ từng có lệnh cấm các quan địa phương nhận hối lộ và tham nhũng của công. Một lần, triều đình cử quan khâm sai tới Thực điều tra. Tề Nguyên Chấn nghe tin khâm sai sắp tới, vội phân tán mọi của cải vợ vệt được gửi vào các nhà phú thương. Quan khâm sai tới huyện Bành Sơn, không điều tra được hành động tham nhũng nào của quan địa phương, liền về tâu lên triều đình. Triều đình liền hạ lệnh khen thưởng cho Tề Nguyên Chấn về sự tận tụy và thanh liêm.

Tề Nguyên Chấn lừa bịp được triều đình rồi, lại càng vợ vệt dữ dội hơn trước. Vương Tiếu Ba biết rõ nhân dân Bành Sơn hết sức thâm thù Tề Nguyên Chấn, liền dẫn quân khởi nghĩa tiến đánh Bành Sơn. Được sự hưởng ứng tích cực của nhân dân trong huyện, nghĩa quân nhanh chóng chiếm được huyện thành, giết chết tên đại tham quan Tề Nguyên Chấn, đem hết mọi tiền bạc của hắn chia cho dân nghèo. Vương Tiếu Ba lại đem quân tiến lên phía bắc, tiến công Giang Nguyên (nay ở đông nam Sùng Khánh, Tứ Xuyên). Tướng Tống giữ Giang Nguyên là Vương Khởi đem quân chống lại, 2 bên giao phong 1 trận lớn ngoài thành Giang Nguyên. Quân của Vương Tiếu Ba chiến đấu hết sức anh dũng, Vương Khởi không chống nổi, liền giương cung bắn lén. Vương Tiếu Ba bị thương, máu chảy đầy mặt vẫn tiếp tục chỉ huy tiến công, cuối cùng đánh bại quân Tống, giết chết được Vương Khởi. Nghĩa quân tiến chiếm Giang Nguyên, nhưng Vương Tiếu Ba bị chết vì vết thương quá nặng. Tướng sĩ nghĩa quân tôn Lý Thuận lên thay Vương Tiếu Ba làm thủ lĩnh, tiếp tục lãnh đạo nghĩa quân chống lại triều đình.

Dưới sự chỉ huy của Lý Thuận, nghĩa quân ngày càng đông đảo, liên tục đánh hạ rất nhiều thành trì, giết chết nhiều tham quan ô lại. Cuối cùng,

nghĩa quân tiến công thành thị trung tâm của đất Thục là Thành Đô. Các quan văn võ ở Thành Đô không chống đỡ nổi, đều phải bỏ chạy. Năm 994, dưới sự ủng hộ của quân lính và nhân dân, Lý Thục thành lập chính quyền Đại Thục. Lý Thục làm Đại Thục vương vừa chấn chỉnh quân mã, vừa phái binh đi đánh các châu quận xung quanh. Thế lực nghĩa quân lan rộng khắp khu vực từ Kiếm Các ở mặt bắc đến Vu Hiệp ở mặt đông. Tin tức truyền tới Đông Kinh, Tống Thái Tông giật mình hoảng sợ, vội bàn bạc với tể tướng: "Không ngờ Lý Thuận lại ghê gớm như vậy!. Nhất định phải cử binh mã đi đánh mới được".

Tống Thái Tông cử hoạn quan Vương Kế Ân chia quân làm 2 đường, cử 1 bộ phận chặn nghĩa quân ở mặt Vu Hiệp, còn tự mình dẫn đại quân tiến về Kiếm Môn. Kiếm Môn là con đường huyết mạch từ Tây Xuyên thông qua Quan Trung. Sau khi Lý Thuận chiếm Thành Đô, cũng phái tướng đem quân đánh Kiếm Môn, không may bị quân triều đình đánh chặn, bị thất bại. Vương Kế Ân đi qua Kiếm Môn 1 cách thuận lợi, tập hợp quân Tống ở địa phương tiến đánh Thành Đô. Lúc đó, nghĩa quân ở Thành Đô còn tới mười mấy vạn, nhưng qua nhiều lần giao chiến với quân địch, bị tử thương hơn 3 vạn. Cuối cùng, Thành Đô bị phá vỡ, Lý Thuận hy sinh trong chiến đấu. Sau này, truyền thuyết dân gian nói rằng khi Thành Đô bị đánh chiếm, Lý Thuận không chết mà hóa trang thành 1 hòa thượng, bí mật chạy khỏi Thành Đô, tiếp tục lãnh đạo nghĩa quân chiến đấu. Khi quân Tống vào Thành Đô, bắt được 1 người có râu dài rất giống Lý Thuận, liền cho đó là Lý Thuận và giết đi. 40 năm sau, trên đường phố Quảng Châu thuộc tỉnh Quảng Đông xuất hiện 1 lão ông. Có người nhận ra ông già đó là Lý Thuận, quan triều đình liền sai người bắt lại và bí mật giết trong ngục. Truyền thuyết đó không hẳn là đáng tin, nhưng nó chứng tỏ Lý Thuận rất có ảnh hưởng trong quần chúng.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Khấu Chuẩn Chống Liêu

Triều Liêu khinh thường triều Tống hèn kém, nhiều lần đem quân xâm phạm biên giới. Tới khi con Tống Thái Tông là Triệu Hằng lên nối ngôi, tức là Tống Chân Tông, thì có người tiến cử Khấu Chuẩn làm tể tướng, vì Khấu Chuẩn có lòng trung thành, làm việc lại quyết đoán. Tống Chân Tông hỏi: "Nghe nói Khấu Chuẩn là người hiếu thẳng và cố chấp, thì làm thế nào?".

Vị đại thần đó nói: "Nay triều Liêu tiến phạm Trung nguyên, chính là cần một người như Khấu Chuẩn mới đảm đương được việc lớn".

Trong thời Tống Thái Tông, Khấu Chuẩn đã giữ 1 số chức vụ quan trọng, bao gồm chức phó tể tướng. Ông nổi tiếng về sự chính trực và mạnh dạn can ngăn. Một lần, ông vào triều trình bày công việc, có ý kiến khác với Tống Thái Tông. Tống Thái Tông không muốn nghe, nổi giận đứng dậy toan trở về cung. Khấu Chuẩn túm chặt tay áo, giữ Tống Thái Tông lại, mời Tống Thái Tông ngồi xuống nghe ông nói hết. Tống Thái Tông đành ngồi lại, sau đó khen rằng: "Ta có Khấu Chuẩn thật giống như Đường Thái Tông có Ngụy Trưng".

Nhưng cũng chính vì ông có nhân cách chính trực nên làm mất lòng 1 số quý tộc, sau bị gạt ra khỏi triều đình, đi làm tri châu ở 1 địa phương. Lần này, Tống Chân Tông thấy tình hình biên giới khẩn cấp nên mới chấp nhận sự tiến cử của các đại thần, triệu Khấu Chuẩn trở lại kinh thành. Năm 1004, Tiêu thái hậu và Liêu Thánh Tông của triều Liêu dẫn hơn 20 vạn quân tiến

xuống phía nam, quân tiền phong tiến tới Thiên Châu (nay là Bộc Dương, Hà Nam). Văn thư cáo cấp tới tập được chuyển về triều đình. Khấu Chuẩn khuyên Chân Tông đem binh thân chinh, phó tể tướng Vương Khâm Nhược và 1 đại thần khác là Trần Nghiêm Tẩu lại ngầm khuyên Chân Tông dời đô. Vương Khâm Nhược là người miền Giang Nam nên khuyên dời đô xuống Kim Lăng. Trần Nghiêm Tẩu là người Thục, lại khuyên Chân Tông chạy vào Thành Đô. Tống Chân Tông do dự, không biết nghe theo ý kiến nào, cuối cùng triệu kiến tể tướng mới là Khấu Chuẩn, hỏi ông: "Có người khuyên trăm dời đô xuống Kim Lăng, có người lại khuyên trăm dời vào Thành Đô. Khanh xem nên làm thế nào?".

Khấu Chuẩn liếc nhìn thấy Vương Khâm Nhược và Trần Nghiêm Tẩu đứng gần đó đã đoán được tình hình, liền nghiêm giọng nói: "Kẻ nào khuyên bệ hạ như thế xin đem chém đầu ngay!".

Ông trình bày với Chân Tông rằng: chỉ cần nhà vua ngự giá thân chinh thì sĩ khí được cổ vũ, nhất định sẽ đánh lui được quân Liêu. Nếu bỏ Đông Kinh mà chạy xuống phía nam, thì lòng người dao động, kẻ địch sẽ thừa cơ tiến vào, đất nước sẽ khó lòng giữ được. Tống Chân Tông nghe Khấu Chuẩn nói, có phần vững dạ, quyết định ngự giá thân chinh và mang theo Khấu Chuẩn đi chỉ huy quân đội. Đại quân tiến tới Vĩ Thành (nay ở đông nam huyện Hoạt, Hà Nam), nghe tin quân Liêu rất mạnh đang tiến xuống, 1 số đại thần đi theo hoảng sợ. Nhân lúc Khấu Chuẩn vắng mặt, xin Chân Tông tạm lui quân để tránh sức mạnh của địch. Tống Chân Tông vốn rất nhu nhược, nghe những ý kiến đó lại dao động, gọi Khấu Chuẩn tới bàn. Tống Chân Tông nói: "Mọi người đều nói với trăm rằng tốt nhất là chạy xuống phương nam. Khanh thấy thế nào?".

Khấu Chuẩn nghiêm túc trả lời: "Những kẻ chủ trương chạy xuống phương nam đều là lũ nhút nhát và ngu xuẩn. Hiện nay quân địch đã áp tới gần, lòng người rung động. Chúng ta chỉ có thể tiến lên một bước, chứ quyết không thể lùi một tấc. Nếu tiến lên, thì sĩ khí của quân dân Hà Bắc sẽ

tăng lên gấp trăm lần; nếu chỉ lùi mấy bước thì toàn quân sẽ tan rã, quân địch sẽ đuổi tiết, bệ hạ có muốn về Kim Lăng cũng không được nữa".

Tống Chân Tông nghe thấy lời Khấu Chuẩn kiên quyết, có lý, không nói gì được nữa, nhưng trong lòng vẫn phấp phỏng lo sợ, không biết quyết định thế nào. Khấu Chuẩn ra khỏi hành cung, vừa may gặp ngay Điện tiền đô chỉ huy sứ Cao Quỳnh, liền hỏi dồn: "Ngài được quốc gia gậy dựng cho, được giức địa vị như ngày nay, nên báo đáp thế nào?".

Cao Quỳnh trả lời: "Tôi xin lấy cái chết để đền đáp!".

Khấu Chuẩn lại dẫn Cao Quỳnh cùng đi vào hành cung, trình bày 1 lần nữa ý kiến của mình với Tống Chân Tông, rồi nói: "Nếu bệ hạ vẫn cho lời của thần là không đúng thì xin hỏi Cao Quỳnh".

Cao Quỳnh đứng bên cạnh tiếp lời: "Tể tướng nói rất đúng. Các tướng sĩ cầm quân đều có gia đình ở Đông Kinh, không ai muốn chạy xuống phương nam. Chỉ cần bệ hạ thân chinh tiến lên Thiên Châu thì chúng thần sẽ quyết tâm tử chiến, nhất định sẽ đánh bại được quân Liêu!".

Tống Chân Tông chưa trả lời, Khấu Chuẩn liền giục tiếp 1 câu: "Thời cơ không thể để mất, xin bệ hạ lập tức động thân".

Dưới sự thúc giục của Khấu Chuẩn, Cao Quỳnh và các tướng sĩ, Tống Chân Tông quyết định lên đường tới Thiên Châu. Lúc đó, quân Liêu đã vây Thiên Châu từ 3 mặt. Quân Tống bố trí cung nỏ từ ở nơi hiểm yếu. Chủ tướng Liêu là Tiêu Đạt Lan cũng mấy kỵ binh đi trinh sát địa hình, lọt vào trận địa đã mai phục cung nỏ của quân Tống, bị cung nỏ bắn mãnh liệt. Tiêu Đạt Lan trúng tên, chết tại trận. Chủ tướng Liêu bị chết, Tiêu thái hậu vừa thương tiếc vừa sợ hãi. Bà lại nghe tin Tống Chân Tông ngự giá thân chinh, thấy triều Tống không thể bắt nạt, liền chủ trương giảng hòa. Thành Thiên Châu bao gồm cả 2 bờ nam bắc Hoàng Hà, Tống Chân Tông được các văn võ đại thần như Khấu Chuẩn, Cao Quỳnh hộ vệ, vượt qua Hoàng

Hà vào thành bắc Thiên Châu. Lúc này, các đạo quân Tống đã tập trung lại tới Thiên Châu. Các tướng sĩ Tống thấy lá cờ thêu rồng vàng của Tống Chân Tông đều hoan hô như sấm dậy, sĩ khí lên rất cao.

Tiêu thái hậu phái sứ giả đến thành doanh quân Tống giảng hòa, yêu cầu triều Tống cắt nhượng đất đai cho Liêu. Tống Chân Tông thấy quân Liêu nói đến hòa đã trúng ý của mình. Ông bàn với Khấu Chuẩn: "Cắt nhượng đất đai thì không được, nhưng nếu người Liêu đòi hỏi tiền bạc vải vóc thì trăm thấy có thể đáp ứng được".

Khấu Chuẩn vội phản đối giảng hòa, nói: "Chúng muốn hòa thì yêu cầu chúng phải trả lại ta mười sáu Yên Vân, chứ làm sao còn cho chúng tiền bạc vải vóc?".

Nhưng Tống Chân Tông 1 mực muốn hòa, không chấp nhận ý kiến Khấu Chuẩn, cử sứ giả là Tào Lợi Dụng đến doanh trại Liêu đàm phán về điều kiện nghị hòa. Trước khi Tào Lợi Dụng lên đường, Tống Chân Tông dặn dò: "Nếu họ đòi bồi thường, không thoái thác được thì có thể nhận mỗi năm một trăm vạn lạng bạc".

Khấu Chuẩn đứng cạnh nghe nói thế rất bức mình, nhưng không tiện tranh cãi với Tống Chân Tông. Khi Tào Lợi Dụng lên đường vừa ra khỏi cửa, Khấu Chuẩn nắm chặt tay Tào Lợi Dụng, nói: "Số tiền bồi thường không được quá ba mươi vạn. Nếu không khi anh trở về, ta sẽ xin cái đầu anh đấy!".

Tào Lợi Dụng biết Khấu Chuẩn không nói đùa, nên khi tới trại Liêu, ra sức cò kè mặc cả, đi tới thỏa thuận là hàng năm triều Tống phải nộp cho Liêu 30 vạn lạng bằng tiền và vải lụa. Khi Tào Lợi Dụng trở về, gặp lúc Tống Chân Tông đang ăn cơm, không tiếp kiến ngay được. Chân Tông nôn nóng muốn biết ngay kết quả đàm phán, liền sai 1 tiểu thái giám ra hỏi hàng năm phải nộp bao nhiêu. Tào Lợi Dụng thấy đây là việc cơ mật quốc gia, chỉ có thể tâm riêng với hoàng đế. Thái giám yêu cầu ông nói con số

khái lược, Tào Lợi Dụng đành giơ 3 ngón tay lên làm ám hiệu. Thái giám vào tâu lại, Tống Chân Tông tưởng rằng Tào Lợi Dụng đã nhận bồi thường mỗi năm 300 lạng thì bất giác kêu lên: "Sao nhiều thế?". Sau khi suy nghĩ 1 lát, ông lại tự an ủi, nói: "Thôi, kết thúc được cuộc chiến tranh này, cũng đành chấp nhận thôi!".

Ăn cơm xong, Chân Tông gọi Tào Lợi Dụng vào hỏi tỉ mỉ, thấy Dụng nói mỗi năm chỉ phải nộp 30 vạn lạng, ông Tông mừng quá đỗi, luôn mồm khen ngợi Tào Lợi Dụng giỏi giang, khéo tranh biện. Sau đó, 2 bên Tống - Liêu chính thức kí hòa ước. Hàng năm, triều Tống phải nộp cho Liêu 20 vạn tấm lụa và 10 vạn lạng bạc. Khoản phải nộp số tiền bồi thường lớn đó trở thành 1 gánh nặng lâu dài đè lên vai nhân dân Bắc Tống. Lịch sử gọi cuộc giảng hòa này là "Minh ước Thiên Uyên" (vì Thiên Châu còn có tên Thiên Uyên quận, nên hòa ước Thiên Châu mới được gọi như vậy). Do Khấu Chuẩn kiên trì đòi chống Liêu nên đã cứu Tống thoát khỏi thất bại. Tống Chân Tông thấy Khấu Chuẩn có công, rất kính trọng ông. Nhưng kẻ chủ trương rút chạy là Vương Khâm Nhược lại gièm pha với Tống Chân Tông rằng Khấu Chuẩn buộc vua thân chinh tức là đem tính mạng hoàng đế đổ vào 1 canh bạc, thật là si nhục cho quốc gia. Tống Chân Tông nhớ lại tình hình khi ở Thiên Châu, vẫn còn sợ toát mồ hôi, liền chuyển sang oán Khấu Chuẩn, cuối cùng đã cách chức tể tướng của con người đầy lòng yêu nước đó.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Nguyên Hạo Xây Dựng Tây Hạ

Tống Chân Tông dùng biện pháp thỏa hiệp, giữ yên được mặt bắc với Liêu, nhưng trong lúc đó, tộc Đảng Hạng (1 trong những dân tộc ít người ở miền tây bắc Trung Quốc) có 1 số quý tộc thừa dịp Tống mãi đối phó với Liêu, thường xuyên đem quân xâm phạm biên giới Tống. Tống Chân Tông đối phó quá mệt mỏi, đành lại áp dụng biện pháp thỏa hiệp, phong thủ lĩnh Đảng Hạng là Lý Kế Thiên làm thứ sử Hạ Châu, tiết độ sứ Đinh Nạn Quân. Năm 1004, Lý Kế Thiên chết, Tống phong con ông là Lý Đức Minh làm Tây Bình vương, hàng năm ban cho ông nhiều vải lụa tiền bạc mới giữ yên được tình hình trong hơn 13 năm. Con của Lý Đức Minh là Nguyên Hạo có nhiều hoài bão lớn, Hạo thông thạo Hán văn và Phật học, nhiều lần đem đánh các bộ lạc Thổ Phồn và Hồi Hột, mở rộng được bờ cõi. Ông khuyên cha không nên tiếp tục xưng thần với Tống, Đức Minh không muốn tách khỏi Tống, liền nói với con: "Suốt ba mươi năm nay, chúng ta có áo gấm để mặc, đều là do triều Tống ban thưởng, chúng ta không nên bội phản họ".

Nguyên Hạo nói: "Mặc quần áo da, chăn nuôi dê cừu, là phong tục của dân Đảng Hạng chúng ta. Người anh hùng hảo hán, nên tự mình tạo lập nên sự nghiệp chứ sao lại đi tham những lợi lộc nhỏ nhặt đó?".

Đức Minh hỏi: "Theo ý con thì nên làm thế nào?".

Nguyên Hạo nói: "Những thứ được ban thưởng chỉ để cho chúng ta hưởng thụ, nhưng dân trong bộ lạc vẫn rất nghèo khổ. Theo ý con, chi bằng ta cự tuyệt triều cống và huấn luyện quân đội, để tiến vào cướp và tước

đoạt đất đai. Như vậy, từ trên xuống dưới sẽ đến giàu có, chẳng tốt hơn sao?".

Nhưng Lý Đức Minh vẫn không làm theo ý kiến đó. Tới khi Lý Đức Minh chết, Nguyên Hạo kế thừa tước vị Tây Bình vương, mới bắt đầu thực hiện ý đồ của mình Ông đặt ra quan chức, chinh đốn quân đội, chuẩn bị thoát ly khỏi sự khống chế của triều Tống và thành lập chế độ riêng. Chú Hạo là Sơn Ngô khuyên ông không nên chống lại Tống, Hạo không nghe theo. Sơn Ngô trốn chạy sang phía Tống. Các quan chức ở Diên Châu thuộc Tống không muốn gây rắc rối với Nguyên Hạo, liền bắt Sơn Ngô trao trả. Biết ý định của mình đã bại lộ, Nguyên Hạo liền chính thức xưng đế vào năm 1038, lấy quốc hiệu là Đại Hạ, lấy Hưng Khánh (nay là thành phố Ngân Xuyên thuộc khu tự trị Ninh Hạ) làm quốc đô. Vì quốc gia này ở phía tây bắc triều Tống nên lịch sử gọi là Tây Hạ.

Sau khi Nguyên Hạ lên ngôi, liền gửi biểu yêu cầu triều Tống công nhận. Lúc đó, Tống Chân Tông đã chết, con ông là Tống Nhân Tông Triệu Trinh đang tại vị. Vua tôi triều Tống sau 1 hồi bàn bạc, thấy đây là hành động chống Tống của Nguyên Hạo, liền hạ lệnh thu hồi tước vị Tây Bình vương, đoạn tuyệt việc buôn bán và công bố lệnh tróc nã Nguyên Hạo dán ngoài cửa quan Tống. Lúc đó, quân phòng thủ ở tây bắc có tới ba bốn mươi vạn, nhưng đều phân tán trong mấy trăm trại thuộc 24 châu do triều đình trực tiếp chỉ huy, không có sự phối hợp với nhau. Thêm nữa, quân Tống từ lâu không hề tác chiến, không được huấn luyện. Còn kỵ binh Tây Hạ đều được chỉ huy tập trung, rất cơ động linh hoạt. Vì vậy, quân Tống luôn thua trận. 1 năm sau, quân Tây Hạ tiến công Diên Châu, quân Tống lại bị đại bại. Tống Nhân Tông rất tức giận, lập tức cách chức tri châu Diên Châu là Phạm Ung rồi cử 2 đại thần là Hàn Kỳ và Phạm Trọng Yên tới Thiểm Tây để chỉ huy cuộc chiến tranh với Tây Hạ.

Phạm Trọng Yên tới Diên Châu, tiến hành cải cách lại chế độ quân sự vùng biên giới. Ông chia 1 vạn 6000 người ngựa ở Diên Châu thành 6 đạo

quân do 6 viên tướng giỏi chỉ huy, ngày đêm thao luyện, khiến quân Tống xưa nay vốn rời rạc, nay đã nâng cao được sức chiến đấu rất nhiều. Quân Tây Hạ thấy phía Tống đã phòng bị nghiêm chỉnh, không dám xâm phạm Diên Châu nữa. Họ đồn nhau: "Lão Phạm trẻ này (chỉ Phạm Trọng Yên) có nhiều mưu lược quân sự, không dễ bắt nạt như lão Phạm già (chỉ Phạm Ung) đâu!".

Phạm Trọng Yên phân tích lực lượng 2 bên, chủ trương tăng cường phòng phủ kiềm chế binh lực của Tây Hạ, nhưng Hàn Kỳ là võ tướng, rất hăng hái, lại chủ trương cần phải tiến công. Tháng 2 năm 1041, quân Tây Hạ do Nguyên Hạo đích thân chỉ huy, tiến đánh Vị Châu. Hàn Kỳ tập trung tất cả người ngựa và chọn ra 1 vạn 8000 dũng sĩ do Nhâm Phúc cầm đầu ra trận. Nhâm Phúc dẫn mấy ngàn kỵ binh xông sang địch, giao chiến với 1 toán quân Hạ. Quân Hạ bỏ cả lừa ngựa, tháo chạy. Nhâm Phúc phái quân trinh sát, thấy báo cáo là phía trước không có nhiều quân Hạ, liền thúc quân đuổi gấp. Đuổi suốt 3 ngày đêm, tới Hảo Thủy Xuyên (nay là phía tây Long Đức, Ninh Hạ) thì trời đã tối. Nhâm Phúc hạ lệnh cho quân lính dừng lại nghỉ, dự định tới 6 hôm sau sẽ hội họp với 1 cánh quân khác theo kế hoạch định trước, rồi sẽ đánh cho địch 1 trận tươi bời. Hôm sau, Nhâm Phúc dẫn 1 số quân ven theo Hảo Thủy Xuyên tiến về phía tây, tới chân Lục Bàn Sơn không thấy quân Hạ đâu cả. Sau khi lùng sục, phát hiện ven đường có mấy chiếc hộp dát bạc được bọc kín. Binh lính Tống xem xét, nghe thấy có tiếng động lao xao, liền báo cáo với Nhâm Phúc. Phúc sai quân lính mở hộp thì thấy 1 đàn hàng trăm chim bồ câu bay vù ra. Đàn chim bồ câu có đeo sáo dưới chân, bay lượn trên đầu quân Tống, phát ra tiếng sáo vang dậy.

Thì ra, quân Tây Hạ cố tình nhử thua để nhử quân Tống đuổi theo tới chân Lục Bàn Sơn. Tại đây Nguyên Hạo đã cho mai phục 10 vạn tinh binh, chỉ đợi khi đàn chim bồ câu bay lên, là tung quân ra đánh bao vây chặt quân Tống lại. Quân Tống ra sức phá vây, chiến đấu suốt từ sớm tới trưa, lại thấy bên trận Tây Hạ phát 1 lá cờ lớn, nhiều quân Tây Hạ lại từ 2 bên đánh ập tới. Quân Tống vừa đánh vừa lùi, rất nhiều người bị rơi xuống vực.

Nhâm Phúc bị hơn 10 mũi tên bắn trúng. Có binh sĩ khuyên ông thừa cơ chạy khỏi chiến trường. Nhâm Phúc nói: "Ta mang danh là một đại tướng, nay bị đánh thua, chỉ còn một chết mà thôi".

Ông lại xông vào giáp chiến, bị quân Tây Hạ giết chết. Trong trận này, Nguyên Hạo thắng lớn, quân Tống tử thương nghiêm trọng. Hàn Kỳ được tin, vô cùng thương tâm, dâng thư lên triều đình xin chịu tội. Tống Nhân Tông cách chức Hàn Kỳ. Phạm Trọng Yên tuy không trực tiếp chỉ huy trận này, nhưng cũng bị gièm pha vu cáo, bị triều đình giáng chức. Từ đó về sau, giữa Tống và Tây Hạ nhiều lần xảy ra chiến tranh. Quân Tống luôn bị hao binh tổn tướng. Tống Nhân Tông không thể không sử dụng lại Hàn Kỳ và Phạm Trọng Yên vào việc giữ biên giới phía bắc. Hai người đồng tâm hiệp lực, phủ dụ sĩ tốt, giữ nghiêm kỷ luật. Quân Tây Hạ không dám tiến công nữa.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Địch Thanh Không Sợ Xuất Thân Hèn Kém

Khi Hàn Kỳ, Phạm Trọng Yên mới tới Thiểm Tây, có người tiến cử với 2 ông 1 viên tướng nhỏ địa phương tên là Địch Thanh, rất anh dũng thiện chiến, có tài năng của 1 đại tướng. Phạm Trọng Yên đang cần tướng có tài, nghe nói thế rất phấn khởi, yêu cầu người đó kể rõ lai lịch về Địch Thanh. Địch Thanh vốn là 1 người lính thường trong đội cấm quân trong kinh thành, từ nhỏ đã tinh thông võ nghệ, thành thạo mọi loại vũ khí và cưỡi ngựa bắn cung, lại thêm có sức khỏe và can đảm, nên được chọn làm 1 tướng nhỏ. Sau khi Nguyên Hạo xưng làm hoàng đế Tây Hạ, Tống Nhân Tông cử cấm quân đi phòng thủ biên giới, Địch Thanh được cử tới Bảo An (nay là Chí An) thuộc Thiểm Tây. Không lâu sau, quân Tây Hạ tiến công Bảo An. Quân Tống ở Bảo An đã nhiều lần bị quân Tây Hạ đánh thua, nên nghe nói tới giao chiến là đã sợ hãi. Tướng phòng thủ Bảo An là Lư Thủ Cầm rất lo lắng trước tình hình đó. Thấy vậy Địch Thanh xin làm tiên phong để chống lại Tây Hạ. Lư Thủ Cầm thấy Địch Thanh tình nguyện làm xung phong thì hết sức vui mừng, liền cấp cho 1 số quân mã, cử ra giao chiến với quân Tây Hạ.

Mỗi lần ra trận, Địch Thanh đều thay đổi trang phục, xõa tóc, đeo mặt nạ bằng đồng chỉ để hở 2 con mắt sáng quắc. Ông cầm 1 ngọn thương dài dẫn đầu xông xáo chém giết. Quân Tây Hạ từ ngày tiến đánh Tống, chưa từng gặp. Thấy hình dáng Địch Thanh cổ quái như vậy, chúng đã có vẻ sợ. Bị Địch Thanh và quân Tống tiến đánh mãnh liệt, trận thế Tây Hạ rối loạn, tan vỡ lùi về sau. Địch Thanh và quân Tống đánh tràn sang, thắng 1 trận lớn. Tin thắng trận truyền về triều đình, Tống Nhân Tông rất phấn khởi,

thăng chức cho Lữ Thủ Cần và thăng Địch Thanh lên 4 cấp. Tống Nhân Tông còn muốn triệu Địch Thanh về kinh thành tiếp kiến. Nhưng sau đó, Tây Hạ lại xâm phạm Vị Châu, Địch Thanh phải dẫn quân chống lại nên Tống Nhân Tông đành bỏ ý định triệu kiến Địch Thanh về và sai người vẽ hình Địch Thanh gửi về triều đình. Mấy năm tiếp sau, quân Tây Hạ vẫn liên tục xâm phạm biên giới, khiến dân cư không lúc nào được yên. Địch Thanh trước sau đã tham gia hơn 25 trận đánh lớn nhỏ, 8 lần bị trúng tên, nhưng không trận nào không thắng lợi. Quân lính Tây Hạ hề nghe thấy tên Địch Thanh là đều sợ hãi không dám giao chiến.

Phạm Trọng Yên thấy cấp dưới tiến cử, lập tức tiếp kiến Địch Thanh, hỏi ông đã đọc qua sách gì. Địch Thanh vốn xuất thân binh lính, biết rất ít chữ, không thể trả lời là đã đọc sách gì. Phạm Trọng Yên khuyên ông: "Nay người đã là một viên tướng. Làm tướng mà không thông tỏ cổ kim, chỉ dựa vào sức mạnh và lòng dũng cảm thì không đủ". Sau đó, ông giới thiệu cho Địch Thanh 1 số sách cần đọc.

Được Phạm Trọng Yên nhiệt tình khuyến khích, Địch Thanh hết sức xúc động. Từ đó, ông tranh thủ những lúc không có trận mạc, miệt mài đọc sách. Mấy năm sau, ông đọc thuộc lòng binh pháp của các danh tướng đời Tần - Hán về sau. Lại vì lập nhiều chiến công, luôn được thăng cấp có tiếng tăm rất lớn. Sau, Tống Nhân Tông điều ông về kinh thành, làm mã quân Phó đô chỉ huy. Triều Tống có 1 chế độ tàn bạo, là thích chữ vào mặt binh lính để đề phòng họ đào ngũ. Khi làm lính, Địch Thanh cũng đã từng bị thích chữ. Hơn 10 năm làm tới đại tướng, trên mặt Địch Thanh vẫn còn lưu những chữ đó. Một lần, sau khi triệu kiến Địch Thanh, Tống Thái Tông cho rằng trên mặt đại tướng mà còn thích chữ thì thật là mất thể diện, liền bảo Địch Thanh về nhà đắp thuốc để xóa bỏ những chữ đó đi. Địch Thanh tâu: "Bệ hạ đã không nề hà hạ thân thân hèn kém, căn cứ chiến công mà phong cho hạ thần địa vị như ngày nay, khiến hạ thần rất cảm động. Còn những chữ trên mặt này, hạ thần xin được giữ lại để binh lính nhìn thấy, sẽ biết cần phải phấn đấu vươn lên như thế nào?".

Tống Nhân Tông nghe trả lời, rất tán thưởng kiến thức của Địch Thanh và càng quý trọng ông. Sau đó Địch Thanh còn lập nhiều chiến công, được thăng làm Khu mật sứ, nắm việc quân sự trong toàn quốc. Từ 1 tên lính thường thăng tới chức Khu mật sứ là 1 sự kiện chưa từng có trong lịch sử triều Tống. Có 1 số đại thần cho rằng Địch Thanh xuất thân hèn kém, khuyên Nhân Tông không nên cất nhắc ông lên chức vụ cao đến thế. Nhưng lúc này, Tống Nhân Tông đang cần trọng dụng tướng tài, không nghe theo những ý kiến đó. Địch Thanh là Khu mật sứ, luôn có người cho rằng địa vị đó không tương xứng với xuất thân của ông. Một người tự xưng là dòng dõi Địch Nhân Kiệt, 1 danh tướng đời Đường, tặng Địch Thanh 1 bức hình Địch Nhân Kiệt và nói: "Ngài chẳng phải là con cháu Địch Công sao? Nên nhận Địch Công làm tổ tiên của mình đi!".

Địch Thanh khiêm tốn cười đáp: "Tôi vốn xuất thân hèn kém, ngẫu nhiên có cơ hội được lên chức vụ cao, sao dám nhận xưng là dòng dõi Địch Công".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Phạm Trọng Yên Cải Cách Chính Trị

Do Phạm Trọng Yên giữ nghiêm kỷ luật quân đội và chú ý sự giảm nhẹ đóng góp cho nhân dân vùng biên giới, nên lực lượng phòng thủ của Bắc Tống được tăng cường. Tây Hạ gây chiến với Bắc Tống trong mấy năm, không thu được lợi gì. Nên đến năm 1043, Nguyên Hạo phải xưng thần và cầu hòa. Triều Tống đồng ý hàng năm cung cấp cho Tây Hạ 1 số tiền bạc, vải vóc và trà uống. Từ đó biên giới Tống mới tạm thời được yên ổn. Phạm Trọng Yên không những là nhà quân sự mà còn là nhà chính trị gia và văn học gia nổi tiếng đời Tống. Ông là người huyện Ngô thuộc Tô Châu, mồ côi cha từ nhỏ. Vì nhà nghèo, người mẹ bất đắc dĩ phải tái giá với 1 người họ Chu. Phạm Trọng Yên trưởng thành trong 1 hoàn cảnh vô cùng gian khổ, thường đọc sách trong 1 ngôi miếu cổ, ngày không có đủ 3 bữa ăn, thường phải ăn cháo. Nhưng ông quyết tâm khắc khổ học tập, thường đọc sách tới khuya, nhiều khi mệt mỏi tới mức không mở được mắt, phải vẩy nước lạnh vào mặt cho tỉnh để tiếp tục học. Ròng rã nhiều năm gian khổ như vậy, cuối cùng ông trở thành 1 người rất có học vấn.

Ban đầu, Phạm Trọng Yên làm gián quan trong triều, vì thấy tể tướng Lã Di Giản lạm dụng chức quyền, đưa người thân quen vào làm quan, bèn mạnh dạn tố cáo với Nhân Tông. Lã Di Giản phản công lại, nói Phạm Trọng Yên kết giao bè đảng để ly gián quan hệ vua tôi. Tống Nhân Tông tin theo lời Lã Di Giản, liền biếm trích Phạm Trọng Yên xuống phương nam. Mãi tới khi chiến tranh với Tây Hạ, Phạm Trọng Yên lập công lớn, Tống Nhân Tông mới thấy ông đích thực là 1 nhân tài. Lúc bấy giờ, triều Tống vì nội chính thối nát, lại thêm có chiến tranh với Liêu và Tây Hạ, tiêu

phí rất nhiều tiền của, tài chính gặp khó khăn lớn. Tống Nhân Tông bèn điều Phạm Trọng Yên từ Thiểm Tây về kinh thành, phong ông làm phó tể tướng. Phạm Trọng Yên vừa về tới nơi, Nhân Tông tiếp kiến ngay, yêu cầu thảo ra phương án trị nước. Phạm Trọng Yên thấy triều đình có quá nhiều mặt thối nát, không thể cải cách ngay 1 lúc mà phải đi từ từ từng bước. Nhưng vì Nhân Tông liên tục thúc giục, ông liền đề ra 10 hạng mục cải cách, gồm những nội dung chủ yếu như sau:

1 - Định kì sát hạch quan lại. Căn cứ vào thành tích cai trị mà thăng cấp, giáng cấp.

2 - Hạn chế nghiêm ngặt việc con cai các đại thần dựa vào thế cha để ra làm quan.

3 - Cải cách chế độ khoa cử.

4 - Thận trọng trong việc chọn lựa và đề bạt quan đứng đầu các địa phương.

Còn những vấn đề khác như khuyến khích nông trang, giảm nhẹ lao dịch, tăng cường quân bị giữ nghiêm pháp luật...

Tống Nhân Tông đang có lòng hăng hái cải cách, sau khi xem xong phương án của Phạm Trọng Yên, liền lập tức phê chuẩn và cho thi hành khắp trong nước. Lịch sử gọi phong trào cải cách này là "Khánh Lịch tân chính" (Khánh Lịch là niên hiệu của Tống Nhân Tông từ 1041 đến 1049). Để thúc đẩy tân chính (chính sách mới), Phạm Trọng Yên liền cùng Hàn Kỳ, Phú Bật thẩm tra 1 số quan chức để cử xuống các bộ (đơn vị hành chính thời Tống) làm chức giám ti (quan giám sát). Một hôm, Phạm Trọng Yên ngồi trong dinh duyệt danh sách các giám ti, phát hiện thấy 1 người xưa nay là kẻ tham lam, làm trái pháp luật, liền cầm bút xóa tên người đó đi, chuẩn bị lấy người khác thay vào. Phú Bật đứng cạnh, thấy thế không

nữ, liền nói với Phạm Trọng Yên: "Phạm Công, một nét bút của ngài, làm cho cả nhà người ta phải khóc đây!".

Phạm Trọng Yên nghiêm túc trả lời: "Nếu không để một nhà phải khóc, thì sẽ làm cho dân cả một bộ phải khóc".

Phú Bật nghe trả lời, vụt hiểu ra, càng khâm phục kiến thức và tính cương trực của Phạm Trọng Yên. Tân chính do Phạm Trọng Yên vừa đem ra thi hành, đã như chọc vào tổ ong. Tất cả hoàng thân quốc thích, đại thần quyền quý, tham quan ô lại đều la lối om sòm, gieo rắc tin đồn chống lại tân chính. Những đại thần xưa nay vốn không ưa Phạm Trọng Yên, ngày ngày nói xấu Phạm Trọng Yên với Tống Nhân Tông, nói ông và 1 số người kết bè đảng, lạm dụng chức quyền. Tống Nhân Tông thấy nhiều người phản đối quá, cũng sinh dao động. Phạm Trọng Yên thấy mình không thể ở lại kinh thành được, liền tự động xin đổi về biên giới Thiểm Tây. Tống Nhân Tông đành phải điều ông đi. Phạm Trọng Yên vừa đi khỏi, Tống Nhân Tông liền hạ lệnh phế bỏ tân chính. Vì đề xướng cải cách chính trị, Phạm Trọng Yên bị rất nhiều kẻ đả kích, nhưng ông không vì thế mà nản lòng. Một năm sau, 1 người bạn cũ của ông là Đặng Tông Lượng, làm quan ở Nhạc Châu (trị sở nay ở Nhạc Dương, Hồ Nam) đứng ra tu tạo lại Nhạc Dương Lâu, 1 danh thắng ở đó, mời Phạm Trọng Yên viết cho 1 bài văn kỉ niệm. Phạm Trọng Yên vung bút viết ngay bài "Nhạc Dương Lâu ký". Trong bài văn nổi tiếng đó, Phạm Trọng Yên đề cập đến 1 người có hoài bão chính trị xa rộng, cần phải có tư tưởng " Lo trước cái lo của thiên hạ, vui sau cái vui của thiên hạ".

Hai câu danh ngôn đó được người đời sau truyền tụng. Và Nhạc Dương Lâu cũng nhờ bài văn nổi tiếng đó của Phạm Trọng Yên mà nổi tiếng thêm.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Âu Dương Tu Cải Cách Văn Phong

Sau khi Phạm Trọng Yên bị gạt bỏ và rời khỏi triều đình, người cộng sự của ông là Phú Bất vì ủng hộ ông, bị vu cáo là đồng đảng của Phạm Trọng Yên, bị cách hết quan chức. Hàn Kỳ biện hộ cho Phạm Trọng Yên và Phú Bất, cũng bị liên lụy. Lúc đó, 1 số người khác tuy đồng tình với Phạm Trọng Yên nhưng không dám ra mặt bênh vực ông. Chỉ có gián quan là Âu Dương Tu cả gan dâng sớ lên Tống Nhân Tông, nói: "Từ xưa tới nay, kẻ xấu hãm hại người tốt, đều vu cáo người tốt là bè đảng, chuyên quyền. Phạm Trọng Yên là nhân tài quan trọng của quốc gia, cứ sao lại bị bãi miễn. Nếu bệ hạ tin theo lời kẻ xấu thì chỉ khiến kẻ xấu đắc ý, quân thù vui mừng".

Âu Dương Tu là nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc, quê ở Lư Lăng (nay là Vĩnh Phong, tỉnh Giang Tây). Khi ông mới 4 tuổi, cha bị bệnh mất, bà mẹ dẫn ông đến Tuy Châu (nay là huyện Tuy, Hồ Bắc) dựa vào người chú để mưu sinh. Bà mẹ Âu Dương Tu quyết tâm cho Âu Dương Tu học hành, nhưng nhà nghèo, không có tiền mua giấy bút. Bà thấy trong cái ao trước nhà có mọc nhiều cói, liền dùng cọng cói thay bút dạy Âu Dương Tu viết chữ trên đất bùn. Cậu bé Âu Dương Tu được mẹ giáo dục từ nhỏ nên sớm yêu thích đọc sách. Khi lên 10 tuổi, Âu Dương Tu thường xuyên đến 1 nhà có nhiều sách trong làng mượn sách đọc và chép lại những đoạn thấy hứng thú. Một lần, ông đến mượn sách của nhà họ Lý, phát hiện thấy trong đồng giấy cũ 1 cuốn sách nhàu nát. Ông giở xem, thấy đó là văn tập của Hàn Dũ, 1 nhà văn nổi tiếng đời Đường, liền mượn chủ nhà, đem về đọc.

Đầu đời Tống, trong xã hội có xu hướng ưa chuộng lời văn hào nhoáng mà coi nhẹ nội dung. Vì vậy, văn phong thời này chú trọng sự đẹp đẽ của ngôn từ nhưng rất trống rỗng, nghèo nàn về nội dung. Âu Dương Tu đọc tản văn của Hàn Dũ, thấy văn chương lưu loát, lập luận thấu triệt khác hẳn với văn chương thịnh hành đương thời. Ông ra sức nghiên ngẫm, học tập văn phong của Hàn Dũ. Khi trưởng thành, ông tới Đông Kinh tham gia thi tiên sĩ, liên tục đỗ đầu 3 vòng thi. Khi mới hơn 20 tuổi, tiếng tăm của Âu Dương Tu đã vang dội trên văn đàn. Ông không giữ chức quan cao, nhưng rất quan tâm đến triều đình và mạnh dạn can gián hoàng đế. Khi Phạm Trọng Yên vi va chạm với Lã Di Giản mà phải biếm trích xuống phương nam, rất nhiều đại thần đồng tình với Phạm Trọng Yên, chỉ có viên gián quan Cao Nhược Nạp là cho rằng Phạm Trọng Yên bị biếm trích là đúng. Âu Dương Tu rất phẫn nộ, viết 1 lá thư kịch liệt công kích Cao Nhược Nạp là người không biết liêm sỉ. Vì việc đó, ông bị giáng chức, điều về địa phương, 4 năm sau mới được trở lại kinh thành. Lần này, Âu Dương Tu lại đứng ra phát biểu bên vực tân chính của Phạm Trọng Yên, khiến bọn quyền quý trong triều nổi giận. Chúng tìm mọi chứng cứ vu vơ, gán cho Âu Dương Tu 1 số tội danh. Triều đình lại biếm Âu Dương Tu đi Từ Châu (nay là huyện Từ, An Huy).

Từ Châu là nơi có phong cảnh đẹp, 4 xung quanh là núi. Đến Từ Châu, ngoài những giờ làm việc công, Âu Dương Tu thường du lãm sơn thủy. Ở địa phương có 1 hòa thượng xây 1 tòa đình trên Lang Nha Sơn thuộc Từ Châu làm nơi nghỉ cho du khách. Âu Dương Tu thường tới tòa đình đó uống rượu. Ông tự xưng là "Túy ông" (ông già say) và đặt tên cho tòa đình đó là "Túy Ông đình". Bài tản văn "Túy Ông đình ký" của ông là 1 kiệt tác được người đời truyền tụng. Âu Dương Tu làm quan địa phương hơn 10 năm trời. Sau Tống Nhân Tông nhớ tới văn tài của ông, mới triệu ông về kinh thành, phong làm Hàn lâm học sĩ. Sau khi nhận chức hàn lâm học sĩ, Âu Dương Tu ra sức đề xướng việc cải cách văn phong. Một lần, kinh thành tổ chức khoa thi tiến sĩ, ông được cử làm chủ khảo. Thấy đây là 1 cơ hội để cải cách văn phong lựa chọn nhân tài. Âu Dương Tu đọc kỹ các

quyển thi, thấy quyển nào chỉ có hình thức hào nhoáng mà nội dung trống rỗng thì đánh trượt hết. Kết quả khóa thi, 1 số người không đỗ rất căm tức Âu Dương Tu. Một hôm, ông cưỡi ngựa đi đi ra đường, bị 1 đám thí sinh bị đánh trượt ngăn lại, ồn ào chửi mắng và gây sự. Sau nhờ có lính tuần tra đến giải tán, ông mới được vô sự.

Qua việc đó, tuy Âu Dương Tu bị 1 số áp lực, nhưng văn phong trong thi cử nhờ đó mà có biến chuyển lớn. Mọi người đều ngả theo xu hướng viết những bài văn có nội dung sâu sắc bằng lời lẽ giản dị. Âu Dương Tu không những chỉ ra sức cải cách văn phong, mà còn chú trọng phát hiện và bồi dưỡng nhân tài. Rất nhiều người vốn không nổi tiếng lắm, nhờ được ông tán thưởng và tiến cử, đều trở thành những danh gia. Những người nổi tiếng nhất là Tăng Cung, Vương An Thạch, Tô Tuân và 2 con là Tô Thức (tự là Đông Pha), Tô Triệt. Trong lịch sử văn học, người ta ghép Âu Dương Tu và 5 người trên cũng với Hàn Dũ, Liễu Tông Nguyên thời Đường thành 1 danh sách, gọi là "Đường Tống bát đại gia" (8 tác gia văn xuôi lớn đời Đường - Tống).

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Bao Chứng Mặt Sắt Vô Tư

Sau khi tân chính do Phạm Trọng Yên đề xướng bị thất bại, triều đình Bắc Tống ngày càng thối nát. Đặc biệt là tại phủ Khai Phong thuộc kinh thành, nạn tham ô, hối lộ, lộng quyền của các đại thần quyền quý lại càng đặc biệt nghiêm trọng. Các hoàng thân quốc thích trắng trợn, không coi phép nước ra gì. Tới khi Bao Chứng đảm nhiệm chức tri phủ Khai Phong thì tình hình này mới thay đổi được chút ít. Bao Chứng là người vùng Hợp Phì thuộc Lư Châu (nay là Hợp Phì, An Huy), từng làm huyện lệnh huyện Thiên Trường. Một lần, trong huyện xảy ra 1 vụ án: 1 nông dân ban đêm buộc bò trong chuồng, đến sáng thấy bò nằm ngay dưới đất, miệng đầy máu. Vạch miệng bò ra xem, thì thấy lưỡi đã bị cắt đứt. Người nông dân đó vừa tức giận vừa đau xót, liền lên huyện tố cáo, xin Bao Chứng giúp tìm ra kẻ đã cắt lưỡi bò.

Vụ án khó khăn không đầu mối này làm thế nào để tìm tra ra đây? Bao Chứng suy nghĩ 1 lát rồi bảo người nông dân: "Anh khoan làm ầm ĩ về vụ này. Hãy trở về làm thịt con bò đó rồi ra sẽ nói sau".

Nông dân xưa nay vốn rất quý bò này, không đành lòng giết bò. Và lại, theo pháp luật hiện hành, thì không ai được tự tiện giết bò cày. Nhưng suy đi tính lại, con bò đã bị cắt lưỡi cũng chẳng thể sống được bao lâu nữa, và quan đã bảo giết, thì không còn sợ phạm pháp. Người nông dân đó trở về, quả nhiên ngả bò ra giết. Ngay hôm sau, nha môn huyện Thiên Trường có 1 người cáo giác tội tự tiện giết bò của người nông dân nọ. Bao Chứng

gọi người tố cáo vào, rồi đập bàn quát lớn: "Tên này to gan thật. Người cắt lưỡi bò của người ta rồi lại còn dám tới đây để tố giác sao?".

Kẻ tố giác nghe thấy thế sợ hãi ngay ra không cãi được, vội dập đầu thành thật nhận tội lỗi. Thì ra kẻ cắt lưỡi bò vốn có hiềm khích với người nông dân kia, nên đã lên vào cắt lưỡi bò rồi lại đi tố giác người đó tự tiện giết bò cày, vi phạm lệnh cấm. Sau vụ đó, Bao Chửng trở nên nổi tiếng vì tài xử án. Sau khi làm quan địa phương ở mấy nơi, đến chỗ nào, Bao Chửng cũng phế bỏ việc lạm thu thuế má, giải quyết các vụ án oan. Sau đó, ông được điều về kinh thành làm gián quan, đề xuất nhiều kiến nghị hay lên triều đình. Tống Nhân Tông muốn chỉnh đốn trật tự ở phủ Khai Phong nên điều Bao Chửng ra làm tri phủ Khai Phong. Phủ Khai Phong là nơi tập trung hoàng thân quốc thích và thế lực hào môn quyền quý. Trước đây, ai làm quan ở đó, cũng đều thông đồng với giới quyền quý, nhận hối lộ và bao che mọi hành động ngang ngược của chúng. Bao Chửng nhận chức, quyết tâm chấn chỉnh lại thói hủ bại đó. Theo quy định của triều Tống, ai muốn đến cáo giác ở nha môn, trước tiên phải nhờ người viết đơn, rồi nhờ bọn thơ lại chuyển lên tri phủ. Bọn thầy cò và lưu manh liền lợi dụng việc đó để vòi tiền. Bao Chửng bỏ quy định đó, cho phép nhân dân hễ có điều gì muốn tố giác, có thể giống trống ở cổng phủ. Cứ có tiếng trống, là cửa phủ mở rộng để mọi người tiến vào trực tiếp tố cáo. Như vậy, bọn thơ lại không thể vòi tiền người dân được nữa.

Một năm, phủ Khai Phong bị nước sông dâng cao, vì dòng sông Huệ Dân bị nghẽn, nước không tiêu nhanh được. Bao Chửng điều tra, thấy nguyên nhân làm cho dòng sông bị nghẽn là do 1 số hoạn quan và nhà quyền quý xâm chiếm đất đai, xây dựng vườn hoa và lầu các, ngăn cản dòng chảy. Bao Chửng lập tức hạ lệnh, yêu cầu các phủ vườn phải dỡ bỏ mọi kiến trúc xâm phạm đến dòng sông. Một số nhà quyền quý không chịu dỡ, phủ Khai Phong liền cử người đến đốc thúc. Bọn này bướng bỉnh, đưa ra 1 số giấy tờ bịa đặt, nói đất đó là gia sản do tổ tiên để lại. Bao Chửng điều tra kỹ càng, phát hiện những tờ giấy đó là giả mạo. Ông nổi giận, buộc

những kẻ đó phải lập tức phá vườn hoa, đồng thời viết sớ tấu dâng lên Tống Nhân Tông. Bọn đó thấy chuyện trở thành lớn, sợ Nhân Tông cho điều tra thì sẽ bất lợi, đành phải dỡ bỏ vườn hoa. Bọn quý tộc thấy Bao Chửng là việc nghiêm minh, đều sợ hãi không dám hoành hành ngang ngược nữa. Có kẻ muốn mua chuộc Bao Chửng, đưa lễ vật tới đút lót, nhưng mọi người đều khuyên: đừng mơ tưởng điều đó, Bao Chửng xưa nay vốn nổi tiếng thanh liêm. Khi ông ta làm quan ở Đao Châu (nay là Triệu Khánh, Quảng Đông) là nơi chuyên sản xuất nghiên mực, 1 số đặc sản nổi tiếng. Hoàng cung quy định, hàng năm quan địa phương phải nộp 1 số nghiên mực cho triều đình sử dụng. Một số quan địa phương lấy cớ nộp cống vật cho triều đình, thường bắt dân nộp dư ra, dùng làm đồ biếu xén cho các đại thần. Số nghiên mực bị nộp thêm nhiều gấp hàng chục lần số phải tiến vào cung vua. Khi Bao Chửng đến Đao Châu làm quan, chỉ thu đủ số tiến vua, không thu thêm 1 chiếc nào. Suốt thời kì ở đó, trước sau ông không hề lấy riêng 1 chiếc nghiên nào cho mình.

Nghe chuyện đó, kẻ đút lót biết không thể lợi dụng được Bao Chửng, đành bỏ ý định đó. Từ đó, dân khắp phủ Khai Phong không ai không biết Bao Chửng là 1 quan thanh liêm. Dân gian lưu truyền câu ca dao: "Đừng hòng đút lót hai nơi; một là Bao Chửng, hai thời Diêm Vương".

Bao Chửng cũng rất nghiêm khắc với thân thích bạn bè. Có người thân muốn dựa thế ông để mưu cầu việc riêng, nhưng ông không hề chiếu cố. Sau này, thân thích bạn bè biết tính ông, không ai dám tìm đến nhờ vả nữa. Tống Nhân Tông rất quý trọng Bao Chửng, thăng ông lên chức Khu mật phó sứ. Ông làm quan to, nhưng sinh hoạt gia đình rất giản dị, như người dân bình thường. 5 năm sau, ông bị bệnh mất, để lại di chúc: con cháu đời sau nếu làm quan mà tham ô thì không được phép về nhà, khi chết đi không được chôn trong khu phần mộ của nhà họ Bao.

Vì suốt cuộc đời Bao Chửng làm quan thanh liêm, nên không những lúc còn sống được nhân dân ca ngợi; mà khi mất đi, mọi người vẫn tôn

sùng, coi như 1 mẫu mực về quan thanh liêm, tôn xưng ông là "Bao Công" hoặc gọi ông là "Bao Đãi chế", "Bao Long đồ" (quan tước của Bao Chửng lúc còn sống là Thiên Chương Các đãi chế và Long Đồ Các học sĩ). Trong dân gian lưu truyền rất nhiều câu chuyện về Bao Công mặt sắt vô tư, dám chống lại bọn quyền quý. Người ta còn xây dựng tiểu thuyết và kịch bản về Bao Công xử án. Tuy đại đa số trong đó là những chuyện hư cấu, nhưng điều đó cũng phản ánh lòng kính mộ của dân gian với 1 vị quan thanh liêm, chính trực.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Vương An Thạch Biến Pháp

Tống Nhân Tông làm hoàng đế 40 năm, tuy có sử dụng 1 số đại thần chính trực như Phạm Trọng Yên, Bao Chứng, nhưng vì không quyết tâm cải cách nên đất nước ngày càng suy yếu. Ông không có con, nên khi chết đi, triều đình phải chọn 1 con em trong hoàng tộc đưa lên làm vua. Đó là Tống Anh Tông. Anh Tông nối ngôi được 4 năm thì chết vì bệnh. Thái tử Triệu Húc lên nối ngôi, đó là Tống Thần Tông. Khi lên ngôi, Tống Thần Tông mới 20 tuổi, là 1 thanh niên hăng hái và có chí tiến thủ. Thấy đất nước suy yếu, ông muốn tiến hành cải cách. Nhưng nhìn xung quanh đều là các lão thần thời Tống Nhân Tông. Ngay cả đến Phú Bật là người trước kia từng ủng hộ tân chính, nay cũng đã già yếu, rụt rè. Tống Thần Tông nghĩ, muốn cải cách hiện trạng, nhất định phải tìm được 1 trợ thủ đắc lực.

Trước khi lên ngôi, bên cạnh Thần Tông (lúc đó còn là thái tử) có 1 viên quan là Hàn Duy, thường nêu những ý kiến rất hay, được Thần Tông tán thưởng. Hàn Duy nói: "Những ý trên đều do người bạn của tôi là Vương An Thạch nói ra".

Tống Thần Tông tuy chưa được gặp Vương An Thạch nhưng nhờ đó mà đã có ấn tượng tốt về ông. Nay đã làm hoàng đế, muốn có 1 trợ thủ, tự nhiên ông nhớ tới Vương An Thạch. Ông liền hạ chiếu vời Vương An Thạch lúc đó đang làm quan ở Giang Ninh về kinh thành. Vương An Thạch là 1 văn học gia và chính trị gia nổi tiếng thời Tống, người ở Lâm Xuyên, Phủ Châu (nay ở phía tây Phủ Châu, Giang Tây). Khi còn trẻ, văn chương của ông đã rất xuất sắc, được Âu Dương Tu khen ngợi. Năm 20 tuổi,

Vương An Thạch đỗ tiến sĩ, làm quan ở mấy huyện địa phương. Khi đang làm quan ở Ngân Huyện (nay là huyện Ngân, Triết Giang), trong huyện có thiên tai nghiêm trọng, đời sống nhân dân vô cùng khó khăn. Vương An Thạch tổ chức dân làm thủy lợi, phát triển giao thông, thúc đẩy mọi việc trôi chảy. Mỗi khi tới kì giáp hạt, người nghèo không đủ ăn, ông sai mở kho cho dân vay lương thực. Sau khi thu hoạch sẽ nộp trả nhà nước với số lợi tức vừa phải. Như vậy, nông dân nghèo khỏi phải đi vay nặng lãi, đời sống bớt khó khăn. Vương An Thạch làm quan địa phương hơn 20 năm, tiếng tăm ngày càng lớn. Tống Nhân Tông triệu ông về, trao cho ông chức quan phụ trách việc tài chính. Vừa tới kinh thành, ông dâng lên hoàng đế 1 bức "Vạn ngôn thư" (tờ tấu khoảng 1 vạn chữ) nêu lên những chủ trương cải cách về tài chính. Tống Nhân Tông vừa phế bỏ tân chính của Phạm Trọng yên, nay lại nghe nói tới cải cách thì thấy phiền phức quá, liền gác bỏ sớ tấu 1 bên, không xem xét tới. Vương An Thạch biết triều đình không có quyết tâm cải cách và không thể cộng tác với các triều thần, nên nhân dịp bà mẹ tạ thế, liền xin từ chức về nhà.

Lần này, ông nhận được lệnh triệu của Tống Thần Tông, lại nghe nói Thần Tông đang tuyển chọn nhân tài, liền phấn khởi lên kinh thành. Vương An Thạch vừa tới, Tống Thần Tông lập tức triệu kiến riêng. Đầu tiên, Thần Tông hỏi ngay: "Theo khanh, muốn trị lý quốc gia, cần bắt tay vào công việc gì trước?".

Vương An Thạch từ tốn trả lời: "Theo hạ thần, trước hết cần bắt đầu từ việc cải cách chế độ pháp luật cũ, xây dựng chế độ pháp luật mới".

Tống Thần Tông yêu cầu ông về nhà, viết lại tỉ mỉ những ý kiến về cải cách. Ngay đêm đó, Vương An Thạch đã khởi thảo 1 chương trình cải cách, và hôm sau trình kên Tống Thần Tông. Tống Thần Tông thấy những ý kiến đó đều hợp ý với mình, nên càng tín nhiệm Vương An Thạch. Năm 1069, Tống Thần Tông phong Vương An Thạch lên chức phó tể tướng. Lúc đó, trong triều về danh nghĩa vẫn có tới 4 tể tướng, người thì ốm đau, người thì

già cả, có người tuy không già cả ốm đau nhưng hễ nghe đến cải cách là luôn mồm kêu khổ. Vương An Thạch hiểu rõ, cộng tác với những người đó thì không thể làm được việc lớn, nên đã tâu xin Thần Tông tuyển dụng 1 số quan chức trẻ và thành lập 1 số tổ chức chuyên định ra pháp luật mới, giành quyền biến pháp (thay đổi pháp luật) về tay mình. Như vậy, ông đã thực sự bắt tay vào việc thực hiện cải cách. Những nội dung chủ yếu trong công cuộc biến pháp của Vương An Thạch gồm:

1 - Luật thanh miêu: cho vay lúa lúc giáp hạt và thu lại sau mùa gặt. Biện pháp này được vận dụng ở huyện Ngân, nay đem mở rộng ả toàn quốc.

2 - Luật thủy lợi: triều đình khuyến khích địa phương mở mang thủy lợi, khai khẩn đất hoang.

3 - Luật miễn sai dịch: mọi loại sai dịch của nhà nước, từng hộ dân không phải đi phục vụ mà do nhà nước bỏ tiền ra thuê người làm. Sau đó, nhân dân căn cứ theo sự giàu nghèo, nộp 1 khoản tiền cho nhà nước. Những người thuộc giới quan chức và địa chủ trước kia không phải làm sai dịch nay cũng phải nộp tiền. Luật này khiến nhà nước tăng được thu nhập và giảm nhẹ được gánh nặng cho người nghèo.

4 - Luật đo ruộng đánh thuế: để chống địa chủ lấn chiếm đất đai, khai gian diện tích và nhân khẩu, triều đình tổ chức việc đo ruộng rồi căn cứ vào diện tích thực tế và đẳng cấp ruộng đất mà đánh thuế.

5 - Luật bảo giáp: triều đình tổ chức cư dân theo địa bàn cư trú. Cứ 10 nhà là 1 bảo, 50 nhà là 1 đại bảo, 10 đại bảo là 1 đô bảo. Gia đình nào có 2 con trai thành niên, thì lấy 1 người làm bảo đình, lúc nông nhàn phải tham gia luyện tập quân sự, thời chiến lấy vào quân đội đi đánh trận.

Biện pháp của Vương An Thạch có tác dụng tích cực đối với việc củng cố nền thống trị của triều Tống, tăng thêm thu nhập cho quốc gia.

Nhưng nó xâm phạm tới lợi ích của đại địa chủ, bị rất nhiều đại thần phản đối. Một hôm, Tống Thần Tông gọi Vương An Thạch tới, hỏi: "Bên ngoài, mọi người đang bàn luận, nói chúng ta không sợ trời, không nghe theo dư luận của người, không tuân theo quy củ của tổ tông, khanh thấy phải làm thế nào?".

Wương An Thạch thản nhiên trả lời: "Bệ hạ chăm lo đến chính sự, như vậy là có thể ngăn được sự biến động của trời. Bệ hạ hỏi han đến ý kiến của dưới, như vậy là đã chiếu cố đến dư luận. Và lại, ý kiến của mọi người cũng có điều sai, chỉ cần chúng ta làm đúng lẽ thì sợ gì mọi người bàn luận. Còn như quy củ xưa của tổ tông, vốn không phải là cái gì cố định bất biến!".

Wương An Thạch kiên trì 3 điều không sợ, nhưng Tống Thần Tông lạ không kiên quyết được như ông, thấy có quá nhiều người phản đối, liền sinh dao động. Năm 1074, vùng Hà Bắc có hạn hán lớn, suốt 10 tháng liền không có mưa, nông dân hết lương thực, lưu tán khắp nơi. Tống Thần Tông đang lo lắng vì điều đó, thì 1 viên quan thừa cơ dâng lên 1 "bức họa về dân lưu tán", nói do biến pháp của Vương An Thạch đã tạo nên hạn hán, xin hoàng đế bãi chức của Vương An Thạch. Tống Thần Tông xem bức họa, chỉ biết thở ngắn than dài, suốt đêm không ngủ. Bà và mẹ của hoàng đế là Tào thái hậu và Cao thái hậu cũng khóc lóc với Tống Thần Tông, nói Vương An Thạch đã làm rối loạn cả thiên hạ, ép nhà vua phải đình chỉ luật mới.

Wương An Thạch thấy luật mới khó thực hiện được, liền bực bội dâng sớ xin từ chức. Tống Thần Tông đành để Vương An Thạch rời Đông Kinh, về nghỉ tại phủ Giang Ninh. Năm sau, Tống Thần Tông lại triệu Vương An Thạch về kinh thành làm tể tướng. Vừa được mấy tháng, thì có sao chổi xuất hiện. Đó vốn là hiện tượng bình thường của thiên nhiên, nhưng thời bấy giờ, lại cho là 1 triệu chứng báo điều dữ. Tống Thần Tông lại hoảng sợ, yêu cầu các đại thần nêu ý kiến về triều đình. Phái bảo thủ lại thừa cơ tấn

công luật mới. Vương An Thạch ra sức biện hộ, xin Thần Tông không nên nghe theo những ý kiến mê tín dị đoan nhưng Tống Thần Tông vẫn ngần ngại không quyết định. Vương An Thạch không có cách gì thực hiện được luật mới, nên vào năm 1076, lại 1 lần nữa xin từ chức tể tướng, trở về phủ Giang Ninh.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Thẩm Quát Nghiên Cứu Khoa Học

Từ đời Tống Chân Tông (1008-1023) về sau, triều Tống nhờ việc biểu xén tiền bạc và vải lụa cho Liêu mà giữ được an ninh ở biên giới phía bắc trong 1 thời gian dài. Nhưng triều Liêu thấy Tống mềm yếu, muốn lấn lướt để xâm chiếm đất đai của Tống. Năm 1075, triều Liêu phái đại thần là Tiêu Hy đến Đông Kinh, yêu cầu hoạch định lại biên giới. Tống Thần Tông cử đại thần đàm phán với Tiêu Hy. Hai bên tranh luận suốt mấy ngày không đạt tới kết quả nào. Tiêu Hy nhất định nói là Hoàng Vĩ Sơn (nay ở tây nam Nguyên Bình, Sơn Tây) và dải đất 30 dặm ở đó là cương giới của triều Liêu. Đại thần do Tống Thần Tông cử đi đàm phán không nắm vững địa hình vùng đó, nên tuy biết rằng điều Tiêu Hy nói là vô lý nhưng không có chứng cứ gì để bác lại. Tống Thần Tông liền phái Thẩm Quát đi đàm phán.

Thẩm Quát là người vùng Tiền Đường thuộc Hàng Châu, vốn đứng về phía ủng hộ tân pháp của Vương An Thạch. Ông có tác phong làm việc nghiêm túc, tỉ mỉ, lại tinh thông địa lý. Khi nhận nhiệm vụ, trước hết ông đến khu mật viện, lục tìm và tra cứu rõ ràng mọi hồ sơ lưu trữ liên quan đến việc hoạch định biên giới từ trước tới nay, thấy rõ vùng đất đó là của Tống. Ông bèn tâu với Tống Thần Tông. Tống Thần Tông nghe vậy rất phấn khởi, liền sai Thẩm Quát vẽ thành bản đồ đưa cho Tiêu Hy xem, Tiêu Hy không nói gì được nữa. Tống Thần Tông liền phái Thẩm Quát đi sứ tới Thượng Kinh (kinh thành của Liêu, nay thuộc khu tự trị Nội Mông, phía bắc Tập Ninh). Trước hết, Thẩm Quát thu thập rất nhiều tư liệu về địa lý, yêu cầu các nhân viên tùy tùng học thuộc. Đến Thượng Kinh, tể tướng triều Liêu là Dương Ích Giới đàm phán với Thẩm Quát về biên giới. Trước các

vấn đề do phía Liêu nêu ra, Thẩm Quát và các quan chức trong phái đoàn đều đối đáp trôi chảy, có bằng chứng xác thực. Dương Ích Giới thấy khó có kẽ hở nào để lợi dụng, liền giở thủ đoạn ngang ngược nói: "Các ngài cứ một mực kỳ kèo từng tấc đất, chẳng lẽ muốn đoạn tuyệt quan hệ với chúng tôi chẳng?".

Thẩm Quát trả lời hùng hồn đầy lý lẽ: "Các ngài đã làm trái minh ước trước kia, muốn dùng vũ lực để uy hiếp chúng tôi chẳng? Nếu xảy ra xung đột, chắc các ngài cũng không lợi gì đâu?".

Các quan chức triều Liêu không áp đảo được Thẩm Quát bằng lý lẽ, lại ngại nếu làm căng quá cũng không có lợi gì, nên đành rút bỏ những yêu cầu vô lý của họ. Thẩm Quát dẫn phái đoàn ra về. Dọc đường, qua mỗi địa phương, ông đều vẽ tất cả núi cao sông lớn và các địa hình hiểm trở vào bản đồ, đồng thời ghi chép rõ ràng mọi phong tục tập quán của từng địa phương làm phụ lục kèm theo. Về tới Đông Kinh, ông chỉnh lý lại rồi dâng lên Tống Thần Tông. Tống Thần Tông thấy Thẩm Quát lập được công, liền phong ông làm hàn lâm học sĩ. Để giữ gìn an ninh cho triều Tống, Thẩm Quát hết sức coi trọng việc nghiên cứu địa hình. Một lần, Tống Thần Tông phái ông tới Định Châu (nay là huyện Định, Hà Bắc) kiểm tra. Ông giả làm người đi săn, bỏ ra hơn 20 ngày khảo sát kỹ địa hình vùng biên cảnh, rồi dùng que gỗ và nến nung chảy để đắp thành mô hình, miêu tả y hệt địa hình vùng đó. Trở về Định Châu, ông sai thợ mộc căn cứ vào mô hình, điêu khắc thành mô hình gỗ, rồi dâng lên Tống Thần Tông. So với bản đồ vẽ trên giấy, mô hình lập thể rõ ràng là dễ xem hơn rất nhiều. Tống Thần Tông rất tán thưởng các tấm bản đồ và mô hình do ông chế ra. Năm sau, liền hạ lệnh cho ông vẽ bản đồ toàn quốc. Nhưng không lâu sau, Thẩm Quát bị kẻ xấu vu cáo nên bị triều đình biếm trích đi Tuy Châu (nay là huyện Tuy, Hồ Bắc). Ở đây, tuy điều kiện rất khó khăn, nhưng ông vẫn kiên trì hoàn thành tấm bản đồ đang làm dở. Sau đó, ông bị đổi đi làm quan mấy nơi khác. Đến đâu, ông cũng chú ý quan sát địa hình, chỉnh lý lại bản đồ. Kiên trì suốt 12

năm, cuối cùng ông đã hoàn thành bức bản đồ toàn quốc chính xác nhất, mang tên "Thiên hạ quận quốc đồ".

Thẩm Quát không những đạt thành tựu xuất sắc trong nghiên cứu địa lý, mà còn là 1 nhà khoa học quan tâm rộng rãi. Ông rất tinh thông nhiều lĩnh vực như thiên văn, lịch pháp, âm nhạc, y dược, toán học. Từ rất lâu, ông đã nghiên cứu thiên văn, lịch pháp. Sau đó, khi làm việc ở Ty thiên giám, thấy nhiều người là việc ở đây đều thuộc loại bất học vô thuật, không biết cách sử dụng dụng cụ đo đạc thiên văn. Từ khi tới Ty thiên giám, ông cho bố trí thêm nhiều dụng cụ đo đạc. Để quan sát và xác định chính xác vị trí của Bắc Cực Tinh, ông miệt mài suốt 3 tháng, đêm nào cũng dùng dụng cụ thiên văn theo dõi, cuối cùng đã tính toán được chính xác vị trí của hành tinh quan trọng này. Vào những năm cuối đời, Thẩm Quát ẩn cư ở Nhuận Châu (nay là Trấn Giang, Giang Tô), tại Mộng Khê viên. Ông ghi chép lại thành quả nghiên cứu trong suốt cuộc đời, viết nên tác phẩm "Mộng Khê bút đàm". Trong tác phẩm này, ngoài việc ghi chép những thành quả nghiên cứu của mình, ông còn ghi lại rất nhiều phát minh sáng tạo của nhân dân lao động đương thời. Trong đó, đặc biệt nổi tiếng là phát minh về kỹ thuật ấn loát bằng chữ rời của Tất Thăng.

Kỹ thuật ấn loát là 1 trong 4 phát minh lớn của Trung Quốc thời cổ. Trước thời Bắc Tống, đã có kỹ thuật in mộc bản. Nhưng làm bản khắc gỗ tốn nhiều thời gian, và khi đã làm xong bản khắc muốn thay đổi 1 chữ trong đó thì phải bỏ đi, khắc lại bản (trang) khác. Khi về thăm quê ở Tiền Đường, Thẩm Quát thấy 1 người thợ già tên là Tất Thăng, dùng 1 loại đất sét thật mịn, cắt thành rất nhiều mảnh vuông nhỏ, khắc chữ lên rồi cho vào lò nung chín, tạo thành 1 chữ rời. Dùng loại chữ rời này xếp thành bản in, tiện lợi hơn bản khắc gỗ rất nhiều. Thấy việc mới là này, Thẩm Quát hết sức hứng thú, xem xét hết sức tường tận, rồi ghi chép, miêu tả trong "Mộng Khê bút đàm", người đời sau đọc sách này, mới hiểu rõ được lai lịch của kỹ thuật in chữ rời.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Tư Mã Quang Viết "Thông Giám"

Sau khi Vương An Thạch bị bãi chức tể tướng, Tống Thần Tông còn duy trì tân pháp thêm gần 10 năm nữa. Năm 1085, Tống Thần Tông bị bệnh mất. Thái tử Triệu Hủ mới lên 10 lên nối ngôi, đó là Tống Triết Tông. Vì Triết Tông nhỏ tuổi nên tổ mẫu (bà) là Cao thái hậu lâm triều chấp chính. Cao thái hậu vốn vẫn chống lại tân pháp, nên khi nắm quyền, bà liền triệu Tư Mã Quang là người xưa nay kịch liệt chống tân pháp về triều làm tể tướng. Tư Mã Quang là đại thần có danh tiếng nhất thời đó. Ông là người vùng Hạ huyện, Thiểm Châu (nay là huyện Hạ, Sơn Tây), nổi tiếng từ hồi còn nhỏ. Năm lên 7, ông bắt đầu chuyên tâm đọc sách. Bất kì là ngày hè nóng nực hay ngày đông giá rét, ông đều không lúc nào rời sách, có lúc quên cả ăn uống. Ông không những chăm đọc sách, mà còn rất linh lợi. Một hôm, ông cùng các bạn nhỏ chơi đùa ngoài sân, trong sân có 1 vò lớn đựng nước, 1 chú bé trèo lên miệng vò, sơ ý ngã nhào vào trong vò. Vò lớn nước sâu, chú bé đó bị chìm ngìm. Những đứa trẻ khác thấy vậy, đều sợ hãi kêu khóc, có đứa chạy đi kêu người lớn đến cứu. Tư Mã Quang không hề hoảng hốt, chạy đi kiếm 1 hòn đá lớn, dùng hết sức đập mạnh vào thành vò. Một tiếng "choang" lớn, vò bị vỡ, nước ào chảy ra và chú bé trong vò được cứu sống.

Sự việc ngẫu nhiên đó là cậu bé Tư Mã Quang trở nên nổi tiếng. Ở Đông Kinh và Lạc Dương, người ta vẽ câu chuyện đó thành tranh, và lưu truyền rộng rãi. Khi Tống Thần Tông tại vị, Tư Mã Quang làm hàn lâm học sĩ. Ông vốn là bạn thân với Vương An Thạch. Sau này, khi Vương An Thạch đề xướng cải cách, Tư Mã Quang giữ lập trường bảo thủ, 2 người

bắt đầu xung đột ý kiến và không hợp tác với nhau nữa. Khi Vương An Thạch làm tể tướng, biện pháp cải cách nào do ông đề ra cũng bị Tư Mã Quang phản đối. Một lần, Tư Mã Quang đề nghị Tống Thần Tông phế bỏ luật thanh miếu. Đồng thời, lấy tư cách bạn cũ, viết 1 bức thư trách Vương An Thạch đã xâm phạm quyền hạn của các quan chức khác, bởi chuyện thị phi, vợ vét tiền của, không chịu nghe ý kiến của người khác. Vương An Thạch viết thư trả lời phản bác từng điều trong bài ý kiến trách cứ của Tư Mã Quang. Thư viết: "Tôi chịu mệnh lệnh của hoàng thượng để cải cách pháp chế, sao lại nói là xâm phạm quyền hạn của các quan chức khác; làm việc cho quốc gia sao có thể nói là bởi chuyện thị phi; lo kiếm tiền cho dân, sao có thể nói là vợ vét tiền của; bác bỏ những luận điểm sai lầm, sao có thể nói là không nghe ý kiến người khác".

Nhận được thư trả lời, Tư Mã Quang tức uất người, nhưng thấy Vương An Thạch đang được hoàng đế nâng đỡ, không thể làm gì được. Sau ông xin từ chức, rời kinh thành, đến ở Lạc Dương, không hỏi han gì đến chính sự, đóng cửa chuyên viết sách. Vốn từ lâu, Tư Mã Quang đã rất quan tâm nghiên cứu lịch sử. Ông cho rằng người cai trị đất nước nhất định phải thông hiểu lịch sử từ xưa tới nay để rút ra những bài học về hưng thịnh và suy vong. Ông thấy rằng, từ Thương Cổ đến thời Ngũ Đại có quá nhiều sử sách, 1 hoàng đế không thể có thời gian xem cho hết. Vì vậy, từ lâu ông đã bắt tay vào việc viết 1 cuốn sử từ thời Chiến Quốc tới thời Ngũ Đại. Khi Tống Anh Tông tại vị, ông đã dâng lên 1 phần bản thảo. Tống Anh Tông thấy bộ sử đó có tác dụng tốt với củng cố nền thống trị của vương triều, hết sức tán thưởng, liền thành lập 1 tổ chức biên soạn do ông đứng đầu để hoàn thành bộ sử đó. Khi Tống Thần Tông lên ngôi, Tư Mã Quang lại dâng lên Thần Tông 1 bộ phận đã biên soạn xong. Tống Thần Tông tuy không tán thành chủ trương chính trị của ông, nhưng lại hết sức ủng hộ việc biên soạn bộ sử này. Ông tập hợp hơn 2400 cuốn sách mà mình thu góp được từ thời trẻ, trao trả cho Tư Mã Quang làm tư liệu để hoàn thành bộ sách. Tống Thần Tông còn tự mình đặt tên cho bộ sử này là "Tư trị thông giám" (xem xét suốt lịch sử để giúp cho việc trị nước). Từ sau khi bãi quan trở về Lạc

Dương, Tư Mã Quang chuyên tâm viết "Tư trị thông giám". Trước sau bỏ ra 19 năm, ông mới hoàn thành. Đây là bộ sử biên niên ghi chép sự việc từ thời Chiến Quốc (năm 403 TCN, khi nước Tấn chia 3) đến thời Ngũ Đại (959 CN), gồm 1362 năm.

Để viết bộ sử đồ sộ này, Tư Mã Quang và những người cộng sự đã thu nhập và chỉnh lý 1 khối lượng tư liệu to lớn, ngoài chính sử của các triều đại, còn tham khảo hơn 300 trước tác lịch sử khác. Theo nói lại, bản thảo khi hoàn thành, chứa đầy 2 gian nhà. Do tư liệu phong phú, chọn lựa thỏa đáng và khảo chứng nghiêm túc, lại có lời văn sinh động, tinh tế nên "Tư trị thông giám" trở thành 1 trong những trước tác lịch sử có giá trị lớn nhất trong lịch sử sử học Trung Quốc. Nó đã cung cấp tư liệu tương đối hoàn thiện cho việc nghiên cứu lịch sử của những nhà nghiên cứu đời sau. Trong suốt 19 năm đằng đẳng, Tư Mã Quang dồn hết tinh lực cho bộ sách này. Vì miệt mài làm việc suốt ngày tới đêm khuya liên tục trong 1 thời gian dài, nên khi hoàn thành "Tư trị thông giám", sức khỏe của ông bị suy kiệt, mắt mờ, răng rụng nhiều. Ông được đánh giá là nhà sử học nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc (người Trung Quốc ghép ông sau Tư Mã Thiên, tác giả bộ Sử ký và gọi 2 ông là "lưỡng Tư Mã").

Suốt hơn 10 năm, Tư Mã Quang lánh ở Lạc Dương viết sách, nhưng vì trước đó ông đã là 1 nhân vật nổi tiếng trong phái phản đối tân chính, nên các quan chức thuộc phái bảo thủ vẫn rất mến mộ ông. Tuy ông luôn nói là không quan tâm tới chính trị nữa, nhưng rất nhiều người vẫn coi ông như 1 "tể tướng" thực thụ. Ngay cả đến người dân thường cũng biết Tư Mã tướng công hiện ở Lạc Dương. Cao thái hậu lên chấp chính, lập tức triệu Tư Mã Quang về triều đình. Tuy Tư Mã Quang đã già và nhiều bệnh tật, nhưng ông không hề thay đổi quan điểm chống lại tân pháp của Vương An Thạch. Vừa nhận chức tể tướng, việc làm đầu tiên của ông là phế bỏ tân pháp. Có người khuyên ngăn ông là Thần Tông vừa qua đời, mà bỏ ngay pháp lệnh do Thần Tông ban hành đi thì không nên. Tư Mã Quang giận dữ bác lại: "Pháp lệnh của tiên hoàng đế, cái gì tốt thì không thể thay đổi, chứ còn

những cái do Vương An Thạch bày ra đều gây hại cho dân. Sao lại không được đổi? Và lại hiện nay, Cao thái hậu chấp chính, mà Cao thái hậu là mẫu thân của Thần Tông. Là mẹ mà thay đổi chủ trương của con thì sao lại không được?".

Do giữ quan điểm như vậy, nên Tư Mã Quang bất chấp sự phản đối của rất nhiều quan chức. Vào năm 1086, ra lệnh xóa bỏ toàn bộ tân pháp do Vương An Thạch xây dựng nên. Vương An Thạch được tin đó, hết sức uất hận, không lâu sau chết trong buồn bực. Còn Tư Mã Quang do già yếu và bệnh tật, cũng chết vào tháng 9 năm đó.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Tô Đông Pha Chơi Xích Bích

Khi lên làm tể tướng, Tư Mã Quang gọi về triều đình tất cả các đại thần đã bị Tống Thần Tông biếm trích. Trong số đó, có 2 nhà văn nổi tiếng thời Tống là 2 anh em Tô Thức, Tô Triệt. Hai anh em Tô Thức là người vùng My Sơn thuộc My Châu (nay là My Sơn, Tứ Xuyên). Khi mới ngoài 20 tuổi, 2 người được cha là Tô Tuân dẫn lên kinh thành thi tiến sĩ, quan chủ khảo là Âu Dương Tu, đang chú ý chọn lựa nhân tài trong số thí sinh. Sau vòng thi đầu, ông đọc các quyển thi, thấy 1 bài văn đặc sắc, liền vỗ bàn khen hay. Bài văn đã rọc phách, không biết được tên tác giả là ai. Âu Dương Tu nghĩ viết được 1 bài văn như thế này, nhất định phải là 1 người cự phách trên văn đàn. Âu Dương Tu nói chung biết được ở kinh thành những ai có chút tiếng tăm về căn chương. Nhưng ông đoán mãi, không xác định được tác giả, chỉ căn cứ vào văn phong mà cho rằng có thể đó là bài của Tăng Củng, học trò ông. Ông vốn định cho bài văn đó đỗ đầu nhưng lại sợ bị người khác nghĩ mình thiên vị học trò, nên xếp bài văn đó đỗ thứ 2.

Tới ngày ráp phách để treo bảng, Âu Dương Tu mới biết bài văn đặc sắc đó không phải là của Tăng Củng, mà là của Tô Thức, 1 thanh niên từ xa mới tới kinh thành. Sau khi được lấy đỗ, theo lệ, Tô Thức vào bái kiến thầy chủ khảo Âu Dương Tu. Sau khi đàm luận 1 hồi, Âu Dương Tu thấy Tô Thức có phong độ đàng hoàng, tài hoa xuất chúng, rất yêu mến. Khi Tô Thức ra về, Âu Dương Tu nói với Mai Nghiêu Thần, 1 đồng sự già: "Một nhân tài xuất chúng như thế này thực là hiếm có. Ta nên nhường đường cho người này. Anh ta thật hơn mọi người một cái đầu!".

Câu nói trên của Âu Dương Tu truyền ra ngoài. 1 số văn nhân khác không chịu phục, cho rằng kinh thành nhiều nhân tài thế này, lẽ nào lại thua 1 thanh niên non nớt vừa bước vào đời. Nhưng khi được đọc thơ văn đầy tài hoa và khí phách của ông, mọi người mới thấy lời đánh giá của Âu Dương Tu là đúng. Tô Thức trở nên nổi tiếng, và người em của ông, chàng thanh niên Tô Triệt mới 19 tuổi cũng đỗ tiến sĩ trong năm đó. Không cần phải nói cũng biết Tô Tuân, người cha của họ sung sướng đến ngần nào. Nhưng Tô Tuân cũng mang nặng 1 nỗi niềm canh cánh. Nguyên do là bản thân Tô Tuân vốn cũng là 1 người sở trường về tản văn. Khi còn trẻ, ông không chăm lo học hành, tới năm 27 tuổi, thấy người khác thành đạt liền vùi đầu đọc sách. Một năm sau, ông đi thi tiến sĩ, nhưng không trúng. Trở về nhà, ông giận dữ, đem đốt bỏ hết văn chương mình đã viết ra và học lại từ đầu, quả nhiên tiến bộ rất nhanh. Lần này, đưa 2 con lên kinh thành, thấy 2 con còn trẻ măng mà đã đỗ tiến sĩ, ông mừng cho con và cũng buồn cho mình. Nghe nói Âu Dương Tu là người rất coi trọng văn tài, ông liền đem hơn 20 bài văn của mình viết trong mấy năm nay, nhờ người chuyển cho Âu Dương Tu, xin ông chỉ giáo. Âu Dương Tu xem thấy văn chương của Tô Tuân, có phong cách già dặn, rất có cá tính, liền tiến cử với tể tướng Hàn Kỳ. Hàn Kỳ cũng rất tán thưởng, liền đặc cách cử ông làm Hiệu thư lang trong Bí thư tỉnh mà không cần qua thi cử.

Như vậy, 3 cha con Tô Tuân đều nổi tiếng ở kinh thành. Người ta gọi gộp cả 3 người là "Tam Tô". Khi Vương An Thạch ban hành tân pháp, thì Tô Tuân đã chết. Tô Triệt đã có thời gian làm việc dưới quyền Vương An Thạch, nhưng sau không hợp, bị giáng chức và bị điều khỏi kinh thành. Tô Thức chủ động xin điều đi xa, lần lượt làm thứ sử Hàng Châu, Hồ Châu (nay là huyện Ngô Hưng, Triết Giang). Đến nơi nào, ông cũng mở mang xây đắp công trình thủy lợi, giảm thuế má, khuyến khích sản xuất, làm những việc có ích cho đời sống nhân dân. Sau đó, Tô Thức thấy quan lại và cường hào địa phương ở Hồ Châu hoành hành ngang ngược thì rất không hài lòng. Ông làm thơ châm biếm những việc đó. Không ngờ, những bài thơ ấy được truyền về kinh thành, bọn quan liêu thù ghét ông nhặt ra trong

đó 1 số câu, lấy đó làm bằng chứng vu cáo Tô Thức phỉ báng triều đình, phạm tội đại nghịch vô đạo. Chúng cách chức Tô Thức, bắt ông giải về Đông Kinh, giam vào nhà ngục, toan xử tội chết. Tô Thức bị giam vừa đúng 100 ngày chịu mọi nỗi khổ cực. Sau đó, vì xét thấy thực ra không có tội gì lớn, Tống Thần Tông liền hạ lệnh tha ông ra và biếm trích tới Hoàng Châu (nay là Hoàng Cương, Hồ Bắc).

Tô Thức đến Hoàng Châu, với 1 chức quan nhỏ không có thực quyền, trên thực tế là sống cuộc sống lưu đày. Ông nghèo tới mức không đủ sống. Sau nhờ bạn bè giúp đỡ, kiếm được 1 mảnh đất, tự mình cày cuốc. Ông còn tự san đất, dựng 1 căn nhà nhỏ trên sườn dốc phía đông, liền tự đặt cho mình 1 biệt hiệu, là "Đông Pha cư sĩ" (cư sĩ ở sườn dốc phía đông). Do đó, về sau, người ta thường gọi ông là Tô Đông Pha. Trong những năm tháng thất ý về chính trị, Tô Thức thường du ngoạn khắp núi sông, viết thơ ca để thổ lộ tâm tình. Một lần, ông nghe nói bên Trường Giang có 1 nơi danh thắng có tên là Xích Bích, liền hẹn với mấy người bạn, thuê 1 con thuyền nhỏ cùng đi chơi trong 1 đêm trăng sáng, trời trong. Tại đây, ông nhớ lại trận đánh lớn giữa Tào Tháo và Chu Du thời Tam Quốc, trong lòng xúc động, trào dâng tình cảm. Khi trở về, ông viết nên bài "Xích Bích phú" nổi tiếng. Tô Thức không chỉ sở trường về thơ và tản văn, mà còn đạt được nhiều thành tựu về sáng tác từ. Những bài từ của ông có phong cách hào phóng khác hẳn mọi người. Sau chuyến đi chơi Xích Bích, ông còn viết 1 bài từ theo điệu "Niêm nộ kiều", có những câu như sau:

"Sông lớn chảy về đông, sóng vui đập

bao nhân vật phong lưu thiên cổ

Phía tây thành lũy cổ, dân nói rằng

đó là Xích Bích của Chu Lang

Đá loạn chọc mây, sóng dữ vỗ bờ,

cuộn lên ngàn đống tuyết.

Núi sông như họa,

Từng chứng kiến biết bao hào kiệt".

Tô Thức là người học rộng đa tài, nhưng ông đã phạm 1 sai lầm không nhỏ về địa lý. Vì Xích Bích ở Hoàng Châu không phải là nơi Chu Du hỏa thiêu quân Tào. Xích Bích thời Tam Quốc nằm ở thượng du thành phố Vũ Hán ngày nay, còn Xích Bích thuộc Hoàng Châu lại nằm ở hạ du của Vũ Hán. Nhưng, do sự nhầm lẫn này của Tô Thức nên Xích Bích ở Hoàng Châu cũng trở nên nổi tiếng. Để kỉ niệm nhà văn lớn này, người ta gọi Xích Bích ở Hoàng Châu là "Đông Pha Xích Bích" (Xích Bích của Tô Đông Pha).

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Mạng Lưới Vận Chuyển Đá, Hoa

Cao thái hậu chết sau 8 năm cầm quyền, từ đó Tống Triết Tông thân năm triều chính. Đối với việc tổ mẫu trọng dụng phái bảo thủ, vị hoàng đế trẻ tuổi vốn không ưng ý. Khi tự mình chấp chính, Tống Triết Tông liền trọng dụng lại phái cải cách. Nhưng, cái gọi là "phái cải cách" bây giờ không còn muốn thực lòng cải cách triều chính như Vương An Thạch và các đồng sự của ông trước kia nữa. Nội bộ phái này chia xẻ 7, tranh quyền đoạt vị liên miên. Một số phần tử cơ hội giương chiêu bài cải cách để mưu cầu lợi ích riêng tư. Tới khi Tống Triết Tông chết, con là Triệu Cát lên nối ngôi, tức là Tống Huy Tông, thì triều chính càng hỗn loạn.

Tống Huy Tông là kẻ chơi bời buông thả nổi tiếng, chỉ mãi tìm thú vui chơi, không biết gì đến việc quốc gia. Ông có 1 viên quan tâm phúc là Đồng Quán, khéo đoán ý hoàng đế, chuyên sưu tập các bức thư họa quý về cho hoàng đế thưởng ngoạn. Một hôm, Đồng Quán đến Tô Châu để săn tìm họa phẩm, thì gặp Thái Kinh, là 1 viên quan bất đắc chí. Thái Kinh muốn dựa vào Đồng Quán để tiến thân, liền dẫn Đồng Quán đi săn tìm các bức thư họa quý, đồng thời tặng Đồng Quán mấy bức bình phong và họa phẩm do chính mình sáng tác. Đồng Quán được Thái Kinh giúp đỡ, đem những thứ đó về Đông Kinh, dâng lên Tống Huy Tông và khoe là đã tìm được cho hoàng thượng 1 nhân tài hiếm có. Thái Kinh tới Đông Kinh, đem theo 1 số tay chân giúp hẳn hoạt động. 1 viên quan cùng phe cánh tâu với Huy Tông: "Thực hiện tâm pháp là việc lớn, trong các triều thần không có ai làm nổi việc đó. Nếu bệ hạ muốn kế thừa di chí của Thần Tông, thì không thể không sử dụng Thái Kinh".

Viên quan đó còn dâng lên Huy Tông 1 bản danh sách, trong đó viết tên những người thuộc phái bảo thủ ở cột bên phải, những người thuộc phái cải cách ở cột bên trái. Những người được ghi ở cột bên phải đều là các đại thần đương triều, còn ở cột bên trái chỉ có 2 người, trong đó có Thái Kinh. Tống Huy Tông xem, rất ưng ý, lập tức phong Thái Kinh làm tể tướng. Thái Kinh lên cầm quyền, liền giương chiêu bài cải cách, ghép 1 loạt các quan chức chính trực, bất kì là bảo thủ hoặc tán thành cải cách vào 1 tội danh chung, là "gian đảng". Hãn còn xin Tống Huy Tông dựng 1 tấm bia bên ngoài Đoan Lễ Môn ghi tên các thành viên, "gian đảng" gồm 120 người, trong đó có Tư Mã Quang, Văn Ngạn Bắc, Tô Thức, Tô Triệt, gọi chung là "Nguyên Hựu gian đảng" (Nguyên Hựu là niên hiệu thời đầu 1086-1094 của Tống Triết Tông). Những ai đã chết, đều bị xóa quan chức; những ai còn sống, đều nhất loạt bị cách chức, lưu đày. Như vậy, các quan chức chính trực đều bị gạt khỏi triều đình, còn đồng bọn của Thái Kinh cứ dần leo lên các chức vụ cao nhất. Tân pháp của Vương An Thạch, đến tay Thái Kinh thì hoàn toàn biến dạng. Như luật miễn dịch, vốn là làm giảm sự đóng góp lao dịch cho nhân dân. Nhưng bọn Thái Kinh lại không ngừng tăng tiền đóng góp, biến luật này thành biện pháp bóp nặn nhân dân.

Tống Huy Tông và Thái Kinh còn rất mê tín đạo sĩ, ra sức xây dựng Đạo quán. Có 1 đạo sĩ tên là Lâm Linh Tố, nói càn với Tống Huy Tông rằng: trên trời có 9 tầng, tầng cao nhất gọi là thần tiêu, trong cung thần tiêu có Ngọc Thanh Vương, là con cả của Thượng Đế. Tống Huy Tông là con cả Thượng đế giáng trần. Trong cung thần tiêu có 800 tiên quan, Thái Kinh, Đồng Quán đều là các tiên quan tái thế. Những lời lẽ lăng nhăng đó lại làm cho Huy Tông vui mừng. Bọn này dâng Huy Tông 1 tôn hiệu, là Giáo chủ đạo quân hoàng đế. Thế là Huy Tông liền trở thành thủ lĩnh của các đạo sĩ. Tống Huy Tông mê mải theo đuổi cuộc sống hưởng lạc, thối nát. Đồng Quán liền tìm mấy ngàn thợ khéo vùng Tô Châu, Hàng Châu, hàng ngày chế tác mọi đồ điêu khắc từ ngà voi, sừng trâu, vàng bạc, rể cây và các loại hàng dệt, dâng lên đế hoàng đế thưởng ngoạn. Mọi vật liệu dùng để chế tác, đều bắt nhân dân phải nộp. Qua 1 thời gian, Tống Huy Tông thấy chán các

thứ đó, muốn tìm kiếm 1 số kì hoa dị thảo để đổi khẩu vị. Đế bợ đỡ Tống Huy Tông, Thái Kinh, Đồng Quán liền phái 1 tên lưu manh tên là Chu Miễn đứng ra thành lập 1 tổ chức gọi là "ứng phụng cục" (cơ quan cung ứng để phục vụ hoàng đế) ở Tô Châu, chuyên đi thu thập hoa quý, đá lạ. Dưới quyền Chu Miễn có 1 lũ tay sai thực hiện công việc này. Hễ nghe nói nhà dân nào có loại hoa, cây cảnh quý hoặc thứ đá lạ có hình thù độc đáo, là bọn này dẫn lính tới niêm phong bằng giấy vàng, liệt vào loại phải tiến cống hoàng đế, yêu cầu chủ nhà bảo quản kỹ lưỡng. Nếu để xảy ra hư hỏng, liền bị liệt vào tội "đại bất kính", nhẹ thì phạt tiền, nặng thì bị tù tội. Có những gia đình có cây và đá quá lớn, mang ra không lọt cửa, bọn lính lập tức dỡ nhà, phá tường để đem ra. Bọn quan chức và lính tráng làm công việc này thừa cơ hạch sách nhân dân, đòi cung phụng, đút lót. Những gia đình chẳng may có cây quý, đá lạ thường bị quấy nhiễu đến khuynh gia bại sản, có người phải bán vợ đợ con, lưu lạc khắp nơi.

Chu Miễn tập trung mọi thứ hoa, đá, trưng tập từng đoàn thuyền lớn chở về Đông Kinh. Thuyền bè không đi, chúng huy động cả thuyền chở lương của triều đình và thuyền buôn tư nhân, đổ hết lương thực và hàng hóa trên thuyền đi, xếp hoa, đá vào. Số thuyền lớn như vậy tất nhiên cần đến nhiều phu chèo thuyền và kéo thuyền. Thế là trên các dòng sông, thuyền đi lại như mắc cửi, dân phu ngày đêm vất vả phục vụ công việc chuyên chở. Đội ngũ vận chuyển đó được gọi là "hoa thạch võng" (mạng lưới vận chuyển hoa, đá). Thuyền tới Đông Kinh, Tống Huy Tông thấy các kì hoa dị thạch, vô cùng phấn khởi, liền gia phong quan tước cho Chu Miễn. Càng kiếm được nhiều, quan tước của Chu Miễn càng cao. Số quan liêu quyền quý do đó đều tranh nhau kết thân với Chu Miễn. Mọi người gọi "ứng phụng cục" do Chu Miễn đứng đầu ở Tô Châu, Hàng Châu là "triều đình nhỏ ở đông nam", đủ biết quyền lực của Chu Miễn lớn tới chừng nào.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Phương Lạp Khởi Nghĩa

Mạng lưới vận chuyển hoa, đá làm cho cả vùng đông nam điều linh, khốn khổ. Những địa phương sản xuất cây cảnh, hoa và khai thác đá chịu tai họa nghiêm trọng nhất. Vùng Thanh Khê thuộc Mục Châu (nay là huyện Thuần, Triết Giang) là nơi sản xuất các loại kì hoa dị thạch thường bị ứng phụng cục của Chu Miễn cử người đến vơ vét. Phương Lạp là 1 người địa phương, nhà có 1 vườn cây sơn, thường lấy nhựa sơn đem bán làm nguồn nuôi sống gia đình. Từ ngày có bọn Chu Miễn, gia đình Phương Lạp bị chúng hạch sách rất nhiều. Phương Lạp thấy hoàn cảnh của mình cũng giống như các cư dân trong vùng, liền quyết tâm tổ chức họ lại để chống lại quan triều đình. Năm 1120, mấy trăm nông dân khổ cực và thâm thù quan lại tụ tập trong vườn sơn nhà Phương Lạp. Phương Lạp xúc động nói với họ: "Nhà nước giống như một gia đình. Nếu trong một gia đình, người dưới làm làm lụng quanh năm, chịu cực chịu khổ để có được miếng cơm manh áo, mà cha anh lại tiêu phí bừa bãi. Người dưới hơi có gì làm họ không ưng ý là họ chửi bới đánh đập. Các người xem như thế có được không?".

Mọi người đồng thanh đáp: "Không được!".

Phương Lạp lại nói: "Chưa nói tới việc những người cha anh đó chi tiêu hoang phí, họ còn đem của cải trong nhà để biếu xén, cầu thân với kẻ khác, như thế có được không?".

Mọi người lại phần nộ trả lời: "Sao có thể như thế được!".

Phương Lạp rưng rưng nước mắt nói: "Hiện nay quan lại thu thuế và bắt lao dịch nặng nề như thế, mà bọn chúng còn hạch sách đòi đút lót nữa. Dân chúng ta sản xuất được bao nhiêu sơn, giấy cũng bị chúng vơ vét sạch sành. Chúng ta lao động cực nhọc suốt năm mà kết cục cả nhà từ già đến trẻ đều chịu đói rét, ngay đến cơm cũng không được bữa nào no, các người thấy như thế nào?".

Nghe đến đó, mọi người đều gầm lên: "Xin ngài hạ lệnh! Chúng tôi xin làm theo lệnh của ngài!".

Được nông dân ủng hộ, Phương Lạp liền lấy danh nghĩa diệt Chu Miễn, phát động cuộc khởi nghĩa. Phương Lạp đảm nhiệm chức thống soái, tự xưng là "Thánh Công". Các tướng sĩ quần các loại khăn khác nhau để làm dấu hiệu phân biệt. Đội ngũ nghĩa quân đầy phần nộ, lòng giết quan lại địa phương, đốt dinh thự. Khắp vùng phụ cận Thanh Khê, dân chúng đã khổ nhiều vì quan lại, nên đều rầm rộ hưởng ứng Phương Lạp. Chưa tới 10 ngày, quân khởi nghĩa đã tụ tập được mấy vạn người ngựa. Quan quân địa phương tới trấn áp, bị nghĩa quân đánh cho tan tác, 2 tướng Tống bị giết chết. Nghĩa quân thừa thắng tiến đánh huyện Thanh Khê, đuổi quan huyện đi. Sau đó, lại liên tục đánh hạ mấy chục huyện thành và nhanh chóng đánh tới Hàng Châu. Tin cấp báo về tới Đông Kinh, Tống Huy Tông sợ cuống cuồng, vội phái Đồng Quán dẫn 15 vạn quân xuống miền đông nam dẹp nghĩa quân. Đồng Quán đến Tô Châu, biết rõ việc chuyên chở hoa quý đá lạ dẫn tới sự phần nộ cao độ của nhân dân, liền lập tức lấy danh nghĩa Tống Huy Tông, hạ 1 chiếu thư, thừa nhận sai lầm và ra lệnh hủy bỏ "ứng phụng cục", cách chức Chu Miễn. Dân chúng miền đông nam thấy triều đình làm như vậy thì tiêu tan cơn giận dữ, đâu có ngờ rằng chính lúc đó, Đồng Quán đang gấp rút dàn quân để trấn áp nghĩa quân.

Các cánh quân do Đồng Quán chỉ huy ào ạt tiến công, khiến Phương Lạp bất đắc dĩ phải lùi về Thanh Khê, giữ Bang Nguyên Động trong vùng khe núi sâu, tiếp tục chiến đấu. Quân triều đình không thuộc đường núi,

đang gặp khó khăn, thì trong hàng ngũ nghĩa quân có kẻ phản bội, đứng ra dẫn đường cho quân triều đình. Cuối cùng, quân triều đình tiến tới Bang Nguyên Động, Phương Lạp bị bất ngờ nên bị bắt giải về Đông Kinh và bị giết hại. Khởi nghĩa Phương Lạp tuy thất bại, nhưng đã giáng 1 đòn nặng vào sự thống trị của triều Tống. Trong lúc đó, ở miền bắc cũng nổ ra cuộc khởi nghĩa qui mô lớn. Tống Giang cùng 36 tráng sĩ khởi binh ở Hà Bắc, rồi lưu động tác chiến ở Thanh Châu, Tề Châu, Bộc Châu (nay đều tại tỉnh Sơn Đông) đánh cho quân triều đình kinh hồn bạt vía, hễ nghe thấy nghĩa quân tới là tan chạy. Tại Lương Sơn Bạc, thuộc Sơn Đông cũng nổ ra cuộc khởi nghĩa của ngư dân. Theo truyền thuyết, quân khởi nghĩa của Tống Giang cũng tới Lương Sơn Bạc. Sau này, trong dân gian lưu truyền câu chuyện về "108 vị anh hùng Lương Sơn Bạc", chính là dựa trên sự kiện trên mà phát triển ra. Vào cuối thời Nguyên, đầu Minh, nhà văn Thi Nại Am dựa vào truyền thuyết khởi nghĩa Lương Sơn Bạc, gia công và hư cấu thêm để viết nên bộ tiểu thuyết "Thủy Hử", đã khắc họa thành công hình tượng nghệ thuật về rất nhiều anh hùng hảo hán Lương Sơn Bạc như Lâm Xung, Lỗ Trí Thâm, Võ Tòng...Bộ tiểu thuyết này đã trở thành 1 trong những tiểu thuyết trường thiên ưu tú trong lịch sử văn học Trung Quốc.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

A Cốt Đả Trong Bữa Tiệc Cá Đầu Năm

Sau khi Đông Quán trấn áp cuộc khởi nghĩa của Phương Lạp không lâu, triều Kim ở đông bắc phái sứ giả đến Đông Kinh, thúc giục Bắc Tống đánh Yên Kinh, phối hợp với Kim cùng đánh Liêu. Nguyên do là triều Liêu qua mấy lần nội loạn và bị lực lượng khởi nghĩa của các dân tộc liên tục nổi dậy, đã trở nên thối nát và suy yếu. Trong thời kì đó, tộc Nữ Chân ở đông bắc Trung Quốc dần dần lớn mạnh lên. Nhân dân Nữ Chân bị quý tộc Liêu thống trị và áp bức từ lâu, sớm nảy nở tinh thần phản đối mãnh liệt. Mùa xuân năm 1112, Thiên Tộ Đế của triều Liêu là Da Luật Diên Hỉ tuần du tới Xuân Châu (nay thuộc tỉnh Cát Lâm) hào hứng tổ chức 1 cuộc đánh cá ở Hồ Đồng Giang (nay là Tùng Hoa Giang), và hạ lệnh cho các tù trưởng thuộc bộ tộc Nữ Chân đến triều kiến. Theo phong tục địa phương, những con cá bắt được đầu tiên trong vụ đánh cá xuân, sẽ dành để cúng tổ tiên và mở tiệc ăn mừng. Năm đó, Liêu Thiên Tộ Đế mở tiệc cá đầu năm ở Xuân Châu, mời các tù trưởng uống rượu. Qua mấy tuần rượu, Thiên Tộ Đế có phần say, hạ lệnh cho các tù trưởng uống rượu, lần lượt ra biểu diễn các điệu múa của bộ lạc mình. Các tù trưởng dù không muốn, nhưng đều không dám chống lệnh, phải miễn cưỡng ra múa.

Đến lượt 1 thanh niên, anh ta vẫn lạng lẽ, giương mắt nhìn Thiên Tộ Đế, không động đậy gì. Người thanh niên đó là con của tù trưởng bộ lạc Hoàn Nhan là Ô Nhã Thúc tên là A Cốt Đả. Liêu Thiên Tộ Đế thấy A Cốt Đả dám ngang nhiên không tuân lệnh của mình trước mọi người thì bực tức, giục anh ta ra múa. Các tù trưởng khác sợ đắc tội với Thiên Tộ Đế, cũng khuyên A Cốt Đả ra múa. Nhưng, dù ai thúc, A Cốt Đả cũng không

chịu, khiến Thiên Tộ Đế rất lúng túng. Bữa tiệc cá đầu năm vì vậy mà phải giải tán trong không khí kém vui. Liêu Thiên Tộ Đế không nổi nóng tại chỗ, nhưng sau khi tan tiệc, liền nói với đại thần là Tiêu Phụng Tiên: "Tên nhãi con A Cốt Đả ngạo nghễ như thế, thật không thể tha thứ được. Chi bằng sớm giết hẳn đi, để tránh phát sinh hậu hoạn".

Tiêu Phụng Tiên cho rằng A Cốt Đả không có lỗi gì lớn, nếu giết đi sẽ gây nên sự bất mãn của các tù trưởng, liền nói: "Hắn là một kẻ lỗ mãng không hiểu lễ tiết, không đáng chấp. Ngay dù hắn có dã tâm, thì một bộ lạc con con cũng không làm được chuyện gì!".

Liêu Thiên Tộ Đế thấy Tiêu Phụng Tiên nói có lý, liền bỏ qua chuyện đó. A Cốt Đả đương nhiên không phải là không biết múa, nhưng vốn là người có tính cách cứng rắn, đã bất mãn từ lâu với chính sách áp bức của quý tộc Liêu đối với nhân dân Nữ Chân. Nay, thấy triều Liêu ngày càng thối nát, liền quyết tâm tách khỏi Liêu. Không lâu sau, cha của A Cốt Đả là Ô Nhã Thúc chết. A Cốt Đả chuẩn bị kế vị làm tù trưởng bộ lạc Hoàn Nhan. Ông cho xây dựng thành lũy, chuẩn bị vũ khí, huấn luyện người ngựa, từng bước thống nhất các bộ lạc thuộc tộc Nữ Chân, chuẩn bị chống lại Liêu. Liêu Thiên Tộ Đế được tin A Cốt Đả chuẩn bị chiến tranh, liền phái người đến quở trách, đồng thời điều động người ngựa thuộc mấy bộ lạc Hà Bắc tiến về đông bắc để uy hiếp. A Cốt Đả nói với bộ hạ: "Nay người Liêu sắp ra tay, chúng ta cần ra tay trước để tránh bị động".

Ông cho tập trung 2500 kỵ binh của các bộ lạc Nữ Chân, tự mình dẫn đầu, tập kích vào quân Liêu. Quân Liêu bị bất ngờ, hoảng hốt tan chạy. Liêu Thiên Tộ Đế được tin, lập tức phái đại quân đến trấn áp, bị quân A Cốt Đả đánh thua 1 trận lớn bên sông Hồn Đồng. Quân Nữ Chân thừa thắng truy kích, binh lực phát triển tới 1 vạn người. Năm 1115, A Cốt Đả chính thức lên ngôi hoàng đế ở Hội Ninh (nay ở phía nam A Thành, Hắc Long Giang), lấy quốc hiệu là Đại Kim. Đó là Kim Thái Tổ. Sau khi lên ngôi, Kim Thái Tổ đem quân tiến đánh thị trấn quan trọng của triều Liêu ở

đông bắc là Hoàng Long Phủ (nay là huyện Nông An, Cát Lâm), Liêu Thiên Tộ Đế phái hơn 2 vạn kỵ binh và bộ binh đến phòng thủ đông bắc, bị quân Kim đánh cho đại bại, mất sạch vũ khí và đồ quân dụng. Liêu Thiên Tộ Đế muốn giảng hòa, nhưng Kim Thái Tổ không thuận, mà chỉ đích danh, yêu cầu Thiên Tộ Đế đầu hàng. Thẹn quá hóa giận, Liêu Thiên Tộ Đế tổ chức 1 đội quân gồm 70 vạn người, thân dẫn đầu tiến lên Hoàng Long Phủ. Kim Thái Tổ hạ lệnh cho tướng sĩ củng cố thành lũy, đào sâu hào thành, chuẩn bị chống lại. Chính vào lúc đó, triều Liêu xảy ra nội loạn, Liêu Thiên Tộ Đế vội hạ lệnh rút quân. Kim Thái Tổ thừa cơ truy kích, mấy chục vạn quân Liêu nhanh chóng tan vỡ. Liêu Thiên Tộ Đế cầm đầu chạy, suốt ngày đêm vượt mấy trăm dặm mới bảo toàn được tính mạng.

Vì đại bộ phận binh lực của triều Liêu đã mất, các dân tộc ở miền bắc từ lâu đã căm hận sự thống trị của quý tộc Liêu, rầm rộ vùng lên khởi nghĩa. Có người đề nghị với Tống Huy Tông: nhân lúc triều Liêu sắp diệt vong, nên cử binh thu phục lại vùng đất Yên Vân. Tống Huy Tông liền cử sứ giả từ Sơn Đông đi đường biển lên đông bắc, hội kiến với Kim Thái Tổ, thương lượng cùng đánh quân Liêu. Hai bên thỏa thuận, là sau khi diệt Liêu, Bắc Tống sẽ thu hồi lại 16 châu Yên Vân mà đời Hậu Tấn đã cắt nhượng cho Liêu, đồng thời chuyển số tiền bạc, vải lụa hàng năm cống nạp cho Liêu sang cống nạp cho Kim. Lịch sử gọi thỏa thuận đó là "Hải Thượng chi minh" (minh ước trên biển). Quân Kim đánh xuống phía nam, liên tục tấn công 4 kinh thành của Liêu, còn để lại Yên Kinh sẽ do Tống tiến đánh theo thỏa thuận trong minh ước. Đồng Quán vừa trấn áp xong cuộc khởi nghĩa Phương Lạp, liền dẫn 15 vạn quân lên phía bắc. Ông chủ quan cho rằng, chủ lực quân Liêu đã bị quân Kim tiêu diệt thì việc chiếm Yên Kinh sẽ không khó khăn gì. Ngờ đâu quân Liêu tuy suy yếu, nhưng còn mạnh hơn quân Tống rất nhiều. Đồng Quán bị thua liền 2 trận, không những không chiếm được Yên Kinh, mà còn hao binh tổn tướng, mất hết số vũ khí thương thảo tích lũy được trong nhiều năm.

Để trốn tránh trách nhiệm thua trận, Đồng Quán cử người ngầm đề nghị Kim đánh Yên Kinh. Quân Kim liền chiếm Yên Kinh, nhưng không giao lại cho Bắc Tống. Đồng Quán đành thương lượng, giao toàn bộ số tô thuế hàng năm ở Yên Kinh là 1 vạn quan tiền cho triều Kim để chuộc lại Yên Kinh. Qua đó, triều Kim thấy rõ được sự suy yếu và thối nát của Bắc Tống. Năm 1125, em Kim Thái Tổ là Kim Thái Tông Hoàn Nhan Thận cử tướng truy kích Liêu Thiên Tô Đế, tiêu diệt triều Liêu. Sau đó, quân Kim tiến xuống phía nam, tiến công vương triều Bắc Tống.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Lý Cương Giữ Đông Kinh

Sau khi diệt triều Liêu, Kim Thái Tông lấy cơ triều Tống thu nhận 1 hàng tướng của Liêu, liền chia quân làm 2 đường, tiến đánh Bắc Tống. Cánh quân phía tây do Tông Hàn (còn có tên Chiêm Hãn) dẫn đầu tiến đánh Thái Nguyên, cánh quân phía đông do Tông Vọng (còn có tên Oát Ly Bất) dẫn đầu đánh Yên Kinh, rồi cùng tiến đánh Đông Kinh. Tin cáo cấp bay tới tập về triều đình ở Đông Kinh. Kim Thái Tông còn cử sứ giả tới, buộc triều Tống phải dâng đất và xưng thần. Khắp mặt văn võ trong triều sợ hãi không biết làm thế nào, chỉ có Thái thường thiếu khanh (chức quan lo việc lễ nhạc và tế tự) là Lý Cương kiên quyết chủ trương chống lại quân Kim. Cánh quân phía đông của Kim hạ xong Yên Kinh, buộc hàng tướng Tống là Quách Dực Sư dẫn đường, đến thẳng Đông Kinh. Tống Huy Tông thấy tình hình nguy hiểm vừa sợ vừa uất, kéo tay một đại thần nói: "Ôi! Thật không ngờ người Kim lại đối đãi với ta như thế".

Chưa nói xong đã nghẹn cổ, ngắt lịm đi. Các đại thần cuống cuống vực dậy, gọi quan thái y đến cứu. Khi tỉnh lại, Huy Tông bảo đại thần mang giấy bút tới, viết 1 câu "truyền ngôi cho Đông cung", rồi tuyên bố thoái vị. Không lâu sau, ông mang theo 2 vạn thân binh, chạy đi Hào Châu (nay là huyện Hào, An Huy) lánh nạn. Thái tử Triệu Hoàn lên ngôi, tức là Tống Khâm Tông thăng Lý Cương làm binh bộ thị lang và hạ chiếu sẽ thân chinh đánh Kim. Kỳ thực, Tống Khâm Tông cũng chẳng hơn cha là bao. Sau khi làm bộ hăng hái như thế, ông ta vẫn thấp thỏm, không nêu ra được chủ kiến gì. Quân Tống liên tiếp thua trận, tình hình Đông Kinh trở nên căng thẳng. Hai tể tướng Bạch Thời Trung và Lý Bang Ngạn khuyên Tống Khâm Tông

chạy khỏi kinh thành. Bản thân Tống Khâm Tông cũng rất dao động, không biết xử sự ra sao. Lý Cương nghe biết việc đó, lập tức xin triều kiến Tống Khâm Tông, nói: "Thái thượng hoàng (chỉ Tống Huy Tông) truyền ngôi cho hoàng thượng, chính là mong bệ hạ giữ vững được kinh thành, Bệ hạ sao có thể bỏ đây mà đi được?".

Tống Khâm Tông chưa kịp trả lời, tể tướng Bạch Thời Trung đã cướp lời: "Quân địch lớn như thế, sao có thể giữ được?".

Lý Cương bác lại: "Thành trì khắp trong nước, không đâu kiên cố bằng kinh thành. Vả lại, kinh thành là trung tâm của cả nước, văn võ bá quan đều tập trung ở đây. Chỉ cần hoàng thượng đôn đốc việc kháng chiến, thì sao lại không giữ được?".

Một hoạn quan đứng ở bên cũng làm nhảm rằng thành trì của Đông Kinh không vững chắc, không thể chống nổi cuộc tiến công của quân Kim, Tống Khâm Tông liền sai Lý Cương đi thị sát. Lý Cương đi 1 lát, trở lại nói: "Hạ thần đã xem xét, lầu thành vừa cao vừa chắc, hào quanh thành tuy có cạn và hẹp, nhưng nếu ta bố trí tinh binh có cung nỏ mạnh, thì không lo gì không giữ được!". Sau đó, ông còn đề xuất nhiều biện pháp phòng thủ, xin Tống Khâm Tông duy trì đoàn kết quân dân chung sức giữ thành, đợi viên quân các nơi đến, sẽ tổ chức phản công.

Tống Khâm Tông còn hơi do dự, nói: "Vậy thì, ai có thể đảm đương trọng trách giữ thành?".

Lý Cương nhìn lướt các đại thần, rồi nói: "Thời bình, nhà nước dùng chức cao bổng hậu để đãi ngộ các quan, chính là để mọi người ra sức vào lúc nguy cấp này. Các vị tể tướng Bạch Thời Trung, Lý Bang Ngạn nên đứng ra đảm đương trách nhiệm giữ thành".

Bạch Thời Trung, Lý Bang Ngạn đứng bên, nghe nói thế thì hoảng sợ, trắng bệch cả mặt. Bạch Thời Trung giận dữ vạch lại: "Lý Cương! Sao ông

lạ thế? Bản thân ông có biết giữ thành không?".

Lý Cương ung dung nói: "Nếu bệ hạ không cho là thần thiếu năng lực, trao cho thần nhiệm vụ chỉ huy quân đội giữ thành, thì thần xin tình nguyện đem tính mạng ra báo đáp quốc gia!".

Tổng Khâm Tông thấy thái độ Lý Cương kiên quyết như vậy, liền trao cho ông phụ trách toàn bộ công việc phòng thủ. Bọn Bạch Thời Trung và 1 số hoạn quan vẫn chưa từ bỏ ý định khuyên Khâm Tông rút chạy, nên khi Lý Cương vắng mặt, chúng lại xúm vào khuyên khiến Khâm Tông dao động, xiêu lòng. Sáng hôm sau, khi Lý Cương vào triều, đã thấy cấm quân xếp hàng 2 bên đường, ngựa xe, nghi trượng đã chuẩn bị xong xuôi, chỉ đợi Khâm Tông lên xe là xuất phát. Lý Cương ùng ùng nổi giận lớn tiếng hỏi các tướng sĩ cầm quân: "Rút cuộc lại, các người muốn bảo vệ kinh thành muốn bỏ chạy?".

Các tướng sĩ đồng thanh đáp: "Xin tình nguyện bảo vệ kinh thành!".

Lý Cương và các tướng lĩnh cầm quân cùng nhau vào cung, tâu với Tổng Khâm Tông: "Gia đình của các tướng sĩ cầm quân đều ở kinh thành. Họ không muốn bỏ đây mà đi. Nếu buộc họ đi, vạn nhất trên đường họ trốn trở lại, kẻ địch đuổi tới, thì ai sẽ bảo vệ hoàng thượng?".

Tổng Khâm Tông thấy bỏ chạy cũng nguy hiểm, mới bắt dĩ phải ở lại. Lý Cương lập tức trở ra, tuyên bố với mọi người: "Hoàng thượng đã quyết định ở lại giữ kinh thành. Từ nay ai còn dám đề xuất việc bỏ chạy, sẽ nhất luật xử trảm!". Binh lính nghe nói thế, đều cảm động hoan hô vang dậy.

Sau khi giữ được Khâm Tông ở lại, Lý Cương liền tích cực phòng thủ, bố trí binh lực mạnh xung quanh thành, có các loại vũ khí phòng thủ, đồng thời phái tinh binh ra giữ kho lương thực ngoài thành, đề phòng địch đánh lén. Ba ngày sau, Tông Vọng đã dẫn quân Kim đến chân thành. Họ dùng mấy thuyền chở chất cháy, đi từ thượng lưu xuống, chuẩn bị hảo công vào

Tuyên Trạch Môn. Lý Cương chiêu mộ 2000 quân cảm tử, dàn ra dưới thành chống lại. Thuyền quân Kim vừa tới, binh sĩ dùng câu liêm giữ chặt, không cho tiếp cận chân thành. Lý Cương còn sai binh sĩ ném đá lớn xuống hỏa thuyền, khiến nhiều thuyền bị chìm, rất nhiều quân Kim rút xuống nước. Tông Vọng thấy Đông Kinh phòng thủ kiên cố, không dễ gì hạ được ngay, liền thông tri cho Bắc Tống, đồng ý nghị hòa. Tống Khâm Tông và bọn Lý Bang Ngạn đã muốn hòa từ lâu, lập tức phái sứ giả sang trại Kim thảo luận về điều kiện giảng hòa.

Tông Vọng đưa ra nhiều điều kiện khắt khe, đồng thời tiếp tục đánh thành. Lý Cương trèo lên lầu thành, thân chỉ huy việc chống trả. Quân Kim dùng vận thê (1 loại thang dài) toan xông lên mặt thành. Lý Cương hạ lệnh cho cung nỏ bắn mạnh, quân Kim rụng xuống chông chất dưới chân thành. Lý Cương liền ra lệnh cho mấy trăm dũng sĩ dùng dây leo xuống chân thành, đốt cháy vận thê của quân Kim, giết chết mấy chục tướng Kim. Quân Kim vừa bị giết, vừa chết chìm dưới hào, nhiều không kể xiết. Trong lúc Lý Cương chỉ huy tướng sĩ liều mạng chống địch, thì sứ giả Tống trở về, mang theo những điều kiện giảng hòa của phía Kim.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Hoạt Động Thịnh Nguyên Của Thái Học Sinh

Những điều kiện giảng hòa do tướng Kim Tông Vọng đưa ra hết sức hà khắc. Hãn đòi Bắc Tống bồi thường rất nhiều tiền bạc, bò, ngựa vải vóc, cắt nhượng đất đai 3 trấn: Thái Nguyên, Trung Sơn, Hà Giang cho Kim; Tống Khâm Tông phải tôn xưng hoàng đế Kim là bá phụ, phải các thân vương, tể tướng sang Kim làm con tin. Tống Khâm Tông và bọn Lý Bang Ngạn 1 lòng cầu hòa, chuẩn bị tiếp nhận toàn bộ. Lý Cương nghe tin triều đình chuẩn bị tiếp nhận những điều kiện nhục nhã trên, thì vô cùng tức giận, ông ra sức phản đối việc bồi thường và cắt đất, chủ trương kéo dài thời gian đàm phán để chờ viện binh các nơi kéo về rồi sẽ phản công. Tống Khâm Tông nghe ông trình bày, sốt ruột nói: "Việc của khanh là cầm quân giữ thành, còn việc hòa đàm để sau sẽ nói!".

10 ngày sau, quân cứu viện từ các địa phương lần lượt tới ngoại thành, gồm tất cả 20 vạn người, sĩ khí trong quân đội giữ Đông Kinh lên cao. Quân Kim chỉ có 6 vạn đang vây thành, Tông Vọng thấy tình hình bất lợi, vội dẫn quân lùi về sau, co cụm trong các thành lũy. Các đại tướng trong số quân cứu viện là Chung Sư Đạo và Diêu Bình Trọng đều ủng hộ chủ trương kháng chiến của Lý Cương. Chung Sư Đạo là 1 lão tướng giàu kinh nghiệm, chủ trương cầm cự dài ngày, đợi đến khi quân Kim hết lương thảo, buộc phải rút sẽ tìm cơ hội phản kích. Nhưng Diêu Bình Trọng lại có tâm trạng nóng vội, chủ trương đem quân tập kích doanh trại Kim vào ban đêm để bắt sống Tông Vọng. Kế hoạch tập kích đó bị tiết lộ, quân Kim được tin, đã sẵn sàng đối phó. Diêu Bình Trọng tập kích không thành công, lại bị quân Kim phục kích, tổn thất hơn 1000 người ngựa. Một số đại thần thuộc

phải chủ hàng, nhân cơ hội này tung tin là quân cứu viện đã bị tiêu diệt toàn bộ và công kích Lý Cương là đã chuốc lấy tai họa. Tống Khâm Tông tin lời bọn này, cuống cuống sợ hãi, vội phái sứ giả sang trại Kim tạ tội, đồng thời cách chức Lý Cương và Chủng Sư Đạo.

Tin tức truyền ra, toàn thành Đông Kinh xao động, quân dân đều phẫn nộ, đặc biệt là những học sinh trường Thái học, tất cả đều xông vào căm uất. Thái học sinh Trần Đông là 1 thanh niên nhiệt thành yêu nước. Khi Đông Kinh bị quân Kim vây đánh, Trần Đông đã dẫn đầu các Thái học sinh, 3 lần dâng thư lên Tống Khâm Tông, xin Khâm Tông xử trăm 6 tên quốc tặc gồm: Thái Kinh, Đồng Quán, Chu Miễn...Việc đó gây chấn động khắp trong ngoài triều đình, buộc Khâm Tông phải đem 6 tên đó ra trừng trị. Trần Đông và Lý Cương vốn không quen biết nhau, nhưng hành động kiên quyết kháng chiến của Lý Cương khiến Thái học sinh vô cùng khâm phục. Hôm đó, Trần Đông dẫn đầu mấy Thái học sinh vào tới ngoài Tuyên Đức Môn của hoàng cung, dâng thư thỉnh nguyện, yêu cầu triều đình khôi phục chức cho Lý Cương, Chủng Sư Đạo; trừng trị các gian tặc Lý Bang Ngạn, Bạch Thời Trung. Trong thư thỉnh nguyện, họ khẩn thiết nói: "Khi nghe lệnh bãi chức Lý Cương, quân dân toàn thành đều đau xót khóc ròng. Thấy như vậy thì sẽ sớm trở thành vong quốc nô, làm như vậy chẳng phải là đã trúng kế quân thù hay sao?".

Quân dân thành Đông Kinh nghe nói Thái học sinh thỉnh nguyện, đều tự động kéo đến trước Tuyên Đức Môn. Chỉ trong chốc lát, đã tụ tập tới mấy vạn người. Lúc đó, vừa gặp Lý Bang Ngạn thoái triều đi ra, quần chúng nổi giận, xông tới chửi mắng thậm tệ, có người còn ném đá và gạch ngói tới tấp. Lý Bang Ngạn vội ôm đầu chạy trở lại hoàng cung. Tống Khâm Tông ở trong cung, nghe báo quần chúng đang giận dữ, hết sức lo sợ, vội phái 1 viên quan ra truyền chỉ, nói: "Lý Cương dùng binh thất bại, triều đình bắt buộc phải bãi chức. Đợi đến khi quân Kim rút đi, sẽ lập tức phục chức".

Quần chúng không chịu, xông thẳng vào sân triều, ra sức gõ "đăng vãn cổ" (là loại trống lớn, dùng khi có việc gấp cần báo) đến mức mặt trống thủng toang. Tiếng hô kháng nghị vang trời dậy đất, tri phủ Khai Phong chạy tới, đe dọa Thái học sinh: "Các người sao dám uy hiếp hoàng thượng?".

Thái học sinh lớn tiếng đáp lại: "Chúng tôi lấy lòng trung nghĩa uy hiếp hoàng thượng, còn tốt hơn là bọn gian thần uy hiếp hoàng thượng bán nước!". Vừa nói vừa xông tới, toan bắt viên tri phủ, khiến ông ta sợ hãi lùi mất.

Các tướng lĩnh quân cấm vệ thấy tình hình không có cách nào dẹp được, liền vào cung yêu cầu Tống Khâm Tông đáp ứng yêu cầu của mọi người. Tống Khâm Tông không thể làm khác, liền phái người triệu Lý Cương vào cung, tuyên bố trước quần chúng: là khôi phục ngay chức vụ của Lý Cương và Chung Sư Đạo. Quần chúng vẫn chưa yên tâm, vừa lúc đó Chung Sư Đạo đi xe tới, mọi người vén rèm xem, thấy đúng là Chung lão tướng quân, liền hoan hô như sấm dậy rồi mới lục đục giải tán. Cuộc thỉnh cầu của Thái học sinh kết thúc thắng lợi. Sau khi được phục chức, Lý Cương chỉnh đốn lại đội ngũ, trọng thưởng cho những người anh dũng diệt địch. Trận thế quân Tống hùng mạnh, sĩ khí lên cao. Tông Vọng thấy tình hình đó, có phần sợ hãi, không đợi triều Tống giao đủ khoản bồi thường, vội vàng rút quân.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Hai Hoàng Đế Làm Tù Binh

Do quân và dân Đông Kinh kiên quyết kháng chiến, tướng Kim là Tông Vọng buộc phải lui quân. Chủng Sư Đạo kiến nghị với Tống Khâm Tông là nhân lúc quân Kim rút quan Hoàng Hà, nên phát động 1 cuộc tập kích để tiêu diệt chúng. Đây là 1 ý kiến hay, nhưng Tống Khâm Tông không những không làm theo mà còn cách chức luôn Chủng Sư Đạo. Sau khi quân Kim rút đi, Tống Khâm Tông và 1 số đại thần cho rằng từ nay lại có thể yên tâm sống cuộc sống thái bình rồi. Họ liền đón Huy Tông trở lại Đông Kinh. Lý Cương nhiều lần nhắc nhở Tống Khâm Tông là phải tăng cường quân bị, phòng ngừa quân Kim tiến công trở lại. Nhưng mỗi lần nêu ý kiến đều bị các đại thần thuộc phái đầu hàng ngăn trở. Tống Khâm Tông cũng bực mình, cho là Lý Cương nhiều lời. Ngờ đâu, cánh quân phía đông của Tông Vọng vừa rút, nhưng cánh quân phía tây của Tông Hàn vẫn không chịu thôi, tiếp tục vây đánh Thái Nguyên. Tống Khâm Tông cử đại tướng Chủng Sư Trung đem quân lên cứu, nhưng đi tới nửa đường đã bị quân Kim vây chặt, Chủng Sư Trung thua trận, hy sinh. Các đại thần thuộc phái đầu hàng đang không muốn Lý Cương có mặt ở triều đình, liền xui Tống Khâm Tông cử Lý Cương lên Hà Bắc tham gia chiến đấu. Một số đại thần chính trực thấy không nên để Lý Cương rời kinh thành vào lúc này, nhưng Tống Khâm Tông nhất định điều ông đi.

Lý Cương biết rõ mình bị gạt bỏ, nhưng vì là được điều đi đánh Kim, nên ông không muốn thoái thác. Khâm Tông cấp cho ông 1 vạn 2000 người. Ông xin triều đình cấp quân phí bằng bạc, vải vóc và tiền, mỗi thứ trị giá 1 triệu lượng. Triều đình chỉ cấp cho ông 20 vạn lượng. Lý Cương

muốn được chuẩn bị đầy đủ rồi sẽ xuất phát, nhưng Tống Khâm Tông sợ ông kéo dài thời gian nên liên tục thúc giục. Lý Cương đành dẫn quân vội vã lên đường. Đến Hà Dương, Lý Cương chiêu mộ thêm binh mã, nhưng triều đình lập tức ra lệnh buộc ông phải giải tán số quân mới chiêu mộ được và tiến lên Thái Nguyên ngay. Lý Cương chia quân làm 3 đường để đánh địch, nhưng các tướng lĩnh do triều đình trực tiếp chỉ huy không chịu tuân theo sự điều động của ông. Ba cánh quân thiếu sự thống nhất chỉ huy, kết quả bị đại bại. Lý Cương chỉ là thống soái trên danh nghĩa mà không có quyền chỉ huy trên thực tế, đành xin triều đình cho từ chức. Bọn chủ hàng liền công kích ông là luôn nói đánh Kim, mà khi đánh lại để hao binh tổn tướng. Tống Khâm Tông liền cách chức Lý Cương, biếm trích ông xuống miền nam.

Vua tôi triều Kim rất sợ Lý Cương, nay Lý Cương đã bị bãi chức nên họ không còn e ngại gì nữa. Kim Thái Tông liền hạ lệnh cho Tông Hàn, Tông Vọng tiến công Đông Kinh. Lúc đó, thành Thái Nguyên đã bị cánh quân phía tây của Tông Hàn bao vây suốt 8 tháng. Tướng chỉ huy phòng thủ Thái Nguyên là Vương Bẩm chỉ huy quân và dân kiên quyết chống giữ. Quân Kim dùng mọi biện pháp đánh thành, đều bị Vương Bẩm đánh lui. Lâu ngày, trong thành hết lương, quân lính phải giết lừa ngựa và bò để ăn đỡ đói. Bò ngựa hết, họ phải ăn tới dây da trên cung nỏ. Dân chúng đều ăn rau dại và cám, nhưng không 1 ai chịu đầu hàng. Cuối cùng, thành Thái Nguyên bị vỡ. Sau khi dẫn đầu binh kình kịch chiến trong từng ngõ phố, Vương Bẩm nhảy xuống sông Phần tự tận. Sau khi Thái Nguyên thất thủ, 2 cánh quân Kim tiến xuống phía nam. Các đạo quân Tống nghe tin Đông Kinh nguy cấp, chủ động đem quân tới cứu. Tống Khâm Tông và các đại thần thuộc phái chủ hàng chỉ lo cắt đất cầu hòa nên lại ra lệnh cho họ dẫn quân trở về địa phương.

Lúc đó, quân Tống phòng thủ ở bờ nam Hoàng Hà còn tới 12 vạn bộ binh và 1 vạn kỵ binh. Cánh quân phía tây của Tông Hàn tới bờ bắc Hoàng Hà, không dám dùng sức mạnh để vượt sông. Đến đêm, họ hư trương thanh

thế, cho binh lính đánh trống suốt đêm. Quân Tống ở bờ nam nghe tiếng trống bên bờ bắc, tướng quân Kim vượt sông tiến công, liền đua nhau bỏ doanh trại chạy trốn. Chỉ trong thời gian ngắn, 13 vạn quân Tống đã rút chạy sạch trơn. Tông Hàn không mất chút sức nào, đã vượt sông thuận lợi. Cánh quân phía đông của Tông Vọng cũng đánh chiếm Đại Danh (nay thuộc tỉnh Hà Bắc) rồi vượt sông tiến xuống. Hai cánh quân ngày càng tới gần Đông Kinh làm Tống Khâm Tông khiếp đảm. Số đại thần thuộc phái đầu hàng ngày ngày rỉ rả nói với Khâm Tông là ngoài việc xin hòa ra, không có cách nào khác. Tống Khâm Tông đành cử em là Khang vương Triệu Cấu đến chỗ Tông Vọng xin hòa. Triệu Cấu đi qua Từ Châu (nay là huyện Từ, Hà Bắc). Quan cai trị Từ Châu là Tông Trạch nói với Triệu Cấu: "Triều Kim muốn điện hạ tới nghị hòa chỉ là thủ đoạn đánh lừa thôi. Chúng đã đem quân đến sát kinh thành, thì nghị hòa còn có tác dụng gì nữa?".

Dân chúng Từ Châu cũng ngăn ngựa của Triệu Cấu lại, không cho ông ta tới trại Kim cầu hòa. Triệu Cấu sợ bị quân Kim bắt giữ, liền dừng lại ở Kim Châu (nay là An Dương, Hà Nam). Không lâu sau, 2 cánh quân Kim đã tới chân thành Đông Kinh, bắt đầu tiến công mãnh liệt. Trong thành chỉ còn 3 vạn quân cấm vệ, nhưng sớm rời rã, bỏ trốn mất quá nửa. Tướng lĩnh các địa phương vì đã có lệnh triều đình nên không ai đem quân về cứu Đông Kinh. Lúc này, Tống Khâm Tông mới muốn gọi Lý Cương trở về, nhưng không kịp nữa rồi. Tống Khâm Tông cuống quýt không biết làm gì. Trong kinh thành có 1 tên đại bịp, tên là Quách Kinh. Hắn ta huênh hoang là biết pháp thuật, chỉ cần thu thập đủ 7779 "thần binh" là có thể bắt sống tướng Kim, đánh lui quân Kim. Một số đại thần liền bu lấy hắn, coi hắn như 1 cọng rơm cứu mạng, giúp hắn tụ tập bọn lưu manh côn đồ làm "thần binh". Đến khi quân Kim đánh thành, Quách Kinh và các "thần binh" của hắn vừa giao phong đã tan vỡ, thành Đông Kinh nhanh chóng bị quân Kim đánh chiếm. Tống Khâm Tông thấy ngày tàn đã đến, khóc thảm thiết rồi đành cùng mấy đại thần đem thư đầu hàng đến trại quân Kim. Tông Hàn bắt Tống phải cắt nhượng toàn bộ đất đai vùng Hà Đông, Hà Bắc; đồng thời phải hiến cho Kim 10 triệu thoi vàng, 20 triệu thoi bạc, 10 triệu tấm

vải lụa. Tống Khâm Tông phải chấp nhận hết, quân Kim mới tha cho ông về thành.

Khâm Tông ra sức vơ vét vàng bạc của dân chúng kinh thành để nộp cho quân Kim. Tướng Kim thấy nộp quá chậm, mấy hôm sau lại gọi Tống Khâm Tông đến trại, giam lại, nói khi nào nộp đủ vàng bạc mới tha. Tống Khâm Tông sai 24 viên quan chia nhau dẫn quân Kim đi khám xét khắp nhà ở của hoàng thân, quốc thích, quan lại và nơi trụ trì của hòa thượng, đạo sĩ. Cuộc khám xét kéo dài hơn 20 ngày, ngoài vàng bạc châu báu bị cướp, còn mất theo nhiều bảo vật và toàn bộ bản đồ của các châu phủ trong cả nước. Tháng 4 năm 1127, Tông Hàn, Tông Vọng cùng quân Kim đã bắt giải Tống Huy Tông, Tống Khâm Tông cùng 2-3 ngàn người trong hoàng tộc và quan lại đi cùng với của cải cướp được lên phía bắc. Vương triều Bắc Tống kể từ khi Triệu Khuông Dận xưng đế đến nay là 167 năm. đã kết thúc.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Tông Trạch Ba Lần Hô "Vượt Sông"

Sau khi Bắc Tống diệt vong, Khang vương Triệu Cấu từ Tương Châu chạy xuống Nam Kinh (nay là Thương Khâu, Hà Nam, không phải thành phố Nam Kinh ngày nay). Tháng 5 năm 1127, Triệu Cấu lên ngôi hoàng đế, đó là Tống Cao Tông. Vươn triều Tống cầu an này, sau còn dời đô xuống Lâm An (nay là Hàng Châu, Triết Giang). Lịch sử gọi nó là Nam Tống. Sau khi Tống Cao Tông lên ngôi, dưới áp lực của dư luận, buộc phải triệu Lý Cương về triều làm tể tướng. Nhưng trên thực tế, Cao Tông chỉ tín nhiệm 2 người thân tín, đó là Hoàng Tiềm Thiện và Uông Bá Ngạn. Lý Cương đề xuất nhiều chủ trương chống Kim. Ông nói với Cao Tông: "Muốn thu phục Đông Kinh, nhất định phải sử dụng Tông Trạch".

Tông Trạch là 1 tướng kiên quyết chống Kim. Trước khi Bắc Tống diệt vong, Tống Khâm Tông đã có lần cử ông làm sứ giả đi giảng hòa. Tông Trạch nói với mọi người: "Tôi đi sứ lần này, không mong còn sống trở về. Nếu người Kim chịu lui quân thì thôi, nếu không tôi sẽ đấu đến cùng. Thà mất đầu chứ nhất quyết không để nước bị nhục".

Tống Khâm Tông thấy khẩu khí Tông Trạch cứng như vậy, sợ ông gây trở ngại cho hòa đàm, liền rút chức sứ giả của ông và điều ông đi làm quan ở Từ Châu. Khi quân Kim đánh Đông Kinh lần thứ 2. Tông Trạch dẫn quân đánh Kim, thắng liền 13 trận, tạo được tình thế thuận lợi. Ông viết thư cho Triệu Cấu lúc đó còn là Khang vương, yêu cầu ông ta chiêu tập quân các lộ cùng về hội hợp cứu viện Đông Kinh. Ông còn viết thư cho 3 tướng khác, yêu cầu họ phối hợp hành động. Ngờ đâu họ không những không đem quân

tới, àm còn cười giễu ông là kẻ điên rồ. Tông Trạch không còn biện pháp gì, đành đơn độc dẫn quân tác chiến. Một lần, cánh quân do ông dẫn đầu bị quân Kim bao vây, số lượng quân Kim đông gấp 10 lần quân Tống. Tông Trạch nói với tướng sĩ: "Hôm nay, tiến cũng chết mà lui cũng chết. Chúng ta quyết tử chỗ chết, xông lên chém giết để tìm ra con đường sống!". Tướng sĩ đều hăm hở, anh dũng xông lên, 1 người địch nổi 100, quả nhiên đánh lui được quân Kim.

Tống Cao Tông từ lâu đã biết sự dũng cảm của Tông Trạch, lần này được Lý Cương tiến cử, liền phong Tông Trạch làm tri phủ phủ Khai Phong. Lúc này tuy quân Kim đã rút khỏi phủ Khai Phong (tức Đông Kinh), nhưng thành Khai Phong trải qua 2 cuộc chiến, tường thành đã bị hủy hoại hết. Dân chúng và binh sĩ sống lẫn với nhau; lại thêm quân Kim còn ở bờ bắc Hoàng Hà, nên lòng người Khai Phong luôn thấp thỏm, trật tự xã hội không ổn định. Tông Trạch có uy tín rất cao trong quân và dân. Tới Khai Phong, ông hạ ngay 1 mệnh lệnh: "Phàm kẻ nào cướp bóc của dân, đều sẽ bị nghiêm trị".

Mệnh lệnh đã ban bố, nhưng trong thành vẫn xảy ra mấy vụ cướp. Tông Trạch liền xử tử phạm nhân tại chỗ, khiến trật tự trong thành dần được ổn định. Nhân dân Hà Bắc không chịu nổi cảnh cướp bóc chém giết của quân Kim, đều đua nhau tổ chức nghĩa quân, đánh bại quân Kim. Lý Cương chủ trương dựa vào nghĩa quân, tổ chức đội ngũ mới để chống Kim. Sau khi Tông Trạch đến Khai Phong, liền tích cực liên lạc với nghĩa quân. Nghĩa quân các vùng thuộc Hà Bắc đã từng nghe uy danh của Tông Trạch, nên đều tự nguyện chịu sự chỉ huy của ông. Tại Hà Đông, có 1 thủ lĩnh nghĩa quân là Vương Thiện, tụ tập 7 vạn người ngựa, muốn tập kích vào Khai Phong. Tông Trạch được tin, liền 1 mình 1 ngựa đến gặp Vương Thiện, nhỏ nước mắt nói: "Hiện nay nhà nước đang nguy cấp, nếu có được mấy người anh hùng như ngài, cùng đồng tâm hiệp lực kháng chiến thì người Kim đâu dám xâm phạm đến chúng ta nữa!".

Vương Thiện bị thuyết phục, cảm động rơi nước mắt, nói: "Kẻ này xin nghe theo sự chỉ huy của Tông Công".

Những toán nghĩa quân khác như Dương Tiến, Vương Tái Hưng, Lý Quý, Vương Đại Lang đều có từ mấy vạn tới mấy chục vạn người ngựa. Tông Trạch cũng cử người tới liên lạc, thuyết phục họ đoàn kết nhất trí cùng chống Kim. Nhờ vậy, việc phòng thủ ở ngoại vi thành Khai Phong được củng cố, lòng dân trong thành ổn định, lương thực sung túc, giá cả ổn định, tình trạng rối loạn được khắc phục. Nhưng chính vào lúc Tông Trạch chuẩn bị tiến lên phía bắc để khôi phục Trung nguyên thì Tống Cao Tông và bọn Hoàng Tiềm Thiện, Ônng Bá Ngạn lại sợ Nam Kinh chưa được an toàn, toan tiếp tục chạy sâu xuống miền nam. Vì chống lại việc chạy xuống miền nam, nên Tông Trạch bị Tống Cao Tông cách chức. Tông Trạch hết sức nóng ruột, liền tự dẫn quân vượt qua Hoàng Hà, giao ước với các đạo nghĩa quân cùng nhau chống Kim. Ông cho xây dựng xung quanh Khai Phong 24 thành lũy và lập các trại quân ven bờ Hoàng Hà liền khít nhau như vây cá, gọi là "liên châu trại", lại được nghĩa quân các địa phương thuộc Hà Đông, Hà Bắc cũng phối hợp, hưởng ứng lẫn nhau, nên lực lượng phòng ngự của quân Tống ngày càng mạnh.

Tông Trạch nhiều lần dâng sớ tấu, yêu cầu Cao Tông trở về Khai Phong để chủ trì việc chống Kim. Nhưng sớ tấu đến tay bọn Hoàng Tiềm Thiện, đều bị chúng chìm đi. Không lâu sau, Tống Cao Tông lại rời Nam Kinh, chạy xuống Dương Châu. Quả nhiên ít lâu sau, quân Kim chia mấy đường rầm rộ tiến công. Kim Thái Tông phái đại tướng Ngột Truật (còn có tên là Tông Bột) tiến công Khai Phong. Trước hết, Tông Trạch cử bộ tướng giữ Lạc Dương và Trịnh Châu. Khi Ngột Truật dẫn quân tiếp cận Khai Phong, Tông Trạch phái mấy ngàn tinh binh, vòng tới sau lưng địch, cắt đứt đường lui, sau đó đánh kẹp địch từ 2 mặt trước sau, khiến Ngột Truật bị đại bại, phải rút chạy. Một lần khác, tướng Kim là Tông Hàn dẫn quân đánh Lạc Dương, Tông Trạch phái bộ tướng Quách Chấn Dân, Lý Cảnh Lương dẫn quân tập kích, nhưng bị thất bại. Quách Chấn Dân đầu hàng quân Kim,

Lý Cảnh Lương sợ tội nên bỏ trốn. Tông Trạch cử người tìm bắt được Lý Cảnh Lương, trách mắng: "Đánh trận bị thất bại, vốn có thể tha tội. Nhưng nay người lại tự ý bỏ trốn, tức là không coi chủ tướng vào đâu nữa!". Nói xong, lập tức sai lính Lý Cảnh Lương ra xử trảm.

Sau khi Quách Chấn Dân đầu hàng quân Kim, Tông Hàn cử 1 tướng Kim cùng đi với Quách Chấn Dân đến Khai Phong để khuyên Tông Trạch đầu hàng. Tông Trạch tiếp kiến họ trong đại sảnh đường phủ Khai Phong. Ông nói với Quách Chấn Dân: "Nếu người chết ở chiến trường thì có thể được coi là một vong hồn trung nghĩa. Nhưng nay người đầu hàng địch, trở thành một tên phản bội, còn mặt mũi nào mà gặp ta nữa!". Rồi quát lớn, ra lệnh cho binh sĩ lôi Quách Chấn Dân ra chém.

Tông Trạch lại quay đầu cười nhạt với viên tướng Kim đến khuyên hàng, nói: "Ta giữ thành này, đã chuẩn bị sống mái với các người. Người là tướng của triều Kim, không có tài xông pha trên chiến trường, lại toan dùng lời lẽ lừa bịp để lung lạc ta sao?".

Tướng Kim sợ hãi, mặt mũi nhợt nhạt, chỉ nghe tiếng quát lớn, rồi bị các binh sĩ kéo ra chém đầu. Tông Trạch liên tục giết 3 người, tỏ rõ quyết tâm sắt đá chống lại quân Kim, làm cho sĩ khí quân Tống lên cao. Ông dùng kỹ thuật nghiêm minh và tài chỉ huy linh hoạt, đánh cho quân Kim thua liền mấy trận. Tướng sĩ Kim vừa sợ hãi, vừa khâm phục Tông Trạch, đều gọi ông là Cụ Tông. Dựa vào lực lượng nghĩa quân Hà Bắc, Tông Trạch không ngừng mở rộng quân số, tích trữ lương thảo, cho rằng hoàn toàn đủ lực lượng thu phục Trung nguyên. Ông liên tiếp gửi hơn 20 sứ tấu, mời Cao Tông trở về Khai Phong. Nhưng tất cả cũng đều bị bọn Hoàng Tiềm Thiện dìm đi. Lúc đó, Tông Trạch đã là 1 ông già gần 70 tuổi. Do quá uất ức, ông bị lên nhọt độc ở sau lưng rồi ốm liệt. Một số tướng dưới quyền đến thăm thì bệnh của ông đã rất nặng. Ông mở mắt, xúc động nói: "Tôi vì chưa báo được thù cho nước, trong lòng uất ức nên mới mắc bệnh này. Chỉ cần

những người còn sống gắng sức diệt địch thì tôi dù nhắm mắt cũng không ân hận".

Các tướng lĩnh nghe lời ông, đều xúc động rơi nước mắt. Khi mọi người trở ra, chỉ nghe tiếng ông ngâm 2 câu thơ của Đỗ Phủ:

"Xuất sư vị tiệp thân tiên tử,

Trường sử anh hùng lệ mãn khâm"

Dịch thơ:

"Ra quân chưa thắng, lìa đời

Anh hùng mãi mãi lệ rơi đầm đìa"

Sau đó, ông cố sức hô lớn: "Vượt sông! Vượt sông! Vượt sông!", rồi nhắm mắt.

Quân dân Khai Phong nghe tin Tông Trạch tạ thế, tất cả đều thương khóc thảm thiết. Sau khi Tống Trạch mất đi, triều Tống cử Đỗ Sung làm trấn thủ Đông Kinh. Đỗ Sung là 1 tên ngu muội, tàn bạo. Vừa tới Đông Kinh, hắn lập tức phá bỏ mọi công trình phòng ngự do Tông Trạch dựng lên. Chẳng bao lâu, toàn bộ vùng Trung nguyên rơi vào tay quân Kim.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Nữ Từ Nhân Lý Thanh Chiêu

Quân Kim hoành hành khắp Trung nguyên nhưng vương triều Nam Tống không hề chuẩn bị chống lại. Tống Cao Tông vẫn chìm đắm trong cuộc sống xa hoa hưởng lạc ở hành cung Dương Châu. Tháng giêng năm 1129, tướng Kim Tông Hàn dẫn quân xuống miền nam, liên tiếp đánh chiếm nhiều thành trì. Các quan chức triều Tống ở các địa phương kẻ thì đầu hàng, kẻ thì chạy trốn. Quân tiên phong của Kim nhanh chóng vượt qua Hoàng Hà, tiến sát Dương Châu. Tống Cao Tông đang mải mê vui chơi ở hành cung Dương Châu, nghe tin quân Kim đánh tới, vội cuống cuồng cùng 5-6 tên thái giám thân tín, lên ngựa chạy thẳng ra bờ sông, kiếm được 1 chiếc thuyền nhỏ, qua sông ngay trong đêm. Quân Kim thả sức cướp bóc, tàn sát ở Dương Châu; rồi phóng hỏa, biến Dương Châu thành 1 đám đất cháy rụi. Sau đó chúng mới chịu chuyên chở của cải cướp bóc được lên miền bắc.

Tống Cao Tông chạy tới Lâm An, liền cách chức Hoàng Tiềm Thiện và Ônng Bá Ngạn. Trong nội bộ triều đình Nam Tống xảy ra lục đục lớn. Thấy sự thối nát của Nam Tống là thời cơ có thể lấn lướt, vào tháng 10 năm đó, Kim Thái Tông lại cử Ngột Truật dẫn đại quân đánh xuống phía nam, chiếm Kiến Khang (nay là thành phố Nam Kinh, Giang Tô). Tống Cao Tông thấy quân Kim gần tới gần, lại vội bỏ Lâm An chạy xuống Việt Châu (nay là Thiệu Hưng, Triết Giang), rồi chạy tiếp xuống Minh Châu (nay là Ninh Ba, Triết Giang). Ngột Truật dẫn quân đuổi sát, Tống Cao Tông hết đường, liền lấy thuyền vượt biển rồi chạy xuống Ôn Châu (thuộc ven biển Triết Giang) cho tới khi quân Kim rút về bắc, mới lại trở về Lâm An. Quân

Kim cướp bóc tàn bạo và vương triều Tống thối nát chạy dài khiến nhân dân chịu tai họa cùng cực, rất nhiều gia đình lâm vào cảnh nhà tan cửa mất. Nữ từ nhân nổi tiếng Lý Thanh Chiêu cùng chung số phận bi thảm đó. Lý Thanh Chiêu vốn quê quán tại Lịch Thành (nay là Tế Nam, Sơn Đông), là 1 nữ từ nhân nổi tiếng trong văn học lịch sử Trung Quốc. Cha là Lý Cách Phi, cũng là 1 văn học gia, từng làm quan dưới thời Tống Huy Tông. Vì là người chính trực, lại là học trò của Tô Thức, nên bị Thái Kinh đả kích. Từ nhỏ, Lý Thanh Chiêu đã được cha đào luyện, hết sức yêu thích văn chương, mê say thi, họa. Đặc biệt là về sáng tác từ, bà đã đạt được thành tựu xuất sắc. Năm 18 tuổi, bà kết hôn với Triệu Minh Thành, cũng là 1 quan gia tử đệ. Hai vợ chồng vô cùng hòa hợp, ngoài lòng yêu thích văn chương, còn có 1 niềm say mê chung là sưu tập đồ kim thạch (đồ đồng và bia đá có khắc bài văn hoặc bức họa). Những đồ kim thạch đó vừa thể hiện tính nghệ thuật thời cổ đại Trung Quốc, vừa là tư liệu lịch sử quý giá.

Khi đó, Triệu Minh Thành còn học trong trường Thái học ở Đông Kinh. Hai gia đình Triệu, Lý tuy đều làm quan to, nhưng không thật giàu có, không có tiền để họ mua văn vật. Nhưng điều đó không làm giảm lòng yêu thích kim thạch của họ. Vào các dịp mừng 1, ngày rằm, Triệu Minh Thành được về thăm nhà, liền đem 1 số quần áo tới hiệu cầm đồ cầm với giá rẻ, rồi lấy tiền đi tới chùa Đại Tướng Quốc. Chùa Đại Tướng Quốc là ngôi chùa lớn nhất Đông Kinh, thường tổ chức các lễ hội. Trong lễ hội, có bày bán đủ loại thương phẩm và thư tịch, đồ cổ và thư họa. Triệu Minh Thành tới đây, thấy đồ kim thạch nào ưng ý, đều bỏ tiền mua. Về nhà, 2 vợ chồng cùng nhau thưởng thức, phân loại, coi đó là lạc thú lớn nhất trong cuộc sống. Hai năm sau, Triệu Minh Thành ra làm quan. Ông dùng toàn bộ số lương bổng để mua đồ kim thạch và sách vở. Người cha của ông có 1 số bạn bè thân thích làm việc trong Tàng thư các (kho lưu trữ). Ở đó có rất nhiều sách cổ không lưu truyền ra bên ngoài. Qua những người đó, Triệu Minh Thành tìm mọi cách mượn sách về sao chép. Cứ như vậy, số đồ kim thạch và thư họa ngày càng nhiều. Lý Thanh Chiêu liền lập ra 1 kho sách, chỉnh lý và thống kê đầy đủ, hề phát hiện thiếu sót là tìm mọi cách bổ sung,

chỉnh lý. Qua sự chuyên cần trong gần 20 năm, Triệu Minh Thành biên soạn xong 1 tác phẩm ghi lại văn vật lịch sử cổ đại, gọi là "Kim thạch lục".

Trong những năm đất nước rung chuyển, không còn điều kiện để vùi đầu nghiên cứu văn vật nữa. Khi Đông Kinh bị đánh chiếm, Lý Thanh Chiếu và Triệu Minh Thành đang ở Tri Châu (nay thuộc tỉnh Sơn Đông). Sau đó, tình thế ngày càng nguy ngập, Lý Thanh Chiếu theo Triệu Minh Thành xuống Kiến Khang. Họ đem theo 15 cỗ xe chở đầy đồ kim thạch và sách vở quý giá nhất. Sau đó quân Kim đánh chiếm Thanh Châu, hơn 10 gian nhà chứa đầy văn vật mà Lý Thanh Chiếu để lại quê nhà, bị chiến hỏa thiêu thành tro bụi. Sau khi tới Kiến Khang, Triệu Minh Thành nhận được chiếu lệnh, được cử làm tri phủ ở Hồ Châu. Trong tình cảnh loạn lạc lúc đó, Lý Thanh Chiếu không thể cùng đi với Triệu Minh Thành. Khi chia tay, Lý Thanh Chiếu hỏi chồng: "Vạn nhất quân Kim đánh tới, thiếp nên làm thế nào?".

Triệu Minh Thành kiên quyết nói: "Thì lại mang mọi thứ chạy đi như trước. Nếu không được thì trước hết bỏ lại đồ dùng gia đình. Nếu vẫn không đem đi được hết, thì đành bỏ cỗ vật và thi họa lại, nhưng có mấy thứ lễ khí cổ, hiền thê nhất định phải bảo vệ tốt, coi như tính mạng của mình!".

Không ngờ, sau cuộc chia tay này, Triệu Minh Thành mắc bệnh sốt rét rồi mất. Chồng bị chết khiến Lý Thanh Chiếu đau thương vô hạn. Nhưng điều quan trọng nhất là phải kế thừa hoài bão của chồng, giữ gìn tốt bộ sưu tập văn vật. Triệu Minh Thành có người em rể ở Hồng Châu (nay là Nam Xương, Giang Tây), Lý Thanh Chiếu liền nhờ người vận chuyển đến Hồng Châu 2 vạn cuốn sách và 2 vạn bản khắc kim thạch. Không ngờ, chẳng bao lâu sau đó, quân Kim đánh tới Hồng Châu, toàn bộ số văn vật đó không biết tằm tích ra sao. Khi Triệu Minh Thành ốm nặng, có 1 học sĩ là Trương Phi Khanh đến thăm. Ông ta đem theo bên mình 1 chiếc bình ngọc. Lý Thanh Chiếu là người rất giỏi giám định văn vật, nhìn qua đã thấy chiếc bình đó không phải bằng ngọc thật mà là 1 loại đá. Sau đó, Trương Phi

Khanh lại mang chiếc bình đó đi. Sau khi Triệu Minh Thành chết, có 1 số người nói vu vợ là Triệu Minh Thành đã tặng 1 số của vật quý cho người triều Kim (tức học sĩ Trương Phi Khanh). Lời đồn đại đó khiến Lý Thanh Chiếu chịu tiếng oan, bà muốn vào minh oan với triều đình, nhưng triều đình của Tống Cao Tông đã bỏ chạy rồi. Lý Thanh Chiếu phải chạy nạn khắp nơi. Khi bà định cư ở Thiệu Hưng, số văn vật cái thì bị tán thất, cái thì bị lấy cắp, chỉ còn lại 1 vài cái lẻ loi, tàn khuyết. Non sông đất nước tả tơi, văn vật quý giá mất mát là 1 đòn nặng về tinh thần giáng xuống Lý Thanh Chiếu. Bà đã viết rất nhiều thơ, ừ phản ánh tình trạng nhà tan nước mất. Từ của bà đã đạt được thành tựu nghệ thuật rất cao, nhiều bài mang tinh thần yêu nước nồng nàn. Trong 1 bài thơ, bà tỏ tâm trạng bất mãn trước việc vượt sông trốn chạy của tầng lớp thống trị Nam Tống. Thơ viết:

"Sống, nên làm hào kiệt,

Chết, làm ma anh hùng.

Nay còn nhớ Hạng Vũ,

Không chịu về Giang Đông".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Hàn Thế Trung Đánh Chặn Quân Kim

Quân Kim tiến xuống phía nam, đánh suốt tới tận bờ biển Minh Châu. Dọc đường liên tục vấp phải sự tập kích của nghĩa quân do dân chúng tự động tổ chức lại. Tướng Ki Ngột Truật biết quân Tống còn nhiều lực lượng ven Trường Giang nên không dám ở lâu, sau khi cướp bóc vợ vét, liền lui quân về bắc. Năm 1130, Ngột Truật dẫn 10 vạn quân Kim lui về đến gần Trấn Giang thì gặp đại tướng Tống là Hàn Thế Trung đem quân chặn lại. Hàn Thế Trung là 1 tướng lĩnh thuộc phái chủ trương kháng chiến. Ông rất căm phẫn trước hành động xâm lược của Kim nên quyết tâm đánh mạnh nhân cơ hội quân Kim phải rút.

Ngột Truật tới bờ sông, dò biết Hàn Thế Trung ngăn không cho qua sông, liền cử sứ giả đến trại Tống đưa chiến thư, thách đánh. Hàn Thế Trung chấp nhận ngay, còn hẹn rõ ngày quyết chiến. Lúc đó, quân Kim có 10 vạn, nhưng quân Tống dưới quyền Hàn Thế Trung cộng lại chỉ có 8000, lực lượng 2 bên chênh lệch rất nhiều. Hàn Thế Trung biết rõ rằng, muốn đánh thắng trận này phải dựa vào sĩ khí. Ông bàn với vợ là Lương Hồng Ngọc, 1 nữ tướng rất có kiến thức, lại giỏi võ nghệ. Bà ủng hộ kế hoạch của chồng và cùng tham gia chiến đấu. Hàn Thế Trung lại bàn với các bộ tướng và nói: "Địa thế ở đây, hiểm yếu nhất phải kể tới Long Vương miếu trên Kim Sơn (ở tây bắc Trấn Giang). Ta dự đoán quân Kim nhất định sẽ cử người lên đó trinh sát!". Vì vậy, ông cử 1 tướng dẫn 200 binh sĩ lên Long Vương miếu mai phục.

Quả như dự đoán của Hàn Thế Trung, 1 ngày sau có 5 tên lính Kim cưỡi ngựa lên Kim Sơn, tới trước Long Vương miếu đứng quan sát quân Tống. Quân Tống đang mai phục, đợi cho quân Kim tới gần, liền thúc trống xông ra chém giết. Năm tên lính Kim thấy có mai phục, liền quay ngựa chạy, quân Tống đuổi theo, bắt được 2 tên lính Kim, còn 3 tên khác nằm rạp trên mình ngựa chạy miết. 1 tên trong số đó mặc chiến bào đỏ, thắt đai lưng ngọc, trong lúc vội vã, ngã khỏi ngựa rồi lại cố nhảy lên trốn chạy. Quân Tống tra hỏi tù binh mới biết đó chính là Ngột Truật, chủ soái quân Kim. Giờ quyết chiến đã đến, 2 bên dàn trận bên bờ sông tiến hành 1 cuộc quyết chiến. Hàn Thế Trung mặc áo giáp, phu nhân Lương Hồng Ngọc mặc nhung trang, đứng trên chiến thuyền dưới sông, khua vang trống trận. Tướng sĩ Tống thấy chủ soái phu nhân ra trận trợ chiến, tinh thần ai cũng bội phần hăng hái, ào ạt xông lên giết giặc. Quân Kim tuy đông nhưng kỹ thuật lỏng lẻo, lại hành quân đường xa mệt nhọc, không chống lại nổi đội tinh binh của Hàn Thế Trung. Qua trận chiến đấu kịch liệt, quân Kim tử thương nhiều không kể xiết, ngay cả con rể của Ngột Truật là Long Hồ đại vương cũng bị bắt sống. Ngột Truật vội phái sứ giả tới trại Tống, xin hoàn lại mọi của cải cướp được ở Giang Nam, đổi lấy việc quân Tống để họ an toàn qua sông. Hàn Thế Trung không chịu, Ngột Truật lại xin tặng Hàn Thế Trung con tuấn mã của mình, nhưng vẫn bị cự tuyệt.

Ngột Truật không vượt được sông, đành dẫn quân dùng thuyền nhỏ lui tới Hoàng Thiên Đãng (nay ở đông bắc thành phố Nam Kinh). Ngờ đâu Hoàng Thiên Đãng là 1 nhánh sông cạn, không có đường ra. Chính trong lúc tiến thoái lưỡng nan, thì có kẻ hiền kế nói: "Tại đây trước kia vốn có một con sông có thể đi tới Kiến Khang, nhưng lâu ngày bị bồi lấp. Nếu sai binh sĩ khơi lại sông thì có thể thoát khỏi sự truy kích của quân Tống!".

Ngột Truật lập tức ra lệnh cho quân Kim khơi lại dòng sông. Quân Kim đông đúc, đào suốt 1 đêm, khai thông được đoạn sông dài 50 dặm. Ngột Truật vội hạ lệnh cho quân Kim rút về Kiến Khang. Không ngờ mới nửa đường lại gặp tướng Tống là Nhạc Phi dẫn quân đánh chặn. Ngột Truật

đành lui quân trở về Hoàng Thiên Đãng. Quân Kim bị quân Tống vây ở Hoàng Thiên Đãng trong 48 ngày, tình cảnh hết sức khốn khổ. Lúc đó, quân Kim từ Giang Bắc cũng phái quân đến tiếp ứng. Ngột Truật muốn dùng thuyền nhỏ vượt sông, Hàn Thế Trung đã chuẩn bị sẵn, cho bố trí câu liêm và xích sắt trên thuyền lớn, đợi khi thuyền quân Kim vượt sông, liền phóng câu liêm giữ lại rồi kéo xích sắt, làm cho thuyền nhỏ bị lật, quân Kim cùng với thuyền đều chìm dưới đáy sông. Ngột Truật vô cùng nôn nóng, xin Hàn Thế Trung ra trước trận nói chuyện, van nài ông để cho quân Kim vượt sông. Hàn Thế Trung nói: "Muốn qua cũng không khó, chỉ cần các người trao trả mọi đất đai đã chiếm thì ta sẽ cho qua sông".

Ngột Truật trở về trại Kim, bàn với các tướng về cách đối phó. Truật buồn rầu nói: "Quân Tống dùng thuyền thành thạo như chúng ta cưỡi ngựa, đi lại nhanh như bay. Chúng ta làm sao mà vượt sông được?".

Một bộ tướng nói: "Tình hình hiện nay rất gấp rút, nên treo thưởng thật cao để tìm người hiến kế thì mới có hy vọng".

Ngột Truật hạ lệnh yết bảng treo thưởng, quả nhiên có 1 Hán gian tới hiến kế, nói: "Thuyền lớn của quân Tống phải dựa vào buồm mới đi được. Nếu ta chọn ngày không có gió để vượt sông thì thuyền lớn của Tống không đuổi được". Hãn còn dạy Ngột Truật cách dùng hòa công để đánh bại quân Tống.

Mấy ngày sau, trời thanh gió lặng, mặt sông êm ả. Quân Kim lạng lẽ lên thuyền nhỏ, chia từng toán lần lượt vượt sông. Hàn Thế Trung toan dùng thuyền lớn đuổi theo chặn lại. Nhưng vì không có gió, thuyền lớn chèo đi rất chậm, không đuổi kịp thuyền nhỏ. Chính trong lúc đó, quân Kim lại bắn tên lửa sang như mưa, làm buồm trên thuyền Tống bốc cháy, lan ra toàn thuyền. Quân Tống trên thuyền lao nhao rơi xuống nước. Hàn Thế Trung đành bỏ thuyền lớn, chuyển sang thuyền nhỏ, lui quân về Trấn Giang. Ngột Truật thoát khỏi Hàn Thế Trung, đưa quân về Kiến Khang, ra sức cướp bóc rồi chuẩn bị rút về bắc. Đến Tĩnh An Trấn (nay ở tây bắc

Giang Ninh, Giang Tô), lại bị quân Nhạc Phi tập kích, bị đánh tơi bời, phải ôm đầu tháo chạy. Nhạc Phi đuổi được quân Kim, thu phục lại Kiến Khang.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Nhạc Gia Quân Đại Phá Ngột Truật

Nhạc Phi, người đã thu phục Kiến Khang, là 1 danh tướng trong cuộc kháng chiến chống Kim của Nam Tống, 1 anh hùng dân tộc của Trung Quốc. Nhạc Phi là người quê quán ở Thang Âm, Tương Châu (nay là Thang Âm, Hà Nam). Năm ông sinh ra, Hoàng Hà đổi dòng, quê nhà gặp thủy tai lớn, gia đình rất khốn khổ. Từ nhỏ, Nhạc Phi đã khổ công học hành, đặc biệt thích đọc binh pháp. Ông rất khỏe, năm 19 tuổi đã kéo được cung lớn có sức căng 300 cân (=150kg). Nghe nói người đồng hương là Chu Đồng có võ nghệ cao cường, Nhạc Phi liền tô Chu Đồng làm sư phụ, học được tài bắn cung, bách phát bách trúng bằng cả 2 tay. Sau đó, Nhạc Phi tòng quân. Khi quân Kim đánh xuống phía nam, ông làm 1 chức quan võ nhỏ ở Đông Kinh. Một lần, ông dẫn hơn 100 kỵ binh luyện tập ở ven Hoàng Hà, bỗng trước mặt xuất hiện rất nhiều quân Kim. Các binh sĩ đều sợ hãi, nhưng Nhạc Phi bình tĩnh nói: "Quân địch tuy đông, nhưng chúng không biết ta có bao nhiêu người. Ta có thể đánh bại chúng trong lúc chúng không chuẩn bị".

Nói xong, liền dẫn quân xông sang trận địch, chém chết 1 tướng Kim. Quân lính được Nhạc Phi cổ vũ, đều hăng hái xông lên, quả nhiên đánh cho quân Kim tan tác. Từ đó, Nhạc Phi nổi tiếng về lòng dũng cảm. Mấy năm sau, ông trở thành 1 viên tướng dưới quyền Tông Trạch. Tông Trạch rất coi trọng ông, thường nói: "Tướng quân thật là trí dũng song toàn, dù các danh tướng thời xưa cũng chỉ như thế mà thôi. Nhưng nếu chỉ dựa vào tài xung hãm trận, cũng không phải là biện pháp bảo đảm thường thắng".

Ông giao cho Nhạc Phi 1 bản trận đồ thời cổ, và nói: "Tướng quân hãy cầm lấy và chịu khó nghiên cứu, học tập".

Nhạc Phi tiếp nhận bản trận đồ, cảm tạ Tông Trạch rồi nói: "Tác chiến theo trận đồ là quy tắc thông thường của binh pháp, còn việc vận dụng linh hoạt, tùy cơ ứng biến lại cần sự khôn ngoan của tướng lĩnh!".

Tông Trạch nghe nói, gật đầu tán thưởng kiến giải của viên tướng trẻ. giống như Tông Trạch, Nhạc Phi xem việc chống Kim là trách nhiệm của mình. Sau khi Tống Cao Tông lên ngôi, ông dâng lên 1 sớ tấu, mong Cao Tông thân dẫn quân Tống bắc phạt để cổ vũ sĩ khí, khôi phục Trung nguyên. Ông còn phê phán chủ trương của phái chủ hàng Hoàng Tiễn Thiệm, Ưng Bá Ngạn. Sớ tấu dâng lên, Tống Cao Tông không những không nghe theo mà còn cho Nhạc Phi là 1 viên tướng nhỏ mà dám lạm bàn đại sự, liền cách chức ông. Sau khi Tông Trạch chết, Nhạc Phi thuộc quyền chỉ huy của quan trấn thủ Đông Kinh là Đỗ Sung. Quân Kim tiến công ào ạt, Đỗ Sung chạy xuống Kiến Khang. Ngột Truật tiến đánh Kiến Khang, Đỗ Sung lại đầu hàng nhục nhã. Quân tướng dưới quyền Đỗ Sung đều tan rã, chỉ có đội quân của Nhạc Phi vẫn còn kiên trì chiến đấu quanh vùng Kiến Khang. Nhân lúc Ngột Truật rút lui, ông bèn phối hợp với Hàn Thế Trung đánh cho Ngột Truật đại bại. Sau khi quân Kim rút về bắc, Tống Cao Tông từ Ôn Châu trở về Lâm An. Triều Kim liền dựng lên 1 hoàng đế bù nhìn là Lưu Dự cai quản Trung nguyên, lấy quốc hiệu Đại Tề, để làm tay sai cho triều Kim, quấy rối Nam Tống. Nhạc Phi nhiều lần dẫn quân đánh lui liên quân Kim - Tề, lập nhiều chiến công. Đến năm 32 tuổi, ông đã từ địa vị 1 tướng nhỏ được thăng lên chức Tiết độ sứ, ngang hàng với các danh tướng Hàn Thế Trung, Lưu Quang Thế, Trương Tuấn.

Chính vào thời kì này, ông đã viết 1 bài từ, điệu "Mãn Giang Hồng" được truyền tụng đời đời. Bài từ nói lên ý chí chống Kim hùng tráng của ông. Đoạn đầu bài từ viết:

"Nộ phát xung quan, bằng lan sứ, tiêu tiêu vũ yết,

Đài vọng nhân, ngưỡng thiên trường khiếu, tráng hoài kịch liệt. Tam thập công danh trần dữ thổ, bát thiên lý lộ vân hòa nguyệt.

Mạc đăng nhàn bạch liễu thiếu niên đầu, không bi thiết".

Dịch:

"Lửa giận sục sôi, tựa lan can, trời mưa vừa ngớt,

Phóng tầm mắt, ngửa mặt thét dài, tuôn trào nhiệt huyết,

Ba mươi tuổi công danh lấm bụi đất. Tám ngàn dặm dài dầu đầu mây với nguyệt

Chớ phí hoài, bạc uổng mái đầu xanh. Ôi bi thiết!".

Nhạc phi 1 lòng khôi phục Trung nguyên, ông hết sức nghiêm khắc với bản thân mình. Tống Cao Tông sai người xây cho ông 1 tòa dinh thự. Ông từ chối, nói: "Quân thù còn chưa tiêu diệt được, sao đã vội lo đến nhà?".

Có người hỏi ông: "Thiên hạ đến bao giờ có thể thái bình?". Nhạc Phi trả lời: "Quan văn không tham tiền, quan võ không sợ chết thì thiên hạ mới có hy vọng thái bình".

Nhạc Phi thường xuyên chú ý rèn luyện quân đội. Ông thường dẫn tướng sĩ mang theo khôi giáp leo dốc, vượt hào, yêu cầu như khi đánh trận. Một lần, con ông là Nhạc Vân cười ngựa xông lên dốc núi, vì ngựa trượt chân, bị ngã lăn xuống đất. Nhạc Phi biết chuyện, trách mắng Nhạc Vân rất nghiêm khắc. Các binh sĩ thấy chủ tướng đối với con cũng nghiêm như vậy, đều ra sức luyện tập chăm chỉ. Trong Nhạc gia quân (quân đội dưới quyền Nhạc Phi), kỷ luật đặc biệt nghiêm. Một lần, 1 tên lính tự tiện lấy bó gai của dân để bó củi, bị Nhạc Phi phát hiện, trừng phạt nặng. Khi Nhạc gia quân hành quân qua làng, đến đêm đều ngủ ven đường. Dân chúng mời vào

nhà, cũng không ai dám vào. Trong Nhạc gia quân có 1 khẩu hiệu: "Chết rét cũng không dỡ nhà dân, chết đói cũng không cướp bóc".

Đối với tướng sĩ, Nhạc Phi vừa yêu cầu rất nghiêm, vừa quan tâm săn sóc. Binh lính nào ốm, ông đến tự tay chăm sóc thuốc thang. Khi cấp dưới ra trận, ông bảo vợ đến chăm nom gia đình họ. Tướng sĩ nào hy sinh trên chiến trường, vợ con đều được nuôi dưỡng. Khi được cấp trên ban thưởng tiền bạc, ông đều đem chia hết cho tướng sĩ, không giữ lại chút gì cho gia đình. Được rèn luyện và chăm sóc như vậy nên Nhạc gia quân tinh thần hăng hái, chiến đấu dũng mãnh. Trước khi tác chiến, bao giờ Nhạc Phi cũng triệu tập tướng lĩnh, cùng bàn bạc phương án chiến đấu rồi mới xuất phát. Vì vậy, trong chiến đấu, không trận nào không thắng, chưa hề bị thất bại. Tướng sĩ Kim hề thấy Nhạc gia quân là đều run sợ. Trong quân Kim lưu truyền 1 câu nói: "Núi lớn dễ lay, Nhạc gia quân khó chuyển".

Nam Tống có được những danh tướng như Nhạc Phi, Hàn Thế Trung, lại thêm sự phối hợp của các đội nghĩa quân do dân chúng tổ chức nên, vốn có đủ điều kiện để đánh lui quân Kim. Nhưng Tống Cao Tông bất chấp sự phản đối của các tướng lĩnh, một mực cầu hòa nhục nhã với Kim. Năm 1139, còn hèn hạ tới mức xưng thần với Kim và phải tiến cống hằng năm 25 vạn lạng bạc và 25 vạn tấm lụa. Bù lại, triều Kim trả lại vùng đất Thiểm Tây, Hà Nam cho Nam Tống. Tháng 10 năm 1140, triều Kim lại xé bỏ hòa ước, điều động quân tinh nhuệ trong toàn quốc, cử Ngột Truật làm tướng soái, chia quân làm 4 đường tiến đánh Nam Tống. Không tới 1 tháng, vùng đất được trao trả lại bị quân Kim chiếm. Vương triều Nam Tống đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt. Tống Cao Tông bất đắc dĩ phải hạ chiếu, kêu gọi quân các lộ cùng chống lại. Nhận được mệnh lệnh, Nhạc Phi 1 mặt cử các bộ tướng Vương Quý, Ngưu Cao, Dương Tái Hưng chia đường xuất quân, 1 mặt cử người lên liên lạc với thủ lĩnh nghĩa quân ở Hà Bắc là Lương Hưng, yêu cầu Lương Hưng lãnh đạo nghĩa quân quấy rối hậu phương địch ở Hà Đông, Hà Bắc. Nhạc Phi đóng quân ở Yên Thành để chỉ huy chung.

Chỉ trong mấy ngày, các cánh quân dồn dập báo tin thắng lợi, đã lần lượt thu phục được Dĩnh Xương (nay ở phía đông Hứa Xương, Hà Nam), Trần Châu (nay là Hoài Dương, Hà Nam). Ngột Truật, thống soái quân Kim đang ở Đông Kinh nghe tin Nhạc Phi tiến quân thì hết sức lo sợ, vội triệu tập các tướng dưới quyền tới bàn đối sách. Tất cả đều xôn xao, nói nếu là tướng Tống khác thì dễ đối phó, riêng với Nhạc gia quân thì hùng mạnh khó địch nổi. Nhưng đã trót tới đây, đành phải tập trung lực lượng, cùng Nhạc gia quân đọ sức 1 phen. Ngột Truật liền cùng Long Hồ Đại Vương, Cái Thiên Đại Vương đem đại quân tấn công Yến Thành. Ngột Truật tới Yến Thành, 2 bên Tống - Kim dàn thành trận thế. Nhạc Phi cử con là Nhạc Vân dẫn đội kỵ binh tinh nhuệ làm tiên phong. Ông nói với Nhạc Vân: "Trận đánh này, chỉ cho phép thắng. Nếu đánh không thắng, ta sẽ chém đầu ngươi!".

Nhạc Vân "dạ" 1 tiếng rồi dẫn quân xông lên, dũng mãnh giết địch. Quân Tống theo sau Nhạc Vân, đánh cho quân Kim tan tác, phơi thây đầy chiến trường. Ngột Truật bị thua trận đầu, liền dùng "Thiết phù đồ" để tiến công. "Thiết phù đồ" là đội kỵ binh được huấn luyện đặc biệt. Đội quân này dùng khôi giáp chắc, chia thành từng tốp 3 người ngựa, xung phong vào trận đối phương. Hai bên đội quân này lại có 2 đội kỵ binh bảo vệ bên sườn, dùng toàn kỵ binh nhẹ, gọi là "quải tử mã" (ngựa bên sườn). Nhạc Phi nhằm đúng nhược điểm của "quải tử mã", liền hạ lệnh cho tướng sĩ mang theo đao búa, đợi khi ngựa địch xông tới thì quỳ xuống, dùng đao búa chặt chân ngựa. Ngựa bị chém đổ, quân Kim ngã lăn xuống, bị quân Tống xông lên, đánh cho "thiết phù đồ", "quải tử mã" tơi bời, tan tác. Ngột Truật thấy tình cảnh đó, khóc rống lên, nói: "Từ ngày ta cất quân, đều dựa vào "quải tử mã" giành thắng lợi. Bây giờ thì toi hết rồi!".

Nhưng hãn còn chưa cam tâm thất bại, mấy ngày sau lại đốc thúc 12 vạn quân tiến công mãnh liệt vào quân Tống. Nhạc Phi cử Dương Tái Hưng dẫn 300 kỵ binh tuần tra trước trận, thấy quân Kim tới liền xông vào đánh, giết hơn 2000 địch. Dương Tái Hưng cũng bị trúng tên, hy sinh. Tướng

Tổng Trương Hiến từ phía sau đưa quân lên tiếp ứng, đánh tan quân Kim. Ngột Truật buộc lòng phải rút chạy. Thất bại ở Yến Thành, Ngột Truật đổi sang đánh Dĩnh Xương. Nhạc Phi đã dự đoán trước, liền cử Nhạc Vân đem quân cứu Dĩnh Xương. Nhạc Vân dẫn 8000 kỵ binh xông pha đánh giết, quân Kim không chống đỡ nổi. Tiếp đó, bộ binh Tống lại phối hợp với nghĩa quân bao vây từ 2 phía tả, hữu, đánh cho quân Kim thua 1 trận lớn. Lúc đó, nghĩa quân ở Thái Hàng Sơn do Lương Hưng lãnh đạo cùng với các cánh nghĩa quân 2 bên bờ Hoàng Hà cũng sôi nổi hưởng ứng. Họ giương cờ Nhạc Phi, vận chuyển lương thực của chúng. Quân Kim lâm vào tình cảnh nơm nớp sợ hãi. Nhạc gia quân đánh thẳng hết đợt này tới đợt khác, tới tận Chu Tiên Trấn, cách Đông Kinh bốn năm chục dặm. Nghĩa quân Hà Bắc nghe tin Nhạc gia quân đánh tới Chu Tiên Trấn, đều hân hoan phấn khởi, vượt Hoàng Hà tới hợp lực với Nhạc gia quân. Dân chúng nô nức dùng xe cộ chở lương đến úy lạo Nhạc gia quân, có người còn bưng bát hương tới đón tiếp. Ai nấy mừng vui rơi nước mắt.

Chứng kiến tình hình đó, Nhạc Phi không nén được sung sướng. Ông khuyến khích cấp dưới: "Chúng ta hãy cố gắng giết địch. Đợi đến khi phá tan Hoàng Long Phủ (đại bản doanh quân Kim), sẽ cùng với anh em các cánh quân khác cùng uống rượu mừng!".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Tên Giặc Bán Nước Tần Cối

Nhạc Phi thắng lớn tại Chu Tiên Trấn, tiến sát Đông Kinh Ngột Truật thấy khó giữ được Đông Kinh, liền quyết định vượt Hoàng Hà, lui về bắc. Khi hãn dẫn quân Kim về Đông Kinh, thì có 1 thư sinh đứng chặn trước ngựa, nói: "Đại vương đừng đi, Nhạc Thiếu bảo (Thiếu bảo là quan tước của Nhạc Phi) sắp rút quân rồi. Đông Kinh không nguy hiểm gì nữa!".

Ngột Truật lấy làm lạ, hỏi: "Nhạc Phi chỉ huy năm trăm vạn kỵ binh, đánh bại mười vạn đội quân của ta. Dân chúng ngày đêm mong hãn đánh tới., Đông Kinh làm sao giữ được?".

Thư sinh đó nói: "Trong triều có quyền thần thì đại tướng sao có thể lập công ngoài chiến trường. Tiện nhân này thấy tính mạng của Nhạc Thiếu bảo cũng khó giữ được, chứ đừng nói tới chuyện lập công".

Ngột Truật nghe nói, bưng tỉnh, lập tức quay ngựa trở lại Đông Kinh. "Quyền thần" mà thư sinh đó nói, chính là Tần Cối, lúc đó là tể tướng trong vương triều Nam Tống. Tần Cối vốn là 1 đại thần thời Bắc Tống. Khi Tống Huy Tông, Tống Khâm Tông bị quân Kim bắt, Tần Cối và vợ là Vương thị cũng bị giải về kinh đô Kim. Tần Cối ra sức quỵ lụy, nịnh nọt Kim Thái Tông, được Kim Thái Tông cho là có tài năng,, liền cử làm tham mưu quân sự dưới quyền đại tướng Đại Lạt. Đến lúc này, triều Kim phát hiện thấy lực lượng chống Kim ngày càng mạnh, lại có các đại tướng Hàn Thế Trung, Nhạc Phi kiên quyết chủ trương kháng chiến, rất khó đối phó, liền quyết định thả Tần Cối về để làm tay trong. Năm 1130, Đại Lạt đánh Sở Châu

(nay là Hoài An, Giang Tô), liền bố trí "cuộc trốn thoát" của Tần Cối và vợ là Vương thị trở về Nam Tống. Tần Cối tới xin gặp Tống Cao Tông ở hành cung Việt Châu, bịa ra rằng hãn đã giết lính gác ở Sở Châu, đoạt lấy thuyền trở về. Lúc đó, có rất nhiều đại thần hoài nghi, vì từ Sở Châu về Việt Châu đường xá xa xôi, sao quân Kim lại không đuổi bắt được? Thêm nữa, dù cho quân Kim trông coi sơ sài, để hãn chạy thoát, thì trong lúc vội vã như vậy, làm sao đưa được Vương thị cùng đi?

Nhưng tể tướng lúc đó là Phạm Tông Doãn, vốn là bạn cũ của Tần Cối, ra sức biện hộ giúp Tần Cối trước Tống Cao Tông, nói Tần Cối vừa đáng tin cậy, vừa là 1 nhân tài hiếm có. Tống Cao Tông xưa nay vốn ngày đêm mong muốn giảng hòa với Kim, nghe nói Tần Cối từng ở bên Kim, biết rõ nội tình của Kim, nên lập tức triệu tới. Ngay lần đầu triều kiến Tông Cao Tông, Tần Cối đã khuyên Cao Tông giảng hòa với Kim, còn dâng lên 1 thư cầu hòa do hãn dự thảo sẵn cho triều đình. Sau khi tiếp kiến Tần Cối, Tống Cao Tông thấy chủ trương của hãn hợp ý mình, liền nói với các đại thần: "Tần Cối rất mực trung thành. Có được ông ta, trăm mừng rỡ suốt đêm không ngủ được". Ông lập tức phong Tần Cối làm Lễ bộ thượng thư, 3 tháng sau lại thăng lên làm phó tể tướng, nửa năm sau lại thăng lên làm tể tướng kiêm Khu mật sứ. Thế là Tần Cối đã nắm được đại quyền về quân sự, chính trị của Nam Tống.

Được làm tể tướng, Tần Cối liền ráo riết thực hiện hành động bán nước cầu hòa. Nhưng do gặp sự phản đối của rất nhiều đại thần, có lúc Tần Cối đã bị cách chức tể tướng. Tuy vậy, Tống Cao Tông u mê, vẫn coi Tần Cối là 1 người tâm phúc, mấy năm sau lại dùng Tần Cối làm tể tướng. Lợi dụng quyền lực và địa vị của mình, Tần Cối ra sức câu kết với triều Kim dùng trăm phương ngàn kế, phá hoại mọi hoạt động của các tướng lĩnh phe kháng chiến. Lần này, nghe tin Nhạc Phi liên tiếp thắng lợi, chuẩn bị tiến thẳng tới Hoàng Long Phủ, hãn hết sức sợ hãi. Vì triều Kim mới thực là chủ của hãn, triều Kim mà thua, thì hãn cũng không giữ được địa vị ở Nam Tống. Do đó, Tần Cối liền xúi giục Tống Cao Tông ra lệnh cho Nhạc Phi

rút quân từ tiền tuyến trở về. Đột nhiên nhận được lệnh rút quân, Nhạc Phi không hiểu được đầu đuôi ra sao. Ông cử người đem sớ tấu dâng lên Cao Tông, nói: hiện nay quân Kim đã suy sụp tinh thần, còn sĩ khí quân ta đang dâng lên cao. Thắng lợi đang ở trước mắt, thì không nên bỏ lỡ. Ông thỉnh cầu Cao Tông rút bỏ lệnh rút quân, cho phép ông tiếp tục tiến quân.

Tâm Cối nhận được sớ tấu của Nhạc Phi, liền dùng thủ đoạn thâm độc: trước hết hănh ra lệnh cho các đại tướng Trương Tuấn, Lưu Quang Thế rút quân khỏi tiền tuyến Hoài Bắc, rồi nói với Cao Tông là hiện nay quân đội của Nhạc Phi ở Trung nguyên đã trở thành 1 toán cô quân, không thể tiếp tục ở lại được, xin cao Tông hạ lệnh khẩn cấp, dùng kim bài hạ lệnh Nhạc Phi rút quân về. Nhạc Phi đang nóng lòng chờ lệnh tiến quân của hoàng đế, ngờ đâu lại liên tiếp nhận được kim bài khẩn cấp hạ lệnh lui quân. Đang do dự khi nhận được kim bài thứ nhất thì ngựa trạm lại tới, từ sáng tới tối, liên tiếp có 12 đạo kim bài. Nhạc Phi biết rằng không còn hy vọng gì lay chuyển được ý định của Cao Tông, uất giận trào rơi nước mắt, nói: "Thế là công lao suốt mười năm, bỏ đi trong một buổi!".

Tin tức về Nhạc Phi sắp rút khỏi Chu Tiên Trấn được truyền xa, dân chúng vùng lân cận đều kinh hoàng, xô xao tụ tập khắp phố phường. Họ ngăn ngựa của Nhạc Phi lại, khóc lóc: "Chúng tôi đã từng bưng bát hương, chờ lương thực đến đãi tiếp quân đội triều đình. Những việc đó, người Kim đều biết rõ. Ngày nay tướng công lại rút về, thì chúng tôi chỉ còn con đường chết".

Thấy tình hình đó, Nhạc Phi không cầm được nước mắt. Ông gọi binh sĩ đem chiếu thư của Cao Tông tới cho mọi người xem, rồi nói: "Triều đình gửi kim bài khẩn cấp hạ lệnh rút quân, tôi không thể tự quyết định ở lại đây được nữa."

Dân chúng thấy không thể bắt giữ được Nhạc Phi, đều òa lên khóc. Quân sĩ cũng che mặt khóc theo. Toàn thành Chu Tiên Trấn rền vang tiếng khóc. Nhạc Phi trong lòng không nỡ, liền tuyên bố hoãn lui quân 5 ngày để

cho những người tình nguyện theo quân Tống có thời gian chuẩn bị. 5 ngày sau, khi Nhạc gia quân bắt đầu rút, nhân dân địa phương họp thành từng đoàn đi theo quân đội xuống phía nam. Sau đó, Nhạc Phi tâu lên triều đình, để số dân đó có chỗ khai hoang lập nghiệp. Ngột Truật được tin Nhạc gia quân đã rút, liền chặn chính lại đội ngũ, tiến công xuống miền nam. Rất nhiều châu huyện ở Hà Nam do Nhạc Phi thu phục được, chỉ trong 1 thời gian ngắn, lại mất sạch. Tần Cối và Tống Cao Tông 1 lòng cầu hòa với Kim. Họ sợ Nhạc Phi và Hàn Thế Trung ngăn trở, liền điều 2 người về kinh, phong Hàn Thế Trung làm khu mật sứ, Nhạc Phi làm khu mật phó sứ, về danh nghĩa là thăng chức nhưng trên thực tế là tước bỏ binh quyền của họ. Tần Cối đoạt binh quyền của Nhạc Phi, xong liền cử người cầu hòa với triều Kim. Năm 1141 vào tháng 11, triều Kim cử phái đoàn đến Lâm An đưa ra những điều kiện giảng hòa. Kết quả là Tống - Kim kí kết hòa ước: phía đông lấy Hoài Hà, phía tây lấy Đại Tản Quan (nay ở tây nam Ngọc Khê, Thiểm Tây) làm ranh giới; Tống xưng thần với Kim; mỗi năm tiến cống 25 vạn lạng bạc và 25 vạn tấm lụa. Lịch sử gọi hòa ước nhục nhã này là "Thiệu Hưng hòa nghị" (Thiệu Hưng là niên hiệu của Tống Cao Tông trong thời gian 1131-1163).

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Nhạc Phi Bị Vu Cáo, Hãm Hại

Sau hòa ước Thiệu Hưng, Ngột Truật cử sứ giả gửi thư mật cho Tần Cối, nói: "Ông luôn cầu hòa với chúng ta, nhưng vẫn để Nhạc Phi thì chúng ta không yên tâm được. Nhất định phải nghĩ cách trừ bỏ hẳn đi".

Tần Cối liền tuân theo ý chủ, tiến hành hạ độc thủ với Nhạc Phi. Trước hết, hãn xúi giục đồng đảng là giám sát ngự sử Mạch Kỳ Tiết dâng sớ lên triều đình, công kích Nhạc Phi kiêu căng tự phụ và dựng nên chuyện khi quân Kim tiến công Hà Tây, Nhạc Phi đã ngồi yên không cứu, bỏ mặc đất đai. Sau phát pháo tiến công đầu tiên của Mạch Kỳ Tiết, 1 số đồng đảng khác của Tần Cối hòa nhau dâng sớ công kích Nhạc Phi. Biết Tần Cối không buông tha mình, Nhạc Phi liền chủ động xin từ chức khu mật phó sứ, Cao Tông lập tức phê chuẩn. Nhưng sự việc không kết thúc ở đó, đại tướng Trương Tuấn nguyên là cấp trên của Nhạc Phi, sau đó Nhạc Phi lập công lớn được thăng cấp nên Trương Tuấn đem lòng ghen ghét. Tần Cối biết tình hình đó, liền câu kết với Trương Tuấn, đồng thời xúi giục 2 bộ tướng của Nhạc Phi là Vương Quý, Vương Tuấn dựng chuyện vu cáo 1 bộ tướng khác là Trương Hiến muốn chiếm Tương Dương, nổi dậy để giúp Nhạc Phi giành lại binh quyền; đồng thời còn bịa đặt rằng Nhạc Vân, con Nhạc Phi đã liên lạc với Trương Hiến để bí mật xếp đặt kế hoạch đó.

Dựa vào sự vu cáo của Vương Quý, Vương Tuấn, Tần Cối trước hết cho bắt giam Trương Hiến vào nhà giam Đại lý tự, dùng hình cụ tra tấn nặng nề, nhưng Trương Hiến thà chết không chịu nhận. Sau đó, Tần Cối lại tâu xin Tống Cao Tông bắt cha con Nhạc Phi đưa Đại lý tự thẩm vấn. Khi

bị quan lại đến bắt, Nhạc Phi cười tự tin, nói: "Trên có trời, dưới có đất, đủ chứng minh rằng Nhạc Phi này không có tội!".

Khi Nhạc Phi, Nhạc Vân bị giải tới Đại lý tự, thì Trương Hiến đã bị khảo đả tới mức thịt da bết máu, không còn hình dạng con người nữa. Nhìn thấy tình cảnh đó, Nhạc Phi vô cùng thương xót và căm giận. Mạch Kỳ Tiết là kẻ trực tiếp thẩm vấn Nhạc Phi. Hắn đưa đơn tố cáo của Vương quý, Vương Tuấn cho ông xem và quát lớn: "Triều đình đâu có bạc đãi các người. Tại sao các người mưu phản?".

Nhạc Phi nói: "Tôi không phạm lỗi gì với quốc gia. Các ông là người nắm phép nước, không nên vu cáo người trung lương".

Những quan lại xung quanh nhao nhao phụ họa với Mạch Kỳ Tiết, đồ riệt cho Nhạc Phi tội mưu phản. Nhạc Phi biết bọn này đều là đồng đảng của Tần Cối, có phân trần cũng chẳng ích gì, liền than dài nói: "Ngày nay ta rơi vào tay gian tặc tuy có tấm lòng son trung nghĩa, cũng không có cách gì trình bày được!".

Tần Cối lại cử viên Ngự sử trung thừa là Hà Đào đến thẩm vấn. Nhạc Phi không thềm trả lời 1 câu, mà cởi áo, vạch lưng ra cho Hà Đào xem, thấy trên lưng Nhạc Phi có xăm 4 chữ lớn là "Tồn trung bá quốc", dấu xăm rất sâu. Hà Đào thấy vậy, hết sức xúc động, không dám phỏng vấn nữa, liền đưa Nhạc Phi trở lại nhà giam, rồi xem xét những hồ sơ liên quan, thấy không có chứng cứ gì để buộc tội Nhạc Phi mưu phản, đành đem sự thực báo cáo Tần Cối. Tần Cối thấy Hà Đào đồng tình với Nhạc Phi, không cho ông thẩm vấn nữa, lại giao cho Mạch Kỳ Tiết theo dõi tội trạng. Mạch Kỳ Tiết cứ một mực bám lấy chuyện Nhạc Vân viết thư cho Trương Hiến, bàn kế hoạch giành binh quyền để mưu phản, nhưng hắn không đưa ra được tang chứng, liền nói bừa rằng thư đó đã bị Trương Hiến đốt đi rồi. Mạch kỳ Tiết liên tục khảo đả Nhạc Phi, Nhạc Vân và Trương Hiến, nhưng trước sau không ai chịu nhận tội. Một hôm, Mạch Kỳ Tiết đưa giấy cho Nhạc Phi,

yêu cầu viết lời cung. Nhạc Phi cầm bút, viết luôn 8 chữ: "Thiên nhật chiêu chiêu, thiên nhật chiêu chiêu" (Mặt trời sáng tỏ, mặt trời sáng tỏ).

Vụ án kéo dài suốt 2 tháng, thậm chí không có kết quả gì. Các quan chức trong triều đều biết Nhạc Phi bị oan, có người mạnh dạn dâng sớ minh oan cho Nhạc Phi nhưng lập tức bị Tần Cối hãm hại. Lão tướng Hàn Thế Trung không chịu được, trực tiếp gặp Tần Cối, hỏi Tần Cối căn cứ vào đâu mà nói Nhạc Phi mưu phản, có chứng cứ gì không. Tần Cối ngang ngược trả lời: "Lá thư của Nhạc Vân gửi Trương Hiến tuy không có để làm chứng, nhưng việc đó có thể có".

Hàn Thế Trung nổi giận nói: "Ba chữ "có thể có" làm sao khiến cho thiên hạ chịu phục được!". Ông hết sức đấu tranh, nhưng không có kết quả gì, liền dâng sớ, xin từ chức khu mật sứ.

Một hôm, Tần Cối từ triều đình về nhà, ngồi uống rượu với vợ là Vương thị ngoài hiên. Tần Cối cầm 1 quả cam, vì tâm thần bất định nên cứ dùng ngón tay vạch lăng nhăng trên vỏ cam. Vương thị là kẻ còn thâm độc hơn Tần Cối, biết chồng đang băn khoăn do dự về việc có nên giết ngay Nhạc Phi không, liền cười nhạt nói: "Lão già này, sao không quyết đoán gì cả. Nên biết rằng bắt hổ thì dễ, nhưng thả hổ thì khó đấy".

Nghe lời Vương thị, Tần Cối quyết tâm hạ độc thủ, liền viết 1 mảnh giấy, bí mật giao cho tay chân trong nhà ngục, ra lệnh thủ tiêu Nhạc Phi. Vào 1 đêm tháng giêng năm 1142, vị anh hùng dân tộc mới 39 tuổi đã bị giết hại trong nhà ngục. Nhạc Vân, Trương Hiến cũng đồng thời bị hại. Sau khi Nhạc Phi bị giết, 1 lính canh ngục là Quý Thuận liền lén đem chôn cất di cốt của ông. Đến sau khi Tống Cao Tông chết đi, vụ án oan của Nhạc Phi mới được xem xét và minh oan. Người ta đem di cốt của Nhạc Phi mai táng trên Thê Hà Lĩnh ven Tây Hồ. Sau đó, lại xây dựng Nhạc Miếu ở phía đông mộ đó. Ngày nay, trong tòa điện lớn của ngôi Nhạc miếu trang nghiêm hùng vĩ, có 1 pho tượng Nhạc Phi mặc võ phục, phía trên treo 1 bức hoành phi viết 4 chữ lớn theo đúng bút tích của ông: "Hoàn ngã hà

sơn" (trả lại sông núi của chúng ta), khiến mọi người trào dâng niềm tôn kính. Đối diện với mộ Nhạc Phi, còn dựng 4 bức tượng đúc bằng gang của 4 tên gian tặc Tần Cối, Vương thị, Mạch Kỳ Tiết và Trương Tuấn ở tư thế quỳ, 2 tay bị trói quặt ra sau, tỏ rõ lòng khinh ghét, căm giận đối với lũ gian tặc bán nước.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Chung Tương, Dương Yêu Khởi Nghĩa

Vương triều Nam Tống 1 mặt chịu nhục cầu hòa với Kim, 1 mặt tăng cường bóc lột nhân dân, thu thuế má nặng nề, khiến đời sống nhân dân vô cùng khổ cực. Năm 1130, quân Kim đánh chiếm Đàm Châu, thả sức cướp bóc rồi rút đi. Sau đó, lại có 1 tên Đoàn luyện sứ của triều Tống là Khổng Ngạn Chu, sau khi bị quân Kim đánh thua tan tác, liền dẫn tàn binh tới đây cướp bóc, đòi thu tô lúa. Nhân dân địa phương không chịu nổi liền vùng lên khởi nghĩa dưới sự cầm đầu của Chung Tương. Chung Tương là 1 người quê quán ở Vũ Lăng thuộc Đinh Châu (nay là Thường Đức, Hồ Nam). Trong khi quân Kim tiến xuống phía nam, ông đã từng tổ chức dân binh chống lại, nhưng không được triều đình ủng hộ. Ông liền về quê hương, tổ chức đội tự vệ nông dân, dùng hình thức tôn giáo để tuyên truyền trong quần chúng. Chung Tương tự xưng là "Thiên đại thánh", có thể giải cứu nhân dân khỏi tai họa. Ông nói: "Luật của triều đình hiện nay chia người ta ra làm giàu nghèo sang hèn, như thế không tốt. Luật do ta thực hiện là không phân biệt giàu nghèo sang hèn, mọi người đều bình đẳng". Dân chúng đã từng khổ sở vì quan lại, địa chủ; nghe nói như vậy, không ai không vui mừng.

Mọi người đều hết sức kính trọng ông, số người xin đi theo "phép" của ông ngày càng nhiều. Khi cuộc cướp bóc của Khổng Ngạn Chu khiến nhân dân căm phẫn, Chung Tương liền tuyên bố khởi nghĩa. Ông tự xưng là Sở vương, xây dựng chính quyền riêng. Nhân dân các huyện lân cận nô nức tham gia nghĩa quân. Chung Tương mang quân đi đánh chiếm các thành trì, đốt phá dinh quan, đánh phá các hào phú. Không đầy 1 tháng, nghĩa quân

đã chiếm được 19 huyện xung quanh Động Đình Hồ. Triều đình Nam Tống hết sức hốt hoảng, liền phong Khổng Ngạn Chu làm Tróc sát sứ để trấn áp nghĩa quân. Khổng Ngạn Chu biết rằng nếu dùng sức mạnh thì không địch nổi Chung Tương, nên đã sử dụng bọ gian tế, giả làm dân nghèo, trà trộn vào hàng ngũ nghĩa quân. Tháng 3 năm 1130, Khổng Ngạn Chu mở cuộc tiến công, bọ gian tế làm nội ứng, nghĩa quân trở tay không kịp nên bị đánh bại. Chung Tương và con là Chung Tử Ngang bị bắt, rồi bị giết hại.

Sau khi Chung Tương bị hại, quân khởi nghĩa liền cử Dương Yêu làm thủ lĩnh để tiếp tục chiến đấu chống triều đình. Dương Yêu vốn tên là Dương Thái, vì tuổi còn trẻ nên được dân chúng địa phương gọi 1 cách thân mật là Dương Yêu. Dưới sự lãnh đạo của Dương Yêu, quân khởi nghĩa xây dựng doanh trại ven Động Đình Hồ và tập trung nhiều thuyền bè tại các bến trong hồ, lúc thường thì đánh cá, khi quân triều đình tới thì chiến đấu. Nghĩa quân ngày càng lớn mạnh. Triều Nam Tống lại cử Trình Xương Ngụ làm trấn phủ sứ để đàn áp nghĩa quân. Trình Xương Ngụ tới Đình Châu, bỏ ra nhiều công sức chế tạo hàng loạt xa thuyền lớn, mỗi xa thuyền chứa được 1000 lính, dùng bàn đạp để chuyển động cánh quạt nước, đẩy thuyền đi. Trình Xương Ngụ dùng đội xa thuyền đó để tiến công thủy trại của nghĩa quân. Thủy trại được dựng ở vùng nước cạn ven bờ, nên xa thuyền lớn mắc cạn, không tiến lui được. Nghĩa quân thừa cơ phản công, quan quân triều đình phải bỏ thuyền lớn chạy trốn. Toàn bộ đội thuyền lớn lọt vào tay nghĩa quân. Cứ điểm Động Đình Hồ của nghĩa quân Dương Yêu thu hút tới 20 vạn người, phạm vi chiếm lĩnh ngày càng mở rộng. Tháng 4 năm 1133, Dương Yêu lập con Chung Tương là Chung Tử Nghi làm thái tử, tự mình xưng là Đại Thánh Thiên Vương, tuyên bố phế bỏ mọi lao dịch và thuế má trong vùng nghĩa quân chiếm lĩnh. Đời sống nhân dân nhờ thế ngày càng hưng vượng. Vương triều Nam Tống coi cuộc khởi nghĩa Dương Yêu là mối họa lớn từ bên trong không thể để yên. Vì vậy, Tống Cao Tông liền cử Vương Nhiếp đem 6 vạn quân đánh dẹp. Vương Nhiếp không dám dùng thuyền lớn nữa, mà đổi lại dùng thuyền nhỏ. Nghĩa quân lại dùng xa thuyền lớn nghênh chiến, nhưng xa thuyền này cao tới mấy trượng, đi lại

như bay. Xung quanh thuyền lớn lại trang bị cần bắn đá, mỗi khi thuyền quân triều đình tới gần, liền bị đá bắn ra, đánh chìm. Trên xa thuyền lớn còn có những cây gỗ vát nhọn, gọi là "quạ gỗ", phóng ra cùng với tên nỏ, khiến quân triều đình không sao chống đỡ nổi.

Một hôm, ven Động Đình Hồ bỗng xuất hiện mấy xa thuyền lớn, trên thuyền không thấy có cờ quạ, vũ khí và binh lính. Quân lính của Vương Nhiếp thấy thế, tưởng rằng nghĩa quân ở thượng lưu đã bị quan quân đánh thua và những xa thuyền lớn đó bỗng bèn trôi dạt đến đây, liền đua nhau tới gần, leo lên để chèo đi. Ngờ đâu, khi tới giữa hồ, bỗng thấy trong lòng thuyền vang dậy tiếng trống trận và tiếng thét, nghĩa quân bật nắp thuyền xông lên chém giết và đập guồng, điều khiển thuyền lớn đâm chìm mấy trăm thuyền nhỏ của quân triều đình, làm 2 quân tướng triều đình và rất đông quân lính bị chìm dưới lòng hồ. Trong lúc đó, số quân triều đình đóng ven bờ cũng bị nghĩa quân tiến công mãnh liệt. Kết quả, ngày hôm đó, nghĩa quân tiêu diệt được 1 vạn quân triều đình, tước đoạt rất nhiều vũ khí, khôi giáp. Trong lúc Vương Nhiếp đang ngồi trong đại bản doanh đợi tin tức, bỗng thấy hơn 100 quân nông dân mặc quần áo mới, vừa đi vừa đánh trống, thổi sáo, gõ vào các khí cầu, phía sau còn có người gánh theo 1 gánh giấy tờ. Quan quân ngỡ đó là số nghĩa quân đến hưởng ứng lệnh chiêu an, mang thư hàng tới, liền đón họ vào. Tướng Tổng mở giấy tờ ra xem, thì ra đó là những cáo thị và ấn chương của quân quan bị nghĩa quân thu được. Nghĩa quân thấy quân triều đình mắc lừa, đều cười rộ nói: "Một vạn thủy quân của bọn người tối qua đã bị chúng ta giết sạch. Toàn bộ khôi giáp, đao thương, cờ hiệu, lương tiền đều bị chúng ta thu hết rồi!". Nói xong lại đánh trống, thổi sáo đi ra. Vương Nhiếp nghe tin, tức uất người, nhưng đã muộn.

Một viên quan chính quyền Tề của Lưu Dự tên là Lý Thành nghe tin nghĩa quân liên tục thắng lợi, liền cử người đem thư và lễ vật tới đại trại của Dương Yêu liên lạc, mời nghĩa quân liên hợp với Tề để chống lại Tống. Lý Thành dự đoán nếu đánh chiếm được châu, huyện thì sẽ phong người của nghĩa quân làm tri châu, tri huyện. Nghĩa quân cự tuyệt lời dụ dỗ đó.

Lý Thành lại cử 1 phái đoàn gồm 35 người mang theo sắc phong, cấm hào và đại ngọc tới dụ hàng. Nghĩa quân nổi giận dùng rượu chuốc say các sứ giả Tề rồi đem giết hết. Việc đánh dẹp, dụ hàng của cả Nam Tống và chính quyền cát cứ Tề đều không khuất phục được Dương Yêu. Tới năm 1135, tức là năm thứ 6 sau khi phát động khởi nghĩa, Tống Cao Tông cử tể tướng Trương Tuấn thân tới đốc chiến, lại gọi quân đội Nhạc Phi từ tiền tuyến kháng Kim trở về tiến đánh. Vì có kẻ phản bội trong hàng ngũ nghĩa quân, nên đại trại của Dương Yêu bị đánh chiếm, Dương Yêu bị bắt và giết hại. Cuộc khởi nghĩa kéo dài trong 6 năm bị thất bại.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Thư Sinh Ngu Doãn Văn Đánh Lui Địch

Sau hòa ước Thiệu Hưng, 2 bên Tống - Kim trong 20 năm không xảy ra xung đột. Tống Cao Tông và 1 số đại thần thuộc phái đầu hàng hoàn toàn thỏa mãn với cục diện nép mình ở phía nam, cho xây dựng nhiều cung điện dinh thự hào hoa tráng lệ ở Lâm An, sống cuộc sống vàng son, không nghĩ gì đến việc thu phục lại vùng lãnh thổ bị chiếm đoạt. Trong thời gian đó, trong nội bộ tập đoàn thống trị triều Kim có xung đột. Quý tộc Hoàn Nhan Lượng giết Kim Hy Tông rồi tự lập làm vua, lịch sử gọi là Hải Lăng Vương. Hoàn Nhan Lượng dời kinh đô Kim từ Thượng Kinh xuống Yên Kinh (Bắc Ninh ngày nay) để theo đuổi cuộc chiến tranh tiêu diệt Nam Tống. Một hôm, Nhan Lượng nằm mơ, thấy mình lên thiên cung, thiên đế hạ lệnh cho ông thảo phạt triều Tống. Ông ta nói lại giấc mơ đó cho các đại thần nghe. Một số kẻ xu phụ đều nói đó là điềm tốt và sụp lạy chúc mừng hoàng đế. Hoàn Nhan Lượng liền quyết định cử quân tiến đánh miền nam.

Tin tức về việc Hoàn Nhan Lượng chuẩn bị khởi binh truyền tới Lâm An. Một số đại thần đề nghị triều đình chuẩn bị chống lại nhưng đều bị Tống Cao Tông quở trách là bày đặt, sinh sự. Sau đó, triều Kim phái sứ thần Thi Nghi Sinh đến Lâm An, Tống Cao Tông cử đại thần là Trương Đào tiếp đón. Trương Đào biết Thi Nghi Sinh vốn là quan cũ của triều Tống nên muốn Thi Nghi Sinh cho biết tin tức. Thi Nghi Sinh cũng muốn báo tin, nhưng bên cạnh luôn có quan chức người Kim nên rất khó nói thẳng. Thi Nghi Sinh đành nói bóng gió: "Hôm nay gió bắc thổi ghê gớm quá!", rồi vỗ bàn nói: "Bút lai! Bút lai!". (Đưa bút đến đây! Âm Trung

Quốc chữ "bút" và chữ "tất" đồng âm. "Bút lai" có thể hiểu là "tất lai", tức "đều đến cả").

Trương Đào được Thi Nghi Sinh tiết lộ cho biết tin tức, vội tâu với Tống Cao Tông là quân Kim sắp tiến công lớn. Nhưng Tống Cao Tông vẫn coi như gió thoảng ngoài tai. Tháng 9 năm 1161, Hoàn Nhan Lượng chuẩn bị xong, liền huy động 60 vạn quân, tổ chức thành 32 đạo, đưa toàn lực tiến công Nam Tống. Trước giờ xuất phát, Hoàn Nhan Lượng huênh hoang tuyên bố với các tướng lĩnh: "Trước kia Lương vương (tức Ngột Truật) tiến công triều Tống, tốn bao thời gian mà không dành được thắng lợi. Lần này ta xuất chinh, lâu là một trăm ngày, chóng là một tháng nhất định sẽ bình định phương nam!".

Đại quân của Hoàn Nhan Lượng tới sát bờ bắc Hoàng Hà. Chủ soái trấn thủ Giang Bắc là Lưu Kỳ đang ốm nặng, liền cử phó soái là Vương Quyền tới Thọ Xuân ở Hoài Tây tổ chức phòng thủ. Vương Quyền là kẻ tham sống sợ chết, nghe tin quân Kim đánh xuống, thì kinh hoàng bạt vía, không dám chống cự. Hoàn Nhan Lượng đưa quân vượt Hoài Hà, Vương Quyền nhìn thấy bóng quân Kim đã bỏ chạy 1 mạch qua Trường Giang, tới tận Thái Thạch mới dừng lại. Tống Cao Tông nghe tin Vương Quyền thua trận, bắt đầu lo sợ. Ông cách chức Vương Quyền và cử Lý Hiến Trung lên thay, đồng thời cử tể tướng Diệp Nghĩa Vấn lên thị sát tình hình trong quân phòng thủ Giang Hoài. Diệp Nghĩa Vấn cũng là kẻ nhát gan, không dám tự mình ra tiền tuyến, liền cử viên Trung thư xá nhân (1 chức quan văn) tới úy lạo các tướng sĩ Tống ở Thái Thạch. Ngu Doãn Văn tới Thái Thạch thì Vương Quyền đã đi rồi, còn người thay thế là Lý Hiến Trung thì chưa tới. Quân Kim bên kia bờ đang chuẩn bị vượt sông, quân Tống bên này không có chủ tướng; lòng người xốn xang, trật tự rối loạn. Ngu Doãn Văn tới bờ sông, thấy binh lính Tống ủ rũ, ngồi tùm 5 tùm 3 bên vệ đường, yên ngựa và khôi giáp vứt ngổn ngang bên cạnh. Ngu Doãn Văn hỏi: "Quân Kim sắp vượt sông, các người còn ngồi đây đợi gì?".

Binh lính ngẩng đầu lên nhìn thấy là 1 quan văn, thì chán nản đáp: "Các tướng đều bỏ chạy cả, chúng tôi còn đánh chác nỗi gì!".

Thấy hàng ngũ quân đội rã rời như vậy, Ngu Doãn Văn giật mình, thấy nếu đợi Lý Hiên Trung tới thì không kịp, liền lập tức triệu tập các tướng sĩ Tổng lại, nói với họ: "Ta được lệnh triều đình tới đây úy lạo quân đội. Các vị cố gắng lập công, ta nhất định sẽ tâu lên triều đình để ban thưởng".

Mọi người thấy Ngu Doãn Văn đứng ra cầm đầu, cũng lấy lại tinh thần, họ nói: "Chúng tôi chịu mọi nỗi khổ do quân Kim gây ra, ai cũng muốn chống lại. Nếu nay ngài đứng ra cầm đầu, chúng tôi xin tình nguyện liều mình chiến đấu".

Có viên quan đi theo Ngu Doãn Văn thấy thế, liền nói: "Triều đình cử ngài đến đây úy lạo quân đội, chứ không phải để đốc chiến. Nay người khác làm cho tình hình nát bét thế này, ngài hà tất phải ôm lấy gánh nặng ấy".

Ngu Doãn Văn nổi giận nói: "Sao lại nói như vậy? Hiện nay nước nhà đang nguy cấp, sao ta lại có thể so đo được mất cho cá nhân để lảng tránh trách nhiệm?".

Ngu Doãn Văn chỉ là 1 thư sinh, chưa từng chỉ huy chiến đấu bao giờ, nhưng lòng yêu nước đã giúp ông tăng dũng khí. Ông lập tức hạ lệnh cho bộ binh và kỵ binh chinh đốn đội ngũ, dàn thành trận thế, lại phân thuyền bè trên sông thành 5 đội: 1 đội ở giữa sông, 2 đội bố trí ven bờ thuộc 2 bên đông tây, còn 2 đội ẩn dấu trong bến, dùng làm lực lượng dự bị. Quân Tống vừa bố trí xong thì quân Kim bắt đầu vượt sông. Hoàn Nhan Lượng đích thân vung lá cờ đỏ nhỏ chỉ huy phía sau. 100 chiến thuyền lớn của Kim chở đầy quân lính tiến sang bờ nam. Chẳng bao lâu sau, quân Kim bắt đầu leo lên bờ. Ngu Doãn Văn ra lệnh cho bộ tướng Thời Tuấn dẫn bộ binh xuất kích, hăng hái xông vào đánh. Từ ngày quân Kim tiến quân, chưa từng gặp sự chống trả nào, nay bỗng nhiên gặp phải đối thủ mạnh như vậy, liền tan

vỡ. Chiến thuyền Tống ở trên sông cũng xông vào đánh thuyền quân Kim. Thuyền quân Tống tuy nhỏ, nhưng rất bền chắc, xông vào thuyền trận quân Kim như những mũi dao thép sắt nhọn, làm tan vỡ đội hình thuyền Kim. Rất nhiều thuyền Kim bị đánh chìm, nửa số quân địch chết đuối dưới sông, số còn lại vẫn ngoan cố chiến đấu. Mặt trời xuống núi, trời tối dần mà cuộc chiến đấu trên sông vẫn chưa kết thúc. Vừa may, có 1 toán lính Tống từ Quang Châu (nay là Hoàng Châu, Hà Nam) chạy về tới Thái Thạch. Ngu Doãn Văn yêu cầu liên yêu cầu họ chỉnh đốn đội ngũ rồi phát cho họ rất nhiều quân kỳ và trống trận, để họ phát nhiều cờ và thúc trống từ sau núi tiến ra bờ sông. Quân Kim trên sông thấy bờ phía nam vang lừng trống trận, cờ xí rợp trời đang tiến ra, thì cho là đại quân Tống tới tăng viện, liền cuống cuống tháo chạy.

Bị thảm bại bất ngờ, Hoàn Nhan Lượng nổi giận đùng đùng, sai bắt số quân lính trốn chạy về đánh đập cho đến chết. Biết Hoàn Nhan Lượng không chịu thất bại, ngay đêm đó, Ngu Doãn Văn chia chiến thuyền làm 2 đội, 1 đội di chuyển lên thượng lưu, 1 đội ở lại bến. Tờ mờ sáng hôm sau, quả nhiên Hoàn Nhan Lượng lại thúc quân Kim vượt sông. Ngu Doãn Văn chỉ huy cả 2 đội thuyền đánh ép lại. Quân Kim đã nếm đòn của Ngu Doãn Văn, chỉ hoang mang chống đỡ. 300 thuyền lớn bị ùn lại giữa sông và bến vượt, bị quân Tống cho 1 mũi lửa, bốc cháy toàn bộ. Hoàn Nhan Lượng không vượt được sông ở Thái Thạch, lại trút giận lên binh lính, đem giết 1 số lớn, rồi dẫn quân tới Dương Châu, toan vượt sông ở đó. Sau khi quân Tống thắng lớn ở Thái Thạch, chủ tướng Lý Hiễn Trung mới đem quân tới. Sau khi tìm hiểu diễn biến chiến đấu dưới sự chỉ huy của Ngu Doãn Văn, Lý Hiễn Trung tỏ ra rất khâm phục. Ngu Doãn Văn nói với Lý Hiễn Trung: "Sau khi bị thua ở Thái Thạch, quân địch nhất định sẽ tìm cách vượt sông ở Dương Châu. Trấn Giang đối diện ở Dương Châu chưa được chuẩn bị tình hình rất nguy hiểm. Ngài lưu lại đây, để tôi tới đó xem tình hình ra sao".

Lý Hiễn Trung lập tức cấp cho Ngu Doãn Văn 1 số người ngựa, để ông dẫn tới Trấn Giang. Trấn Giang vốn do lão tướng Lưu Kỳ trấn giữ. Lúc

đó, Lưu Kỳ đã ốm liệt giường. Khi tới nơi, Ngu Doãn Văn liền tới thăm ông. Lưu Kỳ nằm trên giường, nắm chặt tay Ngu Doãn Văn, nói với tâm trạng nặng nề: "Nước nhà nuôi quân ba mươi năm mà khi cần đến lại chẳng làm được gì. Ngờ đâu lập công lớn lại là một thư sinh như ông. Là một vị tướng, tôi thật cảm thấy hổ thẹn".

Ngu Doãn Văn an ủi ông rồi trở về trại quân. Ông ra lệnh cho thủy quân diễn tập bên sông. Quân Tống có 1 số lớn xa thuyền, do các thủy binh điều khiển, đi lại như bay, tuần tra xung quanh Kim Sơn. Quân Kim ở bờ bắc thấy thế rất đổi kinh hoàng, vội báo gấp với Hoàn Nhan Lượng. Hoàn Nhan Lượng nổi giận, sai đánh cho tên lính đó 1 trận. Lúc đó, quân Kim sau khi thua mấy trận, tâm trạng hết hoảng. Một số tướng sĩ ngầm bàn nhau bỏ trốn. Hoàn Nhan Lượng phát hiện, liền hạ lệnh: nếu lính trốn thì tướng chỉ huy sẽ bị tội chết; nếu tướng trốn thì chủ tướng thì chủ tướng sẽ bị tội chết. Đồng thời hạ lệnh: ngày mai vượt sông, kẻ nào chùn lại sẽ bị chém ngay. Tướng sĩ Kim không chịu đựng được sự tàn bạo của Hoàn Nhan Lượng, không đợi tới lúc ông ta hạ lệnh vượt sông, ngay đêm đó đã xông vào đại doanh, giết chết Hoàn Nhan Lượng. Hoàn Nhan Lượng bị giết, quân Kim liền rút lên phía bắc.

Trong khi Hoàn Nhan Lượng dẫn quân xuống phía nam, thì nội bộ triều Kim xảy ra biến động. Một số đại thần không hài lòng với sự thống trị của Hoàn Nhan Lượng, liền tôn Hoàn Nhan Ung lên ngôi hoàng đế. Đó là Kim Thế Tông. Sau trận Thái Thạch, để ổn định tình hình nội bộ, Kim Thế Tông cử người sang giảng hòa với Nam Tống. Chiến tranh Tống - Kim tạm thời được đình chỉ.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Tân Khí Tật Bắt Sống Kẻ Phản Bội

Khi Hoàn Nhan Lượng rầm rộ kéo quân xuống phía nam, nhân dân ở miền bắc và Trung nguyên nhân lúc hậu phương Kim bỏ trống, đều nổi dậy khắp nơi. Ở phủ Tế Nam có 1 nông dân là Cảnh Kinh, tụ tập mấy chục người 2 huyện thành là Lai Vũ và Thái An (đều thuộc tỉnh Sơn Đông ngày nay). Hàng ngũ nghĩa quân dưới sự lãnh đạo của Cảnh Kinh nhanh chóng tăng lên tới 2 vạn người, trở thành đội quân khởi nghĩa lớn nhất trong toàn quốc. Đi theo cuộc khởi nghĩa của Cảnh Kinh đại đa số là dân nghèo bị triều Kim bóc lột tàn khốc, nhưng cũng có 1 tri thức yêu nước là Tân Khí Tật.

Tân Khí Tật là 1 văn học gia kiệt xuất thời Nam Tống. Ông quê ở Tế Nam. Khi sinh ra, thì quê hương đã nằm trong tay lực lượng xâm lược Kim. Ông nội của Tân Khí Tật là Tân Tán tuy có giữ 1 chức quan địa phương dưới triều Kim trong mấy năm, nhưng tấm lòng luôn hướng về triều Tống. Tân Tán luôn kể lại cháu nghe về lịch sử diệt vong bi thảm của Bắc Tống và dẫn Tân Khí Tật trèo lên núi cao, ngắm nhìn non sông tươi đẹp của tổ quốc, gây những ấn tượng vô cùng sâu sắc trong lòng chàng trai Tân Khí Tật. Khi trưởng thành, vì có văn tài xuất chúng, Tân Khí Tật được quan chức triều Kim ở Tế Nam cử lên Yên Kinh tham gia kì thi tiến sĩ. Trước khi lên đường, Tân Tán dặn dò cháu là dọc đường đi, cần chú ý quan sát địa thế và thăm dò tình hình nội bộ triều Kim. Tân Khí Tật tới Yên Kinh, không đỗ tiến sĩ, nhưng đã thực hiện tốt lời dặn của ông nội. Ba năm sau, ông lại lên Yên Kinh dự thi, nên càng tìm hiểu rõ tình hình nội bộ triều Kim. Tân Tán mất đi, không chờ được tới ngày triều Tống thu phục Trung nguyên. Tân

Khí Tật quyết tâm thừa kế di chí của ông nội. Năm sau, Hoàn Nhan Lượng phát động cuộc chiến tranh xâm chiếm phương nam, chàng trai 22 tuổi Tân Khí Tật thấy cơ hội đã đến, liền tổ chức đội ngũ khởi nghĩa hơn 2000 người, đi theo Cảnh Kinh.

Trong hàng ngũ nghĩa quân Cảnh Kinh, người có văn tài như Tân Khí Tật rất hiếm. Thấy ông tới, Cảnh Kinh hết sức vui mừng, cử ngay ông giữ công việc văn thư và quản lý quả ấn của nghĩa quân. Tân Khí Tật cho Cảnh Kinh biết là vùng phụ cận Tế Nam có 1 cánh quân khởi nghĩa, thủ lĩnh là 1 hòa thượng hiểu biết binh pháp tên là Nghĩa Đoan mà ông quen biết. Cảnh Kinh nghe nói rất phấn khởi, liền cử Tân Khí Tật đến liên lạc. Mấy hôm sau, Nghĩa Đoan dẫn lực lượng của mình đến gia nhập nghĩa quân của Cảnh Kinh. Nghĩa Đoan đến nơi, dựa vào tình hình quen biết với Tân Khí Tật, nên thường xuyên gần gũi với ông, Tân Khí Tật cũng không nghi ngờ gì. Ngờ đâu, Nghĩa Đoan mang lòng bất lương, một buổi tối nhân Tân Khí Tật không đề phòng, hăn liền lấy trộm quả ấn của nghĩa quân rồi trốn sang với quân Kim. Cảnh Kinh thấy Tân Khí Tật dẫn gian tế vào hàng ngũ, thì nổi giận, sai đem ông ra chém. Tân Khí Tật khẩn khoản nói: "Nghĩa Đoan lấy trộm ấn trốn đi, tôi đương nhiên phải chịu trách nhiệm. Xin ngài cho tôi một thời gian là ba ngày để tôi theo bắt hăn về. Nếu không bắt được, tôi xin tình nguyện chịu hình phạt".

Được Cảnh Kinh đồng ý, Tân Khí Tật phóng ngựa về phía trại Kim. Sau 1 đoạn đường, quả nhiên đuổi kịp Nghĩa Đoan. Tân Khí Tật run rẩy xin tha mạng. Tân Khí Tật dùng nỗi giận rút gươm chém phăng đầu hăn rồi đem đầu cùng quả ấn về trình Cảnh Kinh. Cảnh Kinh không trách phạt ông, mà ngược lại càng coi trọng ông hơn trước. Sau đại chiến Thái Thạch, quân Kim rút lên phía bắc. Kim Thế Tông 1 mặt giảng hòa với Tống, 1 mặt sử dụng biện pháp vừa chiêu dụ vừa trấn áp các cánh quân ở miền bắc để dập tắt lực lượng kháng chiến. Nghĩa quân Cảnh Kinh bị uy hiếp nặng nề. Tân Khí Tật bàn với Cảnh Kinh: "Để chống Kim, chúng ta nhất định phải bắt liên lạc với triều đình, để nam bắc cùng phối hợp với

nhau. Nếu vạn nhất chúng ta không trụ lại được ở đây thì có thể đưa binh mã rút xuống phía nam".

Cảnh Kinh đồng ý với Tân Khí Tật, liền cử Tổng đề lĩnh nghĩa quân là Giả Thụy đi Kiến Khang triều kiến Tống Cao Tông. Giả Thụy là 1 võ tướng không biết chữ, không hiểu lễ nghi trong triều, nên xin Cảnh Kinh cho Tân Khí Tật cùng đi. Cảnh Kinh đồng ý. Năm 1162, Giả Thụy, Tân Khí Tật cùng hơn 10 tùy tùng tới Kiến Khang. Tống Cao Tông thấy nghĩa quân Sơn Đông đến góp sức thì rất phấn khởi, lập tức tiếp họ tại hành cung. Tân Khí Tật thắp tùng Giả Thụy vào triều kiến, đồng dục đọc sớ tấu do ông khởi thảo cho nghĩa quân, báo cáo trước triều đình về tình hình nghĩa quân chống Kim ở miền bắc. Tống Cao Tông liền phong cho Cảnh Kinh làm Thiên bình quân Tiết độ sứ, phong quan chức cho Giả Thụy, Tân Khí Tật và sai họ trở về báo cáo với Cảnh Kinh. Giả Thụy và Tân Khí Tật hoàn thành nhiệm vụ, phấn khởi từ giã Kiến Khang trở lên miền bắc. Nào ngờ, khi tới Hải Châu (nay là Liên Vân Cảng, Giang Tô) thì nghe được tin dữ: sau khi họ rời khỏi nghĩa quân 1 thời gian, Cảnh Kinh đã bị giết hại. kẻ giết hại Cảnh Kinh là Trương An Quốc, 1 tướng trong nghĩa quân. Trương An Quốc vì ham giàu sang, đã câu kết với 1 bộ tướng của Cảnh Kinh, nhân lúc ông không phòng bị, xông vào trong trướng giết hại ông.

Sau khi Trương An Quốc ra hàng triều Kim, hẳn được cử làm quan cai trị Tế Châu (nay là Cự Dã, Sơn Đông). Nghĩa quân mất thủ lĩnh, lại không cam tâm đầu hàng quân Kim nên đã giải tán, bỏ đi. Nghe tin đó, Tân Khí Tật vừa đau lòng vừa căm uất, quyết tâm diệt trừ kẻ phản bội, báo thù cho Cảnh Kinh. Ông đem bàn việc đó với tướng giữ trấn Hải Châu, nhiều tướng sĩ yêu cầu được cùng đi với ông để trừ gian. Tân Khí Tật liền dẫn 50 dũng sĩ, cùng phóng ngựa đi Tế Châu. Đoàn của Tân Khí Tật đi tới dinh quan ở Tế Châu, tên phản bội Trương An Quốc đang chiêu đãi khách, nghe tin ông đến, có phần hoang mang. Nhưng vì chưa rõ ý định của ông nên hẳn bảo lính canh cho đoàn của ông vào. Tân Khí Tật và các dũng sĩ ủa vào sảnh đường, thấy Trương An Quốc và 1 số kẻ phản bội khác đang tiệc tùng vui

về thì bưng bưng nổi giận. Họ không nói không rằng, xông lên bắt trói Trương An Quốc, lôi ra khỏi nha môn. Tới khi quân lính ở Tế Châu chạy tới, thì Trương An Quốc đã bị trói trên lưng ngựa. Thấy thần sắc uy nghiêm của Tân Khí Tật, số quân lính này không dám động thủ. Tân Khí Tật tuyên bố: "Đại quân triều đình sẽ tới đây ngay bây giờ. Những ai tình nguyện chống Kim, hãy tham gia vào hàng ngũ chúng ta".

Đa số quân lính ở Tế Châu vốn trước kia từng theo Cảnh Kinh, nay Tân Khí Tật hiệu triệu, có hơn 1 vạn người tình nguyện đi theo. Tân Khí Tật lập tức dẫn đầu nghĩa quân, áp giải tên phản bội, hành quân xuống miền nam. Tới Kiến Khang, triều đình Nam Tống xét rõ tội trạng của Trương An Quốc, lập tức cho chém đầu thị chúng. Tân Khí Tật được triều Tống cử đi làm quan ở Giang Âm. Ông không nề hà chức vụ thấp, nhiều lần đề xuất chủ trương chống Kim lên triều Tống, nhưng đáng tiếc là đều không được chấp nhận. Sau đó, tuy đã làm quan ở mấy địa phương, lại đã từng lập ra đội "phi hổ quân", nhưng ông vẫn không thực hiện được nguyện vọng bắc phạt Trung nguyên. Năm 42 tuổi, ông lại bị bọn gian thần bức bách, buộc phải về hưu. Suốt cuộc đời, Tân Khí Tật đã viết nhiều bài từ đầy khí phách hào hùng và nồng nàn yêu nước. Từ của ông chiếm địa vị cao trong lịch sử văn học Trung Quốc. Chính trong năm Tân Khí Tật xuống miền nam, Tống Cao Tông thoái vị, cháu là Triệu Thận lên nối ngôi hoàng đế. Đó là Tống Hiếu Tông.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Bài Thơ Lúc Lâm Chung Của Lục Du

Khi vừa nổi ngôi, Tống Hiếu Tông quyết tâm thay đổi chính sách cầu hòa nhục nhã, rất muốn làm nên sự nghiệp lớn là khôi phục Trung nguyên. Năm 1163, ông cử 1 lão tướng rất có danh vọng là Trương Tuấn làm khu mật sứ. Trương Tuấn quyết định đưa quân bắc phạt, và xin triều đình hạ chiếu, hiệu triệu nhân dân Trung nguyên vùng lên chống địch, phối hợp với quân triều đình để khôi phục đất đai đã mất. Trong khu mật viện lúc đó có viên quan tu là Lục Du, rất có văn tài. Trương Tuấn liền sai Lục Du khởi thảo tờ chiếu đó. Lục Du là nhà thơ yêu nước nổi tiếng thời Tống. Ông là người vùng Sơn Âm, Chiết Giang, sinh ra vào lúc Bắc Tống diệt vong. Khi quân Kim tiến xuống Giang Nam tàn sát, cướp bóc, cậu bé Lục Du đã ném đủ điều đau khổ vì quốc nạn, và đã mắt thấy tai nghe rất nhiều câu chuyện chồng Kim hào hùng và bi tráng. Trong tâm não thơ trẻ của ông đã hình thành tình yêu sâu sắc với tổ quốc và dân tộc.

Lớn lên, Lục Du chuyên cần học tập trở thành 1 tài năng văn học xuất sắc. Năm 29 tuổi, ông tham gia khoa thi ở vùng Lương Triết, được lấy đỗ đầu. Khóa thi đó có cháu của Tần Cối là Tần Huân cùng dự. Trước khi thi, Tần Cối đã nói riêng với quan chấm thi, yêu cầu lấy cháu hãn đỗ đầu. Nhưng quan chấm thi không làm theo ý hãn, vẫn theo phép công, chọn Lục Du. Việc đó là Tần Cối rất tức giận. Năm sau, Lục Du lên kinh đô Lâm An thi. Quan chủ khảo thấy văn Lục Du xuất sắc, đã toan lại để ông đỗ đầu. Tần Cối phát hiện, liền ngang ngược hạ lệnh cho quan chủ khảo hủy bỏ tư cách thí sinh của Lục Du và còn truy cứu trách nhiệm của quan chấm thi vùng Lương Triết. Từ đó về sau, Tần Cối cố ý vu dập Lục Du, không cho

ông làm quan trong triều. Chỉ tới sau khi Tần Cối mất đi, ông mới được tới Lâm An làm quan biên tu trong khu mật viện. Lục Du nhiệt tình ủng hộ cuộc bắc phạt. Nhưng Trương Tuấn là thống soái quân đội lại thiếu tài năng quân sự và 2 viên tướng dưới quyền lại bất hòa với nhau, luôn hục hặc va chạm. Quân Tống vừa ra quân, đã bị thua 1 trận ở Phù Ly (nay ở phía bắc huyện Túc, An Huy), toàn tuyến nao núng phải lùi lại. Cuộc bắc phạt không thành. Những đại thần xưa nay một mực chủ hòa liền ra sức công kích Trương Tuấn, và còn nói là cách dùng binh của Trương Tuấn là do Lục Du đưa ra. Do đó, Trương Tuấn bị gạt khỏi triều đình và Lục Du bị bãi chức về quê ở Sơn Âm.

Bị quân Kim uy hiếp, quyết tâm chống Kim của Tống Hiếu Tông bị lung lay. Tới năm sau, Tống phải ký với Kim 1 hòa ước nhục nhã nữa. Từ đó về sau, Tống không còn dám nói tới việc bắc phạt. Khoảng 10 năm sau, Vương Viên, 1 viên tướng phụ trách quân sự vùng Tứ Xuyên, Thiểm Tây, nghe danh Lục Du, liền mời ông tới Hán Trung làm việc dưới quyền mình. Hán Trung tiếp giáp với tiền tuyến chống Kim. Lục Du thấy tới Hán Trung có thể có cơ hội tham gia việc chống Kim, liền vui vẻ tới nhận chức. Đến nơi, ông nhiều lần cưỡi ngựa tới Đại Tản Quan, xem xét vùng do quân Kim chiếm đóng. Sống tại nha môn của Vương Viên, ông thường trực tiếp tiếp xúc với nhân dân vùng bị chiếm, không quản nguy hiểm, tới cung cấp tin tức quân sự cho quân Tống. Tình hình đó khiến ông tràn đầy hy vọng vào tiền đồ cuộc kháng chiến chống Kim. Sau khi khảo sát tường tận, ông nêu 1 kế hoạch với Vương Viên, là muốn khôi phục Trung nguyên thì trước hết phải khôi phục Trường An, đề nghị Vương Viên tích lũy lương thảo, huấn luyện quân ở Hán Trung, làm tốt mọi việc chuẩn bị để gặp thời cơ thì mở cuộc tiến công. Nhưng triều đình Nam Tống lúc đó không hề có ý định bắc phạt, các tướng lĩnh vùng Xuyên – Thiểm đa số đều kiêu căng, thối nát. Vương Viên không có cách nào thuyết phục được triều đình và chỉ huy cấp dưới thì nói gì đến việc thực hiện kế hoạch của Lục Du. Hy vọng của ông cũng tiêu tan.

Không lâu sau, Vương Viên bị điều đi, Lục Du cũng bị đưa về Thành Đô làm quan tham nghị cho An phủ sứ Phạm Thành Đại. Phạm Thành Đại là bạn cũ của Lục Du, nên tuy không cùng cấp, 2 người không câu nệ nhiều đến lễ tiết. Ý nguyện chống Kim của Lục Du không được thực hiện, nên trong lòng buồn giận, thường uống rượu làm thơ, thổ lộ tình cảm yêu nước của mình. Một số quan chức khác không ưa tính cách đó của ông. Thường chỉ trích ông coi thường lễ tiết, tác phong phóng túng. Lục Du nghe hết những lời đó, bực mình, lấy luôn biệt hiệu "Phóng ông" (ông già phóng túng). Người đời sau, vì vậy gọi ông là Lục Phóng Ông. Lại hai, ba chục năm nữa, vương triều Nam Tống thay đổi 2 hoàng đế khác, lần lượt là Tống Quang Tông Triệu Đôn và Tống Ninh Tông Triệu Khuếch, nhưng trước sau không hề có quyết tâm khôi phục lãnh thổ. Lục Du sống mãi cuộc đời nhàn cư, chỉ có cách gửi gắm nhiệt tình yêu nước vào thi ca. Năm 1206, Hàn Thước Trụ làm tể tướng, phát động 1 cuộc bắt phạt quy mô lớn. Điều này khiến Lục Du vô cùng phẫn khởi, nhưng cuộc bắt phạt không được chuẩn bị đầy đủ, lại thêm trong triều có nhiều phe phái chống đối nhau, nên lần bắt phạt cuối cùng này lại thất bại. Tống Ninh Tông và 1 số đại thần thuộc phái chủ hàng liền giết Hàn Thước Trụ, nộp thủ cấp cho triều Kim, lại ký 1 hòa ước khuất nhục. Nguyện vọng mãnh liệt suốt đời của Lục Du là khôi phục lãnh thổ, thống nhất tổ quốc không thực hiện được. Ông chỉ còn cách dùng thi ca để nói lên nhiệt tình yêu nước và nỗi buồn đau trước số phận dân tộc. Suốt cuộc đời sáng tác, ông để lại hơn 9000 bài thơ. Trong số nhà thơ các đời, khối lượng sáng tác của ông là phong phú nhất. Năm 1210, nhà thơ yêu nước 86 tuổi ốm nặng. Tới lúc lâm chung, ông vẫn không quên việc khôi phục Trung nguyên. Ông gọi con cháu tới bên giường, đọc cho nghe bài thơ cuối cùng xúc động tâm can – bài "Thị Nhi" (dạy con).

"Tử khứ nguyên tri vạn sự không,

Đã bi bất kiến Cửu châu đồng.

Vương sư bắc định Trung nguyên nhật

Gia tể vô vong cáo nãi ông".

Tạm dịch:

"Chết đi là hết còn đâu,

Đau lòng chẳng thấy chín châu một nhà.

Khi nào khôi phục sơn hà,

Các con nhớ khẩn cho ta biết cùng".

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Thành Cát Tư Hãn Thống Nhất Mông Cổ

Khi Hàn Thược Trụ bắc phạt, nội bộ triều Kim đã rất thối nát. Tộc Mông Cổ ở phương bắc nhân cơ hội đó xây dựng lực lượng ngày 1 lớn mạnh. Năm 1206, hội nghị các thủ lĩnh bộ tộc Mông Cổ đã long trọng tiến hành bên bờ sông Ônôn, tôn Tê-mu-jin (Thiết Mộc Chân) làm đại hãn Mông Cổ với danh hiệu Trin-ghit-khan (Thành Cát Tư Hãn – hãn mạnh nhất). Tê-mu-jin vốn là con trai tù trưởng Y-ê-xu-gây của bộ lạc Ta-y-tri-út. Khi ông còn nhỏ, bọn thống trị thuộc vương triều Kim thực hiện chính sách thống trị tàn bạo đối với người Mông Cổ. Giữa các bộ lạc Mông Cổ cũng thù hận chém giết lẫn nhau, nên đời sống nhân dân rất cực khổ. Ông tổ của Tê-mu-jin cũng bị hoàng đế Kim giết hại. Năm Tê-mu-jin lên 9 tuổi, cha ông dẫn ông tới nhà 1 người bạn để làm lễ đính hôn cho ông với cô con gái nhà đó. Người cha để Tê-mu-jin ở lại và đi về một mình. Tới nửa đường, Y-ê-xy-gây thấy đói bụng, vừa thấy 1 bộ lạc Tác-Ta đang mở tiệc. Theo phong tục, ông xuống ngựa, vào tham gia tiệc rượu. Y-ê-xu-gây không nghĩ tới điều quan trọng, là bộ lạc Tác-Ta có mối thù oán cũ với bộ lạc của ông. Người trong bộ lạc đó nhận ra ông, liền lén cho thuốc độc vào thức ăn. Trên đường về, Y-ê-xu-gây đau bụng dữ dội và vừa tới nhà thì chết.

Y-ê-xu-gây chết đi, bộ lạc Ta-y-tri-út mất thủ lĩnh, đều tản mát đi. Những người ra đi đều mang theo súc vật và lều trại. Ngoài ra, bộ lạc Thái Diệc Xích trước kia vốn quy phục Y-ê-xu-gây, nay cũng tách ra và chiếm theo nhiều nô lệ và súc vật. Gia đình Tê-mu-jin chỉ còn trở trời đơn độc, cuộc sống ngày càng khó khăn. Thủ lĩnh bộ lạc Thái Diệc Xích sợ khi lớn lên, Tê-mu-jin sẽ báo thù nên phái người ngựa đi truy lùng để giết chết ông.

Tê-mu-jin được tin, vội lui trốn vào rừng sâu. Ông trốn suốt 9 ngày đêm, không có gì ăn uống, phải mò ra, thì bị bắt. Dân tộc trong bộ lạc Thái Diệc Xích đóng gông Tê-mu-jin, đưa về giam trong lều. Một hôm, toàn bộ lạc ra bờ sông Ônôn tổ chức yến tiệc, trong lều chỉ còn lại 1 lính gác trẻ tuổi. Tê-mu-jin trong lúc bất ngờ, dùng gông đánh người gác ngất xỉu rồi trốn chạy. Sau khi gặp lại mẹ và các em, Tê-mu-jin là đưa gia đình trốn vào núi, sống bằng cách đào hang bắt chuột, cuộc sống rất cực khổ. Để khôi phục sự nghiệp của cha, chàng trai Tê-mu-jin đã dùng mọi biện pháp kiên trì tập hợp lại được những người thân thuộc và dân chúng trong bộ lạc cũ. Qua giao chiến với các bộ lạc khác, ông thường giành thắng lợi, nên lực lượng dần lớn mạnh.

Tê-mu-jin kết bạn với Trát Mộc Hợp cũng là thru lĩnh 1 bộ lạc. Hai người thường cùng ăn, cùng ngủ, thân mật như anh em. Nhưng sau này, lực lượng của Tê-mu-jin lớn mạnh lên, bộ hạ của Trát Mộc Hợp có nhiều người bỏ sang theo Tê-mu-jin, khiến Trát Mộc Hợp rất bức mình. Một lần, con trai Trát Mộc Hợp đánh cướp đàn ngựa của Tê-mu-jin, bị bộ jai của Tê-mu-jin giết chết. Hai bên xảy ra xung đột. Trát Mộc Hợp tụ tập lực lượng của 13 bộ lạc dưới quyền mình gồm 3 vạn người ngựa, tiến đánh Tê-mu-jin. Tê-mu-jin liền chia 3 vạn người ngựa của mình thành 15 đội, chống lại cuộc tiến công đó. Hai bên triển khai 1 trận đánh lớn bên sông Ônôn, Tê-mu-jin không chống nổi phải rút lui. Trát Mộc Hợp cho tàn sát hết tù binh, điều này khiến những người dưới quyền bất mãn, bỏ sang theo Tê-mu-jin. Vì vậy, tuy thua trận mà thực lực của Tê-mu-jin lại lớn mạnh thêm. Tê-mu-jin không quên mối thù với bộ lạc Tác-Ta đã giết cha mình. Không lâu sau, vì thủ lĩnh bộ lạc Tác-Ta làm phật ý triều Kim, triều Kim sai thừa tướng Hoàng Nhan Tương hợp với Tê-mu-jin phối hợp đánh Tác-Ta, tiêu diệt toàn bộ quân Tác-Ta, bắt được rất nhiều người, gia súc và thu mọi của cải lương thực. Triều Kim cho rằng Tê-mu-jin đã lập công nên phong cho ông chức tư lệnh tiên phong. Sau đó, Tê-mu-jin cũng tiến hành nhiều cuộc chinh phạt, lần lượt tiêu diệt các bộ lạc trên cao nguyên Mông Cổ. Cuối cùng đã thống nhất toàn Mông Cổ. Ông được thủ lĩnh các bộ lạc Mông Cổ

tôn làm đại hãn, tức Trin-ghít-khan (Thành Cát Tư Hãn) mà sau này cả thế giới đều biết tiếng.

Sau khi nắm quyền đại hãn, Tri-ghít-khan đã xây dựng hoàn chỉnh chế độ quân sự và chính trị, cho đặt ra và sử dụng chữ Mông Cổ, làm cho Mông Cổ trở thành 1 hãn quốc lớn mạnh. Nhưng triều Kim vẫn coi Mông Cổ là 1 nước phụ thuộc, bắt Trin-ghít-khan phải tiến công. Trin-ghít-khan quyết định thay đổi địa vị phụ thuộc nhục nhã đó. Sai khi Kim Chương Tông chết, thái tử Hoàn Nhan Vĩnh Tế lên nối ngôi, phái sứ giả tới Mông Cổ. Sứ giả tới, yêu cầu Trin-ghít-khan phải quỳ xuống nghe chiếu thư. Trin-ghit-khan hỏi sứ giả xem hoàng đế mới là ai. Sứ giả đó trả lời: đó là Hoàn Nhan Vĩnh Tế. Trin-ghit-khan khinh miệt, nhổ nước bọt, nói: "Ta cứ tưởng rằng người làm chủ Trung nguyên phải là người trời, chứ một kẻ tầm thường bất tài như thế cũng đáng làm hoàng đế sao?". Nói xong, ông bỏ mặc sứ giả Kim đứng đó, lên ngựa phóng đi.

Từ đó về sau, Trin-ghit-khan công khai đối địch với triều Kim. Năm 1211, Trin-ghit-khan mở cuộc tiến công vào nước Kim. Ông trèo lên núi cao, khẩn trời: "Hoàng đế nước Kim đã giết hại tổ tiên của con là An Ba Cai, xin cho phép con báo mối thù này!".

Sau đó, ông lựa chọn 3000 kỵ binh tinh nhuệ, tiến xuống phía nam. Tướng Kim là Hồ Thiếu Hồ dẫn 30 vạn quân chống lại, bị quân Mông Cổ đánh cho tan tác. Hai năm sau, quân Mông Cổ lại đánh vào Cư Dung Quan, vây đánh Trung Kinh của triều Kim (ở Bắc Kinh ngày nay). Trin-ghit-khan cùng 4 con chia làm mấy cánh quân, tung hoành trên vùng bình nguyên rộng lớn của Hà Bắc, đánh đâu thắng đó. Lúc đó, nội bộ triều Kim vô cùng hỗn loạn, hoàng đế Hoàn Nhan Vĩnh Tế bị giết, hoàng đế nối ngôi là Kim Tuyên Tông buộc lòng phải xin hòa hoãn với Trin-ghit-khan, đem nhiều vàng bạc, vải lụa hiến cho Trin-ghit-khan, kèm theo 1 cô công chúa, Trin-ghit-khan mới rút quân về nước. Sau khi đánh bại triều Kim, binh lực của Mông Cổ rất mạnh. Năm 1219, 1 đoàn thương nhân Mông Cổ được

Trin-ghit-khan cử sang phương tây, đến Khôrexmơ (nay là khu vực thuộc các nước Kazakhstan và Uzbekistan), bị quân lính ở đây giết hại. Trin-ghit-khan liền thân dẫn 20 vạn đại quân tiến đánh Khôrexmơ. Sau đó, lại đánh thẳng sang phía tây, chiếm các nước thuộc vùng Trung Á hiện nay. Toán quân đi đầu của Mông Cổ còn đánh tới phía đông Châu Âu và phía bắc Iran rồi mới quay về. Khi Tri-ghit-khan dẫn quân tây chinh có yêu cầu Tây Hạ đem quân phối hợp, nhưng Tây Hạ từ chối và lại kí minh ước với Kim. Sau khi trở về, Tri-ghit-khan quyết tâm tiêu diệt Tây Hạ. Trong khi vây đánh Tây Hạ, đến giờ phút cuối, ông mắc bệnh nặng. Biết mình không qua khỏi được, trên giường bệnh, Trin-ghit-khan trăng trối lại cho các tướng lĩnh và con cái: "Sau này ta đánh Kim, cần mượn đường nước Tống. Triều Tống và triều Kim có thù oán rất sâu, nhất định họ sẽ cho ta mượn đường".

Sau khi Trin-ghit-khan chết, con ông là Ô-gô-đây (Oa Khoát Đài) nối tiếp ngôi đại hãn. Ô-gô-đây làm theo di chúc của Trin-ghit-khan, mượn đường nước Tống để bao vây kinh thành Khai Phong của Kim. Năm 1233, Kim Ai Tông chạy đến Thái Châu (nay là Nhữ Nam, Hà Nam). Quân Mông Cổ lại liên hợp với Tống bao vây Thái Châu. Kim Ai Tông cử sứ giả đến cầu hòa với Tống Lý Tông (con kế vị của Tống Ninh Tông, tên là Triệu Vân), và trình bày: "Nếu Kim bị diệt, thì tiếp theo sẽ đến lượt Tống. Quý quốc liên hợp với chúng tôi chống Mông Cổ, thì hai nước đều được lợi"

Tống Lý Tông không thèm để ý đến lời cầu hòa đó. Kim Ai Tông hết đường chạy, đành tự sát. Năm 1234, dưới sự giáp công của Mông và Tống, triều Kim diệt vong.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương

www.dtv-ebook.com

Giả Tự Đạo Làm Hại Nước

Sau khi Mông Cổ và Tống liên hợp với nhau diệt xong triều Kim, Nam Tống liền đem quân muốn thu hồi Khai Phong và vùng Hà Nam. Ô-gô-đây lấy cớ Nam Tống phá hoại hiệp nghị, liền mang quân tiến công. Từ đó về sau, giữa 2 bên liên tục xảy ra chiến tranh. Sau khi cháu Ô-gô-đây là Mông Ke lên nối ngôi đại hãn, liền cử em là Khu-bi-lai (Hốt Tất Liệt) và đại tướng U-ri-ang-kha-đai (Ngột Lương Hợp Thai) tiến quân xuống Vân Nam, khống chế vùng tây nam. Năm 1258, Mông Ke chia quân làm 3 đường tiến công Nam Tống. Bản thân Mông Ke dẫn quân chủ lực tiến đánh Hợp Châu (nay là Hợp Xuyên, Tứ Xuyên); Khu-bi-lai tiến đánh Ngạc Châu (nay là Vũ Xương, Hồ Bắc), U-ri-ang-kha-đai tiến đánh Đàm Châu (nay là Trường Sa, Hồ Nam), chuẩn bị sau khi hội quân, sẽ cùng tiến chiếm Lâm An. Khi cánh quân Mông Ke đánh Hợp Châu, tướng Tống là Vương Kim và quân dân toàn thành ra sức chống cự, giữ vững thành Điếu Ngư ở phía đông Hợp Châu. Quân Mông Cổ vây thành Điếu Ngư suốt 5 tháng mà không hạ được. Trong khi vây thành, Mông Ke lại bị máy bắn đá bắn trúng, bị trọng thương, về tới đại doanh thì chết. Khu-bi-lai đang tiến quân về Ngạc Châu, còn chưa vượt sông thì được tin Mông Ke chết. Có người khuyên ông ta nên nhanh chóng trở về miền bắc để tranh đoạt ngôi đại hãn. Khu-bi-lai nói: "Ta phụng mệnh đánh triều Tống, sao có thể trở về tay không?".

Khu-bi-lai quan sát tình hình ven sông, rồi phái mấy trăm người trong đội cảm tử làm đội tiền phong, vượt Trường Giang. Quân Tống không phòng bị, quả nhiên tan vỡ. Quân Mông Cổ liền ồ ạt vượt sông, vây chặt

Ngạc Châu. Tin cấp báo nối tiếp truyền về Lâm An, làm rung động triều Tống. Tống Lý Tông hạ lệnh cho các lộ quân tới cứu Ngạc Châu, lại hạ lệnh cho Giả Tự Đạo làm Hữu thừa tướng kiêm Khu mật sứ, đến Hán Dương đốc chiến. Giả Tự Đạo là 1 kẻ phóng túng bất học vô thuật, dựa vào thế lực người chị là sủng phi của Tống Lý Tông mà leo lên chức cao. Khi được phong quan, hăn không làm gì hết, chỉ thường xuyên cùng kĩ nữ uống rượu, ca hát trên Tây hồ. Một buổi tối, Tống Lý Tông lên lầu cao trong cung ngắm ra, thấy trên Tây hồ đèn đuốc sáng rực, liền nói với các thị thần: "Đây nhất định là thằng nhóc Giả Tự Đạo rồi!".

Các thị thần đều biết là Tống Lý Tông cưng chiều Giả Tự Đạo, liền nói hùn vào: "Chớ nghĩ là tuổi trẻ ham chơi, ông ta có tài năng lớn lắm đó".

Lần này Tống Lý Tông ra lệnh cho Đạo ra tiền tuyến đốc chiến, Đạo đành gượng đi. Một lần, Đạo nghe nói phía trước có 1 toán quân Mông Cổ, thì run cầm cập, cuống quýt nói: "Làm sao bây giờ? Làm sao bây giờ?". Sau, quân Mông Cổ cướp 1 số của cải rồi đi, Giả Tự Đạo mới hoàn hồn.

Khu-bi-lai đánh thành ngày càng dữ dội, Giả Tự Đạo thấy tình căng quá, liền giấu triều đình, lén phái 1 tên thân tín sang trại Mông Cổ xin hòa, tỏ ý nếu Mông Cổ lui quân thì triều Tống xin tình nguyện xưng thần và tiến cống vàng bạc, vải lụa. Khu-bi-lai đang thắng thế, chưa chịu nghe theo thì vừa nhận được thư mật của vợ từ miền bắc gửi xuống, cho biết 1 số quý tộc đang chuẩn bị cử em Khu-bi-lai là Aric-bu-ke (A lý Bất Kha) lên làm đại hãn. Khu-bi-lai vội trở về để tranh đoạt ngôi đại hãn, liền chấp nhận lời cầu xin của Giả Tự Đạo, 2 bên kí mật ước với nhau. Giả Tự Đạo chấp nhận cắt vùng đất Giang Bắc (bờ bắc Trường Giang) nhường cho Mông Cổ và mỗi năm tiến cống 20 vạn lạng bạc và 20 vạn tấm lụa. Thỏa thuận xong, Khu-bi-lai liền rút quân về bắc. Giả Tự Đạo trở về Lâm An, giấu biệt chuyện kí kết hòa ước, và đưa mấy tên tù binh Mông Cổ ra khoe khoang là quân Tống thắng lớn, không những là đã đuổi được Mông Cổ ra khỏi Ngạc Châu, mà

còn quét sạch toàn bộ quân Mông Cổ dọc Trường Giang. Tống Lý Tông rất tin vào sự khoác lát của Giả Tự Đạo, cho là Đạo đã lập công lớn, nên lập tức xuống chiếu khen ngợi Đạo đã phấn đấu quên mình, chỉ huy tài giỏi và gia phong quan tước cho hẳn.

Khu-bi-lai về tới miền bắc, được đại đa số quý tộc ủng hộ, liền lên ngôi đại hãn. Ông ta nhớ tới hòa ước đã kí với Giả Tự Đạo, liền phái sứ giả đến Nam Tống, yêu cầu thực hiện những điều đã kí. Sứ giả đến Chân Châu (nay là Nghi Trưng, Giang Tô), liền cử phó sứ mang thư đến cho Giả Tự Đạo. Giả Tự Đạo nghe nói sứ giả sắp tới Lâm An, sợ bại lộ việc lừa bịp, vội cử người tới Chân Châu, bắt giữ sứ giả lại. Khu-bi-lai được tin, nổi giận đùng đùng. Nhưng lúc đó, nội bộ Mông Cổ có xung đột, Aric-bu-ke đem quân chống lại Khu-bi-lai, giữa 2 anh em nổ ra chiến tranh. Khu-bi-lai đành tạm thời gác việc Nam Tống lại. Giả Tự Đạo dựa vào thủ đoạn lừa bịp, giữ được chức tể tướng trong mười mấy năm. Sau khi Lý Tông chết, thái tử Triệu Kỳ kế vị, tức là Tống Độ Tông. Tống Độ Tông phong Giả Tự Đạo làm thái sư, tước Ngụy quốc công, chiếm địa vị cao vót so với các đại thần khác. Để làm cao, Giả Tự Đạo ra vẻ cố ý xin cáo lão về nhà, 1 mặt lại cho tay chân rêu rao là quân Mông Cổ sắp đánh xuống. Tống Độ Tông vừa lên ngôi, sợ hãi, cố cầu khẩn hẳn ở lại. Vì vậy mà uy quyền Giả Tự Đạo ngày càng cao. Tống Độ Tông cho xây riêng cho hẳn 1 biệt thự hào hoa tráng lệ ở Tây hồ. Ngày ngày, Giả Tự Đạo vui chơi trong biệt thự. Mọi việc quốc gia đại sự, đều phải cử các quan chức đến tận nơi để xin ý kiến quyết định của hẳn.

Sau khi đánh bại Aric-bu-ke, ổn định được nội bộ; vào năm 1271, Khu-bi-lai liền xưng đế, đổi quốc hiệu là Nguyên. Đó là Nguyên Thế Tổ. Nguyên Thế Tổ lấy cớ Nam Tống không thực hiện hòa ước, liền phái các đại tướng Lưu Chính, A Truật tiến đánh Tương Dương. Quân Tống liên tiếp thất bại, thành Tương Dương bị vây suốt 5 năm liền. Giả Tự Đạo ra sức bưng bít tin tức chiến tranh ở tiền tuyến, không cho Tống Độ Tông biết. Có 1 viên quan dâng sớ cáo cấp lên Tống Độ Tông, sớ tấu rơi vào tay Giả

Tự Đạo, viên quan đó lập tức bị cách chức. Một hôm, Giả Tự Đạo vào triều, Độ Tông hỏi hần: "Nghe nói thành Tương Dương đã bị quân Mông Cổ vây suốt mấy năm nay. Làm thế nào bây giờ?".

Giả Tự Đạo làm ra vẻ kinh ngạc, nói: "Quân Mông Cổ đã bị ta đánh lui từ lâu rồi. Bệ hạ nghe từ đâu tin tức đó?".

Độ Tông nói: "Trẫm vừa nghe một cung nữ nói".

Tan triều, Giả Tự Đạo cho tra xét rõ người cung nữ đó, liền tạo 1 cơ mang giết. Từ đó, Độ Tông không còn được biết gì về tình hình tiến công của quân Mông Cổ nữa. Tương Dương bị vây lâu ngày, tình hình mỗi lúc một nguy cấp, nhưng Giả Tự Đạo cứ vui đùa chơi bời trong biệt thự. Một lần, một quan chức thân tín đến tìm ông ta, thấy Đạo đang bò xoài dưới đất chơi trò chọi đế với mấy thị nữ. Viên quan đó gõ gõ vào vai Giả Tự Đạo, hỏi: "Đây phải chăng cũng là quốc gia đại sự?". Giả Tự Đạo đang mãi vui, cũng chẳng để ý gì đến điều đó.

Cuối cùng, Tương Dương bị quân Nguyên phá vỡ. Triều đình Nam Tống rung chuyển. Đến lúc này, Giả Tự Đạo không còn bưng bít được nữa, liền trút trách nhiệm đó cho viên tướng giữ Tương Dương, cách chức viên tướng đó cho qua chuyện. Nguyên Thế Tổ thấy rõ Nam Tống thối nát như thế, liền quyết định đánh thẳng 1 mạch để tiêu diệt Nam Tống. Ông cử Tả thừa tướng Bá Nhan dẫn 20 vạn quân chia làm 2 đường tiến quân, 1 đường từ phía tây đánh Ngạc Châu, 1 đường từ phía đông đánh Dương Châu. Lúc đó, Tống Độ Tông ốm chết, Giả Tự Đạo lập 1 chú bé 4 tuổi là Triệu Hiến lên làm hoàng đế. Bá Nhan hạ thành Ngạc Châu, tiến đánh Lâm An. Giả Tự Đạo 1 mặt phái 7 vạn quân ra giữ Vu Hồ, 1 mặt cử người sang trại Nguyên xin hòa. Bá Nhan cự tuyệt và ra lệnh cho quân Nguyên tiến công trên toàn tuyến. Quân Tống tan vỡ khắp nơi. Giả Tự Đạo chạy về Dương Châu. Đến lúc này thì tình hình diệt vong của Nam Tống không còn cách gì cứu vãn được nữa.

LỊCH SỬ TRUNG QUỐC 5000 NĂM

TẬP 3

Lâm Hán Đạt & Tào Dư Chương
www.dtv-ebook.com

Văn Thiên Tường Khởi Binh

Quân Nguyên thừa thắng tiến xuống miền nam, tới sát Lâm An. Hoàng đế Triệu Hiến mới 4 tuổi, chỉ ngồi làm bù nhìn. Tổ mẫu của hoàng đế là Tạ thái hậu bàn bạc với các đại thần, gấp rút hạ chiếu gọi quân các địa phương về cứu triều đình. Chiếu thư đã gửi đi, nhưng không mấy người hưởng ứng, chỉ có quan cai trị Cống Châu là Văn Thiên Tường và tướng giữ Ảnh Châu (nay là Chung Tường, Hồ Bắc) là Trương Thế Kiệt lập tức khởi binh. Văn Thiên Tường là anh hùng dân tộc nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Ông là người ở Lư Lăng, Cát Châu (nay là Cát An, Giang Tây), từ nhỏ đã ham đọc truyện ký về các trung thần liệt sĩ trong lịch sử, quyết tâm học tập noi gương họ. Năm 20 tuổi, ông tới Lâm An tham gia khoa thi tiến sĩ. Trong quyển thi, ông hùng hồn nêu rõ chủ trương cứu nước của mình, được các quan chấm thi tán thưởng, lấy đỗ trạng nguyên.

Sau khi được làm quan trong triều, ông phát hiện Giả Tự Đạo và 1 số hoạn quan chỉ là lũ gian thần hại dân, hại nước. Một lần, khi quân Mông Cổ tiến đánh, hoạn quan Đồng Tống Thần khuyên vua Tống bỏ Lâm An rút chạy. Văn Thiên Tường liền dâng sớ, xin chém ngay Đồng Tống Thần để yên lòng dân. Vì việc đó, ông bị cách chức. Sau, ông lại được điều về kinh giữ việc khởi thảo chiếu thư, nhưng vì Giả Tự Đạo, bị buộc phải về hưu vào năm 37 tuổi. Mãi tới khi triều Tống đứng trước nguy cơ diệt vong, ông mới được gọi ra làm quan cai trị Cống Châu. Nhận được chiếu thư của triều đình, Văn Thiên Tường lập tức chiêu mộ 3 vạn người ngựa, chuẩn bị tiến về Lâm An. Có người khuyên ông: "Nay quân Nguyên ào ạt đánh vào, ngài lại mang số ít người ngựa mới chiêu mộ được ra chống lại, có khác gì xua

đàn dê ra đánh nhau với mãnh hổ, rõ ràng là sẽ thất bại. Sao lại gánh lấy cái vạ đó?".

Văn Thiên Tường thản nhiên đáp lại: "Điều đó sao tôi lại chẳng biết. Nhưng nhà nước nuôi quân trong bao nhiêu năm nay, nay Lâm An nguy cấp mà không có một người lính nào mang sức ra giúp nước thì thật là đau lòng! Ta biết rõ lực lượng của mình có hạn, nhưng tình nguyện hiến thân vì nước. Chỉ mong người trung nghĩa trong thiên hạ thấy được như thế mà cùng dậy lên, người đông thế mạnh, thì mới có hy vọng cứu nước được".

Văn Thiên Tường gạt bỏ mọi trở ngại, dẫn quân tới Lâm An. Hữu thừa tướng Trần Nghi Trung phái ông tới Bình Giang (nay là Tô Châu, Giang Tô) phòng thủ. Lúc đó, thống soái Bá Nhan của triều Nguyên đã dẫn quân vượt Trường Giang, chia quân làm 3 cánh tiến công Lâm An. Một cánh trong đó xuất phát từ Kiến Khang, vượt qua Bình Giang, nhằm thẳng Độc Tùng Quan (nay là Dư Hàng, Triết Giang). Trần Nghi Trung lại ra lệnh cho Văn Thiên Tường lui giữ Độc Tùng Quan. Văn Thiên Tường rời khỏi Bình Giang thì Độc Tùng Quan đã bị quân Nguyên đánh chiếm, muốn quay trở lại Bình Giang, thì Bình Giang cũng đã mất rồi. Văn Thiên Tường rút về Lâm An, bàn bạc với Trương Thế Kiệt từ Ảnh Châu tới, rồi kiến nghị với triều đình xin cho tập trung toàn bộ lực lượng quyết tử chiến với quân Nguyên. Nhưng Trần Nghi Trung nhát gan, nhất định không đồng ý kế hoạch đó. Bá Nhan đem quân tới Cao Đình Sơn, cách Lâm An chỉ có 30 dặm. Một số đại thần hèn nhát, bao gồm cả Tả thừa tướng Lưu Mộng Vân liền bỏ trốn. Tả thái hậu và Trần Nghi Trung vô cùng hoảng hốt, vội phái 1 viên quan mang quốc ấn và biểu đầu hàng tới trại quân Nguyên. Bá Nhan yêu cầu thừa tướng Nam Tống phải tự đến bàn. Trần Nghi Trung sợ bị giữ lại, không dám tới trại quân Nguyên, nên vội chạy xuống miền nam. Trương Thế Kiệt không chịu đầu hàng, nổi giận dẫn quân lên thuyền đi ra biển. Tả thái hậu không biết làm thế nào, đành phong Văn Thiên Tường giữ chức Hữu thừa tướng thay cho Trần Nghi Trung, và yêu cầu ông tới trại quân Nguyên đàm phán việc đầu hàng. Văn Thiên Tường đồng ý tới trại

quân Nguyên nhưng có tính toán riêng. Ông dẫn phái đoàn gồm các đại thần Ngô Kiên, Giả Dư Khánh tới trại Nguyên. Khi gặp Bá Nhan, Văn Thiên Tường không hề đề cập tới việc cầu hòa, mà nghiêm chỉnh chất vấn: "Rút cuộc, các ông muốn hòa hảo hay cố ý tiêu diệt Tống?".

Bá Nhan nói: "Ý của hoàng thượng chúng tôi rất rõ ràng, không hề muốn tiêu diệt triều Tống!".

Văn Thiên Tường nói: "Nếu như vậy thì xin các ông rút quân đội về Bình Giang hoặc Gia Hưng. Nếu các ông nhất định muốn tiêu diệt chúng tôi, thì quân dân miền nam sẽ chiến đấu đến cùng, các ông vị tất sẽ được lợi gì đâu".

Bá Nhan sầm mặt, đe dọa: "Nếu các người không ngoan ngoãn đầu hàng, chúng ta sẽ không tha!".

Văn Thiên Tường hiên ngang nói: "Ta đường đường là tể tướng triều Tống. Nay nước nhà nguy hiểm, ta đã chuẩn bị lấy cái chết để báo đáp quốc gia; dù có rùng đao biển lửa, ta đâu có sợ!".

Giọng nói vang rền, lời lẽ nghiêm trang của Văn Thiên Tường trước Bá Nhan khiến các quân Nguyên đứng xung quanh sửng sốt, kính phục. Sau cuộc gặp, Bá Nhan cho các sứ thần khác về tâu với Tả thái hậu, nhưng giữ Văn Thiên Tường lại. Biết Bá Nhan có ý xấu, Văn Thiên Tường kháng nghị. Bá Nhan làm ra vẻ không có chuyện gì, nói: "Ngài đừng nóng, việc lớn giữa hai nước cần có ngài ở lại để tiếp tục thương lượng".

Ngô Kiên, Giả Dư Khánh về Lâm An, tâu lại với Tả thái hậu về việc Văn Thiên Tường cự tuyệt đầu hàng. Tả thái hậu quyết đầu hàng, nên thay Giả Dư Khánh làm hữu thừa tướng, phái tới trại Nguyên xin hàng. Văn Thiên Tường nổi giận chửi mắng Giả Dư Khánh thậm tệ, nhưng việc đầu hàng không thể thay đổi được nữa. Năm 1276, Bá Nhan đưa quân vào chiếm Lâm An, Tả thái hậu và Triệu Hiến ra khỏi cung xin hàng. Quân

Nguyên áp giải Triệu Hiến về Đại Đô (nay là Bắc Kinh). Văn Thiên Tường cũng bị giải về Đại Đô. Trên đường, ông luôn tìm cách trốn thoát khỏi tay địch. Khi qua Trấn Giang, ông bàn với mấy người tùy tùng, nhân lúc quân Nguyên không chú ý, trốn khỏi trại Nguyên, lên 1 chiếc thuyền nhỏ đi tới Chân Châu. Tướng giữ Chân Châu là Miêu Tái Thành thấy Văn thừa tướng tới thì rất phấn khởi, vội mở cửa thành đón vào. Miêu Tái Thành được Văn Thiên Tường cho biết Lâm An đã thất thủ, liền tỏ ý tình nguyện theo Văn Thiên Tường, cùng thu thập binh lực vùng đông tây Hoài Hà để chống lại quân Nguyên. Văn Thiên Tường vừa kịp mừng thì tướng chỉ huy giữ Dương Châu, kiêm chủ soái quân Tống là Lý Đình Chi vì tin theo lời gièm, cho là Văn Thiên Tường đã đầu hàng, được quân Nguyên phái tới Chân Châu làm nội ứng, nên hạ lệnh cho Miêu Tái Thành bắt ông giết đi. Miêu Tái Thành không tin rằng Văn Thiên Tường có thể là kẻ phản bội, nhưng không dám làm trái lệnh của Lý Đình Chi, đành cho ông xem lệnh của Lý Đình Chi rồi bảo ông mau trốn đi. Văn Thiên Tường toan đến Dương Châu trình bày, nhưng tới ngoài thành, thấy yết thị treo thưởng cho người bắt được mình thì không dám vào thành nữa.

Ông phải thay đổi tên họ, cùng 12 người tùy tùng cải trang đi theo đường nhỏ, ra phía biển, tìm thuyền đưa về miền nam. Dọc đường, ông bắt gặp 1 toán quân Nguyên, nhưng nhờ tránh được vào bờ thành đất, không bị phát hiện. Trải qua nhiều ngày đêm lặn lội khổ cực, được sự giúp đỡ của nông dân địa phương, Văn Thiên Tường tới được Ôn Châu. Tới đây, ông nghe tin Trương Thế Kiệt và Trần Nghi Trung đã lập hoàng đế mới ở Phúc Châu, liền quyết định tìm tới Phúc Châu.

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Nhan Chân Khanh Kiên Cường Bất Khuất](#)

[Hồn Châm Và Lý Thạnh](#)

[Người Đánh Cờ Giỏi Trong Đông Cung](#)

[Lưu Vũ Tích Thăm Huyền Đô Quán](#)

[Bạch Cư Di Tới Trường An](#)

[Lý Sóc Hạ Thái Châu Trong Đêm Tuyết Xuống](#)

[Hàn Dĩ Phản Đối Việc Rước Xương Phật](#)

[Sự Kiện Cam Lộ](#)

[Vụ Tranh Chấp Bè Phái](#)

[Xung Thiên Đại Tướng Quân Hoàng Sào](#)

[Ngày Tàn Của Triều Đường](#)

["Hải Long Vương" Tiền Lưu](#)

[Con Hát Làm Quan](#)

["Hoàng Đế Con" Thạch Kính Đường](#)

[Chu Thế Tông Gạt Bỏ Phùng Đạo](#)

[Người Được Khoác Hoàng Bào](#)

[Chén Rượu Trước Binh Quyền](#)

[Lý Hậu Chủ Mất Nước](#)

[Triệu Phổ Nhận Lễ Vật](#)

[Dương Vô Địch](#)

[Vương Tiểu Ba Khởi Nghĩa](#)

[Khẩu Chuẩn Chống Liêu](#)

[Nguyên Hạo Xây Dựng Tây Hạ](#)

[Địch Thanh Không Sợ Xuất Thân Hèn Kém](#)

[Phạm Trọng Yên Cải Cách Chính Trị](#)

[Âu Dương Tu Cải Cách Văn Phong](#)

[Bao Chứng Mặt Sắt Vô Tư](#)

[Vương An Thạch Biến Pháp](#)

Thăm Quát Nghiên Cứu Khoa Học
Tư Mã Quang Viết "Thông Giám"
Tô Đông Pha Chơi Xích Bích
Mạng Lưới Vận Chuyển Đá, Hoa
Phương Lạp Khởi Nghĩa
A Cốt Đả Trong Bữa Tiệc Cá Đầu Năm
Lý Cương Giữ Đông Kinh
Hoạt Động Thịnh Nguỵện Của Thái Học Sinh
Hai Hoàng Đế Làm Tù Binh
Tông Trạch Ba Lần Hô "Vượt Sông"
Nữ Từ Nhân Lý Thanh Chiêu
Hàn Thế Trung Đánh Chặn Quân Kim
Nhạc Gia Quân Đại Phá Ngột Truật
Tên Giặc Bán Nước Tần Cối
Nhạc Phi Bị Vu Cáo, Hãm Hại
Chung Tương, Dương Yêu Khởi Nghĩa
Thư Sinh Ngu Doãn Văn Đánh Lui Địch
Tân Khí Tật Bắt Sống Kẻ Phản Bội
Bài Thơ Lúc Lâm Chung Của Lục Du
Thành Cát Tư Hãn Thống Nhất Mông Cổ
Giả Tự Đạo Làm Hại Nước
Văn Thiên Tường Khởi Binh